

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

NGHỀ LÀM BÁO

Ông chủ một nhà báo lớn nọ ở Paris một hôm cùng anh em vào buồng giấy, chỉ vào cái ghế bành ngồi làm việc, nói đùa một câu rằng : « Cái ghế này bằng ba ngai rồng đây. »

Câu nói đùa ấy không rõ thực hư thế nào, nhưng truyền tụng đi, đã thành như một câu cách-ngôn để tiêu-biểu cái thế-lực rất mạnh của nhà báo ở đời này, dầu oai-quyền của vua chúa cũng không bằng.

Thế-lực ấy, thiên-hạ đều hiển-nhiên công-nhận đến nỗi ở các nước văn-minh đã cho quyền ngôn-luận của nhà báo là cái « quyền thứ tư » trong một nước, dưới ba quyền Lập-pháp, Hành-chính và Tư-pháp, mà lại giám-đốc được cả ba quyền kia.

Bởi sao mà nhà báo có cái thế-lực đặc-biệt như thế ? Rời đời nay là đời trọng dư-luận, mà nhà báo là cơ-quan của dư-luận. Cỗ-nhân ta đã dạy rằng

phàm dân muốn là Trời muốn, lòng dân là lòng Trời, muốn được thiên-hạ phải thuận ý dân, tức là thuận ý Trời. Mà ở Tây-phương cũng có câu cổ-ngạn rằng : « Dân-thanh tức là thiên-ý » Lòng dân, ý dân, ấy là dư-luận đó. Ngày nay, chủ-nghĩa dân-chủ tuy không có cái khí-vị thần-bí như thế, nhưng có cái sức mạnh tràn khắp cả thế-giới, không dầu là không có. Cho nên địa-vị, thế-lực của nhà báo cũng nhân đó mà tăng-tiến lên vô-cùng, khiến cho có nhà làm sách đã tặng cho báo-gia cái huy-hiệu là « Hoàng-đế bé-hạ » (*Sa Majesté la Presse* (1)).

Ngay như ở nước ta, báo-giới mới phôi-thai, ngôn-luận còn bó-buộc, người làm báo có lẽ chưa sành nghề, kẻ đọc báo có khi chưa biết đọc, thế mà nhà báo cũng đã thấy hơi có thế-lực trong xã-hội. Gặp có chuyện gì, thiên-hạ cũng hăm-hờ muốn biết «nhật-trình họ nói thế nào». Chính những người ngoài mặt làm ra coi thường các nhà báo, kỳ-thực cũng có cảm-giác với các

(1) Đó là tên một quyển sách của ông STÉPHANE LAUZANNE xuất-bản đầu năm nay ở hiệu Arthème Fayard, Paris. Muốn biết về nghề báo ở nước Pháp ngày nay nên đọc sách ấy cùng với hai quyển sau này nữa : *Le Journalisme en vingt leçons*, par ROBERT DE JOUVENEL, Payot 1920 ; và *Le monde des journaux. Tableau de la Presse française contemporaine*, par ANDRÉ BILLY et JEAN PIOT, Édition G. Crém 1924

báo nhiều lắm, được lời khen cũng lấy làm thích-chi mà muốn được khen mãi, phải tiếng chê cũng lấy làm rầu lòng mà cảm-giận tức-tối. Có lẽ sự cảm-giác ấy ở ta lại còn nhạy hơn ở nơi khác, vì là một sự mới lạ, ta chưa quen, lại cũng vì cái tính tự-đi của ta mạnh. Từ nay dân-trí mỗi ngày mở mang, ngôn-luận mỗi ngày rộng-rãi, thế-lực nhà báo tất cũng mỗi ngày một tăng hơn lên. Thế-lực ấy nếu biết khéo dùng ra thì ích-lợi cho quốc-gia xã-hội không biết bao nhiêu mà kể. Nếu dùng bậy thì cái hại cũng vô-cùng. Nhưng điều này là thuộc về lương-tâm nhà làm báo, trong tay cầm một cái thế-lực to, nhưng trên vai cũng gánh một cái trách-nhiệm nặng, phải làm thế nào cho không uổng cái thế-lực kia mà không bỏ cái trách-nhiệm này, phàm người đã đáng cầm ngọn bút để làm cái khi-giờ trong trường ngôn-luận, ai cũng phải có cái lương-tâm đó, nếu không có thì là nhà báo giả, chứ không phải nhà báo thực.

Nhưng trong nghề báo, có cái lương-tâm không cũng chưa đủ. Đã gọi là một « nghề », thì phải có phép-tắc, không thì cũng phải có lễ-lối - có thao mớ mong thành một tay lành nghề được. Lương-tâm là một mồi u-ẩn, một mình mình biết, một mình mình hay; nghệ-thuật là của chung thiên-ba, kẻ theo nghề phải biết đã đành, người bàng-quan cũng nên biết cho hiểu các cơ-quan dư-luận hành-động ra làm sao.

Vậy ta nên xét xem nghề báo ở các nước Âu-Mỹ, và thứ nhất ở nước Pháp thế nào.

Ở các nước văn-minh ngày nay, dân-dân quyền ngôn-luận cũng được tự-do cả, chỉ trừ những khi có cơ-hội gì đặc-biệt, như nội-loạn, như chiến-tranh,

quyền tự do ấy mới phải tạm-thời hạn-chế mà thôi.

Ở nước Pháp thời cải-hiến-pháp của nghề báo là luật ngày 29 tháng 7 năm 1881. Theo luật ấy thì nghề xuất-bản và bán sách được hoàn-toàn tự-do; ai muốn xuất-bản một tờ nhật-báo hay một tập tạp-chí, không cần phải xin phép trước, không cần phải ký-quỹ tiền, chỉ phải trình quan tòa biết tên báo là gì, xuất-bản thế nào, tên và chỗ ở người quản-ly, in ở nhà in nào. Người quản-ly phải là thuộc dân-tịch Pháp, đến tuổi thành-niên, đủ quyền công-dân, không bị can-án. Đối với Miên-nước, chỉ có thể mà thôi. Đối với tư-nhân thời nhà báo phải theo pháp-luật thường cũng như một người công-dân tự-do vậy; khi nào nói phạm đến một người nào thì người ấy có quyền trả lời, nhà báo phải đăng bài trả lời ấy vào giữa chỗ đã đăng bài nói phạm, và in cùng một thứ chữ; bài trả lời có thể dài bằng gấp hai bài nói phạm, nhà báo đăng không được lấy tiền. Nếu phạm quá đến mất danh-dự của người ta, thì có thể đem ra tố-cáo ở tòa xử tội hủy-báng theo như luật thường. — Luật ngày 29 tháng 7 năm 1881 này, tuy là thi-hành ở cả các thuộc-địa, nhưng không thi-hành đối với người dân bản-xứ ở Đông-Pháp.

Nghề báo ở nước ta mới gây-dựng lên được ít năm nay, khuyết-diểm còn nhiều, chưa có điều gì là khả-quan, hằng tạm không bán đến. Nay chỉ nói về nghề báo ở nước Pháp, là một nước quyền ngôn-luận rất được rộng và nghề làm báo cũng rất thịnh.

Hiện ở kinh-dô Paris, những nhật-báo có giá-trị được đến trên dưới năm chục cái, kể tên sau này: *l'Action*, *l'Action française*, *l'Aurore*, *l'Autorité*, *la Bataille Syndicaliste*, *la Croix*, *la*

Démocratie, le XIXe siècle, l'Écho de Paris, l'Éclair, l'Événement, Excelsior, le Figaro, la France, le Gaulois, la Gazette de France, Gil Blas, l'Homme libre, l'Humanité, l'Intransigeant, le Journal, le Journal des Débats, la Lanterne, la Libre Parole, le Matin, le National, Paris-Journal, Paris-midi, la Patrie, la Petite République, le Petit Journal, le Petit Parisien, la Presse, le Radical, le Rappel, la République française, le Siècle, le Soir, le Soleil, le Temps, l'Univers et le Monde.

— Đó là những báo có từ trước khi chiến-tranh, trụ-trung cũng có vài ba cái đã đình xuất-bản. Tự khi chiến-tranh đến giờ lại thêm được mấy cái báo mới nữa, như: *l'Oeuvre, la Démocratie nouvelle, la Victoire, le Populaire, l'Internationale, le Quotidien, Bonsoir, Paris soir.* — Đây là chỉ kể các nhật-báo mà thôi không kể các tuần-báo, nhiều cái cũng có giá-trị và có thể lực lắm như *l'Opinion, le Progrès civique*; không kể các báo chuyên-môn như: *Comœdia* (chuyên về diễn-kịch), *Auteuil-Longchamp* (về thi ngựa), *l'Auto* (về nghề ô-tô), *le Bulletin des Halles* (về giá hàng các chợ), *la Cote de la Bourse et de la Banque* về giá hối-đoái các ngân-phiếu giá-phiếu), *l'Écho des sports* (về thể-thao) *la France militaire* (về quân-sự), *le Jockey* (về nghề nuôi ngựa thi), *Paris sport* (về thể-thao), *le Petit Bleu* (về tài-chính), v. v.; — lại không kể các tạp-chí thuộc về một loại riêng, có cái tinh-cách tưng-thư, hơn là tinh-cách nhật-báo.

Bấy nhiêu thứ báo có thể chia ra làm hai loại: một là các báo nghị-luận (*journaux d'opinion*), hai là các báo tin-tức (*journaux d'information*). Báo nghị-luận là những báo có chủ-trương một cái chủ-nghĩa, thuộc về một chính-dảng nào trong nước, dùng làm cái cơ-quan để cạnh-tranh, để chiến-đấu, để truyền-bá, để cổ-động; như báo *Action française* của đảng Bảo-hoàng.

báo *Humanité* của đảng Cộng-sản, báo *Le Populaire* của đảng Xã-hội, báo *Le Quotidien* của đảng Cấp-tiến, báo *Le Temps* của các đảng ôn-hòa, báo *La Croix* của đảng Gia-tô. Báo tin-tức là những báo không có chủ-nghĩa, không có chính-kiến gì nhất-định, chỉ vụ sưu-tập lấy nhiều tin-tức ở các nơi mà báo-cáo cho mau và cho tương. Phàm các báo lớn ở nước Pháp hầu giờ đều là thuộc về loại này cả; có ba cái lớn nhất, xuất-bản mỗi ngày hàng trăm vạn tờ, là báo *Le Journal, Le Matin* và *Le Petit Parisien*, nghị-luận ít, tin-tức nhiều, lại có tranh có ảnh, phổ-thông trong khắp các hạng người trong nước.

Hồi xưa các báo có giá-trị bên Pháp phần nhiều là những báo nghị-luận cả, nay dần-dần đổi tinh-cách thành ra những báo thuần tin-tức, đó cũng là một sự biến to trong báo-giới nước Pháp. Báo ngày xưa nghị-luận nhiều, nên nhà báo thường là những tay danh-sĩ một thời, học-vấn rộng, tu-trưởng cao, lai hoải-bảo cái chí lớn muốn chữa đời sửa tục, làm ông thầy dạy, kẻ đưa đường cho quốc-dân. Báo ngày nay tin-tức nhiều, nên nhà báo chẳng qua là kẻ đi nhặt tin, nhặt được nhiều, thuật được khéo, kích-thích được cái lòng hiếu-ký của công-chúng, thế là giỏi, là thạo, bất-tất phải tài cao học rộng gì cho lắm. Sự biến đó, có kẻ cho là sự không hay, nhưng chẳng qua cũng là theo cái xu-hướng của thời-thế vậy. Đời là đời dân-quyền bình - đẳng, tất trọng sự thông-thường phổ-cập hơn là điều nghĩa-lý cao - xa, nhà báo phải cung-cấp cái đồ ăn tinh-thần cho một số người càng ngày càng nhiều, tất phải lựa những món cho vừa miệng công-chúng, không thể dọn toàn những đồ cao-lương mỹ-vị cả được. Đồ ăn lọc lõi chỉ để riêng cho một số ít người sành miệng mà thôi. Cho nên hầu như báo phổ-thông toàn là báo tin-tức cả.

Nay làm nên một tờ báo thời cái công-trình phải thế nào?

Trước hết hãy nói về các nhân-vật trong báo-quán, và phận sự chức-trách của mỗi người thế nào.

Đầu mỗi báo-quán có một người chủ-nhiệm (*directeur*). Người chủ-nhiệm không tất-nhiên phải là một nhà báo. Trong các báo lớn ở Paris đã kê tên trên kia, duy có hai báo *L'Intransigeant* và *L'Œuvre* là có hai ông chủ-nhiệm LÉON BAILBY và GUSTAVE Téry chính là tay làm báo, thường viết bài trong báo mình. Còn các chủ-nhiệm khác là những tay doanh-nghiệp, chủ trương báo mình như chủ-trương một công-ti buôn, không hề cầm bút viết bài bao giờ, cho nên công-chúng nhiều khi không biết đến tên nữa. Việc của người chủ-nhiệm cốt là việc giao-thiệp: giao-thiệp với Chính-phủ, với Nghị-viện, với các nhân-vật cùng đoàn-thể trọng-yếu trong xã-hội; nếu báo mình có giá-trị, có thế-lực, thời đi đến đâu cũng được người vi-nê, quan phải chiều, dân phải sợ, không xuất-đầu lộ-diện mà tác-phức tác-oai, gieo tai gieo vạ cho người ta được, có khi quân-co quốc-sự cũng vì mình mà thành hay bại, và thế-lực bành-trướng ra cả ngoài bờ-cõi, ảnh-hưởng đến cả việc ngoại-giao quốc-tế vậy. Thật làm chủ một tờ báo có khi hơn làm vua một nước.

Trong một báo-quán thường chia ra hai bộ-phận ở dưới quyền chủ-nhiệm: bộ quản-lý (*administration*) và bộ biên-tập (*rédaaction*).

Bộ quản-lý có một viên quản-lý (*administrateur*) đứng đầu, coi về việc chi-thu trong báo-quán, việc quảng-cáo, việc ấn-loát, việc phát-hành. Người quản-lý phải là người sành về việc lý-tài, việc buôn-bán, không cần phải là một tay làm báo.

Bộ biên-tập mới thật là những tay nhà nghề. Đầu bộ biên-tập thời có

người chủ-bút (*rédauteur en chef*). Ở các báo nghị-luận, chủ-bút thường là một nhà báo đã nổi danh, đứng chủ-trương việc biên-tập, mà tự mình viết bài xã-thuyết. Ở các báo tin-tức thì không có chủ-bút, mà có những người gọi là « chủ tin-tức » (*chefs des informations*), sưu-tập các tin-tức, chia việc cho người làm. Người làm đây là những biên-tập-viên (*rédauteurs*). Hiện nay báo tin-tức càng ngày càng thịnh, biên-tập-viên là những tay « phỏng-viên » (*reporters*), nghĩa là những người đi sưu-tầm tin-tức để về thuật trong báo. Phỏng-viên là chân chạy, không phải chân ngồi. Đầu có xảy ra sự gì, phải lập-tức đi đến tận nơi, mục-kích cho thật tường-tận, tra hỏi cho rõ đầu-duôi, rồi về thuật lại trong báo y như việc đã xảy ra, thế nào cho có tình-tiết, có ngành-ngọn, được hiên-nhiên, được rõ-ràng. Có báo lớn không những phái phỏng-viên đi các nơi trong nước, mà lại phái phỏng-viên đi điều-tra ngoại-quốc nữa. Những tay được phái đi như thế là những tay đã thạo lắm, gọi là « đại-phỏng-viên » (*grands reporters*), đến nước nào biết len-lỏi khắp các giới, để dò cho được hết cái chân-tình xã-hội hay cái nội-dụng chính-trị nước ấy. Như báo *Journal* hiện nay đương phái ông HENRI BÉRAUD là một nhà văn có tiếng đi điều-tra bên nước Nga, ngày ngày gửi bài về báo, kỹ-thuật những sự kiện-văn ở nước Nga, bình-phâm về hiện-tình nước ấy và khám-phá được nhiều điều u-ẩn về chủ-nghĩa và chế-độ cộng-sản, những bài ấy in ra có ảnh-hưởng to lắm. Nhưng chỉ có những nhà báo thật lớn mới có được những đặc-phái-phỏng-viên đi ngoại-quốc như thế, vì phí-tiền nhiều lắm. — Phận-sự các phỏng-viên như trên kia đã nói là phải đi phỏng-thăm các việc hằng ngày để thuật vào trong báo, phải là những người lanh-lợi, hoạt-bát, mau trí khôn và mau ngồi bút, văn-chương không

cần gì phải cao-kỳ, cốt là dĩnh-ngộ, lưu-loát, gọi được cái hứng-thú, động được lòng hiếu-kỷ của công-chúng. Lối văn cao đàm hùng-luận không phải là lối văn nhật-báo. Chỉ cần kỹ-sự cho khéo, có duyên và có màu, hoặc phê-bình thời một cách nhẹ-nhàng thanh-thoát, thế là lối văn đặc thể nhất trong các báo lớn ở Paris bây giờ. Đây là nói các báo tin-tức, là phần nhiều nhất và phổ-thông nhất; đến các báo nghị-luận hay là các báo « chiến-dấu » (*journaux de combat*) của các chính-đảng, thời cũng nhiều bài kịch-liệt, song lối ấy là lối văn công kích, là văn báo biến-thể, chứ không phải văn báo chính-thức. — Phỏng-viên phải đi « kiểm chuyện », lại có khi phải đi « tiếp chuyện » nữa, nghĩa là đến hỏi ý-kiến một bậc tài mắt trong chính-giới, học-giới, văn-giới, thương-giới, mỹ-thuật-giới, công-nghệ-giới, thuộc về một vấn-đề gì, hay là chỉ đề-giới-thiệu một nhân-vật trọng-yếu cho độc-giả biết. Thế gọi là « phỏng-vấn » hay là « hội-dàm » (*interview*). Lối này ở Anh Mĩ thịnh hành hơn cả. Nhân có một bậc sang-trọng nào ở nơi khác mới đến, hoặc là ông quan to, hoặc là khách du-lịch, hoặc là tay đánh võ giỏi hay hoặc là người con hát tài, nhà báo liền phải phỏng-viên đến khách-sạn hay chỗ trọ để xin hội-dàm, rồi ngay ngày hôm ấy trong báo có bài thuật lời nói chuyện và tả hình-dung thái-độ người ấy, có khi lại in cả ảnh nữa. Khi nào xảy ra việc gì quan-trọng cũng vậy: như có cái án to thời nhà báo phải người đến phỏng-vấn ông quan tòa xét về việc ấy, ông trạng-sư cãi cho việc ấy, v. v.. Phỏng-viên đi hội-dàm phải là tay thạo lắm mới được: phải có con mắt tinh để nhận lấy hết cái phong-thái người mình tiếp chuyện, thu lấy hết cái cảnh-sắc nơi mình nói chuyện; phải có cái trí khôn biết lựa câu hỏi cho thích-hợp, khiến cho người ta vui câu chuyện mà có khi thò-ló

được cho mình những điều mình muốn biết; phải có cái trí nhớ không những in được hết những lời nói chuyện, mà lại thu được hết những cái màu, cái vẻ, cái giọng, cái điệu, cái thanh-âm thần thái lúc nói chuyện; sau nữa phải có cái tài văn đề thuật được bấy nhiêu thứ lên trên tờ báo cho hiển-nhiên như thực, nhưng cốt nhất là phải có cái « duyên » riêng, khiến cho đến tiếp chuyện ai người ta có cái hứng-thú muốn ngồi nói chuyện với mình, nếu không thì hỏng cả. — Phỏng-viên thường-thường là những tay viết được báo cả. Nhưng cũng có khi phỏng-viên chỉ là người đi nhật-tin-tức, kiếm tài-liệu về cho người biên-tập ở báo-quán đặt thành bài.

Ngoài các biên-tập-viên và phỏng-viên là những người thường-trực ở báo-quán, lại còn những nhà văn ở ngoài chuyên về các mục, như mục « thời-bình » (*chronique*), mục « văn-học phê-bình » (*critique littéraire*), mục « diễn-kịch phê-bình » (*critique dramatique*), v. v., tùy mỗi báo một khác.

Trong các báo ở nước Pháp xưa nay, mục « thời-bình » vẫn có đặc-sắc hơn cả. Nay có ý kém xưa một chút, nhưng hiện vẫn có mấy tay thật giỏi, như hai ông CLÉMENT VAUTEL và GEORGES PE LA FOUCHARDIÈRE. Lối thời-bình là một bài văn ngắn-ngắn, chừng bốn năm mươi dòng, bình-phẩm về việc thời-sự. Có người đã giải « lối này là một lối gồm trong khoảng độ bốn mươi dòng báo được 50% (năm mươi phần trăm) lễ phải giữa đời, 10% lời hàn ngộ-nghĩnh, 10% cảm giận, 10% vui cười. » (*La chronique... un genre qui consiste à faire tenir en quaranté lignes 50% de gros bon sens, 30% de paradoxe, 10% de mécontentement et 10% de jovialité.* — *Le monde des journaux*, page 79). Những bài đoán-thiên-thời-bình của hai ông VAUTEL và DE LA FOUCHARDIÈRE.

trong báo *Journal* và báo *Matin*, thiên-hạ ham đọc và lấy làm lý-thú lắm. « Hàng ngày mười vạn người Pháp đọc văn hai nhà ấy, coi như một khoa nhật-dụng luân-lý, hay như một món đồ ăn tinh-thần, nhiều người để ngoài món ấy không còn biết món nào khác nữa; và không cứ hạng người nào, ai ai cũng thường-thường có đọc qua đến cả, khắp dân-gian đều biết tiếng hai ông. Hai ông thật là tiêu-biểu cho cái tinh-thần của quốc-dân Pháp. Văn hai ông như cái gương sáng phản-chiếu cái khoe tinh đời, cái tinh đĩnh-ngộ của người Pháp. Ai muốn biết cái tinh-tinh của bậc trung-đẳng-xã-hội nước Pháp về thế-kỷ này, cứ đọc văn của hai nhà ấy là đủ biết... »

Nói tóm lại thời tờ báo vì như món ăn, bài thời-bình là đồ tráng miệng hay là món ăn ngoài; là món mời ngọt hay là món dưa chua, là đồ ăn thêm không cần đến, ấy thế mà những báo rất nghiêm-trang, rất trịnh-trọng, thuần nghĩa-lý, thuần chính-trị, cũng vẫn phải dành một phần riêng về món ấy, thường thường là phần qui trọng hơn nhất. Món thời-bình là món làm đóm, món hoa-học, là cái lông cái trên mũ, là bông hoa đính khuyết áo, mà thật cũng là cái hoa thơm của nghề báo nước Pháp, bởi thế nên các báo mới trân-trọng đến thế. Nó là cái vẻ mỹ-miền tuyệt-phẩm của báo-giới một nước xưa kia vẫn có tiếng là văn vẻ, là lọc-lỏi nhất trong thế-giới, mà kể ngày nay cũng vẫn còn. » (*Dans le menu du journal, elle est le dessert, ou si vous préférez, le hors-d'oeuvre; elle est la confiture ou les pickles, elle est le superflu, et cependant les journaux les moins badins, les plus purement doctrinaires, les plus sèchement politiques lui font une place qui est presque toujours une place d'honneur. Elle est le caprice, la fantaisie, la plume au chapeau, la fleur à la boutonnière, la fleur*

du journalisme français, et c'est pour cela sans doute que nos journaux tiennent tant à elle. Elle est la suprême coquetterie d'une presse qui se souvient d'avoir été la plus littéraire et la plus raffinée du monde, et qui, du reste, l'est encore. — Sách trên kia, trang 81-82).

Trong bộ biên-tập có một chức trọng-yếu nhất và khó-nhoc nhất là chức tổng-thư-ký (*secrétaire général de la rédaction*). Năng-nhoc nhất mà thiên-hạ không mấy người biết đến. Vì không hề xuất-dầu lộ-diện, không viết bài, không đề tên trên báo bao giờ. Công việc của người này là phải sưu-tập hết bài-vở tin-tức trong một ngày mà xếp thành tờ báo, bài nào dài cắt bớt, đoạn nào ngắn nối thêm, một tay chế-hóa làm cho tờ báo thành-hình. Các báo bên Tây phần nhiều xuất-bản vào sáng sớm, công việc của tổng-thư-ký thường-thường phải làm từ chiều tối cho đến quá nửa đêm, lấy đêm làm ngày, rất là khó-nhoc.

Đó là các hạng người trong bộ biên-tập một báo-quán. Ngoài ra còn những người làm-thời trợ-bất hay những người phóng-sự thông-tin ở các nơi không kể. Có báo thỉnh-thoảng lại xin văn của các bậc danh-sĩ để trang-triem cho tờ báo có vẻ thêm. Những bài văn ấy bất-cứ bàn nói về chuyện gì, miễn là có tên một người đã nổi tiếng trong làng văn là đủ.

Nay bài-vở đã sẵn-sàng cả cũng nên biết qua cách in-loát thế nào. Vì in một tờ báo, mà in ra hàng vạn bản một lúc, phải cho mau-chóng một cách lạ lùng, không thể ví như in quyển sách được. Trong sách « Báo-giới nước Pháp » (*Le monde des journaux*) nói trên kia, có một chương kể về cách in báo cũng tương, xin lược-dịch như sau.

« Bài đã sẵn-sàng cả, bèn giao cho thợ in. Thợ in ngày nay không phải lấy từng chữ sắp lại như ngày xưa đâu. Thợ in

ngày nay dùng một thứ máy như máy đánh chữ, gọi là *linotype*. Máy này linh hoạt vô-cùng, có cái cần dài như cánh tay, chuyên-dộng khi mau khi chậm, xếp đặt các chữ như là đã thuộc vắn vạy. Người thợ ngồi trước bàn chữ như trước cái máy đánh chữ, muốn đánh chữ A thì đập vào cái cần chữ A, máy kêu đánh « cách » một cái, thấy ở đầu thò ra một miếng đồng, có hình chữ A trũng. Miếng đồng chạy vào một đường rãnh, rồi rơi vào một cái khuôn nghiêng mà đứng đấy. Đập vào cái cần chữ M thì lại miếng đồng có chữ M thò ra chạy xuống đứng cạnh chữ A. Bao giờ vừa được một giòng, thì đập vào bàn chữ một cái, liền có miếng sắt như cái hàm răng dương ra ép liền các miếng đồng lại với nhau. Hết dòng ấy đến dòng khác, người thợ đều làm một cách như thế. — Nhưng trong khi người thợ đập vào máy như thế, thì máy cũng làm việc chứ không ở yên. Xong được dòng nào thì có cái móng đón ngay lấy dòng ấy, chuyên đưa vào trong một cái ống đẹp. Có một cái lò đầy những chì dương nấu chảy; cái lò chao đi một cái thì chì chảy ra, tràn vào dòng chữ trũng, in lấy hình chữ, rồi người mà rần lại liền. Có cái bào máy góc bàn chữ chỉ ấy ra, rơi vào trong một cái hộp. Thế là được một dòng chữ nhỏ, có thể đem ra in được. — Nhưng những mảnh chữ đồng trũng trước kia thì đi đâu? Một cái cần bằng sắt, cũng đầu có móng, hạ xuống, lại đón lấy những chữ ấy, rồi đưa chữ nào về kho chữ ấy, để sau này gọi lại rầm-rập chạy ra, cách đưa-đầy sắp-đặt thật là thần-tinh. — Trong khi ấy thì dòng thứ hai cũng tràn chỉ theo như cách trên, rồi cũng chuyên rơi vào trong hộp như dòng trên. Các dòng sau rồi cũng cứ tiếp liền vào theo một cách như thế.

« Hồi xưa in báo phải sắp chữ bằng tay thời một người thợ giỏi mỗi giờ

sắp được 38 dòng. Sắp một tờ báo phải mất cả đêm. Thế mà sáng ngày mai in rồi lại phải phá ra, đặt chữ nào vào ở ấy để chiều lại dùng. Ngày nay có máy thời mỗi giờ làm được 110 dòng, mà chữ đưa đi đưa về cứ tự máy chuyên-dịch, người không phải mó tay vào. — Và làm bằng máy thời không sợ những khi vội-vàng bối-rối. Chợt có tin gì quan-trọng mà dài-dài một chút mới báo đến chậm quá, thì liền cắt ra làm năm mười đoạn, giao cho năm mười người thợ, người nào người nấy liền ngồi vào máy đập một lúc là xong.

« Đập xong được một bài thời người thợ đứng lên, đem cái hộp ra, lấy từng dòng ở trong ấy xếp vào cái khuôn, để cho người thợ khác đặt thành trang. Một người thợ phụ liền lấy mực đặc phết một lượt, rồi lấy mảnh giấy in lấy một bản thử để cho người sửa bài đọc lại xem có sai chữ nào không. Dòng nào sai thì cho đập lại. Chữa sửa xong rồi thì bài có thể đặt vào trang được.

« Trong khi ấy thời một bọn sắp chữ khác lấy từng chữ một để sắp các đầu bài. Các phiến ảnh thì làm ở buồng máy ảnh, chuyên sang những mảnh kẽm ghép vào những khối chì.

« Cái khuôn bằng sắt, vừa khổ tờ báo, chia ra từng cột, người thợ đặt trang cứ theo lời viên tổng-thư-ký đã dặn mà đặt các bài trên dưới cho vừa-vặn. Đặt đầy khuôn, thế là thành một trang. Đặt xong được một trang, lại phết mực, để giấy in thử lấy cả trang, đưa viên tổng-thư-ký xem lại, sai hỏng đâu bắt chữa sửa, rồi lấy khóa riêng khóa chặt các thành khuôn lại cho chữ thật là khít nhau, không động-đậy được nữa, thành như một khối liền, mang đi chuyên lại được; mang chuyên về cũng không dễ, vì một khuôn chữ như thế nặng có tới hơn một trăm cân.

« Nay in báo bằng cái khuôn ấy thì phải làm thế nào ? »

« Cái khuôn ấy không có dùng để in ngay được. Trước khi in, còn phải qua nhiều cách nữa. »

« Trước hết đem cái khuôn xướng «sở lấy hình» (*clicherie*). Lấy bàn trái trái cho kỹ. Rồi lấy một thứ giấy *carton* riêng, mặt sau tẩm nước, ép vào đấy. Dùng một cái bàn trái cứng đập vào miếng *carton* ấy cho hẳn lấy vết chữ chì. Vết hẳn trước còn chưa được rõ lắm, sau có cách làm cho càng rõ thêm mãi ra, đến hết không sai một tí nào. Cách ấy là dùng một cái máy ép bằng hơi nước ép thật mạnh cái khuôn chữ vào tận thịt miếng *carton*, ăn sâu vào từng nét không còn sót một tí gì (miếng *carton* dày ấy, lên riêng của nhà in gọi là *flan*). Bấy giờ thời tẩm *flan* là hình trưng hết như cái khuôn hình nổi mà lại được hơn một điều, là mềm có thể uốn cong lại được. — Bấy giờ phải làm thế nào ? Phải làm thành những cái khuôn cong để cho có thể đặt vào cái trục tròn của máy in cuốn (*rotative*). Vậy phải đem cái *flan* vào sở đúc (*fonderie*), đặt vào một cái khuôn hình bán-nguyệt cho nó ăn theo hình ấy. Khuôn ấy thông với một cái nổi lớn trong có một chất pha chì với *antimoine* đương sôi sùng-sục. Chất ấy lỏng như nước, tràn vào khuôn, in lấy các nét chữ trong khuôn, rồi nguội dần đi. Bấy giờ mở khuôn ra, thế là được một bản chữ sẵn-sàng đem in được; chỉ phải lấy dao lấy kéo sửa cắt những chỗ gợn đi, lấy nước rửa cho sạch những vết bẩn, xong rồi đem đặt vào trục máy in. »

« Máy in này là thứ máy in cuốn (*rotative*), to lớn vô-cùng. Đặt khuôn vào rồi, liền cho máy chạy. Trước còn chạy chậm, để cho người coi máy ngồi phục ở chỗ « cửa ra » nhặt lấy từng tờ kiểm xem mực có đều không. Xong rồi thời cho máy chạy hết sức, bấy giờ hai cuộn giấy in cứ tuồn-tuột như hai

cái thác nước chảy, mực lấp-loảng, chẳng khác gì bóng nước chỗ sáng chỗ tối. Một cái máy cuốn có hai cửa mỗi giờ đồng-hồ in được sáu vạn tờ. Có thể chạy mau nữa cũng được, vì sức chạy vô-cùng, chỉ sợ sức giấy không chịu nổi mà thôi. Nhưng mà hằng cứ lấy cái số sáu vạn ấy làm bằng: như thế thì trong khoảng một li đồng-hồ mỗi cửa máy ra được tám số báo. Người ngồi đón ở đầu máy thật không thể nghỉ tay một phút nào. Cứ thục ra thì trong máy đã có cách đặt riêng cứ được mỗi năm chục số thì lại bắn ra ra ngoài một cái, để cho dễ đếm. Như thế thời báo ra cứ thành từng bó năm chục tờ một, lại có cái máy khác đón lấy, đưa chuyển đến tận sở phát-hành, đã có người đợi sẵn để gấp lấy, rồi phân-phát đi các sở xe lửa, sở tàu thủy, sở bưu-chính. . . Việc phát-hành các báo, ở Paris đã có một công-ti linh-trung hết cả, là công-ti *Messageries Hachette*. . . »

Bấy nhiêu công-việc ầu-loát phát-hành chỉ trong khoảng từ 10 giờ đêm đến 5 giờ sáng là phải xong hết cả, khiến cho khách đọc báo ở giờ sáng dậy sớm đã có báo đọc rồi. Mà báo hàng ngày xuất-bản có mấy chục vạn tờ, nghĩ có ghé không ?

Ấy là nơi các sở báo lớn mới có đủ bấy nhiêu cơ-quan, mà hành-dộng được một cách tấn-tốc như thế. Còn những báo nhỏ thì cũng như bên mình.

Trên kia đã nói rằng nhà báo đời nay có một cái thế-lực rất mạnh. Nhưng có thế-lực mà cũng có nghĩa-vụ nữa, nếu không thì làm-dụng cái thế-lực ấy mà làm xằng, Nghĩa-vụ của nhà báo là những gì? Không có luật nào định rõ, xưa nay chỉ bằng ở cái lương-tâm của nhà báo mà thôi. Gần đây ở Paris có lập lên một cái đoàn-thể gọi là « Báo-gia đồng-nghiệp-hội » (*Syndicat des journalistes*), chủ-y là đặt ra một hội-đồng kiểm-sát

để giữ cho cái danh-dự của nghề báo. Hội ấy đã đặt thể-lệ định các nghĩa-vụ của nhà báo như sau này, người nào phạm thì phải đồng-hội khiển-trách và bị trục-xuất ra ngoài hội.

« Nhà báo muốn cho xứng-đáng cái danh-dự của mình thì :

« 1^o Phạm tay viết bài gì, hoặc ký bằng tên, hoặc ký bằng hiệu, phải nhận hoàn-toàn trách-nhiệm về bài ấy ;

« 2^o Phải coi sự sàm-báng, nói xấu, nói vu, hay tố-cáo ai không có bằng-cứ, là những tội nặng nhất trong nghề mình. Khi nào phải pháp-luật nhà nước phạt tội vì phạm luật-lệ công về nghề báo, nhưng tự xét mình không đáng tội ấy, có thể đem ra kháng-cáo ở Hội Đồng-nghiep, Hội xét lại quả là oan thời có thể phục lại danh-dự đối với các bạn đồng-nghiep. Trái lại, khi đã được tòa án nhà nước tha mà tội xét ra thật phạm đến danh-dự nghề mình, thì Hội Đồng-nghiep cũng có thể đem ra mà khiển-trách được ;

« 3^o Phải không từng bị can-thiệp vào việc gì hại đến danh-dự mà bị một tòa án danh-dự khiển-trách (khi khiển-trách ấy đã được ra mà cãi lẽ theo phép công-bằng) ; hoặc bị khiển-trách oan thì có thể kháng-cáo ở Hội Đồng-nghiep ;

« 4^o Không được nhận làm những việc công hay việc tư gì trái với danh-dự nghề làm báo ; không được phò những chức-phẩm giả để đánh lừa ai mà hỏi tin-tức cho dễ ;

« 5^o Không được nhận chức-việc hay lương-bổng gì ở các hội công-nhiên đặt ra để đánh cờ bạc ; và đại-đề không được nhận tiền lương tiền bổng của một sở công sở tư nào muốn lợi-dụng cái thế-lực mình là nhà báo để mưu làm việc không chính-đáng ;

« 6^o Trừ khi nào chuyên về môn quảng-cáo thì không kể, còn không được ký tên mình hay ký hiệu mình vào những bài quảng-cáo cho các cửa hàng hay các hội buôn ;

« 7^o Không được chép bài vở của người khác nhận làm của mình, khi nào dân lời của các bạn đồng-nghiep, hay là theo ý của người ta mà làm bài của mình, thì phải nói rõ và kể tên tác-giả ;

« 8^o Không được xin làm tranh chỗ một người đồng-nghiep, hoặc nhận cùng làm một việc như người ta mà làm kém lương để cho người ta phải bãi ;

« 9^o Có sự gì bí-mật phải giữ kín thời dẫu ra đến tòa án hỏi cũng không được nói ra ;

« 10^o Không được lam-dùng cái quyền tự-dọ ngôn-luận để kiếm lời (như dọa tố-cáo việc gì để cho người ta lớt tiền mình ; như đăng những tin-tức sai để giúp sự đầu-cơ về việc lý-tài ; như phê-bình sách-vở, kịch-bản mà chủ-ý để cho người có sách có tuồng phải trợ-cấp cho mình để nói tốt cho, v. v. .) »

Ấy là những điều cốt-yếu trong « bộ luật danh-dự » (*code de l'honneur*) của Hội « Báo-gia Đồng-nghiep » đã đặt ra để giữ danh-dự cho các nhà làm báo.

Một nhà báo có tiếng, ông ROBERT DE JOUENEL (mới mất đầu năm nay), năm trước có làm một cuốn sách nhỏ đề là « Nghề làm báo dạy trong hai mươi bài » (*Le journalisme en vingt leçons*), lấy giọng hoạt-kê trào-phúng mà phê-bình về nghề báo ; nhưng đến sau kết-luận cũng phải công-nhận nghề báo là một nghề hay. Nay ta cũng mượn lời kết-luận của ông mà kết cho bài này. Ông là nhà làm báo, ông đã biết hết cái khỏe của con nhà báo, lại có cái bụng rộng-rãi tự mình bày tỏ những cái khuyết-diểm của nghề mình, tự mình giầu cợt nghề mình trước, không đợi cho người đời mai-mĩa nữa, vậy mà đến sau bình-tình xét lại, ông cũng phải chịu cho nghề báo là một nghề có ích cho đời, như thế thì lời ông tất không phải là lời thiên-vị vậy.

Ông nói rằng :

« Theo một cái tục cũ của nước ta, phàm người nào làm nghề gì tất phải nói xấu nghề mình, và khuyên cho kẻ khác đừng nên theo.

« Như thế thì ra đáng mình làm cái nghề đó khó-nhọc khổ-sở, giá theo về nghề khác thì còn được hay-ho ích-lợi hơn, và nhân-thể lại làm cho ngã lòng những kẻ đứng ngoài khỏi có kẻ húng vào tranh-dành với mình.

« Tôi tưởng tôi đây cũng không sai cái tục cũ đó.

« Nay tôi đã theo tục mà nói xấu về nghề tôi, tôi dám cứ thực-thà mà nói thật rằng : nghề làm báo là nghề bị nhiều người bài-bác mà tôi cho là một nghề hay nhất, đẹp nhất.

« Nhà làm báo ngày nay, có lẽ không phải là một tay truyền-đạo như xưa. Nhưng mà sở biết điều gì là hay là phải, có thể truyền-bá ra được rộng, thật người đời ít ai có cái năng-lực như thế.

« Vẫn biết rằng quyền tự-do của nhà báo thường bị hạn-chế, không được hoàn-toàn. Nhưng ở đời, cái tự-do mà không có ai ganh-gheo với mình, thì cái tự-do ấy không có giá-trị nữa.

« Nhà báo có lắm thói xấu, có lắm điều lụy, đã cố-nhiên rồi. Nhưng cũng có lắm cái quyền-lợi rất to và rất nguy-hiêm, có thể mạo-hiêm mà làm nên việc được.

« Các ngài thử tính kỹ xem từ xưa đến nay nhà báo đã truyền-bá được bao nhiêu sự phát-minh to-tát, tố-cáo được bao nhiêu cái tội ác tày đình, yên-ửi được bao nhiêu người tài cao mà không gặp vận, khuynh-đảo được bao nhiêu kẻ yêu-hãnh mà chiếm ngôi cao.

« Nhà báo đã phát-giác ra lắm sự xấu của nhiều người danh-giá, nhưng cũng hạn-chế được lắm cái bậy của nhiều kẻ tiền-nhân. Nhiều khi cũng sai-lầm, nhưng mà không bao giờ làm hẳn, bao giờ sự thực cũng ở trong đám tự-do hỗn-độn dần dần xuất-lộ ra.

« Kẻ nói đi, người nói lại, kẻ thực bụng, người sai lòng, cãi-cọ nhau om-xòm lộn-bậy, tựa-hồ như hỗn-độn hết cả, ấy thế mà nhờ đó tư-tướng nào cũng có thể diễn-đạt ra, ý-kiến nào cũng có thể bày-tỏ được những điều rất mới rất lạ, cũng có thể công-bố ra, kẻ oan-uổng có thể bộc-bạch được nỗi oan của mình, người yếu hèn có thể chống giữ được quyền-lợi của mình.

« Nhờ có nhà báo mà kẻ gian hùng không dám làm bậy, kẻ quyền-thế không dám lạm quyền.

« Trong báo-giới cũng có lắm cái phong tẻ-hại, là cái đời-phong chung của cả thời-dại này. Nhưng thử nghĩ giá không có báo thời cái đời-phong ấy lại còn tẻ đến thế nào ?

« Cái gì cũng muốn biết để kể lại cho người biết ; cái gì cũng muốn học để dạy lại cho người học ; cái gì cũng muốn hiểu để cắt nghĩa cho người hiểu ; bất-cứ cái xấu, cái đẹp, cái tẻ, cái hay, cái gì cũng công bố cho người ta biết, phàm các trạng-thái trong cuộc sinh-hoạt, không nhãng bỏ một mặt nào ; cố tìm cho ra sự thực, dù mập-mờ chưa rõ, cũng gắng sức mà dò ; muốn làm quân tiên-phong cho đời mình, không lấy sự phú-quí là danh, giá ; biết rằng mình càng có lẽ phải-thiên-hạ lại càng ghét mình nhiều ; ấy cái nghề báo là thế.

« Nói cho phải, nghề đó cũng đáng cho ta gia-công theo đuổi. »

GIA-ĐÌNH GIÁO - DỤC

Gia-đình giáo-dục thật là quan-trọng, số-phận đưa trẻ, hạnh-phúc một nhà, hậu-vận một nước, đều tùy ở đấy cả. Ai cũng biết vậy, cho nên từ người học-thức đến kẻ thường-dân ai cũng nhận rằng « để con chẳng dạy, chẳng phải là người ».

Nhưng cũng có người nói rằng : « Trời đã sinh ra đứa trẻ nào thông-minh, thì chẳng dạy nó cũng giỏi, mà đứa nào bần-sinh đã ngu-dần thì có phép tiên cũng không hóa nổi được nó. Vậy thời tiền công dạy-dỗ có làm chi. May mà được đứa con khôn, đứa trò giỏi, thì nào bố nào thầy tranh nhau để nhận lấy công. Chẳng may phải đứa ngu-dần thời sua đi cho chóng; nào là « sinh con ai nở sinh lòng », cùng là « chữ đầu nhồi vào óc lợn... » Gia-đình giáo-dục với học-đường giáo-dục đều là việc hảo. Đức Khổng-tử thì ai dạy làm thánh? Ông Thích-ca thì ai dạy làm Phật? Con đức Khổng-tử sao ngoài chẳng dạy làm Khổng-tử con? con Phật Thích-Ca, sao Phật chẳng hóa cho ra thành Phật? »

Lời công-kích ấy có chánh - đáng không? Chúng ta được nghe đã nhiều mà lắm khi lại chính những nhà có học-thức lại công-kích như vậy. Dĩ-chí lắm người vốn hết lòng về việc dạy học, tự-nguyện suốt đời chỉ xin làm bố già cho con cháu thiên-hạ, mà lắm khi nghe những lời công-kích ấy cũng phải nản chí; tự hỏi không biết công việc mình làm có thật bổ-ích gì không.

Vậy thì trước khi bàn đến vấn-đề gia-đình giáo-dục, phải xét xem lời công-kích trên kia có chánh - đáng không.

Trong những người cho việc dạy con là vô-ích, thời có người suy ở việc

thường : thấy trong một nhà cùng một bố mẹ sinh ra, mà có đứa con thông-minh cần-mẫn, học đâu biết đấy, cũng có đứa thật ngu-ngốc, dạy thế nào cũng không chuyền; thấy thế bèn kết luận ngay rằng : đã khôn khôn từ thừa lên ba, đã dại đến già cũng dại.

Cũng có người lấy lý rằng : Người ta ở đời, việc gì ông trời cũng đã định trước cho cả : « nhất âm nhất trắc, giai do tiền định. » Vậy thời trời đã bắt ai phải ngu-dần khốn-khó, ta có tài nào mà cưỡng lại ý đức Hoàng-thiên?

Vậy cùng một bố mẹ anh em, có kẻ sáng người ngu, kẻ khôn người dại, mười ngón tay cũng có ngón dài ngón ngắn. Nhưng bảo rằng : đứa khôn chẳng dạy cũng khôn, đứa dại dạy sao cũng dại, thời là lời người cha bực với con mà nói thế thôi. Chứ không dạy sao có khôn, đã dạy sao có dại mãi. Chỉ có là đứa thông-minh thì dạy chóng biết, đứa ngu - độn thì dạy lâu biết mà thôi, cũng như một người lớn đi đường xa với đứa trẻ con, người lớn khỏe đi nhanh, gánh lại cứ mắng đứa trẻ rằng : « Sao mày không bước đi được? » đứa trẻ sợ mà không dám cãi đấy thôi, chứ quả nó có bước đi nhiều đấy chứ!

Còn lấy cái lý-thuyết « tiền-định » mà bảo người ta không cưỡng nổi ý trời, thời trước hết ta nên biết rằng cái lý-thuyết tiền-định ấy vị-tất đã là đạo chung của trời đất hay chỉ là một chuyện lán hảo của người đời. Cái trách-nhiệm bình-phẩm lý-thuyết ấy là ở các nhà triết-học. Về phần ta thì chỉ có hai điều : một là có tiền-định thật; hai là không có tiền-định.

Không có tiền-dịnh thì bôn-phận ta đã để ra con phải dạy-dỗ lấy con.

Nhưng nếu có tiền-dịnh thật thì sao? khoan tay mà đợi trời ư?

Người có chí quyết không bao giờ chịu thế. Người có chí nếu đã biết việc mình định làm là phải, thì dầu có trăm vạn kẻ khác dụ: g công ngăn-trở, đem hết uy-quyền mà dâm-dọa, dùng đủ miếng ngon mà dỗ-dành, cũng vẫn trơ như đá, vững như đồng, chung-thân giữ mọi điều nghĩa, dầu có tan xương nát thịt âu cũng hả lòng. Cái thân mình có tan, nhưng chí mình còn lại, phảng-phất ở cành cây ngọn cỏ, lai-láng trên mặt nước, thăm-thẳm mấy tầng mây, âm-thầm dưới bóng trăng khuya, cuộn-cuộn trong cơn gió thổi. Biết đâu lại chả có ngày gặp kẻ đồng-tâm, lại chả có phen tung-hoành bốn bể. Mà dầu có phải thực chẳng gặp thời, thực chẳng có người đồng-chí, thì những bạc gan vàng dạ sắt ấy có phải vì nghĩa mà tấm thân trăm mảnh, đầu bêu ngọn cỏ, xác vứt đáy hồ, thử hỏi người đời, mà cả đến những kẻ kia đã triệt-hạ được người, có cùi dẫu, rõ giọt, ô-hò mà cảm-phục tấm gương tiết-ngĩa đáng trọng-phu không?

Kia như vua Nã-phá-luân chỉ vì nước mà nắm xương chim nổi ở giữa bể khơi, nhưng cái thân da thịt tuy đã tan cùng sóng gió, mà cái chí anh-hùng còn cảm-tức trong tâm-can người Pháp, đến trận mới rồi, rửa hờn cho được mới thôi.

Ấy là cái chí của người lại đối với người, mà người có chí đã đáng cho ta cảm-phục là thế. Huống-chi chí người lại muốn đối với trời kia, biết rằng trời to mình nhỏ, trời giỏi mình hèn, mà cũng ra tay dẫu-chí, quyết phá cho được cái chí của trời muốn giam-cầm con người trong chốn hang sâu rừng tối. Dầu có vạn lần cả

vạn lần thua, Hoàng-thiên cũng phải lắc đầu, mà chịu cho người có chí

Vậy thời tranh số-phận mình với trời dầu chẳng được cũng chẳng phải việc hèn. Huống-chi người cũng chẳng quyết là thua, trời cũng chẳng chắc rằng được mãi. Khi xưa ta ăn lông ở lỗ, nay sao ta có cửa rộng nhà cao? Trời sinh người không cánh không vây, sao người lại lộn bay tranh cùng chim cá? Vậy thời người đời còn có kẻ dõ-dại muốn đem gầu tát bể, còn có kẻ cuồng-ngông muốn đội đá vá trời, thì con tạo cũng phải lo cho bề sâu có ngày đến cạn, trời xa kia cũng có lúc phải gần.

Song đó là lời phiếm-luận, không bõ-ích gì. — Nay hãy hỏi: nếu ta để được đứa con, mà có ông tiên đến mách số-phận nó chẳng ra gì, liệu có đành tâm mà chẳng nuôi chẳng dạy nó không?

Thiết-tưởng gà ấp ra con còn biết dạy con kiếm mồi, thời người để ra con cũng phải dạy cho con khá. Mà chim kia dạy con con cũng biết bay, thời người dạy con quyết chẳng phải là công uổng.

Vậy thời mặc ai bàn ngược bàn xuôi, ta cứ yên-trí rằng để con thì phải dạy. Nhưng dạy phải có phương-phép. Không có phương-phép thời chẳng những việc dạy con, mà cả muôn việc ở đời chẳng bại-hoại cũng khốn-khó mới thành-công. Và khuôn-phép dạy con không giản-tiện như khuôn-phép bác thợ nề nầy mực. Phạm việc gì có can-thiệp đến tinh-thần con người cũng là phiền-phức. Bởi vì tâm-lý của giống người thật là một vật kỳ-quái, không, có, có, không, chính nó chẳng là gì, mà bao nhiêu cảnh-vật trong trời đất đều chiếu-rọi vào đấy mà đúc nên một vật rất linh-thiên, thiên-hình vạn-trạng, ẩn-hiện biến-hóa vô-cùng. Khó lòng mà ngăn-cầm, mà suy-xét, mà biến-đổi, dĩ-chi các nhà khảo-cứu những khoa-học có can-hệ đến tinh-thần con người, như nhà

tâm-lý-học, nhà luân-lý-học, nhà xã-hội-học, nhà kinh-tế-học. . . , lắm khi cảm-cui trong một đời mới tìm ra được lý-thuyết nào tưởng là chân-lý có thể đem ra mà giải-quyết được một việc trong nhân-loại, nhưng rút cục lại chẳng khác gì đưa trẻ được hòn nước đá, giấu kỹ trong túi, lúc mở ra tảng-hàng mất đầu rồi.

Bởi sao mà tâm-lý giống người ta ẩn-hiện biến-hóa như vậy? Ta mới nói trên kia rằng : Chính nó chẳng là gì, nhưng muôn vật trong trời đất đều chiếu rọi vào đấy mới đúc thành một vật rất linh-thiên, — nghĩa là giá con người ta ở một hòn đá mà sinh ra, lại người có thể sống được ở một nơi không trời không đất, không núi không cây, không người không vật, thời tâm-lý con người chẳng là cái gì cả, — nhưng bởi vì ta sinh ra đã có cha có mẹ, có làng có nước, có trời đất núi sông, có nhân-quần thế-giới, bao nhiêu cảnh-vật ở chung quanh ta đều góp sức nhau mà đúc thành khối óc của ta, khiến ta có trí-tuệ tinh-thần. Vốn cảnh-vật ấy thiên-hình vạn-trạng, khi ẩn khi hiện, nên tâm-lý ta cũng ẩn-hiện biến-hóa vô-cùng.

Vậy thời ta muốn dạy con cũng như khảo xét tâm-lý một người, trước hết phải xét cái cảnh-vật ở chung quanh nó thế nào, có ảnh-hưởng đến đưa trẻ ra làm sao và gây nên cho nó những tính-chất gì, thì mới biết đường mà dạy-bảo khuyên-răn. Tức là dạy con như chữa bệnh, phàm người có bệnh đều tại hai căn : một là ngoại-cảm, hai là nội-thương, hai cái căn ấy đều có quan-hệ lẫn nhau ; vì nhiễm mãi cái độc ở ngoài, mà thân-thể ở trong sinh đau yếu, thì cái độc ở ngoài lại càng dễ cảm. Cứ như vậy cả u sinh thương, thương sinh cảm, luân-hồi kế-tiếp, làm cho con bệnh đau-dớn mãi đến ngày tận-số mới tan. Vậy muốn chữa bệnh phải tìm bệnh-căn, muốn dạy con khỏi hư dốt, phải xem hư dốt tại đâu.

Những hoàn-cảnh có ảnh-hưởng đến thân-thể tinh-thần và tinh-tinh đưa trẻ là địa-thế núi sông, tinh-cảnh xã-hội và nông-nô gia-đình.

Địa-thế núi sông xứ ta, thiên-hạ thường chê là bạc đãi với người ; khi nóng quá, khi lạnh quá ; đất cát ẩm-thấp, lam-chướng nặng độc ; khiến cho dân-tộc ta sống ở đây gầy còm yếu-ớt. Và lại ruộng ít rừng nhiều, đường đi không tiện, nên ta làm ăn khó nhọc, trí-tuệ không bằng người. Cả dân-tộc còn thế thời đưa trẻ tránh khỏi sao được ! Lời chê ấy mới nghe tưởng cũng có lý, nhưng xét kỹ thật cũng quá thiên.

Thiết-trưởng dân ta gầy-còm yếu-ớt, nghèo đói ngu dần, không phải chỉ tại đất nước nhà mình ; chắc cũng còn tại nhiều lẽ khác nữa ; đem bàn ra đây không hợp với đầu bài. Nhưng chỉ biết có một điều là tổ-tiên ta sống ở đất nước này đã mấy nghìn năm, sinh-sản ra con cháu chỉ một ngày một đông, thời tất không phải núi sông kia bạc-dãi nòi giống Nam-Việt. Khi thiêng của núi sông đã nung-đúc ra nòi-giống nhà mình, thời mình tất có thể sống cùng sông núi ấy. Hà-tất phải cầu-cạnh xứ-sở nhà người. Mà đâu có thật giang-son nhà mình chẳng tốt đẹp bằng phong-cảnh nhà người nữa, nhưng núi non kia là xương-thịt tổ-tiên mình chông-chất, sông ngòi kia là huyết-hãn, ông cha mình lai-láng, thời đâu có phải ta vì sống ở núi sông ấy mà chết nữa, ắt cũng cam-tâm.

Ấy là ý muốn nói ta không nên bội-bạc, đổ vạ cái hư-hèn của ta cho sông núi, kéo tội với trời đất tổ-tiên. Con cái ta sinh trưởng ở đất nước nhà, có chịu ảnh-hưởng của núi sông, nhưng ảnh-hưởng ấy quyết chỉ có lợi mà không có hại : Lợi là được nhờ đất nước nhà mà sống đề giữ lấy dòng-dõi được lâu bền ; lợi là được sống ở đất nước nhà để học đạo làm con cháu giống Hồng-Lạc.

Không hại là vì: khi-hậu có độc là độc cho người. Đít có nẹp là tại ta không biết mở. Còn bảo vì thời-tiết khi-hậu nước ta mà dân ta ngu-hèn thì sao cũng ở đất này khi xưa có Lý Thương-Kiệt, có Trần Quốc-Tuấn, có Lê Lợi, có Nguyễn Huệ, có Chu Văn-An, có Nguyễn Bình-Khiêm, có Nguyễn-Du, có Nguyễn Khuyển, có Nguyễn Thị-Điềm, có bà huyện Thanh-quan ? Nay xứ-sở ta có độc cho ta, là vì ta đã quen quạt máy, nước đá, áo dạ, nệm bông; nghĩa là ta đã bắt chước cách ăn ở của người nên ta không hợp với xứ-sở nhà ta nữa, chứ kể đi cày, bắt ốc, đánh dậm kia vốn trần-trụi, trơ thân ra nắng ra mưa, đầu đội trời, chân đạp đất, da tắm bùn, mình tắm nước, có thấy độc đâu: ăn vẫn ngon, ngủ vẫn kỹ, người vẫn khỏe, tính vẫn lành, ở vẫn phải, làm vẫn được. Thế có phải vì ta muốn xa bỏ xứ-sở nước nhà, nên ta không hợp, thành xứ-sở độc, chứ nếu ta biết yêu-mến xứ-sở, được ở trong xứ-sở thì mừng, phải xa xứ-sở thì khổ, thời tất xứ-sở vẫn hợp với ta, có khi nào độc.

Vậy nên ta có thật yêu-quí đất Việt-Nam, thì cứ yên-tâm mà sống ở đất Việt-Nam, để con ở đất Việt-Nam, cho làm người Việt-Nam trong cõi Việt-Nam, không can chi mà phải áy-náy lo-phiền.

Ta đã xét cái ảnh-hưởng của nơi sống và nhận rằng cái ảnh-hưởng ấy từ cổ chí kim không thay đổi, và không có hại gì đến con trẻ nhà mình. Bây giờ phải xét đến xã-hội ta, và xem ảnh-hưởng đến con trẻ thế nào

Như lời bàn ở trên thời xã-hội ta đang phải lúc nhỡ-nhang; nhà cũ đổ nát, nhà mới chưa dựng; văn-minh cũ đã bỏ rồi, văn-minh mới chưa học được. Gia-đình ta cũng đang phải cái nổi dờ-dang ấy.

Khi xưa trong gia-đình ta lấy cương-thường làm gốc: cha anh là cái trụ trong nhà, làm khuôn-phép cho con

em; một mực « thượng hành hạ hiệu », trên kính dưới nhường. Cái thân riêng của mỗi người thủy-chung chỉ làm hi-sinh cho hạnh-phúc cả gia-tộc, cả đoàn-thể, như kiến với đàn, như ong với tổ. Đến bây giờ thiên-hạ trọng cái chủ-nghĩa cá-nhân, lấy hạnh-phúc của mỗi người làm trọng, khiến cho cái gia-đình to-tát bèn-chặt và nèn-nếp khi xưa tự vỡ lở dần đi, như nước trôi cát lở. Tình cốt-nhục giàng huộc ta với tôn-tộc ngày trước bây giờ biến ra lòng ích-kỷ, xúc-giục ta nhạt-nhẽo với anh em: *Kiến giả nhất phận; cú có cú ăn, vợ không có vợ lẫn vợ chết!* Phận ai phận nấy, tức là cái thường-tình bây giờ. Mà chẳng những anh em không đùm bọc, đến cả cha mẹ cũng coi là « đồng mồm ăn hại », muốn bắt-chước dân nào để cha già mẹ yếu lên cây, con cháu xúm nhau lay chuyển, còn bám được thì sống, bằng lẫn xuống, liền đập chết tươi!

Than ôi! Cha mẹ nuôi con, mong đến tuổi già!

Đưa trẻ sống ở trong một gia-đình: anh em thì hờ-hắt, cha mẹ thì giận-giục, liệu nó chịu được những ảnh-hưởng gì? khỏi sao sinh tính cô-độc, sinh lòng bạc-ác. Đã có-độc thì sao có đoàn thể; đã bạc-ác thì sao nhớ đến tổ-tiên. Đã không có đoàn-thể, không nhớ đến tổ-tiên thời sinh thói kiêu-căng dờ-dại, tưởng như ông cha mình ngày trước không có, và dẫu có thì cũng là giống dã-man ngu-dốt, chỉ có ta bây giờ mới là văn-minh tiến hóa: ta biết điện hút thành sét, mây đọng hóa mưa, trời phạt là hã, giỗ tết là phiền.

Cũng có lẽ lời bàn mới rồi là quá, song cũng không quyết hẳn là sai. Có lẽ quá là vì cũng còn nhiều nhà giữ được nèn-nếp như xưa; không hẳn sai là vì xem những gia-đình mới-mới bây giờ, thiên-hạ phàn-nàn đã lắm. Song ngẫm xem nếp cũ một ngày một đổ, mà lối

mới cũng càng ngày càng thịnh, thời lời bàn kia cũng không phải quá sai.

Nói tóm lại thời : Trong ba cái hoàn-cảnh có ảnh-hưởng đến con trẻ, thì nói sông đất nước không có hại gì, còn xã-hội và gia-đình thời gây cho chúng nó một là tính dê-hèn, mất cả tư-cách làm người, hai là tính cô-độc, bỏ cả nòi giống, phụ tổ-tiên.

Vậy thời ta dạy con trước hết phải trừ hết cái tệ ấy đi.

Trừ tệ ấy có hai kế : Một là phải tuyệt cái độc ở ngoài, nghĩa là làm thế nào cho xã-hội và gia-đình không có ảnh-hưởng hại đến trẻ con ; hai là bồi-bổ ở trong, tức là dạy-dỗ khuyên-răn cho đứa trẻ có tài-lực, có ý-khi, có đảm-dang, biết đoàn-thể, biết yêu nòi giống, biết trọng tổ-tiên, biết thương nhân-loại.

Cái kế trên thì khó ; Sửa đổi cả xã-hội, không phải mình ta làm nổi. Xã-hội biến-cải tùy ở lắm lẽ, bàn ra đây thì liên-miên lắm. Nhưng trong các nguyên-nhân làm biến cải xã-hội cũng có một phần to ở trí-lực người : như muốn bỏ cái nông-nổi làm mướn trong xã-hội ta, thì ta phải chỉ định rằng : bây giờ làm mướn là quyết để về sau không làm mướn. Một người có chí ấy, trăm vạn người cùng chí ấy, thì lâu dần cũng sửa đổi được xã-hội. Như bây giờ ta phải biết cách theo đòi người Đại-Pháp mà học cho giỏi để lập lấy thân (và người Đại-Pháp cũng mong cho ta được như thế kia mà).

Sửa đổi gia đình tuy có dễ hơn xã-hội, nhưng cũng không phải một chốc mà xong. Gia-đình cũng tùy ở trăm nghìn lẽ mà biến-cải : nào thời-thế trong nước, nào trí-thức mọi người, nào cách làm ăn, nào đờng g giao-thiệp, kể sao cho xiết. Nhưng cái phần của trí-lực người lại to hơn ở xã-hội nhiều : ta đứng làm chủ-trương một gia-đình, quyền cất đặt sửa đổi ở ta. Như trong

gia-đình, tuy bây giờ không thể lập lại cái gia-đình đông-đúc, ông bà cha mẹ, chú bác cô dì, anh em con cháu, kẻ xa người gần, đều ở trong một nhà như xưa, nhưng ta cũng có thể đem tình cốt-nhục giữ cho giọt máu đào khỏi thành ra nước lã, đi lại âu-yếm, cứu-giúp lẫn nhau, để giữ lấy họ-hàng vậy-cảnh

Nếu được thế thì cái độc ở ngoài lâu dần phải mất, xã-hội với gia-đình không hại đến con trẻ. Nhưng kế ấy liệu có thành không, có thành nữa thời đến bao giờ ? Câu hỏi ấy ai dám trả lời, vì việc chẳng ở riêng một tay ta. Như kế thứ hai thì ta có thể đem làm ngay được, vì chẳng những ở quyền ta, mà lại là bổn-phận ta nữa. Vậy ta phải dạy con thế nào ?

Ở trên kia chỉ tách ra có hai tính xấu của trẻ con ta : dê-hèn và cô-độc, là vì muốn cho giản-tiện minh-bạch, nhưng hai cái tính ấy còn gồm biết bao nhiêu tính khác nữa. Như : lười-biếng, cầu-thả, a-dua, dối-giá, kiêu-căng, hoang-túng, cùng các tính xấu khác, tùy người tùy cách mà có, nhưng không thể bàn cho khắp được ; vì mục-dịch bài này không phải là đem dịch một chương tám-lý-học nào, và cũng không phải đem lược bản phép dạy con trẻ như trong các sách của các nhà giáo-dục, vì là những vấn-đề bàn trong các sách ấy cốt là chung cho cả mọi người, nhưng cũng vì thế mà chẳng hợp vào ai. Ta phải xem các sách ấy để biết cái đại-cương trong nghề dạy trẻ, nhưng cần nhất là phải biết đem cái khuôn-phép chung mà làm cho thiếp với cái tình-thế riêng của mình

Vậy ta không phải bàn đến các tính-chất thuộc về thân-thể, tinh-thần và tính-tình đứa trẻ, cùng cả ba chương lớn trong khoa giáo-dục là thể-dục, trí-dục và đức-dục. Nhưng phải định rõ cái phương-châm riêng của phép dạy con trẻ chúng ta bây giờ là thế nào.

Ta đã xét ra rằng xã-hội và gia-đình gây cho con trẻ cái tinh đê-hèn và cô-độc, mất cả tư-cách làm người, quên cả nói-giống tổ-tiên, thành ra một hạng người nhõ-nhang trên không chẳng, dưới không rề, trước không nhớ đến ai, sau không nghĩ đến ai, bo-bo sững, một thân mình, ai khổ mặc ai, nếu được bữa rượu ngon thịt béo, thời họ hàng chúng bạn và cả đến danh-giá của mình cũng bán rẻ mà mua.

Vậy ta phải dạy con làm sao, một là cho nó biết tự-trị, hai là cho nó biết đoàn-thề : ấy là cái phương-châm rất thích-hợp cho chúng ta bây giờ. Kể cái cách dạy con cho đạt được mục-đích ấy thời nhiều, mỗi người mỗi cách, tùy cha mẹ, tùy con trẻ. Nhưng tôi thườn; nhĩ mấy cách sau này:

Một là cha mẹ phải thân với con để dạy con, thời mới trừ được mọi thói xấu ở trong tâm-tính nó.

Hai là chọn bạn cho nó gần, tìm chỗ cho nó chơi, để mở-mang tri-tuệ, và tiềm-nhiệm lấy tính đoàn-thề.

Cách cha đối với con trong xã-hội ta bây giờ có hai :

Theo lối cò thì quá nghiêm.

Theo lối mới thì quá nuông.

Có người dạy con rất là nghiêm-khắc, con tròn; thấy cha như mèo thấy kên, lần-lút run-sợ. Trước mặt cha thời con như người máy ; nào đứng ngồi đi lại, nào ăn uống nói-năng, nhất-thiết đều theo ý cha cả, tựa-hồ như có một luồng điện phát tự hai con mắt của cha mà đập vào bộ máy của con, làm cho nó cử-động. Nhưng lúc khuất mặt cha, thời trong cái người máy kia như có con yêu quái, lo-ló hiện ra, trông trước nhìn sau, rón-rén bước dấn, ghé mạch tường, dòm khe cửa, nếu không thấy bóng ông phù-thủy đâu, thời múa-máy nhảy -nhót, bao nhiêu trò thiên-tinh địa-quỉ, giở ra cho hết, cho sướng

cái thân, cho bõ lúc giam cầm trong người máy. Hoặ -giả đang lúc tung-hoành, chợt thấy bóng ông phù-thủy, thì biến ngay vào trong hình giả : học rõ chăm, viết rõ kỹ ; đứng ngồi rõ chỉnh-tề, ăn nói rõ lễ-phép, cứ như thế trước mặt là người, sau lưng là ma, cho đến khi tay ấn ông thầy đã yếu, mà phép con ma kia đã giỏi, thì tức-khắc nó hiển-hiện ra ngay trước mặt ông thầy mà bốp cho lè luỡi ! — Dạy con nghiêm-khắc quá tức có cái hại như thế : nó đã sợ mình quá thì không có thồ-lộ cho mình biết bụng nó nghĩ điều gì, định làm việc gì. Minh đã không biết, thì biết đâu mà sửa ; cứ thấy nó lễ-phép trước mặt mình, thì tưởng nó vẫn hay, không ngờ trong bụng nó đã chứa tích biết bao nhiêu lòng hừ ý đại. Lúc nó đã quá quay đầu lộn cổ thì cha mới ngạc-nhiên không biết tại sao con mình hư-hỏng.

Còn những nhà nuông con quá, hoặc tại con một, hoặc theo lối mới, thì con như ông vua nhỏ trong nhà, cha mẹ như tôi-tớ, nó đòi gì được ấy, bắt thế nào cũng phải nhe; cũng có lúc biết rằng con hư, định trừng-phạt ; nhưng vừa nói đến thì cậu vua con giả ốm, dọa bỏ nhà đi Tây, hay chằm mình thối cổ. Ấy thế là cha mẹ hoảng-hốt, đổ-dành van lạy, mời cho cậu chơi, tay cho cậu ăn, từ đấy không dám động đến chân lông nữa ! Hôi thì cậu tha-hồ ăn chơi hoang-phí, cha mẹ cứ nai lưng ra mà tích của để dành cho cậu phá.

Không cần phải kể hai cách dạy con ấy hại là thế nào, vì mất ta đã trông thấy biết bao nhiêu nhà phải cái ông con như vậy.

Phép dạy con là phải làm thế nào cho con thân mình, tin mình, yêu mình.

Con thân thì nó mới đem hết tâm-sự bày dãi với mình : việc hay việc dở nó cũng cho mình biết cả. Nhưng phải làm thế nào cho nó thân với mình,

không giấu mình một điều gì. Trước hết là phải âu-yếm nó, rồi hễ thấy nó đã làm được việc gì hay thì khen; nhưng hễ thấy nó định làm việc gì dở, thì cũng đừng nổi giận; cứ rủ-rê khuyên-răn dần dần.

Nếu nó làm phải điều quá hư, mình đã giận bảo trước rồi nó không nghe, thì cũng đừng có đánh đập: cứ nghiêm-nhiên, làm bộ buồn rầu, không hỏi-han, không âu-yếm. Xưa nay nó vẫn thân-yêu mình, mà thấy mình lãnh-dạ như thế, thì khổ-sở lắm, nó tự nhớ đến tội mà lại van-lơn, hoặc nó không nhớ thì mượn người khác bảo cho nó biết vì nó tội gì mà mình giận. Nhưng lúc nó đã van lạy rồi, mình cũng đừng âu-yếm nó ngay, ít ra cũng phải làm giận lấy một hai ngày cho nó thật khổ-khổ. Tôi đã nghiệm rằng đánh đòn thật đau nó không nhớ bằng những lúc mình giận như vậy. Lúc đã thôi giận rồi, hễ khi nào rồi-rãi vượt-ve âu-yếm cũng nằng kể lại tội cũ. Đặt ra truyện cổ tích hay tìm đũa nào cũng có tội ấy mà chỉ cho nó trông, kể cho nó nghe, đan đi giậm lại cho nó không sao quên được. Hễ thấy cái thói xấu nào hơi bắt mắt trong chí nó, thì cứ như thế mà làm cho tuyệt nọc, nhưng phải làm sao cho nó tin mình thì nói nó mới nghe. Muốn cho nó tin thì trước hết đừng dối nó cái gì, hoặc cất nghĩa các việc thường, hoặc hứa cho nó đi chơi hay ăn quà ăn bánh, nhất-thiết đừng có dối trá sai lầm. Nó đã yên-trí rằng mình bảo nó điều gì là thật phải, mình hứa với nó cái gì là tất có, thì tự khắc nó tin.

Con trẻ cũng như người lớn: nếu ta đã biết ai, nói thời như xẻ cửa xẻ nhà nhưng kỹ-thực thì chỉ cốt để rút ruột già ruột non ta thôi, thời bảo ta tin-yêu sao được?

Nếu con trẻ đã thân mình tin mình thời tự-khắc nó yêu. Đã yêu thì lại càng thân, càng tin ta lắm. Đã yêu thì

ta dễ dạy-bảo khuyên-răn, đã yêu thì biết nể biết sợ, đã yêu thì trước mặt thế nào sau lưng thế. Gần ta nó biết sửa mình, xa ta nó lại biết giữ mình hơn nữa. Ta còn nó ăn ở hết đạo làm con, ta mất nó lại ăn ở hết đạo làm người.

Cứ như thế thì lo gì nó chả thành-thân. Ấy cái lẽ cha mẹ phải thân với con là thế.

Còn như phải chọn bạn cho nó gần, tìm chỗ cho nó chơi, một là để cho tinh-thần nó mở-mang, cho nó biết đường cư-xử, hai là để ta biết rõ thêm cái tính-tình của nó.

Dạy con mà cứ khư-khư giữ nó trong nhà, không đi đến đâu, không hề bạn ai, thời trách sao nó chả ngu-dộn. Nhưng chơi cũng tùy chỗ, bạn cũng tùy người. Chơi-bời bè-bạn thật là một vị thuốc rất mạnh: biết dùng ra thì chữa được bệnh, bỏ được người, không biết dùng thì hễ a thuốc độc, hại chưa biết chừng nào. Nhưng chọn cũng phải lựa, dùng làm mất cái sở-thích của nó; nếu ta ép nó phải chơi với ai, phải đến chỗ nào mà nó không thích thì nó sinh chán, đã chán thì có bổ-ích gì.

Trong cách nó đi lại chơi-bời ta cũng phải để tâm xem có hại thì trừ cho sớm. Nói tóm lại ta phải chọn phải trông thế nào cho nó chơi với bè-bạn là cốt để bắt chước lẫn nhau, huy n bảo lẫn nhau, tập lấy tinh bè-bạn, học lấy nghĩa đoàn-thể. chứ không phải ghen-ghét khinh-bĩ lẫn nhau, quyến-rủ nhau làm điều đại-dột. Ta phải chọn phải trông thế nào cho nó chơi nơi ững nơi có bổ-ích, ngắm lấy hình-thể núi sông, nhớ lấy di-tích đời cổ, hiểu cách làm ăn của người, biết suy tính các đường lợi hại.

Thế là cho nó chơi-bời bè-bạn để mở-mang tinh-thần trí-thức.

Ta cũng còn cốt cho nó chơi-bời để biết rõ các tính-tình của nó; bởi vì tuy nó

đã thân yêu ta, không đến nỗi có ta thì đeo mặt nạ mà vắng ta thì giở trò tinh-quái, nhưng tinh-tinh đũa trẻ còn non-nớt, ở trong nhà thì chịu ảnh-hưởng của cha mẹ anh em, ra ngoài thì chịu ảnh-hưởng của bè bạn, của xã-hội. Lắm khi hai cái ảnh-hưởng ấy lại xung-đột nhau. Vậy ngay từ lúc đũa trẻ còn nhỏ, ta đã phải dần-dần cho nó ra ngoài, xem tính nó thay-đổi thế nào để liệu chiều mà sửa-đổi. Vả cũng lắm khi nó có những tính mà trong nhà ta không biết, mãi lúc ra ngoài nó mới hiện-biện ra. Vậy có cho nó ra ngoài thì ta mới biết rõ các tính-nết nó thế nào, thay đổi thế nào. Tức như ta đóng chiếc thuyền để đi bè, thì trước khi phó mặc chiếc thuyền ấy cùng sóng gió, ta phải thử xem có thực bền không, có còn thiếu-thốn gì không, có thể chống lại với gió to sóng cả hay không.

Các nhà quyền-quí bên Tàu khi xưa có cái tục cho con cháu chơi với nhau, nay họp nhau ở nhà này, mai họp nhau ở nhà khác, để chuyện-trò đàm-luận, và luyện-tập văn-bài, cũng có khi cùng nhau đi ngao-du sơn-thủy, để mở mang trí-tuệ và quan-sát việc đời. Cái tục ấy rất là hay, đã đào-tạo được bao nhiêu giai-nhân tài-tử. Tôi thấy các cụ nói ở nước ta khi xưa cũng có theo được cái tục ấy, nhưng đến bây giờ thì không thấy đâu còn, nghĩ đến mà tiếc

...Không biết tại làm sao trẻ con các nhà dẫu thân-thuộc cũng không hay đi lại chơi-bơi, sợ nó đại-dột bạm mồm bạm miệng gì chẳng? Nhưng thiết-tưởng cái cơ dẫu tiên là chúng ta bây giờ không hay suy-nghĩ đến việc dạy con: mong đẻ ra con, nuôi cho con lớn, dạy cho thuộc văn quốc-ngữ, bập-bẹ vài ba tiếng tây, rồi cây-cục cho vào trường, kễ được vào trường ấy là rảnh việc, lắm khi chẳng biết nó học-hành thế nào, chơi-bời với ai, hề thấy đồ bằng nọ bằng kia thì cho là con giỏi, nếu không đồ thời nào trách

thầy chẳng chăm, nào bài thi khó, nhưng có biết đâu một phần to là lỗi tại mình.

Giá bây giờ ta cũng theo cái tục cũ, giảm ba nhà họp nhau lại, cứ mỗi tuần-lẽ một lần cho trẻ con độ mười lăm đũa tụ họp lại ở một nhà nào, trong một ngày hay một buổi, cùng ăn cùng chơi, nếu có tiện thì đưa đi xem các đền chùa, các nơi thắng-cảnh, hay các chỗ làm ăn.

Như thế thời: một là những đũa trẻ ấy chóng mở-mang tinh-thần, đũa nào dần-dộn, cũng phải phá ngu. Hai là nó chơi-bời với nhau, yêu mến nhau, tự-nhiên có tình liên-lạc, có nghĩa đoàn-thề. Ba là nay chơi nhà này, mai đến nhà kia, thành ra biết được phong-tục mọi nhà, tự nó so-sánh biết cái hay cái dở. Bốn là cha mẹ càng dễ biết tính-nết con mình kém người cái gì, hơn người cái gì, nhân đó mà khuyên-răn dặn bảo. Năm là những lúc trẻ con chơi nghịch với nhau như thế, bao giờ cũng có người lớn trông nom, mà chúng nó cũng không phải tù-thức cho lắm.

Có một điều tối-cần, là các người cho con-cái chơi-bời với nhau như thế, phải coi con người y như con mình, coi cha mẹ chúng nó như bạn thân của mình, thì những đũa trẻ ấy mới biết yêu-quí nhau, biết đỡ-dẫn nhau.

Tôi thiết-tưởng cái cách ấy cũng chẳng lầy gì làm khó, chỉ có một chút nhiệt-thành là đủ.

Đó là tạm đem mấy cách dạy con mà xem phải dạy thế nào cho thích-hợp với cái phương-châm đã định ở trên. Đại-khái chỉ cốt làm sao cho đũa trẻ biết nghĩa họp-quần, biết đường tự-trị.

Bây giờ xin kết-luận: Ta đã cho việc dạy con là trọng, và hề biết dạy con thì con phải khá.

Ta đã xem xét xã-hội và gia-dình để tìm lấy phương-châm của phép dạy

con. Ta đã nhận ra rằng hai cái tệ chung của trẻ con ta là thói dè-hèn và tính cô-độc ; sau ta đã bàn qua mấy cách dạy con thế nào để trừ được hai cái tệ ấy.

Nhưng mà phạm muôn việc ở đời tuy đã hiểu được lẽ, định được việc, song cũng phải có đủ tư-cách để làm việc ấy thời mới thành-công. Vậy hãy ngẫm xem ta có đủ tư-cách ấy không?

Thế nào là có tư-cách dạy con ? Ta muốn bảo ai điều gì, bất-cứ trẻ con người lớn, nếu chính ta có làm nổi việc ấy thời nói mới có người nghe. Ta muốn dạy con ta có đủ các tính nết hay, thì ta cũng phải có đủ các tính nết hay ấy. Vậy tư-cách dạy con là có đức-tính hoàn-toàn. Song ở đời mấy ai chắc mình có đủ đức-tính hoàn-toàn, thế ra không ai dạy nổi được con mình hay sao ?

Có đức-tính hoàn-toàn là cực-điểm tư-cách dạy con. Chúng ta đâu chữa mấy người tới được cái cực-điểm ấy,

nhưng cũng có người gần người xa. Càng gần cái cực-điểm ấy bao nhiêu thì càng có tư-cách dạy con bấy nhiêu. Càng xa cái cực-điểm ấy bao nhiêu thì càng ít tư-cách dạy con bấy nhiêu. Vậy muốn giàu tư-cách dạy con tất phải sửa mình. Ta sửa được mình bao nhiêu thì dạy con càng dễ bấy nhiêu. Lắm khi ta chẳng phải dạy mà cứ trông ta tự-khắc nó theo. Bởi vì lời nói tuy có nghĩa, nhưng việc làm lại còn nhiều nghĩa sâu hơn. Cho nên cha dạy con đừng đánh bạc, nhưng con cứ bắt-chước cha mà bài-bạc cả ngày.

Vả nếu sửa được mình thì chẳng những dạy được con, còn đến những việc khó nữa cũng làm dễ như chơi. Cho nên thánh-nhân đã dạy « *tiên tu kỷ thân...* »

BÙI QUANG - HUY

Giáo-sư trường Bảo-hộ Hà-nội.

CẢI-LƯƠNG HƯƠNG-CHÍNH

Vấn-đề cải-lương hương-chính ngày nay là một câu chuyện hiện nay khắp chợ thì què đầu đầu cũng nói đến, nên cho là một câu chuyện thường, nhưng kỳ-thực là một vấn-đề rất trọng-đại, có quan-hệ cho cuộc tiến-hóa của nước nhà ta rất nhiều, và hiện nay Chính-phủ và các nhà thức-giả trong nước đương chú-ý đến lắm.

Nói đến cái hiện-tình công-cuộc cải-lương thực đáng nên ngao-ngán quá, hãy xin gói-ghém một câu mà nói lên trước rằng: *cải-lương* hầu đã thành ra *cải-ác* mất rồi. Quả thế, nếu xét đến cái hiện-tình thì không sao không phải phân-nàn rằng nếu liệt-bại như thế thì còn mong gì có thành-hiệu được. Về cái

nổi liệt-bại ấy chẳng những bây giờ mới sinh ra thế, ấy làm ra lúc nào thì liệt-bại ngay từ lúc ấy mà đi, nên trong mấy năm nay các nhà thức-giả, nhất là các báo quốc-vấn thường đã phí-tồn biết bao nhiêu giấy mực làm ra những trường-thiên đại-luận tỏ bày cái nổi liệt-bại những thế nào và cùng nhau bàn-bạc về cách bỏ-chính ra sao. Về phần riêng tôi, tuy học-thiền tài-sơ, nhưng trong mấy năm lạm giữ quyền chủ-trương tờ báo *Khai-hóa*, cũng từng theo đòi các bạn đồng-nghiệp mà góp một đôi lời. Nhưng mực đen giấy trắng, rút lại cũng chẳng thấy có ảnh-hưởng được chút gì. Tuy vậy mà lòng tôi lúc nào cũng nghĩ đến điều đó luôn, vì sống ở làng

sang ở nước, làng nước là gốc rễ của mình, mà làng mới thực là cái rễ cái quan-hệ hơn hết, góp làng thành nước, làng chẳng ra làng thì nước cũng chẳng ra nước nữa. Chúng mình sinh ở trong cái làng cái nước ấy với nhau thì hay làm sao được mà chẳng hèn. Vì vậy nên tôi nay đâu không ở trong làng báo nữa, không được cái hân-hạnh cùng các độc-giả bàn nói hàng ngày, nhưng tôi vẫn mong có dịp nào được đem cái ý-kiến hẹp-hòi về những điều tôi đã xem xét được về việc ấy, bày tỏ cùng đồng-nhân.

Cứ kể ra thì hương-chính hương-tục ở các làng cải-lương là phải lắm, vì đời cũ thay mới là cái lẽ tất-nhiên trong đường tiến-hóa của các dân-tộc trên thế-giới, nên xưa nay việc chính-trị và phong-tục người trên đối với dân dưới cần phải biết thông-biến nghi-dân, nữa chi thế-giới đến bây giờ đương là cái vận-hội mới, phong-trào mới, muốn cho được thích-hợp để mong tranh-cạnh sinh-tồn, thì hương-chính hương-tục cũ không sửa đổi không được, vì có nhiều điều ta đã thấy chẳng những không thích-hợp mà lại hủ-bại quá đời, nếu cứ để vậy mà không gia-công một phen chấn-chỉnh, thì dân-tộc ta có lẽ đến thoái hóa mất, cho nên khi bắt đầu mới nhóm lên công-cuộc cải-lương thì ai cũng sẵn một lòng cổ-võ hoan-ngheh cả.

Cuộc cải-lương ở Bắc-kỳ ta vi-thủy từ tỉnh Hà-dông trước, là nhờ có quan Tổng-dốc Hoàng Trọng-Phu đề-xướng lên và thực-hành ngay. Điều đó thích-hợp với các công-cuộc khai-hóa của nhà nước bảo-hộ đối với dân ta, vì nhà nước vẫn từng chú-ý đến. Bởi vậy nên khi quan MONGUILLOT lên làm thủ-hiến xứ ta đây, ngài bèn cương-quyết lấy điều đó làm cái quan-niệm về cái chính-sách làm-dân rất khôn khéo của ngài. Ngày 26 tháng 8 năm 1921 ngài đã đặt ngay thành điều-lệ sức-

thị các dân-xã đều phải thứ-đệ thực-hành cải-lương, từ đó đến nay cái phong-trào cải-lương đều tràn khắp các dân-xã không còn mấy nơi là không. Cứ cậy về cái chính-sách rất khôn-khéo và lòng nhiệt-thành rất sốt-sắng của ngài ấy, ai chẳng tưởng là chẳng bao lâu mà dân ta sẽ được hưởng biết bao nhiêu hạnh-phúc về cái kết-quả tốt-tươi. Nhưng ta đáng nên lấy làm tiếc rằng ngài khéo ra công bón-xới vun-trồng thật đấy, nhưng rút lại chẳng có kết-quả gì, mà còn e không biết rồi ra còn liệt-bại đến thế nào nữa kia đấy. Vậy thì cái trở-lực bởi vì đâu, tưởng chẳng cần phải nói, các độc-giả đều biết ngay rằng: các hương-thôn ta chưa đủ tư-cách mà làm nổi được công-cuộc ấy.

Cổ-nhân đã nói: có phép hay cần phải có người hay, vậy ta thử xét những bọn huynh-thứ trong các dân-xã bây giờ là những người trọng-yếu mà Nhà-nước giao cho cái trọng-trách là phải thi-hành công việc cải-lương ấy, có toàn được là người hay cả không? Quyết rằng không. Tôi dám nói tất cả các dân-xã trong xứ Bắc-kỳ ta, trừ những nơi Mán-mọi ra không kể, khéo lắm chỉ được năm ba làng mà thôi. Vì nếu có được nhiều người hay, thì cái công-cuộc ấy đã không đến nỗi liệt-bại thế này. Mà nếu có hay thật nữa thì cứ cái hương-chính hương-tục cũ của cổ-nhân lưu-truyền lại mà theo cũng thừa tốt-đẹp; song cũng chỉ vì chẳng có người hay mà đến nỗi thành ra hủ-bại, khiến cho Nhà-nước phải nghĩ cách cải-lương. Ấy chỉ vì người không hay mà phép cũ đã làm thành dở, phép mới lại làm ra dở nốt. Tiếc thay! Vậy sau đây tôi xin lần-lượt cứ thực tường-khai những nhân-vật trọng-yếu về cuộc cải-lương ở các làng thế nào.

Trước hết hãy xin nói tóm cả một hội-đồng. Theo như điều-lệ thì mỗi làng phải cử ra một hội-đồng để làm

công việc cái-lương. Đầu hết mỗi họ phải cử ra một người để làm đại-biểu cho họ, gọi là tộc-biểu, nếu là họ nhỏ thì hai ba họ cử chung một người. Rồi các tộc-biểu lại nhóm lại cử người nào làm chánh-hương-hội hay phó-hương-hội, người nào làm thủ-quĩ hay thư-ký. Tưởng như thế là công-bằng lắm, vì không có cái hại vây-cánh bè-đảng, nhất là kẻ cường-hào không được chuyên-hoạnh mà những người hay những họ kém vai-vế cũng được có quyền ăn nói về việc làng. Nhưng ngờ đâu lại thành ra một cái mối tranh-cạnh lớn, mỗi khi hết một hạn hội-dồng, là trong làng lại lục-đục ngay. Chứng ngay như hôm vừa rồi tôi có đi qua một làng gần đây, thuộc tỉnh Bắc-ninh, thấy trong làng kẻ đi người lại tấp-nập mà ai cũng mặt đỏ gay, hơi men chệnh-choáng. Tôi hiểu-kỳ, hỏi xem trong làng có việc gì, thì có một ông cụ nói : « Làng tôi hôm nay bầu các ông hội-dồng đấy, các ông tranh nhau làm cỗ mời làng hơn nửa tháng nay, không hôm nào phải com nhà, cử chén tràn mãi, mà nề quá chẳng biết bầu ai đưng ai. Ấy làng tôi hương-hội cũ hết hạn đến bảy tám tháng mà vì cứ tranh-cạnh mãi nên chưa bầu được hương-hội mới. » Tôi nghe nói lấy làm nghĩ-ngợi sững-sốt cả người, không hiểu họ tranh nhau cái gì, có lẽ cũng tranh-cạnh dũ, lời ăn lời uống, đút bạc đút tiền, như cuộc tranh-cạnh của mấy ông hậu-tuyên tổng-lý hay mấy quan nghị quan hội mà ta thường thấy chẳng. Đương lúc ấy lại thấy sáu bảy người đàn bà quẩy mấy gánh rượu lặc-lặc, mỗi gánh có đến hơn bốn chục chai rượu, các bà ra dáng hơn-hở lắm. Có một bà nói : « Thôi tổn nhân thể, cố lo cho thầy cháu làm được cái chánh-hội tôi cũng hả. » Hỏi ra mới biết đều là « bà đầm » của các ông hậu-bổ tộc-biểu cả đấy, bà nào cũng tỏ ý muốn tranh-cạnh cho đứ ông chồng

có danh có giá, để hòng cái nước « quan tấ » mà lên bộ với chị em bạn gái trong làng. Cứ mắt tôi trông những gánh rượu của các bà đã có đến hơn bốn trăm chai và cứ như ông cụ nói chuyện ấy thì mỗi ông hậu-bổ tộc-biểu ít ra là hai lợn, ấy là không kể sự ăn uống lặt-vặt con chó con gà khác, thì ra làng này to, theo đúng như điều-lệ Nhà-nước phải hai mươi ông tộc-biểu, nếu lập xong được hội-dồng, không kể sự phí-tồn khác, cứ cái số lợn thì 20 ông tộc-biểu đã là 40 lợn rồi, ghê không !

Đó là ta-dan-cử sự tranh-cạnh về hội-dồng của một làng như thế, chắc ai cũng phải lấy làm chán quá. Hội-dồng đã vì sự tranh-cạnh hèn-mạt mà lập ra thì còn làm gì được nữa mà mong. Quả vậy, lệ thường thì hội-dồng mỗi tháng họp hai lần, mà có làng cả tháng chẳng thấy họp gì cả, nếu có họp thì cũng như đàn xâm bán chuyện voi, chẳng hiểu công việc gì, mà hễ họp là phải có chén dĩa, cỗ mỗ không bằng cỗ thốt, đám nào có chén là hội-dồng đến ngay ; như vậy thì hội-dồng cái-lương cho dân-làng lại thành ra một đoàn ăn hại, bớt ăn bớt uống của bọn con em để nuôi đàn sâu bọ, còn tức gì bằng. Cái câu chuyện « hai đám cãi nhau hội-dồng kết-nghi phạt năm mâm cỗ » của hội-dồng một làng nào ở Kiến-an, năm ngoái đã đăng trong một tờ báo kia, bà con ta ai nghe đến cũng phải cười đến vỡ bụng, mà đều phải phục hội-dồng làng ấy xử kiện một cách mới quá và được việc quá ! Ấy cái hiện-tình hội-dồng các làng đại-đề là như thế cả ; từ đây trở xuống tôi xin nói riêng về từng vị một trong hội-dồng.

Đứng đầu hội-dồng là chánh-phó hương-hội. Cứ theo như điều-lệ của Nhà-nước thì hai chức ấy địa-vị và chức-trách đã cho có một cái quyền-hạn riêng cũng tôn-trọng lắm, ý Nhà-nước muốn cho người có học-vấn kiến-

thức như các hưu-quan và các người có phẩm-hàm và khoa-mục ở trong làng ra nhận chức đó để cho có đủ tư-cách biện-sự được. Nhưng những người như thế phần nhiều không chịu ra làm, một là vì làng nào cũng có một lũ điều-hào đông, chúng bấy lâu chỉ quen bóí khoét trong làng, nếu bây giờ có người đem công-tâm ra mà làm thì tất bị bọn ấy ngăn-trở quấy rối; hai là vì trong làng các họ, có họ hơn họ kém, họ sang họ hèn, trước kia chỉ những họ to và cò bề-thể mới có người được ra ăn nói ở trong làng, bây giờ họ nào cũng được có tộc-biểu, các người ấy chưa thoát khỏi được cái khi-vị giai-cấp, sợ ra làm thì sang hèn một loạt có mất thể-diện chẳng; ba là các quan trên đối với các hội-đồng có nhiều ngài không phân-biệt, cứ nhất-luật đem quan-dạng mà đối-dãi, nên người trí-thức không ai dại gì lại ra mặt để bị cái nổi khó chịu đó. Ấy vì những cơ như trên đã nói, nên chức chánh phó hương-hội các làng không được mấy người có tư-cách. Các người biết đã không chịu ra làm, tất là lại đến phần bọn kỳ nát chứ còn ai. Đã đến bọn ấy ra làm, thôi thì hồng việc ngay, vì sự ngu dốt và cái căn-tính đê-hèn nên không mấy kẻ tự biết quý-trọng cái quyền-hạn và cái địa-vị của mình, cũng cho mình như là bọn kỳ-lý khác, thì nhau luồn-lọt chốn quyền-món lấy thể để lòe dọa dân làng, đối với việc làng thì chẳng nghĩ gì đến công-ích công-lợi cả, vẫn giữ sẵn lòng tham-biền, chỉ định có việc gì để nạo-khoét kẻ cùng-dân; kẻ nào quá gian-hoạt cũng mượn tiếng bày ra việc công-lợi này việc công-ích khác để hồng xé mắt mút tay. Vì những kẻ ngu-hèn ấy làm mất cái giá-trị đi rồi, nên các nhà thức-giả trong làng lại càng chán-nản, không ai còn tưởng đến nữa, chứ có phải vì không có cái bằng-cấp như ý quan Thống-sứ Bắc-kỳ hồi năm ngoái đã tư

hỏi quan Thủ-hiến các tỉnh mà định đem cái đó để làm cái mỗi đủ được đâu.

Chánh-phó hương-hội đã phần nhiều là những người như thế thì thủ-quĩ thư-ký cũng khó cho có được người hay. Cứ chiều như điều-lệ đã định thì chức thủ-quĩ và thư-ký cần phải lựa từng hạng người đích thực là thanh-liêm, có thanh-vọng, có am-hiểu công-việc, vì chính những người lĩnh hai chức ấy là kiêm chức-trách theo phép thực-hành các lời trong hương-hội đã bàn định. Vậy mà hai chức ấy ở phần nhiều làng chỉ như cái máy cho mấy bác điều-hào làm chánh phó hương-hội muốn xoay thế nào thì xoay. Tuy rằng thủ-quĩ phải bầu những người có vật-lực, nhưng chính những người có vật-lực lại biết đôi chút lý-sự thì không được bầu, chỉ những bác có của mà không khôn thì họ mới bầu ra nhận giữ tiền quỹ, rồi họ bắt đưa ra cho họ chia nhau tiêu, lúc nào Nhà-nước có phái quan về khám quỹ thì họ mới trả cho vào quỹ để trình; quan khám xong, của ai lại lấy về tiêu, nên gọi là thủ-quĩ mà có kẻ quanh năm chẳng được giữ lấy một đồng xu nhỏ. Có làng bọn hương-hội lại quá gian-quyệt, khi quan về khám quỹ, nếu những món tiền họ chia nhau tiêu chưa lo trả kịp, thì họ bảo thủ-quĩ trốn đi một chỗ, quan có hỏi đến thủ-quĩ thì họ chối là vì quan bất-thần về khám không súc trước, nên thủ-quĩ không biết mà ở nhà ứng-hậu. Quan vì đi khám có ngày giờ, không thể chờ đợi được, đành phải về không, không lẽ nay về mai về mà khám luôn được. Thành ra làng cái-lương lại sẵn có kho tiền cho bọn sâu một tha-hồ mà ăn tiêu. Còn đến chức thư-ký phải trông nom các sổ sách như là các sổ chi-thu. Nhưng đều là những bác gà-mờ, bảo lập một cái biên bản không biết lối nào mà giờ cả. Tuy rằng mấy năm nay Nhà-nước có lập ra trường thư-ký ở

các tỉnh để dạy cho biết việc, nhưng còn lạ gì cái sự học của các ông kỹ-nát ở ấy nữa, đã vì cái hư-danh mà đi học, nên phải tìm cách cầu-cạnh cho lấy được cái bằng tốt-nghiệp để về làng hòng được thực-thụ cái chức ông ký ông thư, nên có kẻ học năm sáu tháng trời mà chữ A méo hay tròn cũng không biết. Nếu có kẻ học thông-hiểu hay thiệp-liệp được đôi chút nữa, nhưng sau khi về làng mà kém cánh ít tiền cũng không làm được. Rút lại ai ra làm cũng phải a-tòng cùng bọn gian-hoạt mới xong việc. Đã a-tòng, thôi thì thu nhiều chúng bảo biên ít, chi ít chúng bảo biên nhiều, họ khéo lắm, kéo đi xê lại khoản gì cũng đúng như nhau cả. Nếu dân làng có muốn trích-phát sự hà-lam cũng khó mà tìm ra được mối-manh.

Chiều như điều-lệ thì các chức trong hương-hội đại-đề chỉ bấy nhiêu người là đủ làm việc. Bấy nhiêu người mà làng nào lại gặp những người như trên đã nói thì cải-lương tất thành ra cải-ác, chứ chẳng lọ là nhiều. Vậy mà có nhiều làng bọn gian-hoạt lại giả-danh công-ích mà bày vẽ ra lắm chức nữa. Nào chức *thủ-lộ* để giữ đường-sá đi lại ở trong làng, chức *thủ-được* để giữ việc phát thuốc-thang cho các người nghèo. Xét ra cái bản-ý của chúng có thiết gì đến công-ích, chẳng qua chỉ vẽ ra các ngôi-thứ ấy để lừa bán cho bọn con em có máu mặt, lấy tiền chia nhau mà tư tiêu. Vì không thực lòng với việc công-ích, nên có *thủ-lộ* mà đường-sá trong làng vẫn bầu, góm-ghe, có *thủ-được* mà một viên kỹ-ninh cũng chẳng có. Có làng bọn gian-hoạt hết cách kiếm tiền, lại nghĩ đặt ra những chức quá ư kỳ-khôi. Tôi còn nhớ một làng về tỉnh Phúc-yên, trong hội-đồng ngoài chánh phó-hội, thư-ký thú-quĩ ra, lại còn thủ nọ thủ kia đã có đến năm sáu ông *thủ* rồi. Họ bàn nhau tìm cách lấy tiền, nhân mấy năm trước Nhà-nước có sức

bảo các dân-xã nên trồng hội-thầu-dầu, làng ấy trồng được rất nhiều. Họ bèn lấy cơ xin phép cho bầu một chức *thủ-hội* để theo dõi hội-đồng trông nom thầu-dầu cho dân, viết khoán là « vị-thứ dữ chánh phó-lý đồng » ; rồi dân em xô nhau ra tranh làm, anh nào được là bọn họ cùng nhau vớ được món tiêu. Hội-đồng đến có chức *thủ-hội*, trông cũng mới thật, ông *thủ* hay ông *hội* chẳng biết về-vang đến bạc nào mà cũng tranh nhau ! Có lẽ hội-đồng làng này nhiều chức mới, chẳng kém gì hội-đồng một hội-xã ở Hà-thành ta ngày nào, trong hội chia ra cục này cục nọ, những cục là cục, mỗi cục đặt một chức quản-lý, ai khờ dại mua chuộc lấy cái tiếng ông quản-cục là mất nghiệp liền. Câu chuyện cũ, nhân vui dẫn vào đây, chắc các ngài cũng không chê là rườm-rác.

Ấy những người mà Nhà-nước ủy-thác cho cái chức-trách thi-hành việc cải-lương phần nhiều như thế đấy, thì còn mong gì thành.

Một cái công-cuộc hay như thế mà vì không có người hay nên thành ra dở bét, nghĩ thực tiếc thay. Tuy không có thể nhất-nhất về từng làng mà xem xét công-cuộc cho được rõ-ràng hơn, nhưng cứ lấy người mà đoán việc, người đã chẳng ra người thì việc còn ra việc sao được. Cho nên có người đã dám nói quyết : trong trăm phần dân-xã cải-lương, khéo lắm chỉ được một hai phần là còn có vẻ khả-quan. Gọi là khả-quan không phải là đã có thành-hiệu gì đâu, nghĩa là chỉ mới có được cái hình-thức cải-lương mà thôi, đối với cái hình-thức mà ta vội đoán mà không xét kỹ thì có khi lầm. Như một làng thừa-lệnh cải-lương ta thấy họ cũng làm được : nào nhà học, nào nhà hội-đồng, lại lập nhà hộ-sinh, xây giếng nước ăn, lại tổ - chức được một bọn phiên-tuần mặc áo ni đỏ ; bước chân vào làng nom rục-rờ mà

oai-nghiêm lắm. Nhưng nếu ta năng qua lại luôn thì thế nào ta cũng sẽ thấy ngay các việc ấy là hư-vấn, không có thực-hiệu chút nào. Vì đâu mà thành ra không có thực-hiệu? cũng vì nhiều cớ, nhưng cái cớ thứ nhất là vì nhiều làng cũng không có người hay, vậy mà mở-mang ra được có những việc đó là nhiều làng bọn điều-hào khéo biết đón ý quan trên, biết quan trên nhiệt-thành về việc ấy, bèn cùng nhau về cố tru-tính lấy món tiền công, xin lập ra cho được, vừa được chăm mút đôi chút, lại được tiếng khen, có khi lại được phẩm-hàm nữa; nên mới nờn nức nhau làm; nếu trong làng ít tiền cũng cố xoay-xỏa cho kỳ được. Cái trò đã không có thực lòng với công-ích thì sinh ra thờ-ơ nhạt-nhẽo ngay. Sau khi đón quan về khánh-thành công-cuộc cải-lương được ít lâu, thì nhà trường đóng cửa, cỏ mọc đầy sân, nhà hội-đồng bàn ghế ngổ-ngang, đến kỳ cũng chẳng ai họp-tập bàn-bạc chi cả, thì ra làm tốn dân làng hàng nghìn hàng vạn, con em chẳng được chút thực-huệ gì, kết-cục chỉ mấy bác hội-đồng, bác thì được phẩm-hàm, bác thì được tướng-lục, hay bác thì được ngân-tiền, bội-tinh chi đó mà thôi. Quả vậy, bấy lâu ta cứ nghe làng này cải-lương thành-hiệu, làng nọ cải-lương thành-hiệu, nhưng chẳng qua chỉ toàn là có cái bì-tướng đó thôi. Hiện tôi đã rõ biết một làng kia, riết quá lại làm được cả ấu-trĩ-viên là một cái công-cuộc khó làm cho thành được ở xã-hội ta ngày nay. Lúc mới nghe, tôi lấy làm phục lắm, nhưng sau mấy lần tôi đi qua, chỉ có cái xác gọi là ấu-trĩ-viên, mà chẳng có lấy một đứa ấu-trĩ nào. Vậy mà khi xem báo thấy gọi quan trên về khám làng ấy thấy các công-cuộc cải-lương đều có đặc-sắc cả, nhất là ấu-trĩ-viên, nhà cửa sửa-sang trong đó có nuôi năm sáu mươi đứa trẻ, đứa nào mặt mũi quần áo cũng sạch-sẽ cả. Tôi lấy làm lạ, sau hôm xem báo bèn thân-hành về xem thì vẫn thấy buồn-

tênh vắng-ngắt như xưa. Chán qua, sau hỏi ra mới biết là hội-đồng làng ấy họ chỉ hư-ứng tắc-trách mà thôi, họ có may sẵn độ năm sáu chục bộ quần áo để ở ấu-trĩ-viên, quan trên về hôm nào tất có sức trước, họ bèn cho quét dọn thật sạch-sẽ, rồi đi sục trong làng lấy giãm chục đứa trẻ mang ra đó tắm rửa và cho mặc quần áo mới. Quan trên về tới nơi thấy một lũ trẻ như thế tất phải ban khen, có biết đâu khi các ngài bước chân lên xe ra về rồi thì cái lũ trẻ kia lại bị lột áo đuối ra về với cha mẹ, thế là lại chơi bởi nhem-nhuốc, ăn uống bần-thiếu, nào có ai trông nom nhìn-nhận đến chi nữa. Đồi trên lừa dưới, cái thói của mấy bác điều-hào như thế phỏng còn mong cậy gì!

Thôi, cũng chẳng muốn kể chi cho rườm lời thêm rác về cái liệt-diêm của đám hương-hội các làng cải-lương làm chi nữa. Song nói đi cần lại phải xét lại, vậy ta cũng nên xét rằng hiện phần nhiều bọn thừa-hành công-cuộc ấy đều là vô-học cả, đã vô-học thì lấy đâu làm hay. Các hương-thôn ta xưa nay các chức-sự kỳ-mục kỳ-nát đều là bọn vô-học hay học dở-dang mới chịu ra làm. Nhưng tuy họ vô-học mà phần nhiều lại có cái khéo-khôn riêng, khi ra làm việc dân nhĩ chăm-chăm về sự lập bè-dãng để giữ lấy cái quyền-bính ở trong làng; nên khi chưa cải-lương quyền-bính vẫn ở tay họ, khi đã cải-lương rồi cũng phải vào tay họ, chứ còn lọt được đến ai. Nếu có người học-thực sẵn nhiệt-thành ra làm, nhưng « nhất hồ quần hồ », chúng cũng sinh-sự cản-ngăn mà có làm cũng phải đến hồng. Hương-chính hương-tục dồi mà các người giữ hương-chính hương-tục không dồi được, thì còn nói chi. Họ đã phần nhiều vô-học như thế thì ta trách họ cũng vô-ích mà thôi.

Nếu vậy thì cứ dành để cho bọn vô-học ấy làm sao thì làm dư? Không! ta không thể nhân nghẹn mà bỏ ăn, nhân

vấp mà không đi nữa, ta cần phải tìm cách mà bỏ-cứu cho mau mau. Cái nền hương-chính hương-tục bây giờ cũng vì như cái nhà cũ đã giở tung ra làm lại, thì thể nào ta cũng phải lo kíp làm cho kín trên bên dưới mới nên, có lẽ nào vì tay thợ vụng mà bỏ không làm nữa, cam để cho bẹp nát đi được. Muốn cho toàn được những người hay ra cáng-dáng lấy công việc ấy thì ngay bây giờ chưa có kiếm đâu cho ra được, ta còn phải đợi họa là những lớp sau là những bọn thiếu-niên bây giờ được chịu ơn đào-chú về phương-pháp giáo-dục của Nhà-nước ra sao đã. Mà có lẽ chẳng những việc này, hết thầy các công-cuộc trong xã-hội ta, cái gì cũng phải đợi thể cả. Thôi thì việc gì bây giờ ta hãy cứ lập cái nền sẵn ra đó, hãy lo bồi-đắp cho khỏi long lở, rồi sau sẽ muốn xây nên lâu-dài quán-các gì cũng được. Vậy bây giờ cái nền cải-lương đã có ra đó, không may lại bị bọn vô-học-thức làm cho long-lở đi, mà khử-bỏ bọn đó ra, lại không thể dùng ai mà thay vào. Vậy ta phải nên tìm cái phương-pháp bỏ-cứu, là khéo giữ-gìn và chỉ-bảo bọn đó phải làm như thế nào vậy. Nhưng nghĩ mới lại khó nữa, là biết ai mà giao-phó trách-nhiệm giữ-gìn chỉ-bảo được bây giờ?

Cái người mà ta có thể giao-phó được cái chức-trách ấy, chẳng phải nói thì ai cũng biết, trước hết là ở các quan Nam ta, vì người mình lại cai-trị dân mình, thì tính-tình phong-tục của các thôn-dân thế nào các ngài ấy cũng đã rõ biết cả. Trong các quan Nam đó, lại nhất là các qua phủ huyện, vì các ngài ấy có chức-trách thân-dân, các điều lợi-bệnh trong dân-gian, ánh sáng ngọn đèn trời đều trực-tiếp soi-xét được hết. Vậy chẳng trông-cậy vào các ngài ấy thì còn biết trông-cậy vào ai? Chẳng những ta trông-cậy, mà trước khi Chính-phủ muốn thi-hành công-cuộc cải-lương này cũng phó-thác

cho các ngài ấy cái chức-trách đốc-hành rất lớn mà lấy đó làm cái thang truất-trắc rồi. Dầu rằng ít lâu nay cũng có một số ít trong các ngài ấy không thể cái lòng khai-hóa của nhà-nước, lại lợi-dụng cái công cuộc đó để thi-hành cái ngón nạo khoét già; kẻ ngu-dần vì ngu-đốt không biết đường làm, được các ngài biết lại không chỉ-bảo lại quấy-rối làm cho cái công-cuộc đáng nên có cái kết-quả tốt đẹp biết đường nào phải hư-hỏng tồi-tàn, khiến cho các nhà thức-giả phải buồn-bực mà khôn lẽ nói ra, mà đến ngay như quan Thống-sứ MONGUILLOT vì sẵn lòng muốn khai-hóa cho dân ta mà chủ-trương ra công cuộc ấy, thấy cái tình-tệ như thế đã phải nhiều lần tỏ lời phân-nàn. Song ta cũng không nên lấy một số ít ấy hay số nhiều nữa mà chán-nản, mà ruồng-rẫy các ngài ấy. Chúng ta hẳn không còn lạ gì cái căn-tính hèn nhát khốn-nạn và ngu-đốt của dân mình, nếu có người đem điều khôn lẽ phải mà rạch-ròi chỉ-bảo một cách mê-đềm, thì đó họ có nghe, cứ người có quyền-thế có thể đánh trời mắng chửi được thì bảo thế nào họ cũng cúi đầu cắm cổ mà nghe theo. Vậy cái người có quyền-thế ấy là ai? Tức là các quan Nam ta vậy. Dầu bây giờ vì cái lẽ cải-cách trong nền chính-trị tại bản-xứ mà cái quyền-hạn của các ngài ấy có kém đi đôi chút thật, nhưng đối với nhân-dân thì các ngài ấy vẫn có được cái uy-vọng khiến cho dân phải tôn-kính, phải e-sợ như xưa. Đối với dân như dân mình, đã không có được cái tư-cách tự-trị lại sẵn lòng phục-tòng như thế thì có sẵn cái quyền-thế như các ngài ấy, làm gì mà chẳng được, làm cho đỡ còn được, nữa chỉ lại làm cho hay. Vậy cuộc cải-lương hương-chính hương-tục của các làng ta bây giờ được thành-hiệu hay không, chỉ cốt ở các ngài ấy là người đã nhận cái chức-trách của Chính-phủ ủy-thác cho phải

chỉ bảo trông nom có lương-tâm hay không có lương-tâm thế nào mà thôi vậy. Thật thế, tôi đây cũng đã được xét thấy một vài nơi vì nhờ có được quan phụ-mẫu thực lòng đôn-độc chỉ bảo cho dân từng ly từng tý, không có chút lợi-tâm nào vào đó, thì đối với dân ngu, dẫu chưa có được cái kết-quả tốt-tươi ngay, nhưng cũng đắp lên được cái cơ-sở vững-vàng, khiến cho dân-sự cũng nhờ đó mà hưởng-thụ được đôi phần phúc-lợi. Nhất là các ngài ấy lại sẵn lòng chỉ bảo cho hương-hội các làng biết rõ được cái chân-ngĩa về sự cải-lương mà cái chức-trách của hương-hội ra làm sao, thì dân-gian cũng đỡ được thói tranh-dành; kẻ vô-học vô-tài biết nhường cho người có đủ tư-cách ra làm, không tức khí nhau vì cái hư-danh, nên các làng được đỡ hại nhiều lắm. Còn vô-phúc cho nơi nào gặp phải vị phụ-mẫu *cú-đối* thì thực khổ về cải-lương, công-ích công-lợi cho các làng là những gì phụ-mẫu ngài nọ có xét chi, chỉ biết lợi-dụng ngay cái nền hội-đồng hương-chính của Nhà-nước đặt ra cho các làng làm cái món hàng bán đắt đem ra cầu dữ lũ dân ngu lấy trăm lấy nghìn đút chặt vào túi tham không đáy, dân chẳng lương thì ác, cốt có bạc cho mình thì xong. Ôi, không ngờ cuộc cải-lương hương-chính Nhà-nước mở ra lại làm rộng lối kiếm-chác cho kẻ tham-những đến như thế! Ngay như hồi này mới lại tha-hồ cho bọn tham-những khoét, vì hiện nay hương-hội các làng theo niên-hạn phần nhiều đều phải tái-bảo cả, nào chánh phó hương hội, nào thủ-quĩ, thư-ký, nào các tộc-biểu, mỗi làng bấy nhiêu chức thì bấy nhiêu là tiền. Các hương-hội đã thành cái mối danh-lợi mua đất bán rẻ như thế, thì các người có học-vấn kiến-thức tất lấy làm khinh-bĩ mà không chịu ra làm, chỉ lại những phường một non muốn thì cái món gà què ăn quần ở trong làng ra mua chuộc lấy mà làm, thì trách gì cuộc cải-lương

chẳng thành ra cuộc cải-ác được. Ấy những người mà ta phải trông cậy là các quan phủ huyện ấy, được người có lương-tâm thì lợi như thế mà phải người không lương-tâm thì hại như thế đấy. Vậy thì làm thế nào cho dân ta được có những vị sao lành bụt sống bây giờ? Khó lắm! Bảo rằng lại trông-cậy vào chính-phủ nghiêm-lệnh đốc-trách là được.

Song cái trò đã là kẻ gian tất lại ngoan, ma ăn cổ có bao giờ trông thấy được, ta há lại chẳng từng thấy có lắm kẻ tham-những ăn ngấm ăn ngấm, ăn cho đến nổi lòi xương nát da của kẻ tiêu-dân mà bề ngoài vẫn khéo làm ra bộ liêm-khiết thương dân lắm đấy ư? Ta chỉ còn có cách là mong-mỏi ở cái lòng giác-ngộ của các ngài ấy nữa mà thôi. Nếu các ngài ấy biết tự qui cái giá-trị của mình là thượng-lưu làm tiêu-biểu cho dân dưới, biết đoái thương đến cái mệnh-vận của nước nhà, giúp sức vào cái công-cuộc khai-hóa của Nhà-nước may ra mà dân ta chóng được mở-mang, thì các ngài ấy sẽ được có cái vinh-dự lớn. Nếu phải những người lại chẳng thiết cái vinh-dự ấy nữa, thì xin nói nôm ngay rằng: đến thành cũng chẳng làm thế nào được nữa là Chính-phủ, dù pháp-luật nghiêm, thưởng-phạt minh đến đâu đi nữa cũng là vô-hiệu; cho nên nhiều người đã phải lấy làm buồn rằng: cuộc thanh-tra cải-lương-hương-chính của quan quyền Toàn-quyền MONGUILLOT mới đặt ra vừa rồi, ngài thực là hết lòng hết sức thật, nhưng tiếc rằng nếu cứ như cái tình-hình ấy, không khéo cũng là vô-hiệu mà thôi.

Ngoài các quan là những bậc ta phải trông cậy trước hết ấy, ta cũng còn trông cậy vào các nhà trí-thức ở trong hương-thôn nữa mới xong. Không kể vì những điều bại-liệt trong cuộc cải-lương hương-chính bấy lâu mà làm cho các nhà trí-thức phải chán-nản đã đành,

nhưng cũng có nhiều người đối với công-cuộc ấy ra ý lãnh-đạo quá, dù không có sự gì ngăn-trở có thể làm được cũng lần-lút thoái-khước không muốn dính-dáng cho bận mình, thực là đáng tiếc vậy. Ở trong các hương-thôn, mình là người có trí-thức phải nên ra mà hân-lấy cái chức trách dắt-dieu đỡ-dần, dân có khôn có hay thì mình cũng mới khôn mới hay được. Nếu chỉ thờ-ơ cho là không có quan-hệ chi tới mình, kịp đến lúc hương-chính hương-

tục bai-liệt quá rồi mới đứng ngoài mà than dài thở ngắn thì có ích chi.

..

Câu chuyện này là câu chuyện thường, tôi cũng không dám rườm-rời quá. Tôi chỉ xin đem mấy cái ý-kiến hẹp-hòi làm bàn cách bồ-cứu như trên đó, có vẽ thúng gạo, nên chằng xin đợi công-bình (公評).

ĐỒ THẬN

BÀN VỀ TRUYỆN KIỀU

Văn-chương là một cái quốc-túy, trên từ thi-ca, cho đến truyền-kỳ tiểu-thuyết, đều là có ảnh-hưởng, có tư-ích cho nhân-quần. Đọc đến văn quốc-âm quyền *Kiều* mà cảm-tính, ôi! thế này mới thật là cái tinh-hần của nhà văn. Cho nên đọc những văn ký-tái của cổ-nhân thì cần nên trầm-tiêm ngâm-nghĩ mà xem xét lấy vi-y, như những chỗ khen, chê, khuyên, răn, châm-chích, than-thở lại càng nên chú-ý lắm. Xem như *Tây-xương* là một truyện phong-tinh, mà ông Vương Thực-Phủ tả ra một truyện giai-nbân tài-tử; *Thủy-hử* là một truyện tội-phạm mà ông Thi Nại-Am tả ra một truyện trung-nghĩa anh-hùng; một cái văn hay truyền lại, mà truyền được cả việc hay, truyền được cả người cũng hay, vậy hai chữ tài-tử, là cái huy-hiệu của quyền truyện, chứ không phải cái huy-hiệu của người trong truyện. Quốc-văn nước ta như quyền *Kiều* của cụ Tiên-diễn dịch ở bộ *Thanh-tám tài-tử* ra, thật là dựng một cái cờ đầu cho lối văn quốc-âm của nước nhà vậy.

Chép truyện mà không tô son điểm phấn cho truyện, thì chép truyện làm gì, dịch văn mà không thù hoa dệt

gấm cho văn thì dịch văn làm gì, nhưng bao giờ cũng vẫn ngụ cái ý khuyên-răn, cái lời bao-biếm, muốn để làm gương cho thế-gian, thế mà thường nhiều khi vẫn cứ cất mồm đọc ngược, chộp mắt bỏ qua, nói hay cứ ngỡ là hay, nghe hơi nổi chỗ, khen đẹp cũng cứ rằng đẹp, người lùn xem chèo. Biết đâu: mắng khời nhưng mà nói mây mượn câu văn để tỏ cái tâm-sự; hòn đất nặn lên ông bọt, đem câu văn để tả cái tài-hoa; ấy là cái vi-y của nhà văn vậy. Nếu không suy-xét kỹ ra thì thường có lẽ nghe văn ông Vương Thực-Phủ mà cũng khen Trương Quân-Thụy, Thôi Oanh-Oanh; xem văn ông Thi Nại-Am mà cũng phục Tống Công-Minh, Ngô Học-Cứu; như thế thì thật oan mất cả hai chữ tài-tử.

Xem sách tiểu-thuyết không những là để tiêu-nhàn khiển-hứng, một là xem cái văn hay hay là dở để mà tập lấy văn-chương, hai là xem cái người phải hay là trái để mà luyện lấy đức-hạnh; sự đó là có quan-thiết về giáo-khoa học-khoa cả. Có chữ rằng: *khai quyền hữu-ích*, nếu chỉ bàn những câu văn hay hay dở, mà đến sự trái, lẽ trái, văn phân-vân mơ-khở thì thật

là phi mất nửa phần công-phu xem sách. Truyện *Kiều* của cụ Tiên-diên làm ra đã hơn một trăm năm nay, trong nước từ người già người trẻ, con gái con trai, khi ngâm ngày vắng, lúc vịnh đêm thanh, ai ai cũng thuộc lòng cả, hình như một câu phong-dao vậy; nhưng chỉ thích văn hay dễ mà ngâm-vịnh, còn các lời phán-đoán về những địa-vị, giá-trị, phải trái, khôn dại, tâm-sự của người trong truyện *Kiều* thì hãy còn phân-vấn chưa lầy giằm định-bình. Nay nhân có các nhà bàn về truyện *Kiều* vậy cũng xin giải ý-kiến riêng như sau này.

Xét trong truyện *Kiều* chỉ có mấy người yếu-trọng nên bàn đến, trước hết là Thúy-Kiều. Trong quăng hồi thứ nhất, đương lúc buổi khuya của các, xuân già còn khỏe, huyền già còn tươi, đương trạc gái tơ mà đã thề-thốt nặng lời, trẻ con đã biết gái tơ mà đã ngửa nghè sớm sao; — đến quăng hồi thứ hai cho rằng gặp con gia-biến lạ đường, việc gì đã đến nổi bán mình chuộc cha, nếu thế thì suốt thế-giới ai cũng như ai, ai cũng cứ phải bán mình mới chuộc được tội cha hay sao? thật là đáng thương đã thẹn Đê-Oanh; — đến hồi thứ ba đã trót lỡ chân, mà vẫn lâu xanh quen thói, thoát mua về, thoát bán đi, mặt dạn mày dày, ong qua bướm lại, thật là những tuồng như thế là tuồng dong-đưa; — đến hồi thứ tư, gặp khi cá nước duyên ưa, mở màn mây-mặt, dễ đem gan óc dền nghi trời mây, mà khi: bởi nghe lời thiếp nên cơ-hội này, khi đã thất-cơ trận-tiền, lòng nào còn vắn đàn cùng bạn mới, mời rượu cùng người thu, đã cực chưa, đã nhục chưa, chán-chê mê-mỏi, sau lại gán về thổ-quan, thôi còn chi nữa mà mong, đời người như thế là xong một đời, rồi cùng kẻ mới gieo mình xuống Lương-giang, thật là phụ người chẳng bỏ khi trời phụ ta; — đến quăng cuối cùng đã đem mình bỏ am mây, đâu có về được

nửa thì cũng: này mẹ này cha, một nhà xum họp, đã tu tu trót qua thì thì thôi, sao lại còn chiều lòng gọi có xướng-tùy, rõ thật là đã buồn cả ruột lại dơ cả đời!

Xét như thế thì suốt một đời *Kiều*, không được một điều gì cả, nghĩ lại tiếc cho *Kiều*, giận cho *Kiều* biết chừng nào!

*Đã làm phen trước lại hồi sau,
Tình cũng nên đau hiểu cũng đau.
Dù có văn-nhân tô-điểm lại,
Má hồng khôn rửa mặt thanh-lâu.*

Còn đến những người mà có quan-thiếp với *Kiều*, xem ra thì Kim Trọng là người gây cái cuộc đoạn-trường cho *Kiều*, Thúc-sinh là người mua cái cuộc đoạn-trường cho *Kiều*, Từ Hải là người nuôi cái cuộc đoạn-trường cho *Kiều*, Hồ Tôn-Hiến là người kết cái cuộc đoạn-trường cho *Kiều*, mỗi người được một nết, mỗi người phải một tật, kể đến sự ăn ở cho hợp đạo thường thì tất-cánh chỉ có Hoạn-thư là hơn cả, nay xin chia bàn các người ấy như sau này.

Kim Trọng

*Nền phù-qui, bậc tài-danh,
Văn-chương nét đát, thông-minh tinh
Thiên-tư tài-mạo tuyệt vời, [trời.
Vào trong phong-nhã, ra ngoài hào-hoa.*

Một người như thế, nếu nuôi được thành-tài, thì nghề văn-chương đem về mặt cho non sông, tài kinh-tế dà giúp việc cho quân-quốc, thì có lẽ muốn chung nghìn từ, kim-mã ngọc-đường, trước là noi nối lấy nghiệp nhà, sau cũng tỏ mặt với thiên-hạ, sao đến nổi bề trần chìm nổi, bề ái đầy voi, mang một tiếng văn-nhân vô-hạnh, lại bước cho người tri-kỷ vào đất đoạn-trường, người ta sai một li đi một dặm, làm một bước lỡ một đời, thật là người vô-hạnh-

Buổi thứ nhất, chơi xuân gặp bạn, mà nõ chung-tình riêng với chị em của bạn.

Buổi thứ nhì, sự học-hành là sự-nghiệp hết đời của mình mà lại rằng :

*Mượn điều du-học hỏi thuê,
Túi đàn cặp sách đề huề dọn sang.*

Cái chi của Kim Trọng đi du-học là chủ-ý ở đâu, chắc không nói ai cũng biết.

Buổi thứ ba,

*Vắng nhà được buổi hôm nay,
Trường đóng ghé mắt ngày ngày hằng*
[trông.

Trong khi ấy giá có ai khéo vẽ cái bóng-dáng khi bấy giờ Kim Trọng với Kiều ra làm sao và tâm-sự của hấn có vật gì, văn-chương chữ-nghĩa bề-bề, chắc lúc bấy giờ Kim Trọng cũng mê về tình.

Xét một việc ấy thì đủ biết nhân-cách kém lắm. Người ta ai cũng có tình, nhưng dùng chữ tình yào chỗ không đáng dùng thì không nên : mối-manh chưa có thề-thốt đã nhiều, là một sự không nên dùng chữ tình ; voi Vương Quan là người đồng-thân, là hai sự không nên dùng chữ tình ; công-danh sự-nghiệp như trời, đấm đuổi bề tình, say mê chữ ái, là ba sự không nên dùng chữ tình ; như thế thì cho dẫu tài-học rộng, chữ tốt văn hay, cũng gọi là đũa nô-lệ trong cõi tình-trường mà thôi.

Xem như ngày xưa ai hay chữ bằng ông Dương Hùng, vì một cái lý-tưởng làm mà qui-phục với Vương Mãng, sau hối lại đến nổi đâm đầu từ trên gác xuống sân mà chết, như thế thì cái tài văn-học là một sự dẹt gấm thêu hoa mà đến cái đạo-nghĩa của đời người mới chính là tinh-mệnh.

Cho sau này tìm thấy Thúy-Kiều mà thấy :

*Đầy vườn cỏ mọc lan thưa,
Song trắng quanh-quẽ nắng mưa rườm-*
[rà,

Nhà tranh vách đất lả-toi...
cũng không dám quên người chung-tình cũ mà rằng :

*Kể tôi lơ quạ chân ra,
Đề cho đến nổi trời hoa rạt béo.
Cùng nhau thề-thốt đã nhiều,
Nhưng điều vàng đá phải điều nói không.*

Những câu ấy ai chả bảo là người chung-tình, nhưng chính là người rất vô-tình. Người ta có hai thứ chung-tình: một là chung-tình ở trong bụng ; hai là Chung-tình ở ngoài mồm. Cho sau này có kết-duyên với Thúy-Vân, nhưng mà :

*Gọi là trả chút nghĩa người,
Sầu này dẫu-tọc môn đời chưa quên,
thì có ích gì cho Thúy-Kiều chữa ?
Chẳng qua cũng sinh nổi vợ rế, cậu Kim
Trọng không sao tránh được cái tội
hiếu-sắc.*

Còn sự sau này mà :

*Vội về sửa chốn vườn hoa,
Rước mời viên-ngoại ông bà cùng sang.
Thần-hồn chăm-chút lễ thường,
Dưỡng thân thay tấm lòng nàng khi xưa ;
xin duyệt-giả biết cho rằng sự đó
rất thiên-cận lắm, nhân-tình với Thúy-
Kiều, lại se tơ với Thúy-Vân, thời cái
phận-sự của người học-thức, đối với
người tình, đối với người vợ, nếu
không như thế thì còn nhân-cách gì
nữa ; tóm lại đó là cái bản-phận của
Kim Trọng, chứ không đáng khen,*

Năm mây bỗng thấy chiếu trời,
là một sự tiền đồ của nhà văn, chứ không nên đem một sự biền-đạt mà uốn cái lời bản về Kim Trọng.

Rút cục lại Kim Trọng là người dung-thường, có tài có học là người khá, đa-sầu đa-tình là người hèn. Nhưng bản người xưa cũng không nên quá-khắc, vì ai cũng không chắc đã hơn ai,

xin chiếu một lời ở trong sách có nói rằng: hễ bón tưới kỹ thì hoa quả nhiều, hễ bón tưới dỗi thì hoa quả ít; xem cái tài của Kim Trọng như thế, mà kết-cục như thế, thì cũng đủ phán-đoán là người hay hay người dở.

Thúc-sinh và Hoạn-Thư

Thúc-sinh là con nhà cự-phú, đã kết duyên với con quan chửng-tể thì hẳn cũng không vira, quanh năm buôn bán, mà lại còn quen thói bốc rời, bước chân vào chốn lầu xanh, say hoa đắm nguyệt, trăm nghìn đồ một trận cười, thế là có phạm đến qui-cử của nhà thư-hương thì đã đành, nhưng tự-xử trong gia-dinh lại còn ba điều lỗi nữa.

1. Giấu cha mà dám lấy vợ bọm, búa rìu sấm sét cũng cam, đại rồi còn biết khôn làm sao đây, đến nỗi đưa nhau đến cửa công, thế là bất-hiểu thì thật đại.

2. Phụ vợ mà dám công-nhiên lấy vợ trắng hoa, dỗi thay nhận cá đã hằng đầy niên, nhạt tinh tao-khang, mặn tinh cát-lũy, thế là bất-nghĩa, thì thật là ngu.

3. Tự dỗi với Thúy-Kiều trước đã không biết nghe lời khuyên răn để cho tron ấm ngoài êm, sau lại không biết tình đường xử-tri cho yên phận Thúy-Kiều, mà còn nở cất miệng nói rằng :

*Liều mà xa chày cao bay,
Ái ân ta có ngần này mà thôi,
thế là bạc tình, thật là hèn.*

Tư-cách của Thúc-sinh như thế, đủ làm gương cho những bậc thiếu-niên phóng-đãng. Ôi! Thúc-sinh coi con quan Lại-bộ thượng-thư hơn, hay là con thanh-lâu của Tú-bà hơn ?

*Duyên đặng thuận nẻo gió đưa,
Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày.
hơn hay là :*

Sớm đào tối mận lân-ia,

*Trước còn trăng gió sau ra đá vàng,
thì hơn chăng ?*

Vậy nên sự gia-dinh của Hoạn-thư, thì Thúc-sinh có tội thứ nhất, Thúy-Kiều có tội thứ nhì. Vì làm sao ? một người con nhà tử-tể, kết duyên với con quan Lại-bộ, ở vào khuôn-phép, nói ra mối-dường, mà còn sớm đào tối mận, lấy vợ thanh-lâu, thời đưng nên trách Hoạn-thư là ghen mới phải, ghen mà hợp luân-lý, giữ giá cho chồng, không phạm đến chồng, giữ đại cho chồng, gỡ tội cho chồng, thì cũng đáng ghen, huống-chi Hoạn-thư không phải là ghen, chẳng qua là ghét mà thôi, xem như lúc mới nghe tin Thúc-sinh lấy Kiều thì nói :

*Cũng dong kẻ dưới mới là lượng trên,
Lúc Kiều làm giã thân-cung thì nói :
Rằng tài nên trọng mà tình nên thương.*

Đến lúc cho đi ở chùa thì nói :

*Thôi thì thôi cũng chiều lòng,
Cũng cho thoát khỏi trong vòng mà ra.*

Thế thì Hoạn-thư có phải là ghen đáu ? Ấy là bàn về hồi trước của Hoạn-thư, mà :

*Rời ra lạt phấn phai hương,
Lầu xanh lại bỏ ra phường lầu xanh,*

Thì Kiều vẫn là Kiều, Hoạn-thư vẫn là Hoạn-thư. Cây thế một người tương giặc định bắt Hoạn-thư đem chém để cho cam lòng, chẳng qua là người bụng dạ hẹp-hòi mượn cớ phất gió, theo đóm ăn tàn, để chực báo thù cái oán cũ, biết đáu khi Hoạn-thư đã giáp mặt, chỉ nói vài câu hợp vào đạo-nghĩa, thì cái người trắng-hoa đầy mặt mũi kia tự-khắc thẹn với thiên-lương.

*Nghĩ cho khi gác viết kinh,
Mới ra khỏi cửa dứt tình không theo.
Lòng riêng riêng những kính yêu,
Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.*

Những câu ấy thì Kiều đã có cái ý-thức ấy chưa? Vì thử so Hoạn-thư với Kiều, thì khác gì người trên trời người dưới vực. Nói tóm lại thì Hoạn-thư là một người cũng giỏi, không dám giận Thúc-sinh, là người có tâm-tình, lập mưu để hành-hạ Thúy-Kiều, là người có thủ-đoạn, sau lại khai-phóng cho Kiều, là người có lượng bao-dung, chịu nhận lỗi với Kiều là người có can-đảm ý-thức; đàn bà như thế tưởng cũng đáng khen lắm.

Từ Hải

*Đội trời đạp đất ở đời,
Gồm hai vãn-vũ rạch đôi sơn-hà*

Xin hỏi người ấy là anh-hùng, hay không phải là anh-hùng?

Truyện anh-hùng thì nhiều lắm, nhưng phân-biệt anh-hùng thật hay anh-hùng giả thì càng khó, xét ra nhiều người đem hai chữ « anh-hùng » mà dùng lắm.

Trung với vua là anh-hùng thứ nhất; có công với nước là anh-hùng thứ nhì; đem một tấm lòng son của mình mà giúp cho thế-giới là anh-hùng thứ ba; cưỡi ngựa tài, bắn súng tài, múa gươm tài, đánh trận tài, không để ai đánh được mình, là anh-hùng thứ tư; đội trời đạp đất, học thánh-hiền, sửa luân-lý, không để cho ai bảo là người hèn. người hư, người dai người dốt, là anh-hùng thứ năm. Trong năm điều ấy lại còn nhiều điều phụ-thuộc vào nữa, làm thế nào không làm sự gì là không phải, rồi lúc nào cũng chăm-chút mà tu-tĩnh lấy đức-hạnh của mình, trong ở nhà, ngoài đến nước, không để mình có sự lỗi với ai, ấy thế là anh-hùng. Không cứ rằng: *phong-trần mài một mũi gươm*, là anh-hùng; *ba quân chỉ ngọn cờ đào*, là anh-hùng; *vinh-hoa bỏ lúc phong-trần*, là anh-hùng; *một tay gậy dựng cơ-đồ*, là anh-hùng.

Như Từ Hải chẳng qua là một đũa giặc bề chặt đất cùng đường, tụ-tập nhau đi làm phản, nào phải có cái chủ-nghĩa chữa cháy vớt đuối, đề mong mà giúp nước yên dân, chẳng qua chủ-tâm cướp ngọc châu vàng, đề cầu lấy ăn ngon mặc đẹp, chứ anh-hùng nổi gì? Trước thì trắng gió vắn-vơ, lang-thang dĩ bợm, là một bậc đề-hạ không có chí-khí, sau thì đập đồ năm thành cỡi Năm, đắp một đồng xương vô-định, là một kẻ tàn-ác có tội với loài người; sau mới nghe lời vợ mà đến nổi thất-cơ trận-tiền, là một đũa vô-mưu thất-phu. Thế mà cũng: *đường-đường một đứng anh-hùng*; thế mà cũng: *tấm lòng nhi-nữ cũng siêu anh-hùng*; thế mà cũng: *anh-hùng vì biết anh-hùng*; thế mà cũng: *một đời được mấy anh-hùng*; thế mà cũng: *anh-hùng đứng giữa trần-ai*; thế mà cũng: *trai anh-hùng gái thuyền-quyên*; thế mà cũng: *anh-hùng tiếng đã gọi rằng*; thế mà cũng: *rằng ta là đứng anh-hùng*; Cụ Tiên-diễn tốn biết bao nhiêu chữ « anh-hùng » về Từ Hải, thì biết cái ý gay-gắt mỉa-mai là chừng nào. Ngoài ra chỉ có câu cụ dùng vào Sở-Khanh rằng:

Thuyền-quyên vì biết anh-hùng,

xem như thế thì Từ Hải có phải anh-hùng hay không, cũng bắt-tất bàn nữa.

Hồ Tôn - Hiến

Hồ Tôn-Hiến là một người lão-luyện có mưu-lược, xem trong *Minh-sử*, đương lúc về triều Gia-tĩnh, kể cũng vào bậc danh-thần lão-tướng:

Quan trên nhắm xuống, người ta
[trông vào.]

Khi đem quân đi dẹp giặc, lễ nhiều, nói ngọt, đóng quân làm chước chiêu-an mà tiểu-trừ được Từ Hải thì cũng là một sự giỏi; đã hay hàng thì không giết, nhưng chắc bấy giờ triều-đình

nhà Minh đã biết dịch Từ Hải nghiệt-ngạo ngộ-ngược, ví như con thú dữ, dẫu nay hàng mai lại phản, cho nên phải dùng quyền, phương-chỉ là « binh bất yếm trá », ông Phạm Lãi xui ông Câu-Tiền dùng kế mĩ-nhân để hòa nước Ngô mà lại diệt được nước Ngô, sự dùng binh như thế là thường ; duy có bắt được Kiều mà không đem chính-pháp ngay, hay là thu- nạp mà lại ép vạ đàn, ép hầu rượu, sự đó thì cũng buồn cười, hay là nhường đã quá say chẳng ; nhưng lại biết hối-quá ngay mà gán cho thô-quan thì cũng còn thứ-lượng được. Đại-phàm những người làm nên công-danh sự-nghiệp, dù ngẫu-nhiên có sự lỗi nhỏ, cũng có cái hay nó gánh cái dở đi được, ví như hòn ngọc hơi bén có vết, đám mây trượt qua mặt trời mà thôi ; vậy như Hồ Tôn-Hiến cũng không phải bàn nữa.

Than ôi ! Chử tốt vẫn hay, tiếc người bạc-hạnh ; đầu xanh tuổi trẻ,

Si débile qu'on semble et si distant qu'on soit,
Peut-être qu'on exerce un pouvoir malgré soi.
Ainsi la lune, à son insu, du haut de l'air,
Toute loin qu'elle soit du tumulte des boules,
Attire avec ses yeux la douleur de la mer...
Mon âme, sois ce clair de lune sur les foules !

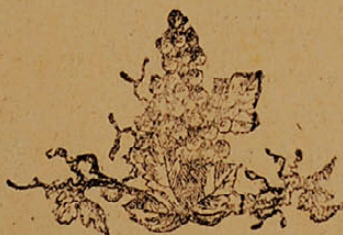
GEORGES RODENBACH

khóc kẻ đa-tình. Kia ai luôn xuống mái nhà, trông thấy đám chua lửa nóng, sao nỡ bỏ tay mà chịu ; đã định nhờ thân dây cát, mà lại lòng chim đa cá, còn bông mở mặt cho qua. Hoạn hoi dẫu mà rước tiếng ghen ; Vân rõ thật là đồ ăn sẵn. Ái-ân gán-bó, Thúc nói buông trôi ; phương-diện quốc gia, Hồ làm đại mặt. Ngụ-ý khen chê bằng ngon bít, nghìn thu để biết tấm lòng vẩn. Vậy kết lại mấy câu rằng :

*Nghìn thu còn một khối văn-chương,
Tài-tử giai-nhân chưa đáng thương.
Bút cụ Nguyễn Du hòa những lệ,
Văn người Nam-Việt qui hơn vàng.
Anh-hùng bán tiếng như Từ Hải,
Tình-chẳng ai khen đến Thúc-lang.
Một truyện bao nhiêu người phải trái,
Mà ai giữ trọn được cương-thường ?*

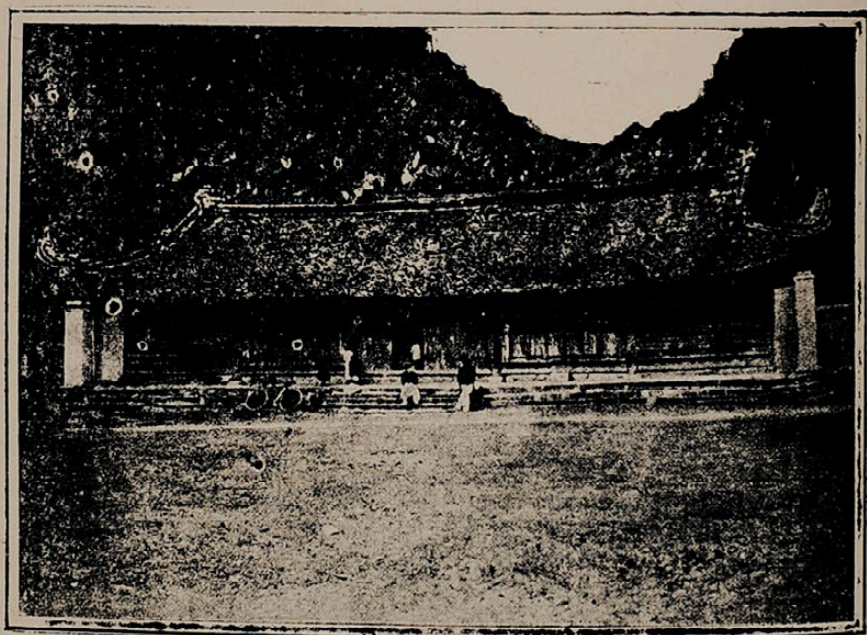
MAI-KHÊ

Người ta dù nhỏ-nhen, dù xa-cách đến thế nào, có lẽ cũng có một cái thế-lực ra ngoài mà không biết... Cũng ví như mặt trăng kia ở tận trên tít cung mây, cách xa với sóng gió, thế mà nhìn xuống mặt bể cũng làm cho lòng bề-thôn-thức đưa lên ... Ước gì hồn ta đối với công-chúng cũng được như mặt trăng đó.

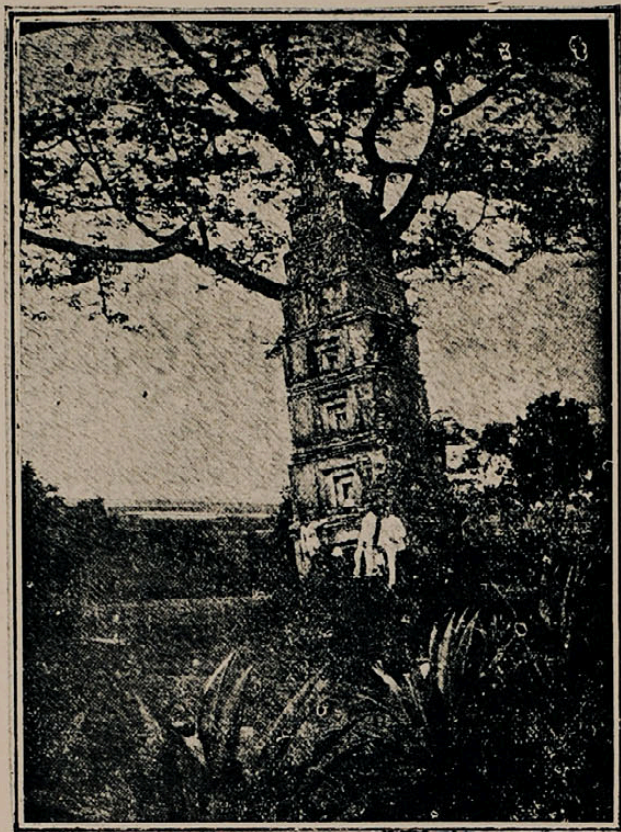




Chùa Bách-môn
(toàn-cảnh, dựng cao chup)



Đền thờ đức Từ Đắc-Hạnh ở Sài-son



Cái tháp nghiêng ở gần Vĩnh-yên



Cái tháp nghiêng
(chụp toàn-cảnh)

Kính ảnh T. C. KHUYẾN.

KHẢO VỀ LỊCH-SỬ XỨ TRUNG-KỲ

Nước Nam ta từ Bản-triều trở về trước mà chính là trước khi nhà nước Đại-Pháp bảo-hộ, chưa hề có hai chữ Trung-kỳ. Khi Bản-triều nhất-thống, định-dô ở Huế, bèn phân ra như thế này: Quảng-nam, Quảng-nghia là Tả-trực 左直; Quảng-trị, Quảng-bình là Hữu-trực 右直; Bình-dịnh, Phú-yên, Khánh-hòa và Bình-thuận là Tả-cơ 左畿; Hà-tĩnh, Nghệ-an và Thanh-hóa là Hữu-cơ 右畿. Còn từ giáp Bình-thuận trở về Nam thì gọi là Nam-kỳ; giáp Thanh-hóa trở về Bắc thì gọi là Bắc-kỳ. Cái địa-phận ngày nay thường gọi là Trung-kỳ tức là cái địa-phận Tả-trực, Hữu-trực, Tả-cơ, Hữu-cơ và tỉnh Huế đã kể trên kia.

Chữ Trung-kỳ tức trong hòa-ước gọi là An-Nam mà ta thường dịch ra là Trung-kỳ vậy.

Khi nước ta chưa thuộc về nước Pháp bảo-hộ, thì vì định kinh-dô ở Huế, lấy xứ Huế làm nơi trung-tâm rồi chia ra Tả-trực, Hữu-trực, Tả-cơ, Hữu-cơ, ngoài nữa về phía nam thì gọi là Nam-kỳ, về phía bắc thì gọi là Bắc-kỳ, chứ chưa hề chia ba quốc-thổ như bây giờ. Đến ngày 6 *Juin* 1884 (Kiến-phúc nguyên niên) cùng nhà nước Đại-Pháp ký tờ hòa-ước cuối cùng phân cách cai-trị ra ba xứ khác nhau; nhưng Nam-kỳ cho nước Pháp làm thuộc-địa; còn các xứ kia thì nhận nhà nước Đại-Pháp bảo-hộ, ở Trung-kỳ từ địa-đầu Nam-kỳ cho đến giáp-giới tỉnh Ninh-bình thì về các Nam-quan cai-trị như cũ, ở Huế có đặt quan Khâm-sứ thay mặt nước Pháp bảo-hộ; ở Bắc-kỳ từ tỉnh Ninh-bình trở về bắc mỗi tỉnh sẽ đặt mỗi quan Công-sứ, văn-vân. Từ có tờ hòa-ước ấy nước Nam chia ra làm ba bộ-phận Nam-kỳ, Bắc-kỳ

và Trung-kỳ, mà hai chữ Trung-kỳ cũng từ đấy phát-sinh ra.

Bài này khảo về lịch-sử xứ Trung-kỳ, nghĩa là khảo về công-nghiệp của dân-tộc ta từ xưa đến nay khai-khẩu kinh lý xứ Trung kỳ ra thế nào. Xét trong sử-sách biên chép thì từ Hà-lĩnh trở về bắc là nơi linh-thổ nguyên-hữu của dân-tộc ta, không biết ngày xưa dân-tộc ta từ đâu mà di-cư đến đó, điều ấy các nhà khảo-cứu nghị-luận cũng nhiều, nhưng chưa có thể xác-tín được. Chỉ biết rằng dân-tộc ta sinh-trưởng ở xứ Bắc đã mấy nghìn năm nay, mà dất từ Quảng-bình trở về Nam là cái lĩnh-thổ của dân-tộc ta mới khai-thác thêm về sau, hiện có sử-sách ghi chép rõ-ràng đủ làm chứng-cứ.

Nay nói rằng khảo về công nghiệp của dân-tộc ta khai-thác xứ Trung kỳ thì thà nói rằng khảo về lịch-sử xứ Trung kỳ từ tỉnh Quảng-bình cho đến Bình-thuận, nghĩa là cái lịch-sử Hà-tĩnh, Nghệ-an và Thanh-hóa là cái phần đất Hoan-châu Ái-châu ngày xưa cũng đồng thời như lịch-sử Bắc-kỳ, không thuộc vào cái phạm-vi khai-thác ở cận-đại.

GỐC-TÍCH NƯỚC CHIÊM-THÀNH (Chiêm-thành)

Muốn khảo về lịch-sử xứ Trung-kỳ như cái phạm-vi trên kia, thì chi bằng trước hết phải khảo-cứu về gốc-tích nước Chiêm-thành, vì ngày xưa xứ Trung-kỳ từ Quảng-bình đến Bình-thuận là nguyên lĩnh-thổ của dân Chiêm-thành mà dân-tộc ta chiếm-cứ; muốn biết công-gian-nan của dân-tộc mình thì cũng nên biết những cơn đau-dớn của người chủ cũ. Ôi! non xanh nước biếc, nghìn thu vẫn còn, mà mạnh được yếu thua cuộc đời thay đổi, xem thế mà đáng sợ thay!

Lịch-sử Chiêm-thành từ năm 102 đến năm 431. — Nước Chiêm-thành trước kia thuộc về đời Hán thì chỉ là một huyện Tượng-châu (象州), đến đời Tấn đời Đường thì gọi là nước Lâm-ấp, ở từ quận Nhật-nam (日南) vào cho đến Chân-lạp, nghĩa là ở về khoảng Quảng-bình, Quảng-trị cho đến Bình-thuận bây giờ. Nước ấy không biết rõ lập-quốc từ đời nào, trong sử chép rằng năm nhâm-dần (102) đời vua Hòa-đế nhà Đông-Hán (東漢和帝十四年) vì phía nam quận Nhật-nam có người Tượng-lâm (象林) hay đến cướp phá quận Nhật-nam, nên vua Hán mới lập ra làm huyện Tượng-lâm sai quan cai-trị, khi ấy thì xứ Tượng-lâm cũng bị nhà Hán lấy làm quận-huyện.

Nước Lâm-ấp độc-lập. — Huyện Tượng-lâm thuộc về nhà Đông-Hán mới được 35 năm, thì người bản-xứ đã khởi lên thoát-li nhà Hán để mưu độc-lập. Đời vua Thuận-đế (順帝) nhà Đông-Hán (137) có người Tượng-lâm tên là Khu-Liên (區憐) nổi lên giết quan Trưởng-sử, tự xưng làm vua gọi là nước Lâm-ấp. Giòn-dõi Khu-Liên thất-truyền, cháu ngoại là Phạm Hùng (范熊) nổi nghiệp, trong khi ấy thì xứ Lâm-ấp khởi lên từ một huyện của Tàu mà độc-lập ra thành danh-hiệu một nước, bắt đầu xưng quốc-vương từ đây.

Trong đời Tam-quốc người Lâm-ấp hay sang cướp phá quận Nhật-nam và quận Cửu-chân, vì vậy đến khi nhà Tấn lấy được Đông-Ngô, ý muốn giảm bớt quân các châu quận, mà quan Thứ-sử Giao-châu là Đào Hoàng (陶璜) dâng sớ về tâu rằng: vua Lâm-ấp thông với nước Phù-nam, hay sang quấy nhiễu ở đất Nhật-nam, nếu giảm bớt quân Giao-châu thì sợ quân Lâm-ấp lại sang đánh phá.

Nước Lâm-ấp từ đời Khu-Liên nổi lên độc-lập (137) trải qua đời Phạm

Hùng, Phạm Dật, Phạm Văn, Phạm Phạt, Phạm Hộ-Đạt, rồi sau đến Phạm Chu-Nông và Phạm Dương-Mại (431) trong một đoạn lịch-sử ngót 300 năm từ thế-kỷ thứ nhì cho đến ngoài thế-kỷ thứ tư, nước ấy vẫn cường-thịnh mà lắm khi lại làm cho nhà Hán và nhà Tấn phải kiêng sợ.

Qua đến đời vua Văn-đế (文帝) nhà Tống, Phạm Dương-Mại bị tướng Tàu là Đàm Hòa-Chi (檀和之) và Tôn Xác (尊愨) đánh phá, phải trốn lánh trong núi, bọn quân Tàu cướp lấy được vàng bạc và đồ châu báu rất nhiều, từ ấy người Tàu mới biết nước Lâm-ấp là một nơi giàu có, càng thêm chú ý đến.

Dân-tộc ta bắt đầu giao-thiệp với nước Lâm-ấp — Lâm-ấp thuộc nhà Tùy — Lâm-ấp đổi quốc-hiệu là Hoàng-vương, là Chiêm-thành.

Đến đời Tiền-Lý, vua Nam-đế năm qui-hợi (543), quân Lâm-ấp lại sang phá ở quận Nhật-nam (日南), vua Nam-đế sai tướng là Phạm Tu (范修) vào đánh ở Cửu-dức (Hà-tĩnh), người Lâm-ấp thua chạy về nước.

Nhà Tiền-Lý mất rồi, nước ta nội-thuộc về nhà Tùy, năm ất-sửu (605) vua nhà Tùy nghe nói ở Lâm-ấp có nhiều của, bèn sai tướng là Lưu Phương (劉方) đem quân đi đánh. Lúc bấy giờ vua Lâm-ấp là Phạm Chí (范志) đem quân ra chống-cự với quân Tàu ở bên sông Đò-lê, nhưng về sau bị Lưu Phương dùng mưu-kế đánh đuổi quân Lâm-ấp và vào đến quốc-dô Lâm-ấp đoạt lấy của-cải rồi thu quân về.

Nước Lâm-ấp từ khi bị Lưu-Phương sang đánh rồi quốc-vương là Phạm Chí dâng biểu tạ tội xin triều-cống như cũ, đến năm canh-dần (640) vua Lâm-ấp là Phạm Đầu-Lê dâng ngọc-châu cho vua Thái-tôn nhà Đường. Phạm Đầu-Lê mất, con là Phạm Trấn-Long bị người giết, dân trong nước ấy

bèn lập Chư Cát-Địa 諸葛地 lên làm vua. Chư Cát-Địa đổi quốc-hiệu là Toàn-vương-quốc (圖王國). Từ đó về sau người nước Hoàn-vương lại sang quấy nhiễu ở Giao-châu và chiếm lấy châu Hoan và châu Ái.

Năm mậu-ti (808) đời vua Tiên-tôn nhà Đường quan Đô-hộ là Trương Châu (張舟) đem binh thuyền đi đánh, giết hại quân Hoàn-vương rất nhiều, vua nước ấy bèn lui về ở phía Nam (ở vào khoảng tỉnh Quảng-nam, Quảng-nghĩa bây giờ) và đổi quốc-hiệu là Chiêm-thành mà cái danh Chiêm-thành mới phát-sinh ra từ đây,

Dân-tộc ta lấy đất Chiêm-thành lần thứ nhất

Đến nhà Lý, nước Chiêm-thành không chịu thông-sứ và lại quấy-nhiều ở mặt bể, năm giáp-thân (1044) vua Lý Thái-tôn (李太尊) thân-chính đánh Chiêm-thành bắt được hơn 5000 người và 30 con voi. Tướng Chiêm-thành là Quách Gia-Di chém quốc-vương là Sa-Đầu 乍斗 đem đầu sang xin hàng. Vua Thái-tôn tiến binh đến quốc-dô là thành Phật-thệ (nay ở làng Nguyệt-biêu, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên), những người Chiêm-thành vua Thái-tôn bắt về đều ban cho ruộng đất để lập thành phường-ấp mà làm ăn.

Năm kỷ-dậu (1069) vua Thánh-tôn nhà Lý thân-chính đánh Chiêm-thành, bắt được vua Chiêm-thành là Chế Củ 制矩, Chế Củ phải nộp châu Địa-lý 地哩 châu Ma-linh 麻令 và châu Bế-chánh 布政 (bây giờ là Quảng-bình Quảng-trị) để chuộc tội.

Năm ất-mão (1075) vua Nhân-tôn nhà Lý sai tướng là Tỳ Thường-Kiệt 李常傑 đi đánh Chiêm-thành không được, ông Thường-Kiệt bèn vẽ địa-dồ hình-thể của châu Địa-lý và châu Ma-linh và đổi tên châu Địa-lý gọi là Lâm-bình (臨平), châu Ma-linh gọi là Minh-linh (明靈). Nước Chiêm-thành khi ấy bị mất ba châu, chỉ còn từ Hoàn-sơn

trở về nam mà thôi. Đến năm quý-vị (1103) Chiêm-thành khôi-phục lại ba châu Lâm-bình, Bế-chánh và Minh-linh, qua năm sau (1104) Lý Thường-Kiệt đem quân vào đánh, Chiêm-thành bị thua, quốc-vương là Chế Ma-na 制麻那 phải trả ba châu ấy lại cho nhà Lý.

Năm nhâm-ti (1132) Chiêm-thành hợp với Chân-lạp (nước Cao-miên bây giờ) đem quân ra quấy nhiễu Nghệ-an, nhưng mà bị tướng nhà Lý là Dương Anh Nhĩ 楊英珥 đánh thua phải lui về. Từ ấy đến sau trong đời nhà Lý, Chiêm-thành có mấy lần quấy nhiễu Nghệ-an về năm đinh-dậu (1177) triều vua Cao-tôn và năm Mậu-dần (1218) triều vua Huệ-tôn nữa, nhưng mà không được gì rồi cũng phải chịu triều cống.

Đến đời nhà Trần, Thái-tôn làm vua, nước Chiêm-thành đã sang triều-cống, nhưng mà vẫn quấy-nhiều đất An Nam và cứ đòi lại đất cũ. Thái-tôn lấy làm tức giận, năm nhâm-tí (1252) thân-chính, bắt được người nước ấy đem về rất nhiều.

Dân-tộc ta lấy đất Chiêm-thành lần thứ nhì.

Nước Chiêm-thành vẫn định đòi lại ba châu, nhưng biết không thể chống cự được, đầu nhà Trần đối với nước ta không có điều gì lời thối. Đến năm tân-sửu (1301) Thượng-hoàng (vua Thần-tôn khi ấy ngài đã thôi làm vua truyền ngôi cho Anh-tôn, tự xưng là Thượng-hoàng) đi sang Chiêm-thành xem phong-cảnh, có ước gả Huyền-trân công chúa (玄珍公主) cho vua Chiêm là Chế Mân (制曼). Được ít lâu Chế Mân cho người đưa vàng bạc và các sản vật sang cống và xin cưới, triều thần có nhiều người không thuận. Sau Chế Mân xin dâng châu Ô (烏) và châu Lý (哩) để làm lễ cưới, bây giờ Anh-tôn mới quyết ý thuận gả. Đến tháng sáu năm bình-ngọ (1306) cho công-chúa về Chiêm-thành.

Sang năm sau (1307) vua Anh-tôn thân nhận hai châu (Ô và Lý) đổi tên là Thuận-châu (順州) và Hóa-châu (化州), rồi sai quan là Đoàn Nhĩ-Bài (段汝諧) vào kinh-lý và đặt quan cai-trị. Ấy là dân-tộc ta lấy thêm đất Chiêm-thành vào cho đến tỉnh Huế và phủ Điện-bàn tỉnh Quảng-nam bây giờ.

Huyền-trần công-chúa lấy Chế Mân chữa được một năm thì Chế Mân mất, mà theo tục Chiêm-thành hễ khi vua đã chết thì các hậu phải hóa-thieu chết theo. Anh-tôn được tin ấy, sai Trần Khắc-Chung (陳克終) giả mượn tiếng vào thăm đề tìm kế đưa công-chúa về.

Từ khi Chế Mân mất rồi, Chế Chí (制至) lên làm vua Chiêm-thành, nhưng Chế Chí hay phản-trắc, không giữ những điều giao-trúc trước, cho nên năm tân-hợi (1311) Anh-tôn cùng với Huệ-Võ-vương, Trần Quốc-Chân (陳國瑛) Nhân Huệ-vương Trần Khánh-Dư (陳慶餘) phân binh làm ba đạo sang đánh Chiêm-thành, bắt được Chế Chí đưa về An-Nam, và phong cho người em là Chế Đà-a-bà làm vua Chiêm-thành.

Chế Chí về An-Nam được phong là Hiệu-thuận-vương, nhưng chẳng được bao lâu thì mất ở huyện Gia-lâm, vua sai đưa hỏa táng. Từ đó về sau nước Chiêm và nước Nam thành ra có điều thù-oán mãi.

Từ khi vua nước Chiêm-thành là Chế A-Non mất rồi, con là Chế Mộ và rể là Bồ-Đề tranh nhau làm vua. Người Chiêm-thành bỏ Chế Mộ mà theo Bồ-Đề. Qua năm nhâm-thìn (1352) Chế Mộ chạy sang An-Nam cầu cứu.

Đến năm quý-tị (1353) Dụ-tôn cho quân đưa Chế Mộ về nước, nhưng mà quan-quân đi đến đất Cồ-lũy (thuộc Quảng-ngãi) bị quân Chiêm đánh thua, phải chạy trở về Chế Mộ cũng buồn rầu chẳng bao lâu thì chết. Người Chiêm-

thành từ ấy được thể cứ sang cướp phá ở đất An-Nam.

Nước Chiêm- hành đánh thành Thăng-long và Chế Bồng-nga cường-thị. — Năm đinh-vị (1367) Dụ-tôn sai Trần Thế-Hung (陳世興) và Đỗ Tử-Bình (杜子平) đi đánh Chiêm-thành. Quan-quân đi đến Chiêm động (thuộc phủ Thăng-binh, tỉnh Quảng-nam) bị quân Chiêm phục binh đánh, bắt được Trần Thế-Hung; Đỗ Tử-Bình đem quân chạy trở về.

Người Chiêm thấy binh-thế nước Nam suy-nhược có ý khinh-dễ, cho nên qua năm mậu-thân (1368) vua nước Chiêm cho sứ sang đòi đất Hóa-châu. Bấy giờ ở nước Nam ta, vua Dụ-tôn chỉ lo việc hoang chơi, không tưởng gì đến việc võ-bị; mà ở bên Chiêm-thành thì có Chế Bồng-Nga 制蓬峨 là một ông vua anh-hùng, có ý đánh An-Nam để rửa những thù trước. Vậy cho nên hết sức tập trận, luyện binh; bắt quân-lính phải chịu khổ nhọc và quen dần trận voi cho tiện đường lui tới; thắng thì cho voi đi trước để xông-đột, bại thì cho voi đi sau để ngăn giữ quân nghịch. Nhờ cách xếp đặt có thứ-tự, dụng binh có kỷ luật như thế cho nên quân Chiêm thành từ đấy mạnh lắm, sau sang đánh phá thành Thăng-long mấy lần, làm cho vua tôi nhà Trần phải kinh sợ. Năm binh-thìn (1376) quân Chiêm lại sang phá ở Hóa-châu. Dụ-tôn định thân-chinh đi đánh. Đình thần can không được. Sai quân Thanh-hóa Nghệ-an vận-tải 5 vạn thạch lương vào Hóa-châu, rồi rước Thượng hoàng lên duyệt-binh ở Bạch-hạc. Nhân năm ấy vua Chiêm-thành là Chế Bồng-Nga đem sang cống 15 mâm vàng, quan Trấn-thủ Hóa-châu là Đỗ Tử-Bình 杜子平 lấy di, rồi dâng sớ về nói dối rằng Bồng-Nga ngạo-mạn vô-lễ, xin vua cử binh sang đánh. Được tin ấy Dụ-tôn quyết ý đi đánh; sai Lê Qui-Lv đốc

vạn lương-thực đến cửa bể Di-luân (thuộc huyện Bình-chinh, Quảng-bình) và tự lĩnh 12 vạn quân, cả thủy bộ cùng tiến, đi đến cửa bể Nhật-lệ (ở làng Đồng - hời, huyện Phong-lộc, Quảng-bình) đóng lại một tháng để luyện-tập sĩ-tốt.

Qua tháng giêng năm đinh-tị (1377) mới tiến quân vào cửa bể Thi-nại (thuộc Bình-dịnh) đánh lấy đồn Thạch-kiều và động Kỳ-mang, rồi kéo quân đến đánh thành Đồ-bàn 闍槃 là kinh-đô Chiêm-thành (thành Đồ-bàn bây giờ hãy còn di-tích ở huyện Tuy-viên tỉnh Bình-dịnh), Chế Bồng-Nga lập đồn giữ ở ngoài thành, rồi cho người sang giả hàng nói rằng Bồng-Nga đã bỏ thành chạy trốn rồi chỉ còn có thành không mà thôi, xin tiến-binh sang ngay. Duệ-tôn lấy điều ấy làm thật, hạ lệnh truyền tiến-binh vào thành. Đại-tướng là Đỗ Lễ 杜禮 can mãi, vua không nghe. Khi quân gần đến thành Đồ-bàn, quả-nhiên bị quân Chiêm đồ ra vây thành, quân ta thua to; Duệ-tôn chết ở trận, tướng-sĩ quân lính chết nhiều lắm.

Bấy giờ Đỗ Tử-Bình lĩnh hậu-quân, không đem binh lên cứu, Lê Quý-Ly cũng bỏ chạy về, hai người ấy về kinh, Nghệ-tôn thượng-hoàng chỉ giáng Đỗ Tử-Bình xuống làm lính mà thôi.

Quân Chiêm-thành đã phá được quân An-Nam và giết được Duệ-tôn rồi, qua tháng sau đem quân sang đánh Thăng-long. Thượng-hoàng nghe tin giặc đến, sai tướng ra giữ cửa bể Đại-an. Giặc biết chỗ ấy có phòng-bị, đi vào cửa bể Thần-phù (thuộc huyện Yên-mô, Ninh-bình) rồi lên cướp phá thành Thăng-long, không ai chống giữ được.

Tháng năm năm mậu-ngọ (1378) quân Chiêm-thành lại sang đánh đất Nghệ-an, rồi lại vào sông Đại-hoàng lên đánh Thăng-long lần nữa.

Quân Chiêm-thành biết nước Nam suy-nhược, cứ sang cướp phá. Năm canh-thân (1380) lại sang phá ở đất Thanh-hóa, Nghệ-an. Vua sai Lê Quý-Ly lĩnh thủy-binh, Đỗ Tử-Bình lĩnh bộ-binh vào giữ ở Ngu-giang (huyện Hoảng-hóa, Thanh-hóa), Lê Quý-Ly đánh đuổi được quân Chiêm về. Đến năm nhâm-tất (1382) quân Chiêm lại sang cướp ở đất Thanh-hóa, Lê Quý-Ly cùng với tướng quân Nguyễn Đa-Phương 阮多方 giữ ở bến Thần-đầu (Ninh-bình). Nguyễn Đa-Phương phá được quân Chiêm, đuổi đến đất Nghệ-an mới thôi.

Từ khi đánh được trận Ngu-giang và trận Thần-đầu, quân-thế An-Nam đã hơi nổi, cho nên sang tháng giêng năm quý-hợi (1383) Thượng-hoàng sai Quý-Ly đem chiến-thuyền đi đánh Chiêm-thành. Quý-Ly vào đến cửa Nuong-loan (bây giờ ở huyện Kỳ-anh, Hà-tĩnh) phải bão đánh nát mất nhiều thuyền, lại phải rút quân về.

Qua tháng sáu năm ấy Chế Bồng-Nga cùng với tướng là La Khải 羅鑑 đem quân đi đường sơn-lộ ra đóng ở Khổng-mục (孔目柵) đất Quảng-oai. Ở kinh-sur nghe tin giặc Chiêm lại sang, Thượng-hoàng sai tướng là Mật-Ôn 密溫 ra giữ châu Tam-kỳ ở địa-hạt Quốc-oai, nhưng Mật-Ôn bị quân Chiêm đánh bắt mất. Thượng-hoàng sợ hãi, sai Nguyễn Đa-Phương ở lại kinh-sử làm đồn giữ thành, rồi cùng với vua chạy sang Đông-ngạc. Bấy giờ có người niu thuyền lại, xin Thượng-hoàng ở lại đất kinh-sur mà chống giữ với giặc, Thượng-hoàng không nghe.

Chế Bồng-Nga tử-trận

Năm kỷ-tị (1389) Chế Bồng-Nga lại đem quân sang đánh Thanh-hóa. Vua sai Lê Quý-Ly đem binh vào chống giữ ở làng Cồ-vó. Quan-quân đóng cọc ngăn

sông ra giữ nhau với giặc hơn 20 ngày. Giặc bèn phục binh, rồi giả tảng rút quân về. Lê Quý-Ly đem quân thủy-bộ đuổi đánh, bị phục-binh của giặc đổ ra đánh, giết hại mất nhiều. Quý-Ly trốn chạy về kinh, để người ti-tướng là Phạm Khả-Vĩnh 范可永 và tướng quân là Nguyễn Đa-Phương 阮多方 chống, nhau với giặc ở Ngu-giang 虞江. Bọn Nguyễn Đa-Phương thấy quân mình yếu thế, giả-tảng bày cờ gian thuyền ra, rồi đến đêm rút quân về. Qua tháng mười-một, quân Chiêm lại vào sông Hoàng-giang. Thượng-hoàng sai quan Đô-tướng là Trần Khát-Chân 陳渴眞 đi đánh, Trần Khát-Chân đem quân đến Hoàng-giang, xem không có chỗ nào đóng quân được tiện-lợi, bèn rút về đóng ở sông Hải-triều (海潮) ở vào địa-phận huyện Hưng-nhân và huyện Tiên-lữ, tỉnh Hưng-yên. Đến tháng giêng năm canh-ngọ (1390) Chế Bồng-Nga đi thuyền đến xem hình-thế quân của Trần Khát-Chân. Bấy giờ có thặng dầy tờ của Bồng-Nga có tội, sợ phải giết, chạy sang hàng với Trần Khát-Chân. Nhân khi Bồng-Nga đem hơn 100 chiếc thuyền đến gần trại của quân nhà Trần đóng. Tên dầy tờ ấy chỉ cái thuyền của Bồng-Nga cho Khát-Chân. Khát-Chân mới truyền lấy súng bắn vào thuyền ấy. Bồng-Nga trúng phải đạn chết. Quân ta đổ ra đánh, quân Chiêm thấy Quốc-vương chết đều bỏ chạy cả. Quan-quân đánh đuổi rồi cắt lấy đầu Bồng-Nga đem về dâng triều đình. Thượng-hoàng thấy đầu Bồng-Nga, tự ví mình như Hán Cao-tổ thấy đầu Hạng-Vũ, rất là vui-vẻ. Đoạn rồi định công thưởng tước cho các tướng sĩ.

Tướng Chiêm-thành là La-Khải 羅愷 đem xác Bồng-Nga hóa-táng xong rồi, đem quân trở về nước, chiếm lấy ngôi vua Chiêm thành. Hai người con Bồng-Nga phải chạy sang hàng An-Nam, đều được phong hầu cả.

Dân-tộc ta lấy đất Chiêm-thành lần thứ ba.

Qua đời nhà Hồ, năm nhâm-ngọ (1402) tướng nhà Hồ là Đỗ Mãn đem quân sang đánh Chiêm-thành. Vua nước ấy là Ba Địch-Lại sai cậu là Bồ Điền sang dâng đất Chiêm-dộng (phủ Thăng-bình, tỉnh Quảng-nam) để xin bãi-binh. Quý Ly lại bắt phải dâng đất Cồ-lũy (Quảng-nghĩa) rồi phân đất ra làm châu Thăng (升), châu Hoa (花), châu Tư (思), châu Nghĩa (義), và đặt quan án-phủ-sứ để cai-trị bốn châu ấy. Lại bắt những dân có của mà không có ruộng ở các lộ khác đem vợ con vào ở để khai-khẩn những đất các châu ấy, bởi vì khi vua Chiêm nhường đất Chiêm-dộng và Cồ-lũy, người Chiêm đều bỏ đất mà đi cả. Từ ấy mà nước Nam ta lại lấy thêm đất Chiêm-thành vào cho đến tỉnh Quảng-nghĩa bây giờ.

Nhà Hồ trở về trước kinh-lý xứ Thuận-Quảng

Cuối đời Trần và nhà Hồ thì khi ấy nước ta đã chiếm đất Chiêm-thành cho đến Chiêm-dộng, Cồ-lũy, nghĩa là đất Trung-kỳ đã tiến vào địa-phận Quảng-nghĩa giáp-giới tỉnh Bình-dịnh bây giờ.

Kể cái lịch-sử chiếm-lĩnh đất Chiêm thành từ trước đến lúc ấy là ba thời kỳ: thời-kỳ thứ nhất là vua Lý Thánh-tôn (1069) đánh lấy ba châu Địa-lý, Malinh và Bồ-chinh; thời-kỳ thứ nhì là đời vua Trần Anh-tôn (1306) người Chiêm dâng hai châu Ô và Lý; thời-kỳ thứ ba là đời Hồ Hán-Thương đánh lấy được đất Chiêm-dộng và Cồ-lũy.

Kể theo xứ Trung-kỳ ngày nay ngoài từ Hoành-son vào cho đến Bình-thuận là 9 tỉnh mà trong ba thời-kỳ ấy đã lấy được 5 tỉnh, nghĩa là đã được ngôi hai phần ba của đất Chiêm-thành vậy. Trong một đoạn lịch-sử từ Đinh, Lê cho đến Trần, Hồ, nghĩa là từ thế-kỷ thứ 10 cho đến đầu thế-kỷ thứ 15, trong bốn trăm năm trời nước ta giao-tiếp

với Chiêm-thành và mở-mang thêm quốc-thổ được một bộ-phận rất lớn, mà nhờ có bộ-phận ấy làm căn-cứ cho con đường « nam-tiến » và về sau lại làm căn-cứ cho quốc-gia nữa. Khá khen thay ! Dân-tộc Chiêm-thành khởi độc-lập từ thế-kỷ thứ hai nghĩa là từ khi còn là huyện Tượng-lâm của nhà Hán, cho đến đầu thế-kỷ thứ 15, trong thời-kỳ một nghìn mấy trăm năm đã ghê phen bị giặc Tàu và dân-tộc Bắc-phương đến quấy-nhiều, nhưng còn giữ được quốc-hiệu độc-lập cho đến mấy trăm năm về sau nữa. Trung-gian cũng lắm đoạn công-nghiệp hiên-hách, như đời Chế Bồng-Nga đã làm cho dân-tộc Bắc-phương phải kinh-sợ. Về cách kinh-lý quốc-thổ, cai-trị quốc-dân của nước Chiêm-thành khi trước thế nào, thì không thấy sử-sách ghi chép, đều ấy phải cần có người chuyên-môn khảo-cứu. Nhưng bây giờ còn những di-tích các cổ-miếu và cổ-động để lại thời biết dân-tộc họ cũng trọng về đảng tôn-giáo và đảng mĩ thuật.

Còn về người nước ta chiếm lấy đất Chiêm-thành thì khi ban đầu mới đến quốc-thổ họ, cách cai-trị thế nào, trong sử cũng không nói rõ. Đời Lý sau khi lấy ba châu Địa-lý, Ma-linh và Bồ-chánh, năm 1075 mới đổi tên mới và chiêu dân vào ở ; đời Trần Anh-tôn năm 1307 sau khi lấy được hai châu Ô Lý, vì thổ-dân có việc lồi-thôi mới sai ông Đoàn Nhữ-Hài vào tuyên đứ-y, đổi tên hai châu ấy là Thuận và Quảng và chọn thổ-dân cho làm quan cùng chia ruộng đất cho mà làm ăn. Xem trong sách chép rằng năm ấy tha thuế ba năm, thế thì chắc là từ khi lấy đất Chiêm-thành thì triều-đình Bắc-phương có bắt những châu đã thuộc về mình phải chịu nộp một khoản thuế bao nhiêu đó. Còn quyền cai-trị chẳng qua là giao cho người bản-xứ lo lấy sự nội-trị, chỉ có một quan biên-trấn trọng-thần kiêm-lĩnh, như là năm

1313 sai ông Đỗ Thiên-Nghiễn làm quan kinh-lược-sứ cả đất Nghệ-an và đất Lâm-bình.

Lại khi nào định xuất binh ra đánh dẹp thì mới sai tướng đem quân ra lĩnh trọng-trấn, như là năm 1353 sai ông Trương Hán-Siêu cai quản quân Thần-sách ra làm Trấn-thủ Hóa-châu, vân vân. Về châu Địa-lý thì năm 1075 đổi làm châu Lâm-bình, rồi sau đặt làm phủ, không biết đặt phủ từ đời nào, nhưng chỉ thấy năm 1361 sai ông Phạm A-Song 范阿窠 làm quan Tri-phủ phủ Lâm-bình, phủ ấy đến năm 1375 lại đổi tên là phủ Tân-bình. Về xứ Hóa-châu thì đến năm 1361 mới đắp xong thành Hóa-châu, thành ấy cách 30 năm về sau, Lê Qui-Ly đi tuần Hóa-châu mới sửa-sang lại lần nữa. Vì sự giao-thông và vì cần dùng về lối dụng-binh mới sửa đạo lộ và mở đường vận-tải cho tiện hành-binh : năm 1375 đốc dân Thanh-hóa, Nghệ-an và Tân-bình đắp đường từ quận Cửu-châu đến Hà-hoà để dự-bị đánh Chiêm-thành, và sai Lê Qui-Ly coi sự tào-vận, từ Nghệ-an, Tân-bình và Thuận-hóa. Hồi ấy chắc là các xứ Trung-kỳ đường đi hiểm-trở, đường bộ thì dân-tộc mình không thể quen thuộc như dân-tộc Chiêm-thành được, sự vận-tải chỉ nhờ đi đường bê, mà người Chiêm-thành cũng thường đi đường bê đi ra quấy nhiều xứ bắc, như đời Chế Bồng-Nga đi bắc-phạt kiếm cả đường núi và đường bê, vì vậy nên quân ta không thể phòng-bị được. Công-trình rất lớn của nhà Hồ đối với xứ Trung-kỳ là sự đắp đường thiên-lý từ thành Tây-dò cho đến Hóa-châu, nghĩa là đắp con đường từ Thanh-hóa cho đến Huế bây giờ. Con đường ấy đắp năm 1402 là năm thứ hai niên-hiệu Thiệu-thành của nhà Hồ. Nhờ có con đường ấy mà dân xứ Bắc có thể di-cư và lập-nghiệp khai-khẩn về miền Nam. Còn như về trước chẳng qua là bọn đàn ông đi làm lính vào đồn-ngũ ở

Hóa-châu, mà di-cư toàn một đám dân ông thì cũng không thể nào mà thi-hành cái chủ-nghĩa thực-dân cho được. Xét lại thì khi trước nước ta không phải vì cái mục-dịch di-dân mà lấy đất Chiêm-thành, chẳng qua là vì cái chủ-nghĩa đế-quốc cũng như nước Tàu đối với ta ngày trước, do tấm lòng tự-tôn tự-đại bắt một tiểu-quốc bên cạnh mình phải thần-phục mà ra uy chinh-phạt. Nước ta hồ trước đối với Chiêm-thành cũng theo một chủ-nghĩa ấy; lấy đất Chiêm-thành để làm nơi căn-cứ về sự dụng-binh, mà dụng-binh là ra uy cho một nước nhỏ hơn mình phải xưng-thần triều-cống. Quốc-thổ đã mở rộng rồi, nhưng không cần phải di-dân khai-khẩn. Chỉ cho mấy đạo binh đến đóng đồn phòng-ngũ, mỗi năm thì thu thuế và bắt người bản-xứ phải đem vàng ngọc châu báu mà triều-cống ông quốc-trưởng của mình; nói rõ ra thì sự xâm-lược ngày xưa là vì khuếch-trương cái uy-quyền của ông quốc-trưởng mà đi xâm-lược, không phải vì khuếch-trương cái thế-lực của dân-tộc mà tìm nơi thực-dân. Vì vậy, sự xâm-lược ngày xưa là liêu hi-sinh mạng dân và của dân mà tìm những đồ ngoạn-vật cho ông quân-chủ và bắt người ngoài phải cúi đầu chịu một cái lạy hoặc một tiếng dạ ở trước mặt ông quân-chủ là đủ.

Từ năm 1069 đến năm 1400, nước ta lấy 5 xứ đất của Chiêm-thành đã ngót 400 trăm mà chưa thấy kinh-lý gì cả. Qua đến nhà Hồ mới bắt đầu phát-khởi ra cái chủ-nghĩa thực-dân, xét kỹ ra thì nhà Hồ chẳng qua là cảm-giác về những nỗi khó-khẩn trong khi trưng-phát về binh chính, cho nên phải di-dân lập-nghiệp ở nơi đất mới, để cho tiện những lúc trưng-phát. Tuy vậy, cũng là một dịp rất tốt cho dân-tộc An-Nam được bắt đầu mở-mang con đường sinh-hoạt về miền Nam vậy.

Năm 1402 Hồ Hán-Thương làm con

đường thiên-lý từ Tây-dô đến Hóa-châu xong rồi, đánh Chiêm thành lấy thêm đất Chiêm-động Cổ-lũy, phân ra làm bốn châu: Thăng, Hoa, Tư và Nghĩa, đặt chức An-phủ-sứ lộ Thăng-Hoa để cai-trị, dời những dân xứ bắc người nào có tư-bản mà không có đất ruộng vào ở lộ Thăng-hoa, những dân ấy tuy vào lập-nghiệp khẩn-hoang, nhưng mà cũng thúc vào quân-ngũ, hễ khi có việc thì đi đánh giặc, khi không việc thì về làm ruộng. Và lại sức cho dân ai có nộp được trâu bò thì phong tước, mà trâu bò ấy thì cấp cho bọn dân di-cư để cấy ruộng. Cách chiếm thuộc-địa và di-dân của họ Hồ rất là khôn khéo. Đời nhà Hồ chia 5 châu đất đã chiếm-cứ của Chiêm-thành ra làm 3 phủ; phủ Tân-bình, phủ Thuận-hóa và phủ Thăng-hoa, mỗi phủ có quan An-phủ-sứ 安撫使 và quan Thái-thứ, như là dùng ông Lê Quang-Tổ 黎光祖 làm quan An-phủ-sứ và ông Hoàng Hối-Khanh làm quan Thái-phủ ở phủ Thăng-hoa. Về trên nguyên-đầu thì có đặt ra trấn Tân-minh 新寧鎮 do quan Thái-thứ phủ Thăng-hoa kiêm làm Tiết-chế 節制 trấn ấy.

Họ Hồ không những mở đạo lộ mà thôi, lại muốn mở-mang về đường thủy-lộ ở trên lục-địa cho tiện sự tào-vận, khỏi phải đi đường bề mà thường bị cái nạn hải-phỉ; năm 1404 Hồ Hán-Thương sai đào con sông vận-hà từ Tân-bình đến Thuận-hóa, công-trình ấy lớn-lao biết là đường nào, mà lúc bấy giờ trùng-nghi cử-hành thì đủ biết cái hùng-tâm về sự khai-khẩn quốc-thổ của nhà Hồ. Hiềm vì con sông ấy đi ngang qua những nong cát, đào xong rồi phải bị lấp, không thể thành-công được, thật đáng tiếc thay!

Đời nhà Hồ cũng muốn lấy cho được thành Đồ-bàn là nơi kinh-đô của Chiêm-thành, năm 1403 sai Đỗ Mãn 杜滿 đem 20 vạn quân vào đánh, vây thành hơn một tháng mà đánh

không đủ lương thực hết cả, phải rút quân về. Xem thế thì đủ biết Chiêm-thành khi ấy tuy mất quốc-thổ đến hai phần ba mà thế-lực hãy còn mạnh vậy.

Nhà Hậu-Trần nhờ đất Thuận-hóa mà duy-trì được mấy năm và người Tàu cho đất Thuận-hóa làm trọng-yếu. Năm 1407 họ Hồ bị quân Tàu bắt, các quan địa phương là Đặng Tất 鄧悉 ở Hóa-châu, Phạm Thế-Căng 范世矜 ở Tân-bình đều đem quân đầu với tướng nhà Minh là Trương Phụ 張輔. Đến mùa đông năm ấy vua Giản-định đế 簡定帝 nhà Hậu-Trần nổi lên ở Nghệ-an, Đặng Tất đem quân ra theo vua-Giản định, năm sau nữa Đặng Tất lại quay về đánh Phạm Thế-Căng rồi hợp các đạo quân Thuận-hóa, Tân-bình, Nghệ-an, Diên-châu và Thanh-hoa kéo ra Đông-đô (Thăng-long) để đánh quân Tàu. Năm 1409 vua Giản-định nghe lời gièm giết Đặng Tất và quan Tham-muru là Nguyễn Cảnh-Chân, con Đặng Tất là Đặng Dung và con Nguyễn Cảnh-Chân là Nguyễn Cảnh-Dị bèn kéo quân Thuận-hóa về Thanh-hoa lập ông Trần Qui-Khoảng 陳季擴 lên làm vua, đổi niên-hiệu là Trùng-quang, nên ngày sau sử chép là Trùng-quang-đế. Khi ấy vua Giản-định bị Trương Phụ bắt, vua Trùng-quang chạy về Nghệ-an, nhờ có hai đạo Tân-bình và Thuận-hóa giúp sức mà chống cự với giặc Tàu được mấy năm. Năm 1412 Trương Phụ lấn vào Nghệ-an, qua năm sau vua Trùng-quang phải chạy vào trú-tất ở Hóa-châu.

Trương Phụ nhờ có tên hàng-tướng ở Nghệ-an là Phan Liâu 潘僚 nói hết những địa-hình hiểm-trở của xứ Thuận-hóa và binh-số tương-tá của vua Trùng-quang, bèn quyết chí vào đánh Thuận-hóa. Ngày tháng sáu năm 1413 Trương Phụ cùng Mộc Thạnh 沐晟 hội-nghị. Mộc Thạnh nói rằng: « Hóa-châu núi cao sông rộng, chưa dễ đã lấy được ». Trương

Phụ nhất-định rằng: « Ta có làm người được cũng ở đất Hóa-châu, mà nếu làm ma cũng ở đất Hóa-châu; Hóa-châu mà không lấy được thì không có mặt mũi nào về trông thấy chúa-thượng ». Lập tức truyền cho quân thủy bộ tiến vào đánh Hóa-châu. Trương Phụ đi đường bẻ vào Hóa-châu, khi ấy quan nhà Hậu-Trần thế yếu không chống nổi, bọn Nguyễn Cảnh-Dị và Đặng Dung bị bắt, vua Trùng-quang chạy trốn lên Lào, rồi cũng bị bắt mà Trương Phụ đánh lấy được Hóa-châu.

Tên các châu huyện của phủ Tân-bình và phủ Thuận-hóa chép trong sử nhà Minh.

Địa-thế xứ Tân-bình, Thuận-hóa và Thăng-hoa, từ họ Hồ kinh-lý đã nhiều, trên kia cũng đã lược kể. Kịp đến quân nhà Minh chiếm lấy trong niên-hiệu Vĩnh-lạc, sau khi vua Trùng-quang nhà Hậu-Trần bị bắt đến khi vua Lê Thái-tổ sai Trần-Hãn 陳扞 lấy Tân-bình và Thuận-hóa (1414-1424) thì nhà Minh chia ra làm châu huyện và số hộ-khẩu chép trong sách « Thiên-hạ quận-quốc lợi-bệnh » (天下郡國利病) có những tên đất và số-mục như sau này:

— Phủ Tân-bình 新平府

Huyện Trực-lệ 2 { Nha-nghị 衙儀
Phúc-khan 福康

Lĩnh 2 châu { Chinh-bình 政平
Nam-linh 南靈

Lĩnh 1 huyện Tả-bình 左平

Cộng số làng 37 xã; số hộ 2132 hộ; số dân 4138 người.

Phủ Thuận-hóa 順化府

Lĩnh 2 châu 11 huyện:

Thuận châu 4 huyện: { Lợi-diều 利調
Phi-lan 丕蘭
Ba-lan 巴蘭
An-nhân 安仁

Hóa-châu 7 huyện :

Trà-hát	茶	傷
Lợi-bồng	利	蓬
Sạ-linh	乍	令
Tư-dung	思	容
Bồ-thai	蒲	台
Bồ-lãng	蒲	朗
Sĩ-vinh	士	榮

Cộng số làng 79 xã; số hộ 1407 hộ;
số dân 3663 người.

— Phủ Thăng-hoa 升華府

Lĩnh 4 châu 11 huyện.

Châu Thăng 3 huyện :

Lê-giang	黎	江
Đò-hòa	都	和
An-bị	安	備

Châu Hoa 3 huyện ;

Vạn-an	萬	安
Cu-hi	具	熙
Lê-đê	禮	悌

Châu Tư 2 huyện ;

Tri-bình	持	平
Bạch-ô	白	烏

Châu Nghĩa 3
huyện

Nghĩa-thuần	義	純
Nga-bôi	鵝	杯
Khê-miền	溪	縣

Số làng và số dân không nói rõ.

Về số dân lúc bấy giờ, hoặc-giả sử chép đại-lược thế nào, không lẽ số trong một phủ chỉ có mấy nghìn dân. Nhà Minh cai-trị thì các cửa bể đều có đặt quan Thủ-bạc (守舶) và các chợ có cuộc trừu-phân (抽分) để mà thu các thuế buôn-bán như thuế thương-chính ngày nay.

Vua Lê Thái tổ và Thái-tôn đối với xứ Tân-bình và Thuận-hóa

Quân nhà Minh lấy Tân-bình và Thuận-hóa được mười năm thì thấy có tướng-hiệu và binh-đội của Bình-định-vương sai vào đánh đuổi quân Tàu mà lấy đất lại.

Nguyên từ khi nhà Minh cai-trị An-nam dân ta phải chịu khổ-nhục ai nấy đều có lòng tức giận muốn thoát-li nước Tàu mà tự-chủ. Năm 1418 niên-hiệu Vĩnh-lạc thứ 16 vua Thành tổ nhà Minh, ông Lê Lợi 黎利 người làng Lam-

son (tỉnh Thanh-hóa) khởi-binh ở núi Lam-son tự xưng là Bình-định-vương để định đánh đuổi giặc nhà Minh ra cho khởi quốc-thổ. Khi đầu Bình-định-vương còn yếu thế, phải quanh-quẩn ở vùng Thanh-hóa và Nghệ-an bây giờ. Năm nhâm-dần (1422) ngài vào Nghệ-an đánh được châu Trà-long, năm ất-tị (1425) vây thành Nghệ-an, khi ấy binh-thế đã hơi mạnh mà thiên-hạ hưởng-ứng vẫn nhiều. Ngài muốn khuếch-trương thế-lực miền Nam, về tháng 7 năm ấy sai quan Tư-dò là Trần Nguyên-Hãn (陳元扞), Thượng-tướng là Lê Nỗ (黎弩) đem 1000 quân vào lấy phủ Tân-bình và phủ Thuận-hóa Đi đến Bồ-chính thì gặp tướng nhà Minh là Nhâm-Năng (壬能), hai bên đánh nhau, quân ta phục-binh, quân nhà Minh phải thua chạy. Vừa lúc ấy Bình-định-vương lại sai ông Lê Ngân (黎銀) đem 70 chiếc thuyền di dàng bề vào hiệp-lực với bọn ông Trần Nguyên-Hãn, bên hạ được hai thành Tân bình và Thuận-hóa rồi để người ở lại giữ hai thành ấy, mộ thêm binh-tốt đem ra đánh dẹp mặt bắc.

Năm đinh-vị (1427) Bình-định-vương đánh Đông-dò đã phá được quân Tàu, tướng Tàu là Liễu Thăng và Mộc Thạnh đều bị thua, Vương Thông thì xin hòa mà kéo quân về Tàu. Ngài bên sai những hàng-tốt đem 357 con ngựa vào chăn nuôi ở Hóa-châu và những người Tàu mà bị bắt về trận đánh vừa rồi đều đem phân-sáp ở phủ Tân-bình. Mùa hạ năm ấy có ban-dụ và phong-tước những tướng-tá ở phủ Tân-bình và phủ Thuận-hóa.

Qua năm sau (1428) vua Lê đã dẹp yên giặc Tàu, sắp đặt công việc cai-trị, phân trong nước ra làm 5 đạo, nghĩa là trước kia đã phân 4 đạo ở bắc-phương là tây-đạo, đông-đạo, bắc-đạo và nam-đạo; nay lại đặt thêm đất Thanh-hóa, Nghệ-an, Tân-bình và Thuận-hóa làm đạo Hải-tây. Mỗi đạo

có đặt quan Hành-khiển 行遣 để coi những việc quân-dân, bạ-tịch và từ-tụng. Trong đời vua Lê Thái-tổ cho xứ Hóa-châu là nơi trọng-trấn thường sai các quan Thân-thần ra làm trấn-thủ để phòng giữ với nước Chiêm-thành, xem như năm Thuận-thiên thứ ba (1430) sai ông Lê Khôi (黎魁) ra làm quan Tổng-quản ở Hóa-châu thì đủ biết. Khi ông Lê Khôi vào Hóa-châu thì ông chiêu-tập bọn lưu-dân và khuyến-khóa việc nông-tang, dân Hóa-châu lấy làm kính mến. Ông ở Hóa-châu được một năm rồi bị triệu về.

Vua Thái-tổ mới được nước, chưa kịp kinh-lý về miền nam, đến đời vua Thái-tôn năm đầu niên-hiệu Thiệu-binh (1431) vua Chiêm-thành là Bồ-Đề nghe tin Thái-tổ vừa mất mà Thái-tôn tuổi còn trẻ, có ý muốn dòm rình để đánh lấy lại đất cũ, bèn đem quân ra quấy-nhiều ở cửa bể Việt-hải (thuộc huyện Đăng-xương tỉnh Quảng-trị). Vua thấy thế, mới sai ông Lê Liệt (黎列) đem quân đi tuần Nghệ-an, Tân-binh và Thuận-hóa; lại sai ông Lê Khôi tiếp đem thêm quân vào Hóa-châu, quân đến nơi thì quân Chiêm đã lui về. Ông Lê Liệt vào đánh bọn man-dân ở Hóa-châu bắt được hơn 1000 người và vài chục thớt voi rồi kéo quân về bắc.

Vua Lê Nhân-tôn đối với nước Chiêm-thành

Vì quân nhà Minh bị thua, vua Lê Thái-tổ thu-phục được nước Nam rồi, tuy rằng sai trọng-thần vào trấn giữ Thuận-hóa, nhưng mà đất Lăng-Hoa, Tư-Nghĩa, nghĩa là phía nam tỉnh Quảng-nam lại bị luân-hãm về Chiêm-thành, đời vua Thái-tổ và Thái-tôn cũng chưa kịp thu-phục lại. Qua đời vua Nhân-tôn mới lên làm vua niên-hiệu Thái-hòa thứ 2 và thứ 3 (1444-1445) Chiêm-thành hai lần ra quấy nhiễu Hóa-châu. Đến năm thứ 4 (1446) vua Nhân-tôn mới sai đại-binh vào

đánh Chiêm-thành. Ngày tháng 2 sai ông Lê Thọ (黎受) đem quân vào đất Ly-gian (thuộc huyện Lệ-dương tỉnh Quảng-nam bây giờ) Đa-lang và Cồ-lũy mở đường thủy lộ và đắp thành-lũy, đánh được Chiêm-thành rồi thừa thắng vào đánh cửa bể Thi-nại (thuộc về tỉnh Bình-định). Qua tháng tư đánh phá thành Đồ-bàn là nơi kinh-thành của Chiêm, bắt được vua Chiêm là Hí-Cai đem về kinh-sur, lập người cháu vua Chiêm là Bi-lai lên thay cho Hí-Cai. Từ ấy Chiêm-thành lại chịu triều-cống như trước.

Vua Lê Thánh-tôn kinh-lý xứ Thuận-hóa và đánh Chiêm-thành

Vua Thánh-tôn lên làm vua, thì mấy năm đầu bọn Chiêm-thành vẫn triều-cống. Tháng hai năm Quang-thuận thứ 7 (1466) đặt các ti tuyên-chánh (宣政司), sai ông Nguyễn Đặc-Đạt 阮特達 làm quan Tuyên-chánh-sứ ở xứ Thuận-hóa, tháng tư đặt quân năm phủ: trung-quân, đông-quân, nam-quân, tây-quân, và bắc-quân, thì xứ Thuận-hóa và phủ Thiên-trường (tức tỉnh Nam-định bây giờ) thuộc về Nam-quân. Xét khi ấy Thanh-hóa Nghệ-an thì thuộc về Trung-quân mà xứ Thuận-hóa lại hợp với phủ Thiên-trường, hình-thế cách-trở, sự biên-chế ấy cũng đáng lấy làm lạ thay! Cách biên-chế quân-đội trong lúc bấy giờ thì phủ nam-quân có 6 vệ, cộng 31 sở mà mỗi sở là 400 người, thành ra nam-quân là 16.000 người mà xứ Thuận-hóa có ít đi nữa cũng có quân-số là 8000 người. Tháng 6 năm ấy chia trong nước làm 12 đạo, xứ Thuận-hóa riêng thành một đạo, mỗi đạo có đặt quan Thừa-tuyên. Lại sai các quan Thừa-tuyên đều phải đi khám những hình-thế núi sông và sự-tích xưa nay rồi vẽ đồ chú rõ gửi về cho bộ Hộ để làm địa-đồ. Vừa lúc ấy quan Tham-nghị ti Thừa-chánh ở Hóa-châu là ông Đặng Chiêm (鄧瞻) có dâng sớ nói 5 điều:

Điều thứ 1 là giữ cửa bể Tư-dung (思容, tức là cửa Tư-hiền ở về huyện Phú-vang phủ Thừa-thiên bây giờ); điều thứ 2 là lấp cửa Nhi-hải (填海, tức là cửa Thuận-an ở huyện Hương-trà phủ Thừa-thiên bây giờ; điều thứ 3 là mở con sông Liên-cừ (蓮渠, con sông ấy ở về làng Thủy-liên huyện Lệ-thủy tỉnh Quảng-binh, Hồ-Hán-Thương khi trước định đào ra để thông đòng tào-vận từ Tân-bình đến Thuận-hóa, vì cát lấp mà không thành-công); điều thứ 4 là bãi thuế nguyên-dầu; điều thứ 5 là chiêu-tập những dân lưu-vong để khai-khẩn ruộng hoang châu Bố-chánh. Lời sơ ấy dâng lên vua đều nghe theo. Về con sông Liên thì trong sử chép rằng năm Quang-thuận thứ 9 mới đào lại. Đến năm Quang-thuận thứ 10 (1469) định bản-dồ trong nước thì phân đặt xứ Thuận-hóa là 2 phủ 7 huyện và 4 châu như sau này:

Triệu-phong phủ :	肇豐府
Huyện Đơn-diên,	丹田縣
Huyện Kim-trà,	金茶縣
Huyện Tư-vinh,	思榮縣
Huyện Hải-lăng,	海陵縣
Huyện Vũ-xương,	武昌縣
Cuyện Điện-bàn.	奠磐縣
Châu Thuận-bình,	順平州
Châu Sa-bôi,	沙杯州
Phủ Tân-bình	新平府
Huyện Khương-lộc	康祿縣

Huyện Lệ-thủy 麗水縣
 Châu Minh-linh 明靈州
 Châu Bố-chánh 布政州

Vì năm 1446 tuy đã đánh được Chiêm-thành lập lại vua nước ấy và bắt phải triều-cống, nhưng mà đất Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa vẫn chưa kịp kinh-lý, chỉ kinh-lý từ nửa tỉnh Quảng-nam trở về bắc, khi ấy hình như phía bắc sông Sài-giang tỉnh Quảng-nam bây giờ thuộc về quan quân nhà Lê cai-trị, mà về phía nam sông ấy thì thuộc về Chiêm-thành cai-trị vậy. Từ lúc ấy cho đến năm đầu niên-hiệu Hồng-đức vua Thánh-tôn (1470) trong khoảng 24 năm, Chiêm-thành không bị quân An-Nam vào đánh mà trong nước thì tranh-lập cùng nhau lại có ý muốn cầu-viện nhà Minh để chống cự với An-Nam nữa. Bản-ý các vua Lê khi ban đầu cũng muốn làm cách «co-mi» mà để cho họ được thiên-an nhất-cảnh, miễn là thần-phục mà không quấy-nhiều mình mà thôi. Nhưng hiềm vì [người Chiêm-thành thường gây hấn-khích, làm cho phải động đến quân thân-chinh của vua Thánh-tôn. Các trận đánh từ niên-hiệu Hồng-đức trở về sau, ấy cũng là cái lỗi tại Chiêm-thành tự mình gây ra cái va chiến-tranh vậy.

(Còn nữa)

AN-KHÊ



TÂM - HỒN NGƯỜI ĐÀN BÀ

Đó là tên một cuốn sách của một bà nữ-sĩ Ý-đại-li tên là Gina Lombroso. Sách dịch ra năm thứ tiếng : Pháp, Anh, Thụy-điền (Suède), Đức, Hòa-lan. Bản dịch sang chữ Pháp của ông FRANCOIS LE HÉNAFF, hiệu Payot đứng lên ấn-hành (1).

Bà GINA LOMBROSO là người thế nào, xin lược dịch lời giới-thiệu của ông FRANCOIS LE HÉNAFF nói rõ như sau này :

« . . . Bà GINA LOMBROSO là con gái ông CÉSARE LOMBROSO là nhà nhân-chủng-học (anthropologiste) có tiếng ở Ý-đại-li... Khi bà tốt-nghiệp ở trường trung-học ra thì « điều thích nhất của bà là xin vào học trường Cao-đẳng Y-học. Nhưng từ đó về trước, « chưa từng có người con gái nào học về môn ấy. Bà cũng không muốn làm trái « người đời, liền xin vào học trường Cao-đẳng Văn-chương thành Turin, rồi đỗ « Văn-khoa bác-sĩ (Docteur ès-lettres).

« Đỡ xong bà đính-hôn cùng ông GUGLIELMO FERRERO là nhà sử-học có tiếng. Vì « đó bà lại để tâm vào những vấn-đề thuộc lịch-sử, kinh-tế. Hồi đó bà viết những « sách sau này : « Khảo về xã-hội và kinh-tế một xóm cạnh thành Turin » (Enquête « sociale et économique sur un faubourg de Turin) ; « Sự đình-công » (Les grèves), « Luật bảo-thủ sự lao-động của đàn-bà con trẻ » (Les lois protectrices du travail « des femmes et des enfants », vân vân . . .

« Khi đó cái tục nhằm làm cho đàn-bà không dám học thuốc cũng dứt, bà mới « vào trường Cao-đẳng Y-học, tốt-nghiệp đồ y-khoa bác-sĩ (Docteur en médecine).

« Khi thành-hôn cùng ông FERRERO rồi, bà lại chuyên-tâm về sử-học và xã-hội-
« học, viết bộ sách : « Sự tẻ của cái cơ-khi-chủ-nghĩa » (Le désavantage du Machi-
« nisme); trong bộ sách đó bà xét kỹ đến nguồn-gốc lịch-sử Trung-hoa, Ai-cập, Hi-lạp,
« La-mã, chứng rõ rằng các dân-tộc ấy về thượng-cổ không cần máy-móc mà văn-
« minh cũng rực-rỡ.

« Hồi đó ông FERRERO phải sang Hoa-kỳ và các nước ở Nam-Mĩ để diễn-thuyết,
« bà liền đi theo. Nhân đó bà mới xét hết được cả các qui-trình lớn của Đại-châu.
« . . . Bà đi lần ấy, quan-sát nhiều, có cảm nhiều, khi về xuất-bản một bộ sách nhan-
« đề là « Nam-Mĩ ».

« Kịp hồi Đại-chiến 1914-1918, bà tận-tâm về việc cổ-động, việc cứu-tế. Khi trước
« vì mắc việc học-hành, bà xa-cách bọn phụ-nữ, nay lại được gần-gụi giao-tiếp luôn ;
« bà mới để tâm đến vấn-đề nữ-giới. Chắc vì đó mà bà làm quyển sách này . . . »

Sách chia làm năm phần : phần thứ nhất nói về cái « Ác-cảnh của người đàn
bà », phần thứ hai nói về « Linh-hồn », phần thứ ba nói về « Tri-tuệ », phần thứ tư

nói về « Ái-tình », phần thứ năm nói về « Công-lý ». Đại-ý rằng : Đức-tình, tư-cách dân-ông khác dân-bà không phải vì giáo-dục, cảnh-ngộ mà chỉ vì Hòa-công mới thể cho xã-hội được điều hòa, đẹp-đẽ.

Cứ xem ý-tư và văn-chương tưởng như một bà lão cỗi-thời còn sống-sốt là cổ sức chơi với cái phong-trào lãng-mạn đời nay. Trong bài đề-từ bà có câu rằng « Tác-giả tin rằng : giáo-dục cưỡng-bách không định được cảm-tình, đức-tình dân-bà, — cảm-tình, đức-tình riêng, đặc sắc của bọn quần-thoa, khác hẳn dân-ông. Tác-giả tin như thế và muốn cõ-dộng cái ý-kiến ấy cho người đời, tác-giả muốn phả cái khuy-nh-hướng chung của người đời nay, cái khuy-nh-hướng ấy toan làm cho dân-bà thành dân-ông (masculiniser la femme). Người ta nghĩ làm như thế là người được hạnh-phúc cho nữ-lưu. Nhưng mà không ! không những không gây được lợi ích lại làm cho xã-hội thiệt mất một vai gánh vác. »

Tôi trộm tưởng những lời như thế đem công-bố ra tất có ảnh-hưởng sâu-sắc trong bọn phụ-nữ nước nhà — có lẽ ảnh-hưởng cả đến bọn dân-ông nữa. — Những lời ấy lại càng có giá-trị lắm nữa vì là lời của một người đã từng « làm dân-ông » như bà, là một người ở một xứ mà ta vẫn ngờ là nữ-tắc mất khuôn, dài gươm một thùy.

Quyền « Tâm-hồn người dân-bà » của bà làm ráo-dộng cả nữ-lưu — nhất là mấy bản dịch của Pháp, Đức, Anh, — từ đó bà tiếp được rất nhiều thư các nước gửi đến, kể trách bà, kể bĩu đồng-tình, bà liền xuất-bản quyển « Bàn bà vào đời ra làm sao ? » (La femme aux prises avec la vie) để trả lời các bức thư trên và để chứng-đẫn các lẽ bà nói ở quyển trước.

Nay xin lược-dịch một thiên trong sách « Tâm hồn người dân-bà » để giới-thiệu cùng độc-giả.

Diễn-giả chí.

Cái khó khăn của Văn-đề nữ-lưu

Khi ta ngoạn cảnh dãy núi *Alpes*, trước mắt coi chỉ thấy núi trắng in lên trời xanh, tưởng là rõ ràng lắm, ngắm kỹ mới biết là phiến-phức. Nào là chòm núi cao, nào là thung-lũng sâu, nào là dòng nước, nào là đồng-băng, đột-nhiên xuất-hiện ra : đường lối, trước trông dễ-dàng thế, mà nay trông kỹ-khu là đường nào ! Việc đời cũng thế : khi ta mới vào đời, mới biết đời, mắt chưa quen trò đời, ta chỉ trông cái đại-thể của đời, ta coi việc đời dễ-dàng như trò chơi : nhưng lâu dần, mắt ta càng quen bao nhiêu, ta càng lịch-đuyệt bao nhiêu, thì việc đời đối với ta càng rối-rít lời-thời bấy nhiêu. Khi đó ta mới hiểu rằng sự đau-khổ, vui-sướng ở đời có mật-thiết quan-hệ cùng nhau, có

ảnh-hưởng lẫn nhau, ta mới rõ rằng những sự cái-cách mà trước coi là giản-dị, đem ra thực-hành, vừa khó-khối, vừa nguy-hiểm, khiến cho kẻ làm trước-sốt-sắng bao nhiêu, giờ chán-nản bấy nhiêu.

Trước hồi đại-chiến còn cái gì trọng công-lý bằng cái địa-vị người dân-bà trong xã-hội nữa ? Có làm sao người dân-bà kia, là mẹ tất cả mọi người, là người cần nhất cho nhân-quần, lại phải phục-tòng người dân-ông ? Người dân-ông đối với người dân-bà, theo lẽ tự-nhiên là kém, mà có lẽ về phần trí-tuệ, đạo-đức cũng là kém. Có làm sao ở trong xã-hội, người dân-bà lại phải có một cái uy-quyền kém người dân-ông ? Có làm sao người dân-bà lại không được dự những cái khoái-lạc

trong xã-hội, như là vinh-dự, danh-tiếng, quyền-thế, những việc làm nhiều lợi của quốc-gia hay là của tư-gia? Có làm sao lại không được bình-quyền với tợn tu-mi? Có làm sao có việc đàn ông làm lấy làm tự-đắc mà đàn bà làm thì phạm tội to? Có làm sao lại ép đàn bà phải theo một cái luân-lý siêu-việt hơn đàn ông? phải hi-sinh những điều to-tát bội-phần?

Lâu lắm tôi vẫn yên-trí như thế, tôi vẫn yên-trí rằng bao nhiêu sự lép vế của nữ-lưu chỉ tại sự vô-lý của bọn tu-mi chỉ nhận riêng cho mình phần tốt. Tôi cho rằng những cái trái công-lý của xã-hội đối với đàn bà dễ trừ đi được. Nhưng, sau tôi rõ thêm cái then-chốt của tâm-hồn tôi, — cái then đó, tuổi nhỏ thường không thấy —, một ngày tôi một lịch-duyet thêm, tôi biết được sự quan-hệ cùng ảnh-hưởng trong nữ-lưu đối với nhau, đối với xã-hội, thì tôi mới lại nhận ra rằng những cái đó có một cái nguồn-gốc sâu-xa hơn. Khi đó tôi mới tin rằng cái nguồn-gốc đó là cái « thiên-chức » (*mission*) người đàn bà. Người đàn bà, dù làm đầy đủ cái thiên-chức ấy mà lấy làm nhục hay là làm kiêu, thấy đều phải chịu ảnh-hưởng của nó, nghĩa là cùng có các khuynh-hướng riêng của nó. Xã-hội muốn được êm-dềm thú-vị, cần phải có hai hạng người, thiên-chức khác nhau, cũng như cây đàn cần phải có giây dài giây ngắn thì tiếng mới êm.

Then-chốt tâm-hồn người đàn-bà : tính « duy-tha »

Đàn bà không giống đàn ông, câu ấy không cần biện-bạch gì nữa. Cứ lấy một pho tiểu-thuyết, một thiên thơ cổ hay kim nào đó, và ví-dụ các người đàn bà trong truyện trong thơ là đàn ông cả Cứ thay vị đổi ngôi thế rồi thử nghĩ xem những « người mới » đó có lỗi-linh, có quái-gỗ không?

Ngoài những cái về hình-thức đàn bà khác đàn ông mà chúng-nhân ai cũng biết cả, riêng người đàn bà còn có một cái khác nữa, cao hơn hết, làm cơ-sở cho các tính khác. Đó là cái *tinh duy-tha*, là tính « vì người », bởi người đàn bà không đặt cái trung-tâm sự vui-sướng ham mê vào mình mà lại đặt vào kẻ khác cùng mình có tình thương yêu như cha mẹ, chồng con, bạn bè
(... la femme est altruiste, ou plus exactement altéro centriste en ce sens qu'elle place le centre de son plaisir de son ambition non en elle-même, mais en une autre personne qu'elle aime et de qui elle veut être aimée : mari, enfants, père, amis, etc. . . .)

Người đàn bà vì giàu mối cảm-tình đối với sự vui buồn kẻ ở gần mình, không thể không cần người mà riêng hưởng lấy vui, tự gây cái gì ra hay tự diệt cái gì đi được. Đối với các sự vui ích-kỷ về ăn-uống, trông nghe, về trí-tuệ, cũng phải có ai để cùng tư-tưởng, cùng hưởng-thụ, cùng hoạt-động thì mới biết vui, biết sướng. Người đàn bà chỉ thích sống vì người, chết vì người, chịu ân thì hàm-ân vô-cùng, mà lại bị người khác không để tâm đến, vô ơn, lại không có người sẵn lòng sống vì mình, chết vì mình thì lấy làm đau-dớn lắm lắm. Bị thế thì gian dữ uất-ức, không bị thế hay là tưởng rằng không bị thế thì vui mừng hả-hê. Người đàn bà như ngọn lửa, nếu không có ai để soi sáng cho, không có ai trông nom cho thì tắt ngay (La flamme que la femme a reçue s'éteint si elle n'a pas quelqu'un à éclairer, quelqu'un qui l'entretienne.)

Đàn ông thì không thế. Trong sinh-vật giống đực không bị sự sản-dục thay đổi cơ-thể đi, cho nên hay « ích-kỷ ». Đàn ông giữ chữ « duy-ngã độc-tôn », chỉ « vì mình », vì lấy mình, lấy tư-lợi mình, lấy vui riêng, việc riêng mình làm trung-tâm cõi đời mình. (l'homme est égocentriste en ce sens qu'il tend à faire de lui

même, de son intérêt, de ses plaisirs, de ses occupations le centre du monde où il vit). Đàn ông có thể sống một mình, hưởng vui một mình, nên đối với sự vui buồn của mọi người ở quanh mình rất lãnh-đạm : Vì thế họ không muốn dây với ai, không muốn gây khổ hay sướng cho ai, và có bị người khác lãnh-đạm hay bội ân, cũng không lấy làm cảm-kích quá-độ. Vì chỉ muốn tự mình gây thú cho mình, nên tìm hết cách mà tránh các sự cảm-kích. Đàn ông có thể sống không yêu mến, không hờn giận, không vui, không buồn, qui-hồ là đạt được mục-dịch thì thôi; có thể tự xử lý lấy cuộc đời mình không cần phải hỏi-han ý-kiến ai cả : hám những cái vui « ich-kỷ » về sự ăn uống, trông nghe, tiền - tài, quyền - thế, sự vô - hình của tri-tuệ; có thể lấy mình làm trung-tâm sự vui của mình, có thể tự-lập lấy thân không phải nhờ tay ai cả. *Người đàn ông cũng như ngọn lửa nhưng mà là ngọn lửa đủ sức để sinh-tồn không cần phải ai trông nom mà cũng không cần soi sáng cho ai cả.* (il peut entretenir seul la flamme de la vie qu'il a reçue en naissant)

Thử xét bọn trẻ con khi còn ở nhà, khi ảnh-hưởng của-giáo-dục chưa đến làm lấp mất tinh-thần tự-nhiên đi, khi chúng còn có thể cùng làm một việc. Thử xét mà xem : con gái thích có con *poupée* để mặc áo cho nó, thích có em bé để ru, để rửa, để trông nom ; con trai thích khẩu súng, hòn quàn, cái vòng để thử sức, thử tài. Khi chơi, con gái thích giả làm mẹ, thầy thuốc, cô giáo, vú em, thích chơi với trẻ con bé hơn để hôn hít, chỉ bảo ; con gái học, làm, là để vui lòng mẹ, lòng cô giáo, để được mẹ khen, cô giáo khen ; con trai thích chơi với trẻ lớn hơn để đo sức, đo tài ; khi chơi, thích giả làm người cưỡi ngựa, ông tướng võ, ý chỉ muốn sai-khiến, và muốn cho kẻ phục-tòng. Khi học, khi giúp mẹ — khi nào

không thích làm mà làm — tất đòi kẹo, đòi su, đòi đồ chơi . . . hay là sự phải dòn, phải mắng.

Lúc trẻ con thế nào thì lúc vào đời cũng thế : đàn ông thì cảm-cúi mà làm cho thỏa-thú riêng mình, ý - nguyện mình ; đàn bà thì lúc nào cũng bận lòng vì người khác, vì ý kiến mọi người, vui cho mọi người, bắt người khác phải săn-sóc đến mình.

Lại trông các ông cụ già kia ! Việc đời ông đã hồ voi, bức truyền-thần linh-hồn ông càng rõ-rệt. Cảnh-ngộ mà không bắt buộc thì người đàn ông về già lánh xa xã-hội ngay : khi đó, điều sở-nguyện đầu của các cụ là không muốn phiền-lụy, dù tránh việc đời như thế có hại cho ai, cụ cũng không cần ! Cái thời-kỳ đó là cái thời-kỳ đàn ông hưởng lạc-thú gia-đình nhiều nhất, giá trước không chịu đựng lấy một gia-đình, lúc đó mới biết hối, lúc đó mới là lúc hưởng cái thú có người săn sóc đến mà mình thì không cần phải săn-sóc đến ai.

Cùng một cảnh ngộ ấy mà là đàn bà thì khác hẳn. Không những không tránh trường nào-nhiệt ở nhân-gian, tinh-tâm cho yên việc đời, mà lại hoạt-động thêm lên, không động thân-thể thì động tinh-thần, thấy chức-phận mình ít thì lấy làm buồn-rầu.

Không đem thân ra mà hi-sinh cho người khác được thì cũng thích cho kẻ khác hi-sinh vì những lẽ chính đáng. Khi đó vừa yêu lũ cháu, vừa khổ, vừa nhọc-nhăn lo-lắng, hết sức hết lòng vì cháu hơn là trước kia đối với con. Thế mà không ai mến, không ai trông nom đến, không ai hết lòng cùng ! Nếu mà bị thế thì lại tìm cơ khác để có việc làm luôn, lo nghĩ luôn. Bao nhiêu điều vui sướng đã qua đều quên đi cả — vì cái vui « vong-kỷ » thường không giữ lại được — chỉ nhớ những cái khổ lúc

thiếu-thời, nhớ bao nhiêu lòng càng tức-giận bấy nhiêu, sự tiếc nhớ oán hận càng nồng-nàn bấy nhiêu. Đáng lẽ ra thì tuổi già là lúc hưởng vui cuộc đời nhất, thú nhất, nhàn nhất, mà lại thành ra lúc khổ nhất !

Đối với người đàn bà thì lúc sướng nhất trong đời là lúc mà bao nhiêu tình-thần, bao nhiêu sức-vóc được đem hết ra mà thi-thố trong gia-đình, trong xã-hội; là lúc được săn-sóc đến người khác, được người khác tự-nhiên, không phải miễn-cưỡng săn-sóc đến mình; là lúc vừa làm vú sữa, vừa làm bà giáo cho con, yêu-mến con vô-cùng.

Người đàn bà mà không có ai để ham-mê, để tận-tâm vì người và để người tận-tâm cùng, con gái già không anh em, không cháu, không có ai để trao tỏ nỗi lòng, không có kẻ nghèo-khổ để yên-úi, tóm lại không có việc gì để dùng cái tình « vì người », cái trí nhanh-nhẹn, bụng ham-mê; không làm cô giáo, bà « sờ », tóm lại là không có cái mục-dịch thực-sự ở đời; đến như thế thì chắc tình-nết hóa chua cay, người biến-đổi, lòng biến-đổi hẳn đi.

Không có cái gì không hay cho người đàn bà bằng sự an-nhàn, tình hững-hờ. Không có cái gì khó chịu cho người đàn bà hơn là cái đời không cảm-tình, không hoạt-động, không yêu-mến ghét-ghen ai hay là vì ai.

Thử xem những sách bói-toán, tử-vi, tiên-định xem. Thuộc về số người đàn bà bao giờ cũng có câu : « đa-cảm, có yêu ai, rồi tình đó là giây oan-nghiệt sau này, rồi sau ái-tình có người hiểu cho, rồi kết tóc se tơ với người mình yêu, sinh con đẻ cháu đầy nhà... »; thuộc về đàn ông thì câu : « ... hết sức lập-thân chi-phú, chẳng bao lâu sẽ như ý, trí mình có ngày có người tri-ngộ, khi đó phúc lộc gồm hai... » Những câu đó, tức là sự lịch-duyet của loài người hàng

mấy thế-kỷ, thấu-rõ tâm-lý người đời mà nói đón trước đó thôi, chứ có số có lý gì đâu !

Gốc tính « duy-tha » của đàn-bà.

Có tính « vong-kỷ » « duy-tha » (quên mình, vì người) đàn bà cũng không tất-nhiên hơn đàn ông được, vì rằng tính « duy-ngã » (vì mình) hay tính « duy-tha » đều có thể gây ra lòng quảng-dại, bụng tà-dâm, đức hay hoặc nét xấu. Hai tính ấy — duy-tha, duy-ngã — cõi-rễ sâu-xa ở trong cơ-thể, chức-phận người ta, mà cơ-thể và chức-phận thì đàn ông đàn bà khác nhau xa.

Không cứ là ở giống người mà thôi, cho cả đến vạn-vật cũng vậy: vì sự truyền giống mà vật cái phải « vì kẻ khác ». Muốn cho nhị-chóng kết-quả, ta lại chẳng thấy cái hoa lia bỏ cánh đi đó ư? Ta lại chẳng thấy con bướm cái kia hết sức bảo-thủ cho con — mà có bao giờ được trông thấy con đàu, vì bướm chết trước khi trứng nở — cho đến chết ở dưới gốc cây đó ư?

Sự « quên mình » của giống cái ấy là một sự cần cho nòi-giống. Nếu mà không có sự « quên mình » đó thì bị diệt-chủng ngay, vì rằng sinh trẻ và dạy trẻ tất là phải có một người sẵn lòng hi-sinh hết ít nhiều cái đời mình vì trẻ. Người ấy lại chẳng phải là người mẹ đã đẻ con ra hay sao?

Cái thiên-tính « vì người » của người đàn bà lại còn có gốc ở một cái thiên-tính khác, sâu-xa hơn tiềm-tàng hơn, chung cả cho trai gái, già trẻ: thiên-tính đó là cái thiên-tính muốn đạt mục-dịch cuộc đời mình.

Mục-dịch đời ta là gì? Giống người ta, lúc nào cũng cạnh-tranh kịch-liệt nồng-nàn cho đến kỳ chết, chẳng biết vì miếng gì thế nhỉ? Ở trong cái thế-giới bất-tử bất-diệt, ở trong cái vũ-trụ vô-cùng, ta dù bị tiêu-diệt cũng muốn để lại

một chút dấu vết của ta (. . . . laisser une empreinte de notre être périssable dans le monde qui ne périt pas, fixer quelque molécule de nous-mêmes dans l'infini qui nous environne).

Cho được đạt cái mục-dịch ấy, Tạo-hóa cho ta hai điều sau này để khuyến-khích ta : *yêu-mến, ham-muốn*. Lòng yêu khiến cho ta lấy nhục-thể ta làm nên kẻ khác nối ta, tức là ta để dấu vết trên thời-gian. Lòng ham-muốn khiến cho ta lấy trí ta làm ra một việc gì thuộc hì h-thức, thuộc tinh-thần, thuộc ý-tưởng, để nổi tiếng với đời, nổi tiếng về sau, tức là để lại một dấu vết trên không-gian và thời-gian.

Mục-dịch ấy mà đạt được thì chết cũng cam-tâm, khổ - nhục cũng cam-tâm, thiệt-hại gì cũng cam-tâm.

Sinh-dục là một sự nguy-hiểm mà không thấy người mẹ nào từ (1). Đã định làm việc gì, thì vì đó mà thiệt-thòi đến thế nào cũng chịu, chứ không chịu bỏ.

Sự đau-khổ, — tức như lính canh dùng để báo cho ta biết có sự nguy-hiểm sắp tới — sự đau khổ rất chua xót cũng có thể đổi ra sự vui-sướng rất êm-dềm được, nếu sự đau-khổ đó dùng để đạt lòng « yêu » hay bụng « muốn », dùng để ghi dấu-vết của ta trên không-gian và thời-gian. Trong khi đi bẻ gãy giông-tổ thường thấy nhiều người mẹ cho con xuống thuyền cứu, ở lại nhận cái chết làm vui. Lại chả thấy nhiều nhà điều-khác, hội-họa, văn-sĩ vì muốn làm xong hay là muốn cứu pho tượng, bức tranh, quyền sách mà liều cả năng mưa, dới-rét, bệnh-tật, sinh-tử đó ư?

Yêu muốn, người hai giống đều có cả. Nhưng xét kỹ ra thì đàn bà hay dùng sự yêu mà đạt mục-dịch ở đời hơn đàn ông.

Đàn bà, khi có con mới tự cho là sáng-tạo ra được một vật để nối mình trên thời-gian để tạm dấu lại với cõi đời sớm nở chiều tàn. Vì thế nên đàn bà hay thương-yêu, đã yêu ai thì của cải, vui sướng, cho đến cả tinh-mệnh cũng có thể bỏ liêu được. Vì thế nên ba cái năng-lực như trực-giác (*intuition*), ham mê (*passion*) hoạt-dộng (*activité*), của người đàn bà lên đến cực-diểm, vì nếu không hiểu người, yêu người, hoạt-dộng vì người thì sao lại có thể được trung-tâm cuộc đời mình vào người.

Đàn ông thì không thế. Muốn để dấu-tích về sau, không thể cậy vào con-cái được. Thực ra thì con của đàn bà, vì đàn ông không để, vậy muốn làm cho mình có di-tích để sau tất phải lấy tay, lấy trí, lấy lòng mà làm ra cái gì. Bởi thế nên đàn ông « vị-kỷ », lấy mình làm trung-tâm cuộc hành-dộng ở đời, bởi thế nên có tính lãnh-dạm, thụ-cảm (*indifférence, passivité*), xử việc đời thời chỉ theo lý, theo lợi; bởi thế nên ham-mê vinh-dự, quyền-qui, tiền-tài, ham kỳ ham ngộ, ham hơn cả tinh-mệnh : các chính-phủ lợi-dụng cái máu ham đó mà khiến cho dân bỏ mình vì nước mà chưa thấy có chính-phủ nào làm tất được lòng tư-lợi của người trong nước.

Tôi không định nói rằng : « vì người », « trực-giác », « ham-mê », « hoạt-dộng », chỉ riêng đàn bà có, mà « lãnh-dạm », « thụ-cảm », « tự-tr » chỉ riêng đàn ông có.

(1) Tự-ngữ ta có câu « Không ai từ của từ con ». Theo bà Gina Lombroso có lẽ nên đổi đọc là : « Đàn ông không ai từ của, làm mẹ không ai từ con »

Những ý-kiến tôi vừa nói trên đó không thể hiểu một cách khai-quát, tuyệt-dịch được. Những cái đàn ông khác đàn bà tôi vừa nói trên kia là đại-dễ mà nói, còn ra trăm nghìn thay đổi, không nói trước được. Đàn ông có nhiều người có đức hay nết xấu của đàn bà ; đàn bà cũng có nhiều người có đức hay nết xấu của đàn ông. Đàn ông cũng có người hay tò-mò, thương vay xót mượn, tủi trộm yêu thầm, cũng hiếu-dộng, cũng có những tư-chất về trí-tuệ như đàn bà ; trái lại đàn bà cũng thế, vì rằng đàn ông cũng có chút lòng « vì người », đàn bà cũng có chút lòng « vì-kỹ ». Chút lòng ấy khi tỏ khi mờ, khi nhiều khi ít, pha trộn nghìn vạn cách, sinh ra vạn thứ tinh khác nhau.

Tôi định nói rằng những đức hay, những nết xấu, những cách hiểu việc đời, cảm việc đời mà ta nhận thấy có tinh-cách đàn ông, gốc ở bốn chữ « duy-ngã độc-tôn ». Những đức hay nết xấu, những việc có tinh-cách đàn bà, gốc ở bốn chữ « duy-tha vong-kỷ ». Tinh duy-ngã, duy-tha thâm-trầm hay rộng-rãi thì đức hay nết xấu cũng thâm-trầm hay rộng-rãi.

Ác-cảnh người đàn bà

Đàn bà vì thiên-chức mình mà yêu-mến kẻ ở quanh mình, nhưng cũng vì chút ái-tình đó mà sinh ra lắm thâm-kịch : đó là cái bước treo-leo của vấn đề « bảo-thủ nữ-quyền » (*féminisme*), vì thế mà muốn gây hạnh-phúc cho nữ-lưu mới gian-nan trắc-tử.

Người mà không « vì mình », lại « quên mình », thì cuộc đời dễ-dàng cũng thành ra bi-dát vô-cùng.

Tính « vì-kỹ » là xương sống cuộc đời (*L'égoïsme est l'épine dorsale de la vie*). Ai may mà có thì công việc làm

rất lợi. Tính « vì-kỹ » như ngọn đèn ló ; soi sáng đường đi. Kẻ vì-kỹ, có sẵn ngọn đèn ấy, tự mình đi tới mục-dịch mình, không cần đến ai. Kẻ « vì người » không làm thế được, cần phải có người yêu để yêu, để nương-tựa, chở-che đùm-bọc. Kẻ « vong-kỷ » như giầy leo : *Muốn leo lên bức tường lạnh gốc cây khô để phủ xanh ở ngoài, nhưng nếu không có bức tường lạnh hay gốc cây khô để leo lên thì héo mà chết.*

Tính « vì-kỹ » là grom giáo ở đời, đàn bà thiếu thanh grom mũi giáo ấy cho nên phải ý vào đàn ông, phải cần người đàn ông làm cái trụ cho các sự hành-dộng của mình, nếu không thì tinh-thần, sức-vóc rải-rác lung-lung, phải cần có một cái nghị-lực thu-thập lại, chỉ lối thẳng cho mà noi theo.

Có người cho rằng đàn bà cần phải chở-che đùm-bọc là vì trí-tuệ kém, giáo-dục kém. Không, không phải thế ; một người đàn bà học-vấn thật rộng, cũng vẫn cần sự chở-che đùm-bọc ấy : mà có lẽ học càng cao, trí càng loạn, càng không biết định-liệu ra sao, càng cần phải có người chỉ-dẫn cho.

Trí-tuệ người đàn bà không dùng để suy-lý khê-khan như đàn ông được. Trí-tuệ đàn bà toàn-thị trực-giác. Suy-lý (*raisonnement*) thì đi từ lẽ này đến lẽ kia, trực-giác (*intuition*) thì vượt qua lẽ nọ đến lẽ kia. Suy-lý vì như người đi bước một, đi bước nào tính bước ấy, đi như bấm chân xuống đất, đi được bước nào chắc-chắn bước ấy, trong khi đi đã tính chỗ tới lui, chắc-chắn vững vàng, nhưng mà chậm-chạp. Trực-giác vì như người nhảy, chân không chạm đất, vượt qua cả chỗ gồ-gề khắp-khuỷu, nhanh thì nhanh thật, nhưng lóng-bóng bập-bồng (1). Bởi

(1) Đoạn này dịch dài hơn nguyên-văn, thêm câu thí-dụ vào cho dễ hiểu.

thể cho nên người đàn bà càng thông-minh bao nhiêu, càng cần có cái thông-minh khác chắc-chắn hơn, soi-sáng cho, giúp cho dễ biết lợi-dụng sự trực-giác của mình, không có thì cũng như bông hoa ở « nhà ấm » (1) kia, tuy cánh hoa có rực-rỡ mà không có nhị, thành ra đến nổi cánh tàn, hương rữa mà cũng không kết được quả, thua cả cây mọc ở đám cỏ ngoài đồng.

Trừ ra có người đàn bà nào tính như đàn ông, vì những sự cần-dùng trong xã-hội, vì thói-quen, vì thiên-tính riêng, cũng có được lòng « vị-kỷ » như bọn tu-mi, thì mới không cần sự chớ-che nói trên kia. *Người đàn bà mà còn là đàn bà thì không khi nào thế cả.*

Lại còn lẽ nữa khiến người đàn bà không thể không có bụng muốn ý-lại được.

Muốn có một cái quan-niệm ở đời, kẻ vạch một đường đi tất phải có một cái mục-đích hiển-nhiên, trông được, đo được, tính-toán được, có lợi nhần-tiền.

Những cái vui « ích-kỷ » của đàn ông, bất-cứ hay hay dở, mới có đủ tính-cách hiển-nhiên, đo được, trông được đó. Ví như tôi muốn làm một bữa cơm ngon, nghe một bài đàn hay, làm một bài tính khó; như thế là tôi muốn tính những việc thực cả, tôi có thể đem ra mà cân nhắc xem cái nào lợi thì làm, mà làm thì làm ra sao.

Nhưng khi tôi muốn yêu người, muốn cho người yêu, muốn làm vui lòng người, muốn có con, thì tôi muốn

tính những sự vô-hình cả (2). Tính với lợi thường mâu-thuẫn nhau, tôi không biết lấy cách gì mà bỏ sự mâu-thuẫn ấy được. Không thể lấy lý-tính (*raison*) làm kim chỉ-nam, vì tính ở ngoài lý, cũng không thể lấy tình làm kim chỉ-nam, vì tình đây là phức-tinh, không phải đơn-tinh.

Tình lợi hai đàng mâu-thuẫn, đã theo tình phải bỏ lợi. Vả chẳng mỗi tình người đàn bà lúc mạnh lúc yếu, rải-rác ra trăm nghìn nơi, không biết theo đường nào, làm thế nào cho được thỏa-mãn, không biết mai sau này ra làm sau. Bởi vậy người đàn bà, không phân được sự phải chẳng lợi-hại ở chữ tình, nếu không có ai chọn lọc hộ, thì cứ theo trí-tuệ sốc-nổi mình, tình-tự mình, mà nay thế này, mai thế khác (3).

Lấy lòng yêu người khác làm trung-tâm sự ham-mê mình, người đàn bà không thể tự sức mình; trí mình, tài mình, mà tới được mục-đích sự ham-mê của mình. Làm thân đàn bà tất-nhiên phải yêu người, một cái số kiếp người đàn bà trông cả vào chữ tình ấy!

Đàn ông lấy công-phu, kiên-nhẫn, có thể làm giàu được, có thể mua lòng yêu kẻ khác, mua nhân-hạ, mua danh-giá, mua sự khoái-lạc của xác thịt, đại cát mộng-mình được, tóm lại là người đàn ông có thể đi thẳng tới mục-đích được. Đàn bà thì không có cách gì nhất-định, rõ-ràng mà tới được. Vì đâu kẻ khác yêu ta? Vì sự tình-cờ cả: để trước hay để sau, để vào nhà quyền-quí hay để vào chỗ dè hèn, có duyên đôi chút, sớm

(1) « Nhà ấm » (*serres*) là nhà bằng thủy-tinh các xứ ôn-đới dùng để trồng cây trong mùa rét.

(2) Đạo-đức dẫn đây tất có người ngạc-nhiên hỏi rằng: « Thế nào? muốn có con mà cũng là muốn sự vô-hình ư? » Dịch-giả thiết tưởng rằng muốn có con không phải là muốn có thằng phồng biết khóc mếu, cựa cựa; muốn có con là muốn có *dễ mà yêu con*. Muốn có con *dễ* mà yêu thì cái muốn ấy vô-hình lắm. Thử nghĩ lại xem, nếu gác chữ tình ra, thì có con có sướng gì không? Khóc, mếu, quấy, vùi, bần thỉu, khai, thối, thú nổi gì? Ý tá: giả như thế. Vả lại nguyên-văn địa-chữ Pháp rằng: « *des jões dont l'entité est impalpable.* »

(3) Chữ tình phải hiểu một cách đứng-đầu mới được. Nếu lấy óc thẳng phượng chèo thì đọc câu này buồn cười lắm: « Mỗi tình người đàn bà rải-rác ra trăm nghìn nơi. . . . »

gặp người tri-kỷ hay là muộn, đó là những cơ khiến kẻ khác yêu ta. Thật là đời một hạt mưa sa, may ra vào đài-các, chẳng may ở ruộng cây !

Người quen thuộc, kẻ chung quanh mà không có lòng mến thì người đàn-bà không thể cố-chí, lấy chăm-chỉ lấy tài-năng mà mua được. Ái-tình không phải là một món hàng mua được. Đối với người đàn bà thì ái-tình là mục-đích cuộc đời, ái-tình lại lắt-léo như thế thì cũng khổn thay cho bạn má hồng !

Ngoài những cái thăm-kịch thuộc về tình, còn nhiều thăm-kịch khác. Mỗi người có một mối tình riêng, mỗi lợi riêng, không ai giống ai ; thế mà lại đem để trung-tâm đời mình vào người thì sao cho tình lợi hai bên vẹn hai ?

Thế nào là lợi ? Cái gì làm cho đời người tăng lên là lợi : sống là lợi, khỏe là lợi, giàu là lợi, danh-tiếng vinh-dự là lợi.

Đàn ông thì chỉ có mục-đích trực-lợi mà thôi, Thích ăn miếng ngon, để lợi cho sức khỏe ; thích tiền-tài, danh-giá, tức là thích quyền-thế. Quyền-thế danh-giá chưa đủ gây hạnh-phúc cho đàn bà. Đàn bà cần phải có người yêu chuộng, cần phải yêu, cần phải trông nom cho mọi người gần mình. Máu-mê người đàn bà ở đó, gốc khổ, cội sướng cũng ở đó. Cái máu-mê ấy lại hay trái với lợi.

Đàn-bà có con có lợi gì ? Nào đem thức thân canh, nào ngày lo suốt tối, trong lòng canh-cánh suốt đời, có khỏe người không ? có giàu thêm không ? có danh-giá gì không ? Con gái xuất-giá có lợi gì ? Ở nhà bố mẹ chiều nuông, ăn

chơi vui-vẻ, bỗng tự-nhiên theo một người, chắc đâu ở với người ấy sướng hơn ở với cha mẹ ? Đàn bà trông người ốm đau, khuyên người khổ-sở, có lợi gì ? Người mẹ khi trở về già, đương độ cần người trông nom, cho con ra ở riêng, có lợi gì ? Bà EVE (1) khi sinh ra được chú CAÏN, quì xuống chân Thượng-đế mà rằng; «Trời thương con rồi, trời đã cho con có con để trông nom». Nếu cứ lấy tư-lợi mà xét thì câu ấy thậm vô-nghĩa, vì rằng thằng CAÏN là một mối phiền cho bà EVE. Thế nhưng mà tiếng kêu của bà chính tiếng kêu của người đàn bà đã thỏa được một ý muốn vẫn náu trong lòng. Cái tiếng kêu ấy, gác tình mẫu-tử ra thì vô-nghĩa, nhưng thực là tiếng kêu há-hê của kẻ đã là mẹ.

Không gì khó bằng phân-biệt, cân-nhắc sự thiệt hơn với sự khoái-lạc. Vì thế mà diễn nên bao nhiêu bi-kịch cho nữ-lưu. Chỉ vì lầm rằng thỏa được lợi thì có khoái-lạc, cho nên ở đời biết bao nhiêu người đàn bà, trong bao nhiêu năm, có khi suốt cả đời, bỏ chức-phận làm mẹ hiền, vợ thảo mà đem mình hoặc gửi vào bề học rùng văn vào trường náo-nhiệt của xã-hội, của chính-trị, để chen gót danh-lợi với đời.

Đó là cái phong-trào bây giờ. Bọn nữ-lưu tân-tiến bây giờ, thấy bọn cổ-nhân chúng tôi hủ-bại, lấy làm thương mà nói rằng: « Vâng, khi xưa nữ-lưu đắm-đuối vì lòng bác-ái, lấy đời kẻ khác làm trung-tâm nghị-lực mình. Bây giờ còn nhiều bà dúi-dắt mà muốn như thế. Đó là thói tục hủ-bại, mẹ truyền con nối mãi. Cái thói tục ấy, bọn hậu-tiến chúng tôi đang vui sướng chân, lèn xuống đất đây, bọn chúng tôi đang muốn đạp đổ cả chế-độ cũ rích ấy đi đây ! »

(1) Bà EVE là vợ ông ADAM; là thủy-tổ loài người.

Than ôi ! không phải đến bây giờ mới có cái phong-trào ấy đâu. Các bà, các cô không phải là người khởi-xướng ra cái phong-trào đó đâu. Đã nhiều lần lắm rồi, đã nhiều lần nữ-lưu thoát cái vòng lao-lung các bà các cô nói đó, đã nhiều lần nữ-lưu bỏ cũ theo mới, xử-thể theo lối tự-do, chăm-chăm trục-lợi cầu-danh, nhưng cũng đã nhiều lần tỉnh-ngộ, biết rằng làm như thế chỉ là thả mồi bắt bóng, và đang khi nào-nhiệt theo phong-trào mới cũng không được điều gì vui, điều gì sướng như khi làm mẹ hiền, vợ thảo, lòng bác - ái chừa-chan.

Bởi vậy nữ-lưu đã lâu cứ ngập-ngừng không biết xoay chiều nào, đành thì phong-trào mới xô-đẩy, đành thì tình-tự cũ giữ lại.

Một hồi theo tình bị bọn tu-mi phản phúc, chán lại theo lý, theo lợi, rồi thấy cái đời thuận-lý, cái đời trục-lợi tẻ nhạt, lại quay về theo tình.

Những cái bi-kịch ấy, bọn tu-mi thoát cả. Đàn ông có thể tự mình xoay-xỏa mà thỏa lòng dục-vọng mình mà vẫn không phương-hại đến tư-lợi, vì tình và lợi của đàn ông bao giờ cũng đi giống đôi.

...

Có những thế đâu ! Tình và lợi của đàn bà mâu-thuẫn nhau đã đành, lại còn trong chữ tình cũng có nhiều điều mâu-thuẫn nhau, như thế cảnh người đàn bà mới rắc-trở chứ !

Người đàn bà yêu cha mẹ, chồng con ; yêu mỗi người một khác ; mỗi người lại có một ân-tình riêng, thành ra trong một sự yêu, rắc-trở bao nhiêu !

Làm sao mà hòa được tình yêu con, yêu chồng, yêu bố mẹ anh em ? Làm sao mà hòa được tình đối với nhà mình và nhà chồng ? Làm sao cho yên-ôn cả, cho êm-thắm cả ? Cỗ-tục bắt

người đàn bà phải đặt giai-cấp trong ái-tình cũng không phải là chuyện không vào đâu thật.

Đàn ông thì không bị cảnh ấy. Yêu, mến, thích nhiều việc, nhưng các việc đó xa nhau cả, hoặc xa vì thời-gian, hoặc xa vì không-gian. Có thể vừa thích chính - trị, vừa thích khảo-cổ, vừa thích ăn uống được, không có gì là mâu-thuẫn nhau cả. Khi đã vạch đường đi mà đi thì cứ thế mà đi thẳng, không sợ trái với ai, trái với cái gì cả.

Có những thế đâu ! Những người mà người đàn bà yêu lại còn hay đổi tính nữa, ép người đàn bà phải đổi theo, chàng thiếu-niên kia khi hỏi vợ thì thích vợ có thi-vị, có nhan-sắc, ngọc ngân, thực-thà. Khi lấy được vợ rồi thì lại muốn cho vợ sắc-xảo, lanh-lợi, lịch-duyet, tần-tảo giỏi. Chàng phải lắm, không ai bẻ được chàng, vì ái-tình không phải là mục-dịch cuộc đời của chàng kia mà ; nhưng đau lòng thay cho người đàn bà ! Cậu bé kia, khi còn măng sữa không cho mẹ rời một bước chân, bắt mẹ phải dô-dành, phải theo đuôi cậu từng giờ, từng phút. Mười năm sau, cậu đã thành một chàng thiếu-niên rồi, cậu lại muốn mẹ cứ mặc kệ cậu, không muốn nghe lời dạy - bảo nữa, cậu muốn tự-xử lấy cậu. Cậu phải lắm, không ai bẻ được cậu. Cậu muốn lịch-duyet tất cậu phải xử-thể một mình, nhưng mà người mẹ lấy sự dạy-dỗ con làm nghĩa-vụ to nhất, có thể dứt tình được chăng ?

Đó là những sự khó-khăn của đàn-bà, gây nên chỉ vì chút lòng bác-ái. Những cái mà người đàn ông thích nó không hay thay đổi, cho nên người đàn ông tránh được bước treo-leo ấy. Đang cầu danh, đang mê học không, cần phải đổi đường đi, cứ một đường đi thẳng, cứ dùng cái nghị-lực lúc đầu mà theo đuổi mãi tất có ngày thành-công. Dù đạt được mục-dịch hay không, muốn theo

đuổi, hay không, tùy ở mình cả, không tùy ở ai, không phải ỷ-lại vào ai...

Vậy thì bao nhiêu cái ác-cảnh của người đàn bà không tại luật-pháp, không tại thói xấu của đàn ông, không tại cảnh-ngộ, mà chính là chỉ là tại cái « thiên-chức » người đàn bà, cái thiên-chức phải yêu-mến người, phải phục-tòng người.

Lấy luật-pháp đổi địa-vị người đàn bà không gây được hạnh-phúc cho đàn bà, phải sửa lại cách giáo-dục đàn ông, để biết giá người đàn bà và giúp đỡ cho đàn bà,

Kẻ làm cha biết con gái mà lo cho hậu-lai con, không phải là lo rằng luật-pháp không bênh-vực, không phải là lo bị bọn tu-mi ăn hiếp, lo là lo cái ác-cảnh không sao tránh được của nữ-lưu, ông bố mà là người lịch-duyet, am-

hiều tinh-tinh bọn thiếu-niên thì cái lo đó lại bội-phần, lo rằng con gái mình lắm, lo rằng bọn con trai không hiểu con gái mình thực-thà tự-tín họ cho là hợm là kiêu, vội-vàng nóng-nảy họ cho là ích-kỷ, hay mộng-tưởng vu-vơ họ cho là giả tinh-tự, thiếu lý họ cho là ngốc. Chao ôi ! nếu mà con cũng biết kẻ khác như cha, nếu kẻ khác cũng biết như cha, thì còn lo gì nữa !

Địa-vị xã-hội cũng như địa-vị người cha. Xã-hội nên theo ý-kiến người cha mà sửa lại địa-vị người đàn bà, một đảng chỉ bảo cho người đàn bà hiểu người đàn ông, một đảng chỉ bảo cho người đàn ông hiểu người đàn bà. Chỉ vì hiểu lẫn nhau mà cái ác-cảnh người đàn bà có đấy thôi !

NGUYỄN TRIỆU-LUẬT dịch

SỨ-TRÌNH TIỆN-LÂM KHÚC

Bài ca đi sứ Tàu của cụ Lý Văn-Phức

Cụ Lý Văn-Phức 李文馥 hiệu là Khắc-trai 克齋, tự là Lân-chi 麟芝, người làng Hồ-khâu huyện Vinh-thuận Hà-nội, cụ đỗ cử-nhân năm Minh-mệnh, làm quan đến Lễ-bộ Hữu-tham-trì. Năm Thiệu-trị thứ hai, cụ sung làm Khâm-sai chánh-sứ sang sứ Tàu. Khi đi sứ về cụ có làm ra bài ca Sứ-trình, kể đủ cả cái tinh-cảnh lúc đi sứ, non-sông phong-cảnh, đường-sá xa khơi, lời văn rất là lưu-loát, cũng là một áng văn-chương cổ về đời Minh-mệnh Thiệu-trị, nay lục-dăng như sau này :

Năm Thiệu-trị rồng bay tân-sứ,
Vâng thánh-triều giữ đạo giao-lân.
Điện Phụng ban xuống chiếu-văn,
Hành-tùy mười bảy, sứ-thần ba viên.
Đồ thưởng-tứ ân trên nhuần-thấm,
Lĩnh quốc-thư vật-phẩm chỉnh-tề.
Tháng hai bãi-mệnh đản-trì,
Ngọn xuân đưa bước vó kỳ nhẹ thanh.
Tháng ba tới Hà-thành đình-trú,
Chiếu việc quan theo bộ văn-truyền.

Từ nghe nội-địa đưa tin,
Hoàng-cung bãi vọng biểu-tiên đạt tình.
Lễ tồ-dạo thần-linh trợ-thuận,
Ngày mừng ba tháng nhuận bước ra.
Ngọn cờ tiếng trống xa xa,
Chèo lan đưa mái Nhị-hà như tên.
Sang bắc-ngạn ghé thuyền lên bộ,
Quan Bắc-ninh tiếp-hộ sẵn-sàng.
Dần-dà điểm Mĩ sông Xương,
Đạo qua phủ Lạng tới làng Cần-dinh.

Cũng vào miếu Đông-linh yết lễ,
 Qua Bắc-cần Tiên-lệ Bắc-giang.
 Kia cầu suối rấn bên đường.
 Truyền rằng dưới suối có hang Giao-
 thần.
 Sự linh-huyền khôn phân hư-thực,
 Khách đi đường cần-mật là hơn.
 Bắc-hòa tới Quí-môn quan,
 Lời xưa «Thập khứ nhất hoàn» là đây(1).
 Khi mờ xuống ban ngày muốn tối,
 Hơi nước lên ngọn khói hoang bay.
 Chi-lãng thứ nhất bầu này,
 Linh-tử đem tấm lòng ngay đảo-ký.
 Qua Hồ-lao cũng vì linh-miếu,
 Khỏi Lạng-nhân tới khảo mẹ con.
 Nhìn xem nhớn nhỏ hình non,
 Trái qua giếng Úng tới đồn Lạng-mai.
 Qua tỉnh Lạng đón mời vào tỉnh,
 Việc sứ-trình lo tỉnh về vang.
 Sửa đồ yết miếu thành-hoàng,
 Tiện đường dạo bước xem tường cảnh
 thanh.
 Tam-thanh-động thiên-thành như tạc,
 Vọng-phu-son ai mặc cho nên?
 Hãy còn dấu cũ Tiên-hiền (2),
 Đền doanh Lộc-mã cảnh chiến Nhị-
 [thanh.
 Rồi bắt chỉnh quan binh thượng-lộ,
 Qua Kỳ-cùng tới phố Kỳ-lừa.
 Đồng-đăng lịch-sự tiếng xưa,
 Dừng xe tạm trú đưa tờ thông-danh.
 Rồi thấy thiếp Thái-bình tri-phủ,
 Định mồng mười giờ ngọ khai-quan.
 Tỉnh-quan cùng hậu-mệnh quan,
 Cùng nhau vồng đá một đoàn tới nơi.
 Sửa mũ áo bên đài Ngưỡng-đức,
 Sắp quân-gia nam bắc hai đường.
 Đến giờ sùng phát sấm vang,

Mặt giao tân-chủ lệ thường tống-nghênh.
 Đài Chiêu-đức lễ thành bái-yết,
 Cửa Nam-quan bái-biệt phân-ký,
 Tang-bồng là chỉ nam-nhi,
 Non sông ngảnh lại bước đi lại dừng.
 Qua Tiên-ải trông chừng mặc-phủ,
 Khỏi Tân-thiên tới Thụ-hàng-thành.
 Đến đầu đường tấn qui nghênh(3),
 Thường ngày cung-ứng nặng tình địa-
 [phương.
 Ninh-minh giang chực thuyền đưa thủy,
 Vật thường hành chỉnh-bị chu-toàn.
 Hiệu cờ cho chỉ hiệu đèn,
 Đủ trong mười bảy chiếc thuyền sắm-
 [sanh.
 Lại biện lễ giang-thần yết-cáo,
 Rồi kéo cờ phát sùng khai-hành.
 Dòng sông khúc thẳng khúc quanh,
 Sóng êm hộ lái gió thanh đưa buồm.
 Núi ai nhuộm đỏ lóm sắc đá,
 Đủ trống, cờ, nhân, mã, binh-đao.
 Sườn non ai vẽ được nào,
 Truyền rằng binh-mã Hoàng Sào phải
 không?
 Kia Sa-mạo, nọ chồng Bút-giá (4),
 Khéo khen ai xếp đá nên xinh.
 Bên sông ba mặt quanh thành,
 Nhìn xem phủ-trị Thái-bình(5) rất đông.
 Đưa một lá thiệp-hồng vấn-hảo,
 Vật thổ-nghi lấy thảo đem thành.
 Một niềm bích-tạ ninh-ninh,
 Đưa đồ thực-phẩm viện tình chủ-nhân.
 Kể nha-dịch liệu phần dả-phát,
 Cứ lệ truyền đêm bát ngày khơi
 Đá đầu xây sẵn non dài,
 Phải chăng tục-hiệu thành người Hoàng
 Sào?
 Qua Hưởng-thủy ào-ào tiếng suối,

(1) Chốn này nhiều chương độc lắm, ngày xưa có người sứ Tàu đi đến đó, có câu nói rằng: « Quí-môn quan, Quí-môn quan, mười người đi chỉ còn một người về ! »

(2) Xưa ông Ngô-phong Ngô Thời-Sĩ làm Đốc-trấn ở tỉnh Lạng-son.

(3) Triều nhà Thanh cứ 10 dặm hoặc 15 dặm, thời đặt một đường hay là một tẩu, 6, 7 người lính canh phòng ở đó; để tra hỏi những quân gian-tế và hộ-tống hành-khách.

(4) Tên hai quả núi, vì là lấy hình giống mà đặt tên.

(5) Tên một phủ thuộc về đất Tàu.

Vừa hai ngày tới cõi Tân-ninh (1).
 Ghé thuyền tựa bến châu-thành,
 Chủ-tân chiếu lệ nhân-tình lại đi
 Kia sơn-động Kim-kê tiêu-cảnh,
 Dấu Lữ-tiên du-vịnh từ xưa.
 Thành đầu chất-ngất bên bờ,
 Huyện là Tuyên-hóa, phủ là Nam-ninh.
 Xem phố sá thị-thành đô-hội,
 Tiền Nam-kinh tiếng gọi xưa nay.
 Ung-châu cổ hiệu là đây,
 Địch Thanh truyện cũ núi này chon-von.
 Lại lần-lữa từng non lớp suối,
 Qua Vĩnh-thuần mới tới Hoàn-châu.
 Khai thác tích cũ đã lâu,
 Nghe còn thuyền sắt chìm đầu lối này?
 Than Ngũ-hiêm đá xây sóng loạn,
 Khách hành-thuyền tóc dợn mắt hoa!
 Chức-văn đảo miếu Phục-ba,
 Chén bình-an rót ban tà thảnh-thơi.
 Ấy từ đó qua nơi than-thác,
 Có địa-phương chực trước than-phu.
 Qua Quý-huyện tới Tâm-chu,
 Giang-sơn bát cảnh ấn-dồ thiên-nhiên.
 Non Bạch-thạch động-thiên thâm-viễn,
 Quế Kinh-sơn thổ-sản gọi là.
 Huyện Nam-bình cách chẳng xa,
 Tướng-quân Đào-Khẩn quê nhà ở đây.
 Đời Nam-Hán nhớ thầy Lương-Trạng,
 Tạ miếu-đường về dưỡng từ-thân.
 Lộc triều đỡ thuế phương-dân,
 Miếu thờ một quận nhớ ấn đến rầy.
 Qua Đẳng-huyện huyện này tiêu-ấp,
 Phủ Ngô-châu tấp-nập như tuôn.
 Vui thay! phố bán thuyền buôn,
 Thu đồ bát-cảnh, hợp nguồn tam-giang.
 Nhớ Đông-Hán Sĩ-vương quê cũ,
 Tọa Nam-giao Thái-thú quan ngoài.
 Văn-minh mở mặt phương trời,
 Một tòa trở-đầu, muôn đời khói hương.
 Dấu vua Thuấn trác-phương còn lại,
 Lối nam-tuần kia nội Xương-ngô.
 Cửu-nghi non mật sương mù,

Ngàn dâu đã ngã, bóng ô vàng-vàng.
 Nghe hành-thứ có Lương Tuân-phủ,
 Đưa hồi-âm bẩm rõ thiếp-danh.
 Sáp-phong một tập lữ-tinh,
 Nghìn trùng non nước, tấc thành tôi con.
 Sông Ly-thủy theo nguồn nước
 ngược,
 Một ngày đi mấy thước đường xa.
 Dấu xưa để lại bao giờ,
 Tiên-ông kỳ-cục, Dương-gia pháo-đài.
 Chiêu-bình huyện nơi này cỏ-miêu,
 Nhà họ Lưu trich-hiếu nhất-môn.
 Một hầu một vợ một con,
 Tòa kia tam-liệt, biển son muôn đời.
 Từ Chiêu-bình (2) tới nơi Bình-lạc (3),
 Đường hiêm-hoi hết thác thời ghềnh.
 Kia là Dương-sóc huyện-thành,
 Dương-công nón sắt rành-rành chân
 non.
 Động Cửu-mã chín con in dạng,
 Dấu danh-nhân vịnh thưởng còn lưu.
 Nham-tiên đời Tống họ Lưu,
 Hình tu-luyện cảnh thanh-u vẫn còn,
 Kia Đẩu-kê với non Tượng-tị,
 Lại Thất-tinh Bát-quế kéo quanh
 Đò thuyền bên trạm Ân-đình,
 Quảng-tây tỉnh-ly phủ-thành Quế-lâm
 Phục-ba nham với thành Cầu-Tiểu,
 Không-minh-đài cùng viện Duyên-
 Chi (4).
 Tòa non Độc-tú thanh-kỳ,
 Quán này Trạm-nguyệt, chùa kia Thê-hà.
 Vừa Lương-phủ cũng đã về tỉnh,
 Bẩm thiếp lên xin định yết-kỳ.
 Phiên-nha trước nghiệm phạm-
 nghi,
 Sau lên Phủ-viện thờ-nghi đệ tuyền.
 Lệ quốc-sứ một quì ba khấu,
 Tình địa-quan cũng thủ động-thâu.
 Mời ngồi trà khoản ân-cần,
 Thờ-nghi bích-tạ bồi-thần từ lui.
 Đờ thưởng-cấp đem nơi thuyền-sở.

(1) Tên phủ.

(2) 3) Hai tên huyện.

(4) Chỗ ông Nhân Duyên-Chi đọc sách ngày xưa.

Suất sứ-thần đến cả hành-tùy.
 Sa, trừu, bút mực thiếu chi,
 Phần thời đồ mặc, phần thời vật ăn.
 Ấy thể nước ân-cần hậu-vãng,
 Nhận lĩnh rồi phát thưởng biện sai,
 Lại đem tổng-hảo các nơi,
 Đều cùng bích-tạ một lời như y.
 Bản hồi-quốc chuẩn vì tái-dệ,
 Rồi từ-hành chiếu lệ khai thuyền.
 Vài hôm tới huyện Long-xuyên.
 Đại-dung giang khẩu ngược lên Linh-cử.
 Dòng cạn hẹp từ-từ từng khúc,
 Tiếng thủy-xa lọc-sọc quanh dòng.
 Đoan-dương gặp tiết thiên-trung,
 Rượu bõ chúc chén bên song một vại.
 Bến cỏ-độ vắng người cạnh-hí,
 Ngọn huân-phong giục kẻ dăng-trình.
 Vừa hôm mười một ngày lành,
 Gặp tuần van-thọ ngụ tình tắc son.
 Đèn treo khắp trên thuyền trước mũi,
 Suốt ngàn sông bóng dải sáng lờ.
 Mã-dầu-sơn đã lộ ra,
 Ba mươi sáu đầu (1) đầu là Cốc-ngư.
 Qua từng đầu ngày thâu dặng mấy,
 Quanh từng loan đủ bảy mươi hai.
 Lửa lần trắng tối sương mai,
 Khỏi Hưng-an mới hết nơi đầu-cử.
 Kia miếu thờ thầy Chu Mậu-Thúc,
 Biền ngạch đề lý-học khai-tông.
 Bên sông một tọa xuân-phong,
 Một vầng thu-nguyệt soi lòng nghìn xưa.
 Nọ phiến đá bay từ Đông Việt.
 Có chữ đề dạ-nguyệt đàm-huy.
 Trái bao sóng gió đi về,
 Một mùn đứng với chỗ che đến giờ.
 Non Phân-thủy linh-từ yết lễ,
 Sông Tam-tương thuận thủy từ đây.
 Nguyên xưa chưa có đầu này,
 Ly, Tương hai ngã khôn hay thông dòng.

Từ Sứ Lộc gia công khai-tạc (2),
 Khiến Ly, Tương ngọn nước hợp
 Chu thuyền từ đó thông-lưu, [nhau
 Công xưa tuy khó, kể sau dặng nhờ
 Chốn hoa-kiều có Hà-gia đó,
 Dòng giáp-khoa ấy họ thu-hương.
 Linh-quang qua miếu Anh-hoàng (3)
 Ngàn tùngrủ bóng rợp đường Toàn-châu.
 Tương-sơn tự ấy chùa Thọ-phật (4)
 Là Sở-nam đệ nhất thuyền-lâm.
 Đá bay lại mấy trăm năm (5),
 Sứ-thần thừa trước đề ngâm hãy còn.
 Cây trầm-hương trên non ai giữ,
 Đá bình-thư khắc chữ Không-minh.
 Tiêu-tương ba ngọn hợp doanh,
 Trông lên đã thấy phủ thành Vĩnh-châu.
 Thuyền tuần-sát giăng cầu Lư-trục (6)
 Thú bán buôn đông đúc chu xa.
 Từ đây nhần tới Trà-g-sa,
 Kể trong bát cảnh hiệu là Tiêu-tương.
 Than Lãnh-thủy với đường Túc-phụ,
 Núi Tam-ngô rất thú cảnh thanh.
 Có đài có suối có đình,
 Văn Nguyên-Kết chữ Chân-Khanh đều
 [truyền.
 Dùi gươm miếu dấu tiên hoạn-hóa,
 Dưới chân non mảnh đá ai mài (7),
 Trong như thủy sáng như ngời,
 Làm gương kim cổ soi người vãng lai.
 Kia Kia dương huyện-dài giang-lộ,
 Đi ba ngày tới phủ Hành-châu.
 Nào non Hồi-nhạn là đầu ?
 Bảy mươi hai đỉnh ấy đầu Hành-sơn.
 Núi Thạch-cổ trên ngàn giang-khâu,
 Ngọa-long xưa còn dấu cố-cư.
 Đồi Đường mới cải viện-thư,
 Lịch-triều nhân đó, đề thờ tiên-như.
 Bà Phiếu mẫu thừa xưa đời Hán,
 Còn miếu thờ nhất-phạn thiên-kim.

(1) Là cái cửa ngăn nước ở giữa sông ngòi.

(2) Từ đời nhà Tần.

(3) Ba Nga-hoàng, bà Nữ-anh là con gái vua Đường-Nghiêu.

(4) Phật họ Chu tên là Toàn-Châu người nhà Đường thọ 160 tuổi rồi lấy thuật hóa.

(5) Truyền rằng xưa có hai hòn đá bay lại, một hòn ở đây một hòn ở Hưng-yên.

(6) Lấy thuyền giăng qua sông làm cầu, gọi là cầu Lư-trục.

(7) Mài đá khắc hai chữ kinh thạch 鏡石.

Giang đình Tiên-động trải xem,
 Đến Hành-sơn huyện lại tìm tích xưa.
 Chốn Lý Bý độc thư ngày trước,
 Đính yên - hà như gác hình am.
 Lại qua khỏi huyện Trương-đàm,
 Đến Trường-sa phủ Hồ-nam tỉnh thành.
 Miếu Giáp-hó bên ghềnh Trương-thủy,
 Đường Độc-tinh xót kẻ hoài-sa.
 Dòng Trương chảy xuống Cốt-la,
 Nước xanh lai-láng bóng tà đều hiu !
 Đính Nhạc-lộc ngạch treo thư-viện,
 Bến Phổng-tăng dài biển đạo-hương.
 Trình châm đá khắc bốn chương (1),
 Ngắm tòa sơn đầu soi gương thánh-hiền.
 Bến trước tỉnh tựa thuyền đình-trú,
 Đưa thiếp lên Phủ-viện bảm-minh.
 Vãng lai cứ lẽ cứ tình,
 Ít nhiều đưa tặng lòng thành chủ-nhân.
 Rồi từ-tạ lần-lần chuyễn tiến,
 Tới Loan hà ấy huyện Trương-âm.
 Chúc-văn khẩn nguyện lai-lâm,
 Hồ-thầnthời ngọn dòng nam đưa thuyền.
 Tâm trăm dặm hồ thiên một cõi,
 Này Đông-dinh hay bề Đông-minh ?
 Chân trời bát-ngát cỏ xanh,
 Quân-sơn mấy đỉnh mặt ghềnh nhấp
 nhỏ .
 Thuyền Phạm Lãi chèo đầu vắng lái ?
 Trúc Trương-quân lệ hã còn ban.
 Lạ thay mảnh giấy bình-an,
 In mòn mấy chữ bia tàn hã linh.
 Khỏi Đồng-dinh tới thành phủ Nhạc,
 Lầu Nhạc-dương cao gác ba tầng.
 Phao tung triện gió rèm trắng,
 Trùng hồ mây gợn ba trắng sóng dào .
 Say ba độ lòng xiêu xe hạc (2),
 Roi một cành dẫu tạc đình Mai (3),
 Lâm-tuyền lang-miếu chia vui,
 Đọc thiên cựu-ký nhớ người tiên-ưu (4).
 Qua Thạch-dầu Nam-bình mái hữu,
 Đài kỷ-phong còn lỗ cấm cờ.

Đại-công Xích-bích lối xưa,
 Trường-giang là thuộc Gia-ngư huyện
 này.

Tướng vãng-sự tro bay lửa nguôi,
 Ngắm không-giang sóng rội dòng
 tuôn.

Vũ-xương có tiếng cá ngon,
 Biết rằng phong-vị có còn như xưa ?
 Chữ tiết-chế ấy cò Hồ-bắc,
 Lầu Phi-tiên Hàng-hạc là đây.

Nghĩa thu trăng tỏa vàng mây,
 Nhớ ai gác bút những ngày đặng lâu.
 Gốc Tiên-tảo mái sau còn đó,
 Đình Thụy-tiên ai ngủ giấc ngon.

Vén mây trông suốt càn khôn,
 Kia châu Anh-vũ, nọ non Phượng-hoàng.
 Mười bốn tỉnh thuyền buôn bức tấu,
 Tiếng phồn-hoa Hát-khẩu đâu hơn ?

Ghé thuyền chiếu-lệ kiến quan,
 Vãng-lai tống-tặng bàn - hoàn chủ tân,
 Bản hồi-quốc trình văn phát đệ,
 Soạn xưng đài chính-trị hành-trang.
 Trú nơi công-quán Hán-dương,
 Địa-phương khoản dải ngày thường
 chẳng sai.

Kiệu sắp sẵn mỗi người mỗi bộ,
 Ba bức theo lớn nhỏ phân-minh.
 Từ đây khởi-lục tiến hành,
 Kiệu-đài phu-dịch nhật-trình luân-lưu,
 Ngày tiến-bộ tới vào công-quán,
 Từ phạt trà sàng bản chính-tề.

Phận mình ai dễ trọng chi,
 Trọng bên quốc-thể là vì quân-ân.
 Chực bôn-lầu sai-nhân sát-dạt,
 Khi bước ra cấp-phát lấy tinh.

Cho riêng há phải ân mình,
 Giữ trong thể-diện Triều-dinh 'ác-nghi.
 Qua hai huyện Hoàng-bi Hiếu-cảm,
 Vũ-thắng-quan đá hiểm ai chông ?
 Một sông chia nước hai dòng,
 Một con đường biết mấy trùng non xây.

(1) Có bia đá khắc bốn chương : Thị, Thịnh, Ngôn, Động là bài châm của ông Trình-tử.

(2) Lã-tiên cưới hạc lại chơi uống rượu đó ba độ say.

(3) Ở đây có bia khắc chữ rằng : « Tiên mai rơi sót một cành » nên thành tên là : Chiết-mai đình.

(4) Tiên-ưu nghĩa là lo trước. Chỉ ông Phạm Trọng-Yêm lo trước cho thiên-hạ, có làm bài ký dựng bia ở đó

Hà-nam tỉnh này đây tiếp-giới,
 Khỏi Ứng-son vừa tới Tin-duong (1).
 Dấu xưa Thân-quốc nhận tường,
Miếu thờ Đao-Mộc bên đường còn bia.
 Huyện Xác-son chực xe đỡ gánh,
 Kiểu tùy-nhân thay bánh xe bông,
 Cổ-thành còn dấu trùng-phùng,
 Nét vàng tam-nghĩa (2) dải cùng trời
 [xanh.
 Huyện Toại-bình cổ Phòng-tử-quốc,
 Huyện Tây-bình thuộc nước Cổ-trần.
 Dấu xưa đức Khổng thánh-nhân,
Tu-qui bia tạc xa gần kính trông.
 Yên-thành dấu Hoàn-công minh-hội,
 Là Thiệu-lăng đất Sái đời xưa.
 Nền xưa trái mấy gió mưa,
Dặm xanh dương-liễu bóng tà cao-lương
 Tục thờ-ốc thờ-tường phác-dã,
Đáy nhãn di mẽ giá rất cao!
 Đỉnh-châu hiệu cũ thừa nào.
 Nay là Lâm-dĩnh thuộc vào Hứa-châu.
 Châu thành bản cố-đô Tào Tháo,
 Trọng-y-quan miếu mạo Văn-Trường.
 Nghìn thu ngọn đuốc cương-thường,
Vấn-an đình Phụng hai nàng phu-nhân.
 Đao trung-nghĩa cắm sân thiên-địa,
 Mất cổ-kim mất vía gian-hùng.
 Sù sù đứng với núi sông,
Cát vùi Đồng - tước sương phong
 Phụng-kiều.
 Thành Tân-trịnh uốn theo Chấn Vĩ,
 Di-ái còn miếu đề nghìn-thu.
 Danh thơm Đường Tề Tống-nho,
Kia bia Vĩnh-thúc nọ mờ Tấn-công.
 Ngoài Trịnh-châu vào trong Huỳnh-
 trạch,
 Qua Hoàng hà hương bạch đảo thần.
 Trị-triều trời mở thánh-nhân,
Xưa nay trong đã mấy lần nhớ không?
 Rộng mười dặm đi trong và khắc,
 Ấy là nhờ phong-lực đưa qua.

Trèo đê qua huyện Hoạch-gia,
 Cổ-dung đã đến huyện là Tân-hương.
 Nghe công-quán có nàng Đát-Kỷ,
 Một đôi khi vắng vẻ hiện-hình.
 Vong Thương chẳng xét tội mình,
 Còn khoe nghiêng nước nghiêng thành
 với ai?
 Vệ-huy-phủ giữa nơi xung-yếu,
 Bản Trụ đó cổ-hiệu Triều-ca.
 Hãy còn nền cũ mấy tòa,
 Trích-tinh có viện, Khán-hoa có lầu.
 Sau đời Châu phân làm Vệ-địa,
 Kịch-khánh đình còn để muôn năm.
 Biền đê Ngọc-chấn di-ám,
 Lòng người gọi tỉnh, hồn nằm chiêm-
 bao.
 Kia Kỳ-huyện Ân-triều độ trước,
 Bia hiện-quán thất-tác đá in.
 Tam-nhân di-miếu còn truyền,
 Qua sông Kỳ tới Tiên-hiền (3) cố hương.
 Thanh-âm huyện bên đường có miếu,
 Là Tấn-triều Kê-Thiệu Thị trung.
 Giữa trời giọt máu cô-trung,
 Nét son thắm đá vàng hồng cháy gương!
 Sân Cổ-bách Nhạc-vương cố-ly,
 Tòa sùng-từ trắng-lệ huy-hoàng.
 Biết bao bi kiệt thi chương,
 Tinh-trung hai chữ lưu-phương muôn
 đời.
 Góm thay tượng lũ người Tần Cối!
 Mặt trời tay trời trói chân qui.
 Kiếp xưa ngánh lại ra gì,
 Thọ nào khéo rửa cho di nét tà.
 Ngoài cửa bắc có tòa trụ-thạch,
 Châu Văn-vương diễn Dịch chữ đề.
 Dấu thành Dữu-ly gần kề,
 Tấc mây hầu dễ hay che mặt trời.
 Cổ Tương-châu kia nơi Chơng-đức,
 Hàn Ngụy công huân-thạc ai đương!
 Danh từ sáng quắc vàng tương,
 Ấy là chốn Trụ-cầm đường ngày xưa.

(1) Huyện Ứng-son thuộc tỉnh Hồ-bắc, châu Tin-duong thuộc tỉnh Hà-nam.

(2) Tam-nghĩa là Lưu Quan Trương gặp nhau ở Cổ-thành.

(3) Làng ông Tử-Cống là bậc cao-hiền học trò đức Khổng-tử ở đó.

Qua Chương-thủy châu Từ phủ Quảng,
Bốn bề trông khoáng-đăng bình-
nguyên.

Ngồn ngang gò đống kéo lên,
Bảy mươi hai chủng còn truyền dấu
nghĩ.

Chiếu nhị Trình có bia giảng Dịch,
Cổ Triệu-thành nào tích Hàm-đan.

Hồi xa khen kẻ lượng khoan (1),
Còn người học bộ thể-gian chê cười !
Kia Cổ-quán bỗng-lai tiên-cảnh,
Gối du-tiên lay tỉnh trần-tâm.

Công-danh trong bốn mươi năm,
Tĩnh rồi sao hãy còn nằm chi đây ? (2).
Sự tiên trần biết đâu chân huyền ?
Giấc hoàng-lương để truyện đến giờ.

Một bầu cảnh-thú qua ra,
Hồ sen phẳng phẳng gió đưa hương trà.
Chốn Giới-hà ấy nơi phân-giới,
Lâm-trị-quan vừa tới Vĩnh-niên.

Không môn dấu cũ tiền-hiền,
Bá-Nguru thần-đạo bia truyền tính-danh.
Sa-hà với Cổ-hình hai sở,
Tò-Ất đô cùng Dự-Nhượng kiêu.

Phùng Đường cố-lý còn nêu,
Yêm-viên vườn cũ rất nhiều u-thanh.
Viện với các kéo quanh từng lớp,
Trúc cùng hoa lớp-nhớp từng chùm.

Cổ-tùng một gốc xanh-um,
Cây kê thạch-kỷ, ngọn trùn giếng lan,
Nội-ấn biểu hùng-phiên Kỳ-phụ,
Dấu thánh-nhân tặng lũ ông Trình.

Chôn con cảm kẻ hiếu-tinh (3),
Hoàng-kim một phâu viện danh Hiếu-
từ.

Nhà Điền-thị tích xưa Kinh-thụ,
Đình Bách-hương Quang-Vũ thiên-
thu.

Thần-minh đã ứng xích-phù,
Lưỡi gươm trừ hết những đồ thạch-
tinh (4).

Qua Triệu-châu loan-thành Hoạch-
lộc,

Sông Ô-dà nước đục dòng trôi.

Thửa nào giá đóng như chơi (5),
Qua rồi mới biết mắt trời chẳng xa.
Kia Chính-định xưa là Cụ-lộc,
Đất bình-sa dân-tục kiệm-cần.

Có bia cố-lý Triệu Văn,
Có Long-hung tự mười phần nguy-nga !
Tượng Đại-phật bảy mươi ba thước,
Bản đời Tùy từ trước đúc nên.

Trùng-tu thừa Tống triều Thanh.
Lâm-cung xanh biếc, bia đình vàng-
[trưng.

Kia Tân-lạc Hi Hoàng thánh-lý,
Nọ Định-châu Nghiêu-đế cố-đô.

Vọng-đô suối ngọt cảnh u,
Làng bà Nghiêu-mẫu, miếu vua Đào-
[Đường.

Gần Mãn-thành có làng Quang Vũ,
Quách Ngõi xưa quê cũ cũng đây.

Lại qua "áo-định phủ này,
Tĩnh thành Trục-lệ định ngày kiến quan.
Đồ tống-tặng vãng hoàn như lễ,
Rời từ-hành chiếu lệ hoán xa.

Kinh-đường (6) An-túc huyện kia,
Chiêu-hiền quán cũ còn ghi Kim-dài.
Sông Dịch-thủy nhớ người tráng-sĩ,
Ngọn thu-phong sâu kẻ bạch-y.

Nên thua truyện cũ kể chi,
Định-hung đã đến sông kia Mã-dầu.
Kia Tân-thành Trác-châu giao giới,
Miếu Hoàn-hầu (7) treo chổi biển vàng.

Hãy còn cồ-chủng trong làng,
Hãy còn cồ-tĩnh bên đường như y.

(1) Lạn Tương-Như đi đến đó trở xe về.

(2) Trong miếu có tượng Lư-sinh nằm ngủ.

(3) Sự tích Quách Cụ.

(4) Có bia Quang Vũ trăm thạch-nhân.

(5) Xưa vua Quang-Vũ nhà Hán đánh trận bị thua chạy, qua sông này không có thuyền bè tự nhiên nước đông lại, chạy thoát được; khi chạy thoát rồi thì nước lại loãng ra, vì thế giặc không đuổi kịp.

(6) Làng Kinh-kha ở khi xưa.

(7) Miếu Trương Phi

Lâu-tang-thôn kia quê Chiêu-liệt,
 Tinh-nghĩa xưa khéo kết nên thân.
 Hai bề kha-dệ quân-thân,
 Vườn đào muôn-kiếp, dăm phần một
 [quê.

Yên-Đan với Ô-Kỳ thừa trước,
 Chén đồng-cửu dẫu tạc Hoa-dương.
 Cầu đầu trăm trượng bề trường,
 Đá xanh tiên-tích, dinh vàng ngự bi.
 Phồn-sơn huyện Lư-ly cầu ấy,
 Đá xây dài trượng bảy mươi dư.
 Sắt vuông ai cấm bao giờ ?

Chiếc sào giữa nước tro-tro vừng vàng.
 Truyền rắng của Ngạn-Chương cổ-vật,
 Sự lâu năm biết thực hay hư ?

Luơng-hương bản đất Yên xưa,
 Miếu thờ Nhạc Nghị, tháp thờ Dương-
 [công.

Lệ miễn-khám lĩnh hồng dăng bộ,
 Lư Câu-kiều đem sỏ điếm qua ;
 Tang-kiều đây bản Cồ-hà,
 Đòi Kim xây đá gọi là Lư-câu.
 Trong tám cảnh, cảnh cầu là một,
 Bia triều Thanh ngự-bút có thơ.

Quanh thành Củng-cực chẳng xa,
 Quảng-an vào cửa đây là Yên-kinh.

Qua Hoàng.-thành Đại - Thanh
 môn ngoại,
 Thăng ời nhà Vương-hội bộ-đường ;
 Y quan qui tiến biểu-chương,
 Đường quan tiếp-thụ lễ thường ven
 xong.

Tinh khấu-kiến chủ cũng đáp khách,
 Lui ra nhà từ-dịch nghỉ-ngoi.

Sẵn sàng viên-dịch biện sai,
 Có người canh cửa có người hầu trong.
 Đủ trừ-phòng trà-phòng các sắc,
 Sai bảo gì một mực tông-hành.

Biết thân tương-mệnh là vinh,
 Biết rằng thanh-giá triều-dinh là tôn.
 Từng nhận xét kiên khôn đại địa,
 Có thiếu gì sơn-thủy cao tinh.
 Phồn-hoa thay chốn đế-kinh,

Yên dài bát cảnh kinh thành cửu môn
 Đồng-lò cũ dẫu còn uyên-đức,
 Đề trước sân này các Văn-xương,
 Cỗ hộc một gốc xanh-xương,
 Hứa Hành trông đề trước đền Di-luân.
 Đường lư ngựa thành-quần biết
 Hình lạc đà trông thấy lạ ghê ! mấy ?
 Phổ-phường gót nổi vai kê,

Rất đông thời phổ Lư-ly tiếng truyền.
 Kề sao xiết vật-phiền nhân-tu,
 Lệ việc quan cứ chủ khách-ty.

Hồng-lò nghe xướng diễn-nghi,
 « Khi-lư » (1) đầu khấu « khô-ly » (2) gối
 Tiếng « y ly » (3) ấy là lập khởi, [qui,
 Tiếng « bô ti » (4) thành lễ phân ban.
 Rồi thời xe ngựa một đoàn,

Hồng-kiều chiêm-ngưỡng lên vườn Viên
 Đây là chốn đế-kinh biệt thú, [minh.
 Cách thành-tây lý-số ba mươi.

Nao-nao khe nước oanh-hồi,
 Liễu hoa rợp đất lâu-dài ngắt mây.
 Vườn Trường-xuân bên này Đồng-lạc,
 Vườn Thanh-y bên trước Xương-xuân.

Bát kỳ dục vệ thân-quân,
 Thần-du đệ nhất mười phần thú vui.
 Lễ rồi lại về nơi quán-trú,

Đồ thổ nghi, nội-vụ nộp xong.
 Bộ truyền phê chữ thiệp hồng,
 Gặp ngày vạn-thọ thị-tùng tùy-ban.

Lại lên vườn Viên-minh chiêm-bái.
 Trước sân đền chính-đại quang-minh.
 Ngại ngừng bên lễ bên tình !

Bẩm-văn trước đã xin đình mới yên.
 Cứ lời bộ chuyền trình các lễ,
 Sứ cáo-ai (5) viện lệ tấu rồi.

Hạ thi khán hí đều thôi,
 Yến duyên nghênh-tống xu-bồi cũng tha.
 Lễ đại-khánh bản đã đình-miễn,
 Chỉ chiếu thường ngự điện Quang-
 [minh.

Bồi-thần gặp độ lai-kinh,
 Nhân ngày chiêm-bái lễ tình là an.
 Vàng lễ đoạn tái-hoàn quán-sở,

(1) (2) (3) (4) Xướng lễ theo tiếng người Mãn.

(5) Vì đức Quốc-mẫu nước Nam mất, nên vua sai ngài sang sứ Tàu để cáo-ai.

Thường đêm ngày biện-sự chia lo.
 Lĩnh rời gia - thường các đồ,
 Gặp ngày giai-tiết trung-thu tổng-tinh.
 Lại lên vườn Viên-minh cầu trước,
 Tỉnh tỉnh-an hồi-quốc ôn-tồn.
 Trở lui về trước Ngo-môn,
 Lĩnh đồ lệ-thường vẹn tròn lễ-nghi.
 Vâng chia cấp thu-y thực-trác,
 Lạy lĩnh rời chính-sức qui-kỳ.
 Nghĩ công thừa-biện sớm khuya,
 Ngân-tiền thổ-vật phát chia từng phần.
 Từ bộ quán viên-nhân các nó (1),
 Suốt sai-phòng đến lữ binh-đình.
 Kể từ ngày mới tới kinh,
 Phi trong tặng-tống nhân-tình biết bao ?
 Công-văn cứ bộ trao lĩnh hết,
 Ngày hăm-nhăm bát-nguyệt xuất-kinh.
 Ngựa xe rập-rã dăng-trình,
 Hoa vàng đưa bước non xanh đón mừng.
 Nay quán-dịch trông chừng lối cũ,
 Đến Hán-dương cải-bộ chu-hành.
 Bầm lên Hồ-bắc tỉnh-thành,
 Phát chương hồi-quốc đạt tình xa-xôi.
 Khách viễn-đạo một lời sương-tuyết,
 Bạ cố-tri mảnh nguyệt quan-san.
 Vui về quên hết gian-nan,
 Hồ sóng chở chữ bình-an đày thuyền.
 Ngày tam - cửu đông - thiên trọng-
 nguyệt,
 Thánh thọ-tuần gặp tiết chúc-ly.
 Vụ-tinh vắng-vác dao-trì,
 Bóng đèn treo chói, lá cờ hồi-sai.
 Ngày ban sóc cân-đại não-nức,
 Nét mừng chung xuân-sắc tái-lai ;
 Phận xa riêng chút thiệt-thời,
 Xuân về rồi cũng theo đòi với xuân.
 Tới Tây-việt thiếp-văn bầm-đáo,
 Vâng Phủ-dài lễ-mạo nghiêm-trang.
 Dụ-văn cáo-sắc ba chương,
 Long-đình tản-cái rõ ràng tiếp-nghênh.

Rồi chí-kiến lễ-tình vẹn đủ,
 Khâm-sứ-quan định rõ hành-kỳ.
 Một phong bày hết sự-nghi,
 Lòng về gửi với bản về dặng mau.
 Thoi thấm-thoắt qua đầu năm hồ (2),
 Thuyền nhón - nhơ riêng thú non
 Voi (3).
 Ngồn-ngang thấy những xuân người,
 Xuân nhà hãy đợi trong vài tháng đây.
 Bệ dăng tuổi trời mây trông với,
 Chèo rước xuân gió núi thổi mau.
 Trộm đây mừng lẫn tuổi nhau,
 Xuân tàu rót chén rượu tàu mời chung.
 Theo nhịp lái đàn thung phách suối,
 Làn đốt tay trắng tối sao khuya.
 Thái-bình phủ-trị nơi kia,
 Công-văn trước hãy phát về Lạng-sơn.
 Nghe còi bắc nhường tan khí lạnh,
 Ngắm non nam như ngảnh mặt cười.
 Vừa ngày mười một tháng hai,
 Ninh-minh đây đã kề nơi xứ mình.
 Rũ mùi tuyết quán thành rèm võng,
 Phất hơi dương thẳng gióng ngọn cờ.
 Đến đài Chiêu-đức chốn xưa,
 Khấn qui là lễ tiễn đưa là tình.
 Trà biệt-thoại rót đình xa-mã,
 Súng hi-âm mở khóa quan-san.
 Cách xuân họp mặt y-quan,
 Đường xuân phơi-phới một đoàn thanh
 thanh.
 Vâng đại-giá ngự thành Hà-tĩnh,
 Quầy qui-yên phục mệnh đan-trì.
 Sức mình hèn mọn có gì,
 Việc nên muôn đội đức-uy chín lần.
 Giọt vũ-lộ nay nhuần mai thấm,
 Thú phần-du trong ấm ngoài êm.
 Tung-hô ba tiếng trước thềm,
 Đài xuân vui-vẻ âu kim vững-vàng.

NGUYỄN TRUNG-KHUYẾN *sao-lục*

(1) Cũng như uói chúng nó.

(2) Năm nhâm-dần (3) Núi Tượng-ti.

KHOA - HỌC TÙNG - DÀM

III

VÔ-TUYẾN-ĐIỆN

Những giấy thép chẳng ở ngoài đường thời hoặc là giấy đèn máy, hoặc là giấy ống nói, giấy của các máy điện-tín in chữ hay in dấu-hiệu ở các tư-gia, các công-sở hay các sở bưu-diện. Những đường giấy ấy cũng ví như những ống chì máy nước đặt ở dưới đất, vì hai đàng cùng dùng về sự truyền-dẫn; có những đường giấy ấy thời đèn mới cháy, tin-tức ở các nơi mới thông, cũng như có những ống chì kia thời các nhà mới có nước lọc ở nhà máy nước mà dùng. Vậy nếu cái giấy thép kia mà đứt thời chẳng khác gì cái ống chì kia vỡ; giấy thép đứt thời các đèn máy tắt, các máy điện-tín liệt, tin-tức không thông, ống chì vỡ thời nước chảy ra hết chỗ vỡ, các nơi không có nước dùng. Xem như thế thời sự điện-tín có giấy vẫn chưa gọi là tiện, vì đặt một bộ máy điện-tín đi các nơi đã phải chẳng không biết bao nhiêu giấy, trông bao nhiêu cột sắt ở các phố, ở ngoài đồng và ở các nơi thẳng-cảnh làm mất cả nền mĩ-thuật, mất cả vẻ thiên-nhiên của tạo-hóa, mà lỡ ra khi có giặc, có cơn giông to gió lớn, hay có trận nước lụt nào đánh đổ cột đèn làm đứt hết cả giấy điện thời bao nhiêu tin-tức lại đình-chỉ hết cả.

Vậy cái giấy thép kia có ích dường nào thời lại bất-tiện dường ấy, nếu có thể bỏ nó đi được mà thay vật gì khác vào cũng dẫn-diện, cũng thông âm-tín mà lại không hại đến mĩ-thuật, không phải cái nạn đứt nối thời sự điện-tín mới thật là hoàn-toàn.

Hoặc-giả nói : nếu các nhà mĩ-thuật không ra cái giấy thép kia thời sao nhà máy điện không đem chôn nó xuống đất.

Nhưng không biết rằng chôn xuống đất thời lại bất-tiện lắm, vì không những phải bọc cho nó ống sứ hay vật gì không dẫn-diện ở ngoài để cho điện khỏi truyền ra đất, như những giấy thép đặt dưới đất bề toàn phải bọc sứ cả, cho điện khỏi truyền ra nước, lại còn khi giấy để lâu ngày hư-hỏng chỗ nào thời không biết đâu mà chữa. Vậy cái cách chôn giấy đó không phải là cách tiện- lợi, nên người ta mới không dùng. Nay chỉ cốt tìm được vật gì khác để thay được cái giấy thép kia là hơn. Nhưng nếu vật khác đó là một vật nhân-tạo như giấy thép nữa thời thà để giấy thép còn hơn. Nói tóm lại nếu cái vật đang tìm đây phải kiêm cả hai điều tiện-dụng, một là không có cái sự đứt nối, hai là không hại gì đến mĩ-thuật, nghĩa là vừa chiều ý các nhà điện-học lại vừa không thất-ý các nhà mĩ-thuật thời tất-nhiên vật ấy phải là một vật thiên-nhiên sẵn có như nước, như đất hay như không-khí. Nước và đất thời ta đã dùng làm đường âm-diện rồi, vậy chỉ còn không-khí nữa thôi, nếu không-khí mà cũng truyền-dẫn điện đi được như đất và nước thời cái giấy thép kia mới có thể bỏ đi mà vô-tuyến điện mới có thể xuất-hiện ra được.

Khi ta đi cái đầu quần bút nhựa có điện lại gần cái kiềm-điện-khí nhưng chưa đi chạm tới cái đầu sắt tròn ở cái kiềm-điện-khí mà sao hai miếng vàng đã dẫy nhau ? Sao ta để miếng sắt nam-châm cách cái kim mà miếng sắt lại hút cái kim vào ? Sao một cái chuông điện để trong bầu thủy-tinh ở cái trạm khí-co (*machine pneumatique*) lại không kêu ra tiếng ? Ấy cũng bởi không-khí

dẫn điện ở đầu quân bút đem truyền vào kiềm-diện-khí, nên hai miếng vàng mới đẩy nhau; cũng bởi không-khí dẫn cái sức hút của miếng sắt nam-châm ra cái kim mà kéo cái kim lại, nên cái kim mới bị hút; lại cũng bởi trong bầu thủy-tinh kia không có không-khí nên chuông kêu mà ta không nghe thấy tiếng. Vậy không-khí cũng dẫn-diện tuy không dẫn nhảy được như đất, tuy cái quân bút kia phải để gần cái kiềm-diện-khí thì kiềm-diện khí mới chuyển-động tuy cái đường cự-li hai vật đó rất là ngắn-ngủi, nhưng cái sự truyền-dẫn nó đã hiển-hiện ra đấy, ta há lại không tìm cách gì tăng-bội được cái đường cự-li ấy hơn lên hay sao? Sự tăng-bội ấy ta hãy để đó không nói vội, nay hãy cứ biết vô-tuyến-diện là một thứ điện-tín không giấy, âm-tín số-dĩ thông được đi khắp mọi nơi là nhờ có đất và không-khí, hai chất truyền điện rất là tiện-lợi; sự phát-minh ấy thực là một sự rất vẻ-vang, rất kỳ-dị trong cái thời buổi máy móc này.

Nói đến đây lại nhớ đến ông LEURECON năm xưa, nhớ đến khi ông còn ước được một thứ đá nam-châm nào hấp-lực thực mạnh để ở Rome có thể làm chuyển-động được một cái kim ở Paris, là lúc điện-khí chưa phát-minh, sự thông-tin hãy còn ấu-trĩ mà mới trong khoảng ba trăm năm, trải qua cái lịch-sử điện-tín đã thấy nhiều sự tiến-bộ, nhiều sự biến-cải, nào hết máy nói, giấy thép, nay lại đến vô-tuyến-diện thì mới biết cái tư-tướng của con người ta tiến-hóa vô-cùng. Nếu quả-thị khi xưa ông LEURECON cũng có ý muốn làm một thứ máy thông-tin không giấy, nhưng không thể làm được, thì nay ông trông thấy ngọn tháp Eiffel bên Pháp và mấy cái cột sắt dưới Cổng-vọng, chắc ông cũng ngẫm cười chín suối chứ chẳng không.

Nay trước khi nói đến những máy vô-tuyến-diện bên này hãy xin nói qua

cái lịch-sử vô-tuyến-diện ra làm sao.

Người thời nói chính ông MORSE là người chế ra máy Morse đã nói kỳ trước, phát-minh ra nước là vật dẫn điện, nói rằng tại ông đặt hai sở-diện tin trên một con sông, ông sợ vướng giầy đem ngâm một đường giầy xuống nước, nhưng đang đánh máy thì một quãng giầy đứt ngằm ở dưới nước, song máy vẫn chạy, tin vẫn báo đến sở bên kia, nên ông mới biết nước là vật dẫn điện, bèn thí-nghiệm mãi rồi dùng nước để làm đường âm-diện. Người thời lại nói cái sự phát-minh đó là của một người Anh tên là LINDSAY, người ấy dùng nước sông Tay làm đường âm-diện. Nhưng sết kỹ thời chính người phát-minh ra là ông STEINHEIL, vì năm 1838 ông có nói: « Đổ một quãng đường 50 *pieds* (thước tàu) thời tôi có thể làm một cái máy điện-tín không cần phải dùng đến giầy ». Nghe đâu ông định dùng đường sắt xe hỏa làm đường âm-diện.

Năm 1870, trong lúc thành Paris bị vây ông BOURBOUZE đã thử dùng sông Seine để thông-tin ra ngoài thành, nhưng ông đang thí-nghiệm thời cuộc vây thành vừa hết, nên ông lại thôi không thí-nghiệm nữa.

Cái hiện-tượng về điện lưu-cảm-ứng cũng khiến cho nhiều nhà kỹ-sư chú-ý đến để phát-minh ra vô-tuyến-diện, như ông EDISON và thứ nhất ông PREECE là chánh kỹ-sư điện-tín nước Anh đã nhiều phen thí-nghiệm trên hai cái cù-lao trong vịnh Bristol và ở bờ hồ Anh-cát-lợi. Ông đặt hai đường giầy đi sóng đôi, một đường đặt trên bờ hồ, một đường đặt trên một cái cù-lao kia, đường giầy đặt trên cù-lao này thời nối với một cái máy điện-tín. Khi ông gõ vào cái giầy ở dưới bờ hồ đang kia thời cái giầy đang này rung-động làm cho bộ máy in ra dấu hiệu. Ngày nay ở hai cái cù-lao kia hình như hãy còn dùng thứ

máy điện-tín ấy để báo tin về bờ bể Anh-cát-lợi.

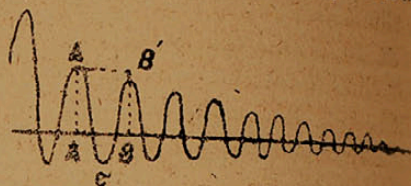
Về sau các nhà bác-sĩ lại lưu-tâm khảo-cứu những luồng phát-quang (*radiations lumineuses*), như tử-ngoại-tuyến (*ultra-violettes*) và hồng-nội-tuyến (*infra-rouges*), nhưng cũng không ăn thua gì. Chỉ tự khi một nhà bác-học Đức tên là Hertz phát-minh ra điện-lãng (*ondes électriques*)

các nhà bác-sĩ mới để tâm vào nghiên-cứu mãi mà phát-minh ra vô tuyến-điện. Vậy có lẽ điện-lãng là kẻ hư-lại độc-nhất của sự tư-tưởng đời nay.

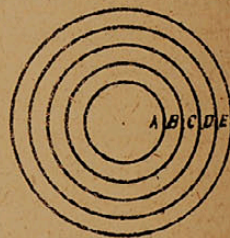
Thế nào gọi là điện-lãng? Nay hãy lấy nước làm điều thí-dụ. Khi ta đứng ở bờ hồ mà ném một hòn đá ra giữa hồ thời tức-khắc thấy chung-quanh cái chỗ hòn đá rơi xuống nước có một đám vòng tròn, trước còn bé sau loang to mãi ra. Cái đám vòng tròn ấy gọi là sóng hay thủy-lãng.

Nếu ta ném một cái nút chai vào chỗ nước sóng ấy thời thấy cái nút chai cứ rập-rènh trên mặt nước, nhưng đứng yên một chỗ chứ không theo những vòng nước mà đi. Thế là bởi nước rung-động nên cái nút chai rập-rènh, nhưng nước rung-động mà thôi, chứ không phải nước chảy; khi hòn đá rơi xuống nước làm cho mỗi phần-tử nước (*molécule d'eau*) ở gần rung-động, cái phần nước ấy rung-động lại làm cho phần nước khác cũng rung-động theo. Vậy là nước vẫn đứng yên một chỗ mà rung-động, nên cái nút chai kia chỉ rập-rènh mà không đi. Như thế thời tất-nhiên cái phần nước ở gần hòn đá bao giờ cũng rung-động mạnh hơn các phần nước khác, vì các phần được khác, cái nọ phải nhờ cái sức rung-động của cái kia mà rung-động theo, cái sức ấy dần dần yếu đi thời cái sự rung-động tất dần dần cũng phải kém; nếu hồ mà rộng thời ta có thể trông thấy những cái thủy-lãng ấy biến đi lúc nào. Xem về thời biết rằng cái gợn sóng thứ nhất

cao hơn hết, những gợn sóng sau dần dần thấp đi. Cái đường cụ-ly A B của hai cái sóng, hai cái vòng tròn của



nhau gọi là lãng-tiết (*longueur d'onde*). Những lãng-tiết A B, B C, C D v. v. đều nhau hết cả. Nhưng chiều dài không nhất-định vì nếu ta ném hòn đá to xuống nước thời hẳn nước rung-động mạnh hơn là ném một hòn đá nhỏ hay ném sỏi; nước rung mạnh thời những vòng tròn kia khít nhau, lãng-tiết ngắn đi, cái nút chai rập-rènh



mau hơn lên. Nếu ta có ý nhận cái nút chai kia nó rập-rènh trên mặt nước thế nào thời thấy nó cứ nhô lên thụt xuống và thụt xuống nhô lên ở trong hai cái đợt sóng tiếp-cận nhau (xem về cái nút chai chòng-chành trên mặt nước, đâm nhào từ A' xuống C' lại nhô lên B' rồi lại từ B' nhào xuống C' rồi lại nhô lên A' v. v. . .) nghĩa là cái nút chai ấy rập-rènh theo hình chữ V. Vậy mỗi lãng-tiết giải nghĩa cho đúng thời là khoảng đường của sóng (thủy-lãng điện-lãng v. v. .) rung một cái là *longueur d'onde est le chemin parcouru par les ondes pendant la durée d'une oscillation*). Ta gọi vật gì rung là cái vật ấy bựt đi bựt lại mãi, còn vật gì rung một cái thời là vật ấy bựt sang bên nó, bựt

sang bên kia rồi bật trở lại bên nọ. Xong không bật nữa, nghĩa là bật từ A sang B rồi lại từ B về A. Xong dùng yên không bật nữa, (vật gì chỉ rung một cái đó, không làm gì có, đây là nói thí-dụ cho hiểu thế nào là một cái rung)

Tiếng kêu, ánh sáng và điện cũng vậy. Khi có một tiếng gì kêu (như tiếng chuông) thì cái tiếng ấy cũng làm rung-động không-khí ra những vòng tròn (mắt không trông thấy) gọi là thanh-lãng. Nhưng những cái thanh-lãng ấy loang ra tứ-phía, loang ra hình quả cầu (*sphere*) chứ không loang ra hình tròn bình-diện (*cercle*) như thủy-lãng, vì cái tiếng thời người đứng hướng nào cũng nghe thấy, người ngồi trên tàu bay cũng nghe thấy mà người đi ở dưới đất cũng nghe thấy; người đứng gần thời nghe đinh tai, người đứng xa thời nghe ra êm ái. Thanh-lãng phóng ra theo một cái tốc-độ nhất-định là 330 thước trong một giây đồng-hồ. Không-khí rung-động nhanh hay chậm là tùy tiếng to hay nhỏ. Tiếng to thời không-khí rung-động nhanh, thanh-lãng khít nhau, lãng-tiết ngắn. Tiếng nhỏ thời không-khí rung-động chậm, thanh-lãng thưa nhau, lãng-tiết dài. Nay thí-dụ ta phóng ra những thanh-lãng, nếu mỗi lãng tiết đo được 4 phân, thời không-khí ở trong khoảng 330 thước trong một giây đồng hồ gấp $\frac{330}{0,04} = 8250$ thanh-lãng, rung-động 8250 lần. Nếu lãng-tiết đo được 2 phân thời không-khí chỗ ấy gấp $\frac{330}{0,02} = 16500$ thanh-lãng, rung-động 16500 lần.

Thanh lãng rung chậm quá thời không ra tiếng mà rung nhanh quá cũng không ra tiếng. Tại ta chỉ nghe được những tiếng rung hơn 32 lần và kém 34.000 lần mà thôi, ngoài cái khoảng 32 và 34.000 đó thì không nghe thấy gì cả.

Không-khí bao-bọc lá đất cũng đã đầy, nhưng so cái bề dày với đường c-

li của mặt trời với lá đất thời đã thấm vào đâu. Vậy trong khoảng không-trung chỗ mặt trời với không-khí cách nhau còn có khí-chất gì nữa không? Các nhà bác-sĩ quyết-đoán rằng trong cái khoảng ấy có một thứ khí-chất không thể-luôn được gọi là nguyên-khí (*ether*). Ánh sáng mặt trời sở dĩ chiếu được đến ta cũng nhờ có cái nguyên khí ấy dẫn đi cũng như tiếng kêu nhờ có không-khí dẫn đi. Như thế thì cái khí kia thấm cả vào các vật rất dục cũng dễ dàng như ở chỗ không-gian trong các khoảng hành-tinh, nghĩa là nguyên-khí khắp trong bầu trời đâu đâu cũng có, thấm vào tất cả các vị hành-tinh. các đồ vật; đâu ta lấy máy trừu-khí (*machine pneumatique*) mà rút hết không-khí trong bầu thủy-tinh ra thời cũng chỉ là không-khí ra hết mà thôi, chứ cái nguyên khí kia thời sự khoa-học chưa tài nào thăng được nó.

Song cũng là đoán phỏng rằng trong vũ-tru có cái nguyên-khí ấy mà thôi, chứ cũng chưa có cách thí-nghiệm, cách đo-lường nào chứng được rõ ràng, vì nguyên-khí không phải là vật gì đo-lường được. Cũng thí-dụ như một *gramme* sạ hương khi bốc lên một mùi thơm nồng-nàn thời cái mùi ấy là gì? Tức là phần cực-little-mat của bản-chất nó xông lên trong không-gian mà thôi. Còn như tại làm sao nó lại xông lên mà xông lên như thế nào thì không ai biết được cái điều bí-mật ấy. Hoặc-giả nghĩ: nếu ngấn ấy sạ-hương cứ bốc mãi mùi lên như thế mà cái mùi ấy lại chính là những phần nhỏ của bản-chất thời mấy nổi miếng sạ-hương kia tạo mất... Song nghĩ thế là lầm; bác sĩ BERTHELOT đã minh-chứng ra rằng ngấn ấy sạ-hương thời trong mười vạn năm chỉ hao đi có một *milligramme* mà thôi. Xem như thế thời cần nào cần cho được cái hương xông lên đó, ứ cần dùng đến đâu cũng không thể cần được. Ấy nguyên-khí cũng thế, nguyên-

khí là vật vô-lượng, vô hình-ảnh, như cái mùi sạ-hương sóng lên kia vậy.

Trên kia đã nói rằng ánh sáng mặt trời chiếu được đến lá đất ta là nhờ có nguyên-khí rung-dộng; rung-dộng nhanh lắm, trong một giây đồng-hồ ít ra cũng phải rung đến 500 triệu triệu lần thời mắt ta mới trông thấy được như thế; cái suất-số rung-dộng trong một giây đồng-hồ ấy gọi là *fréquence*. Nhưng nếu cái bội-số ấy tới hơn 800 triệu triệu thời ta lại không thấy ánh sáng nữa. Vậy trong khoảng từ 500 triệu triệu cho tới 800 triệu triệu thời ta trông thấy quang-lãng, ra ngoài số 800 triệu triệu thời đối với con mắt là ánh sáng lại biến mất. Hóa-quang-lãng (*radiations chimiques*) cũng vậy, ta không trông được thấy nó là vì trong một giây đồng-hồ nó rung-dộng những 900 triệu triệu lần. Còn như quang-tuyến X rung-dộng tới vài ba lần tam-bội-triệu (*quelques quintillions*); xưa nay chưa thấy luồng phát-quang nào rung-dộng nhanh như thế.

Khi ta đi cái súc-tĩnh-diện (là một thứ lọ để chứa điện) lại gần máy tĩnh-diện (máy này phát ra điện) thời ta thấy một tia ánh sáng lóe ở máy tĩnh-diện ra cái súc-tĩnh-diện và ta nghe thấy một tiếng kêu rảng-rắc; cái hiện-tượng ấy cũng y như khi sập có cơn róng mà trên trời có sấm chớp vậy. Cái tia ánh sáng và cái chớp kia tức là hai cái nguồn điện-lãng (*siège des ondes électriques*). Bác-sĩ HERTZ báo rằng cái tia ánh sáng ấy làm rung-dộng không-khí cũng như tiếng kêu vậy. Không-khí rung-dộng cũng loang ra thành những vòng tròn và loang ra tứ phía, mắt ta không trông thấy được là vì nó chỉ rung có 50.000 triệu lần mà thôi. Theo lý-thuyết ông MAXWELL thời quang-lãng với điện-lãng cùng một cõi rẽ mà ra, chỉ khác nhau cái số rung-dộng nhiều ít mà thôi. Điện-lãng của ông HERTZ lúc mới tìm ra chỉ rung có 50 triệu lần, sau ông tăng được lên đến

500 triệu thời ông mất; thọ được 36 tuổi. Nhà cách-vật-học nước Ý tên là RIEMI tăng lên đến 50.000 triệu. Kể thế đã là một thứ điện-lãng rung nhanh nhất, từ xưa đến nay chưa có cái nào hơn, nhưng cũng chưa thể trông thấy được, vì chưa được nhanh bằng ánh sáng, ánh sáng rung gấp 10.000 lần nhanh hơn thế, nghĩa là rung những 500 triệu triệu lần trong một giây đồng-hồ. Ông GEORGE CLAUDE báo rằng quang-lãng, hóa-lãng, thanh-lãng, điện-lãng, đều là chị em một nhà cả, chỉ khác nhau là cái nọ rung nhanh, cái kia rung chậm mà thôi, nếu cái nào cũng rung nhanh bằng quang-lãng cả thời cái nào ta cũng trông thấy. Ông HERTZ thời báo rằng điện-tuyến cũng giống tính quang-tuyến, cũng có tính phản sạ (*reflexion*) và khúc-khúc-sạ (*refraction*) như quang-tuyến, cái tốc-độ truyền-bà (*vitesse de propagation*) cũng như nhau, nghĩa là 300.000 cây-lô-mét trong một giây đồng-hồ.

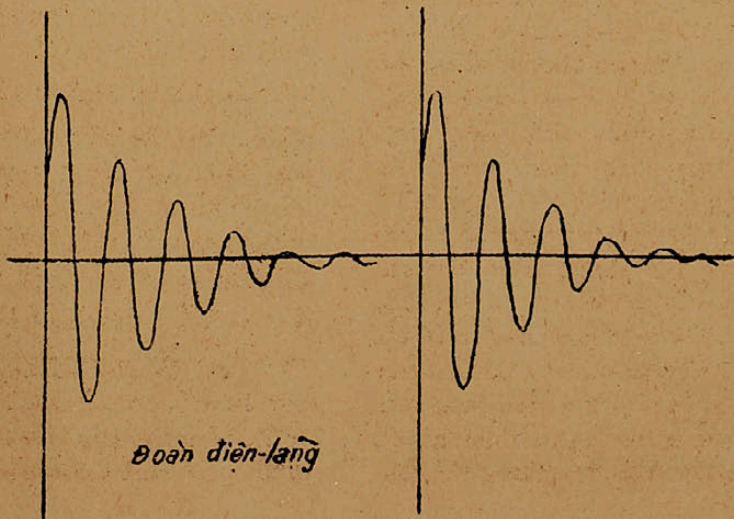
Nếu trong một giây đồng-hồ điện-lãng lan ra 300.000 cây-lô-mét thời cái lãng-tiết (*longueur d'ondes*) rất là dễ tính. Như cái điện-lãng của ông HERTZ tìm ra đầu tiên trong một giây đồng-hồ loang ra 50 triệu cái vòng tròn và rung-dộng 50 triệu lần thời lãng-tiết đo được: $\frac{300.000.000}{50.000.000} = 6$ thước (mỗi khoanh tròn cách nhau 6 thước); nếu điện-lãng loang ra 500 triệu cái vòng thời lãng-tiết đo được: $\frac{300.000.000}{500.000.000} = 0,6$ phân. Vậy điện-lãng càng rung nhanh bao nhiêu thì càng nhiều ra mà khít lại với nhau bấy nhiêu, càng khít lại thời lãng-tiết càng nhỏ đi, bao giờ cái lãng-tiết ấy chỉ có $\frac{6}{1000}$ li nghĩa là bao giờ lãng-tiết của điện bằng lãng-tiết của ánh sáng $\left(\frac{300.000.000}{500.000.000.000.000} = 0,000.0006\right)$ thời ta mới có thể trông thấy điện-lãng.

Cứ như lời ông HERTZ nói rằng điện-tuyến có tính phản-sạ như quang-

tuyến thời ra ta có thể làm một cái mặt gương phản-sạ riêng rồi ta phóng một luồng điện (*faisceau électrique*) vào cái mặt gương ấy để cho mặt gương thu lấy rồi phản sạ cái luồng điện ấy trở về y như là quang-tuyến chiếu vào một cái gương rồi lại phản-chiếu trở lại hay sao? Như thế ta lại còn có thể bắt được cái luồng điện ấy chiếu vào hướng nào thời mới được chiếu vào hướng ấy không cho loang ra mọi hướng nữa hay sao? Không được. Quang-tuyến chiếu vào gương rồi lại phản-chiếu trở về là vì lăng-tiết của quang tuyến chỉ có $\frac{6}{1000}$ li, quang-lăng khi quá, rung nhiều lần quá nên yếu sức đi, đường quang-lăng trông tựa cái dòng thẳng (*ligne droite*) nên ta mới có thể thu vào những cái gương rất bé nhỏ được, chứ điện-tuyến thời không thể; lăng-tiết của điện-tuyến dài những 6 thước hay 60 phân, điện-lăng thừa quá, rung ít lần nên sức rung rất mạnh, điện-lăng rất cao (*grande amplitude*), không vật gì cản được nó, mọi vật đều bị nó chồm bọc cả, nghĩa là nó không như ánh sáng, chiếu vào vật gì mà để ở đằng sau cái vật ấy một cái bóng. Ông POINCARÉ nói rằng muốn thu lấy một luồng điện-lăng, lăng-tiết độ một hai thước, thời phải làm một cái kính chiếu (*lentille*) mấy mươi cây-lô-mét đường kính (*diamètre*)

thời mới có thể thu được, (ngọn núi cao nhất Thế-giới là núi Hi-mã-lạp mới có 8000 thước). Vậy ta không thể thu điện-lăng vào kính được; còn như nếu dùng những điện-lăng nhỏ như những điện-lăng của ông RIGHI, tiết-lăng chỉ có 6 li thời lại yếu quá không cảm được máy nhận tín ở xa. Hóa ra ho nên muốn lợi-dụng điện-lăng về vô-tuyến-điện thời phải làm thế nào cho điện-lăng rung vừa phải, mà phải loang ra thật dài. Còn như ánh sáng tuy loang ra dài thực nhưng không thể dùng được là vì ánh sáng rung nhiều quá yếu sức, lại vì ánh sáng bị làm thử ở trên lá đất này cản trở mất lối đi. Nếu có dùng ánh sáng thời cũng chỉ dùng trong một quãng gần, mà cái quãng ấy phải bằng phẳng không có núi non gò đồng gì mới được.

Như thế thời những máy phát-điện-lăng phải chế ra như thế nào cho trong một giây đồng-hồ chỉ phát ra ít tia điện, nhưng những tia điện ấy phải dài; mỗi tia không phải chỉ phát ra có một điện-lăng, mỗi tia phải phát ra một đoàn điện-lăng (*train d'ondes*). Cái điện-lăng thứ nhất thời dài nhất, rồi đến những cái sau ngắn dần dần đi. Cái đoàn điện-lăng ấy chạy rất nhanh, trong khoảng hai cái tia điện tiếp-cận nhau không có một



Đoàn điện-lăng

cái hành-lăng nào khác sen vào cả. Còn như hai toa điện-lăng cách nhau bao nhiêu là tùy theo cái số tia điện phóng ra trong một giây đồng-hồ.

Thí-dụ ta phóng ra 100 tia điện trong một giây đồng-hồ nghĩa là ta phóng ra 100 toa điện-lăng nó theo đuổi nhau trong một con đường rất dài. Nay ta đã biết cái tốc-độ của điện-lăng là 300.000 cây-lô-mét trong một giây đồng-hồ, vậy ta có thể tính được cái đường cự-li của hai tia điện-lăng cách nhau là bao nhiêu:

$$\frac{300000}{100} = 3000 \text{ cây-lô-mét.}$$

Theo như lời ông Tissot nói rằng trong một toa điện-lăng lại có một ít điện-lăng; thí-dụ trong mỗi toa có 6 cái điện-lăng, mỗi cái dài 100 thước thì một toa dài $100 \times 6 = 600$ thước. Nếu ta phóng ra 50 cái tia điện nghĩa là ta phóng ra 50 cái toa điện-lăng thì mỗi cái dài 600 thước, mỗi cái cách nhau là:

$$\frac{300000}{50} = 6000 \text{ cây-lô-mét.}$$

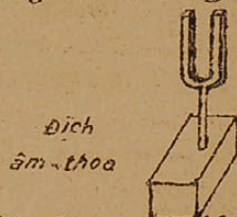
Như mỗi toa cách nhau một con đường xa (6000 cây-lô-mét) như thế thì cái súc-giốc (*antenne*) ở máy nhận tin mới kịp thu các toa điện-lăng, vì súc-giốc ấy nhận được toa trước phải truyền hết điện sang cái máy chép rồi mới có thể tiếp được toa sau.

Điện-lăng không những không bị các vật ở trên lái đất ngăn-trở, lại thấu qua được cả các vật không dẫn điện như sáp, thủy-tinh, gỗ, cao-su, nhựa, mông-thạch (*mica*), nước lọc. Nếu ta để một bộ máy nhận tin vào trong một cái hòm bằng sáp hay trong một cái hòm làm bằng một chất nào không dẫn điện kể vừa rồi thì khi có một luồng điện-lăng đi qua ở ngoài, ta sẽ thấy cái máy nhận tin chuyển-động (thế là điện lăng thấu qua cái hòm mà làm sục động cái máy). Nếu để cái máy xuống nước cũng vậy.

Nhưng nếu để cái máy vào trong một cái hòm bằng sắt hay trong một

cái lồng-bàn bằng thép thì cái máy lại không chuyển-động nữa. (Nếu để cái máy xuống bể cũng vậy. Ấy là cái hòm sắt, lồng-bàn thép, nước bể, của điện-lăng không cho thấu qua vào trong cái máy, nên máy không chuyển-động; hòm sắt, nước bể, lồng-bàn của được điện lăng gọi là *diélectriques*: Bởi thế cho nên tàu ngầm đi dưới đáy bể, nếu không có cái súc-giốc thò lên mặt nước thì tàu không thể nhận được tin ở trên mặt nước, (vì cái máy nhận tin để ở trong tàu tức là để trong một cái hòm sắt; tàu ngầm xuống bể thì tức là cái máy kia để vào trong hai cái hòm cứng ngăn cản điện-lăng nên điện-lăng không thấu vào cái máy được).

Địch âm thoa (*diapason*) là một miếng sắt hình chữ U có một cái chuỗi, cắm vào một cái hòm gỗ vào mông (*caisse résonnante*). Khi ta gõ vào cái địch-âm-thoa ấy thì ta thấy rung ra một cái âm thanh là tiếng *la, a... a...* Người ta đã tính trong một giây đồng-hồ nó rung 435 lần. Nay ta để hai cái địch-âm-thoa cách nhau một ít rồi ta gõ vào một cái thì ta thấy cái kia cũng rung theo ra tiếng *la, a...* Thế nghĩa là



Địch
âm-thoa

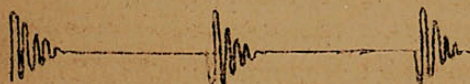
khi gõ vào cái
địch-âm-thoa
nó thì cái
địch-âm-thoa
ấy rung-động
làm cho không

khi cũng rung-động, không-khi rung-động lại làm cho cái địch-âm-thoa kia cũng phải rung-động theo.

Nếu ta cầm một miếng thép dài độ mười tấc vào cái khe bàn rồi ta kéo cái miếng thép ấy, xong lại buông máy ra thì thấy nó cứ đưa đi đưa lại, lúc mới còn nhanh, rồi dần dần chậm đi sau miếng thép lại đứng yên phẳng-phắc. Ấy điện-lăng cũng vậy, lúc mới phóng ra thì rất mạnh, đợt sóng rất

cao rồi dần dần yếu đi, đợt sóng thoi-thoải thấp mãi xuống. Toa điện-lăng cũng thế, toa đầu bao giờ cũng mạnh hơn các toa sau, vì ở cái máy phát ra tia điện, thời điện-lực khỏe nhất chỉ có lúc đầu mà thôi, cũng như cái thép kia lúc đầu ta lấy sức kéo nó rồi buông nó ra thì nó phải bật mạnh về sau là tự nó rung thì nó phải bật yếu. Toa điện-lăng đầu rung mạnh như thế thì có một sự bất-tiện là bao nhiêu các máy nhận tin đều thu được nó, nó có sức mạnh thì nó cảm hết cả các sức-giắc ở gần nó, như thế thì âm-tín bí-mật lộ mất cả. Không những âm-tín lộ mà thôi, lại còn một điều bất-tiện nữa là nếu nó làm chuyển-động được các máy ở mọi nơi, thì mọi nơi cũng có thể làm chuyển-động được máy của ta, như thế thì tin-tức làm lẫn hết, những lúc có chiến tranh thì rất là nguy-hiêm, quân giặc cứ việc ngồi một chỗ mà phá-hoại hết cả các tin-tức của mình.

Bởi cơ đó các nhà bác-học như ông TISSOT người Pháp, ông MARCONI người Ý, ông SLABY và ông BRAUN người Đức đã cố công tìm cách trừ cái nạn ấy; các ông chế ra những thứ máy riêng để phát-sinh ra những điện-lăng giống như các thanh-lăng của cái dịch-âm thoa, nghĩa là phát-sinh ra những điện-lăng thật dài, yếu đi thật chậm. lúc mới phồng ra không mạnh lắm. Nói tóm lại thì cái toa điện-lăng trước trông hình như cái vẽ N^o 1, cái toa điện-lăng của các nhà bác-sĩ mới

N^o 1N^o 2

làm ra trông hình như cái vẽ N^o 2. Cái toa điện-lăng thứ hai đó trông đều đặn như thế thì mới có thể dùng được, ta định phồng nó vào máy nào thì máy ấy thu được mà thôi còn các máy khác không thể thu được, cũng như cái dịch-âm thoa-chỉ rung, cảm được cái giây la ở cái đàn trầm-cầm (*piano*), còn các giây khác cũng ở cái đàn ấy đều đứng yên không rung-động hay có rung-động nhưng rung yếu lắm không ra tiếng (*syntonisation*) được.

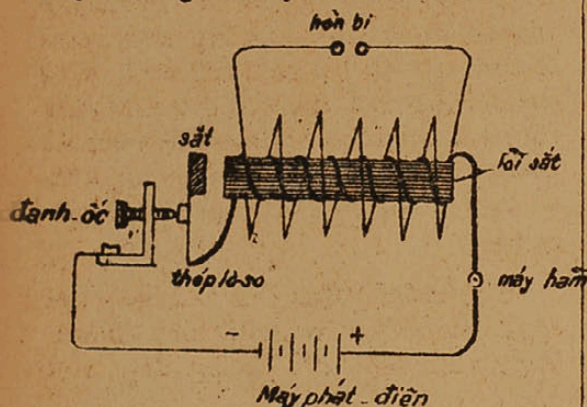
Tuy thế cũng chưa được hoàn-toàn, nhiều khi các nơi vẫn còn nghe trộm được tin-tức, bởi thế cho nên trong những lúc có chiến-tranh thì mỗi nước lại phải đặt ra các dấu hiệu riêng và giữ bí-mật.

Ông MARCONI lấy điện ở cái máy của ông RUMKORFF đem tích chứa vào trong cái bình chứa điện (*bouteille de Leyde*) rồi đi gần vào một cái máy vô-tuyến-diện để cho lờ ra một tia-điện thật mạnh, phát ra một luồng điện lăng dài. Ông lợi-dụng cái cách ấy mà đưa điện-tín đi được từ DOUVRES đến BOULOGNE bên Pháp.

Nay xin tả những bộ-phận của một bộ máy vô-tuyến-diện. Mỗi bộ-phận lại là một thứ máy điện chế ra theo một cái nguyên-lý gì riêng về điện-học, các độc-giả đã xem qua mục « Máy điều sơ-lược về điện-học » thì xin cứ chú ý luôn để cho dễ hiểu các máy điện sắp tả sau đây.

Máy Ruhmkorff (*bobine de Ruhmkorff*) Máy dùng để sinh ra tia điện, phát ra điện-lăng. Máy có một lõi sắt trên quấn một ít giây sắt hơi to mình ngoài bọc lụa chắt nhựa; quấn giây này gọi là quấn giây thứ nhất (*bobine primaire*), một đầu nối với một cái máy hãm, máy hãm nối với dương-cực máy phát-điện. Còn một đầu giây thì nối với miếng thép mỏng, đầu có một miếng sắt, đứng trước mặt cái lõi sắt

sau lưng miếng thép có một cái đinh ốc đầu đinh chạm vào miếng thép, đinh nối với âm cực máy phát-điện (thể tức là cuộn dây thứ nhất nối với máy phát-điện nhưng đứt một nơi là ở trong cái máy hãm). Ngoài cuộn dây thứ nhất ấy quấn một dây nhỏ hơn tóc cũng bọc lụa chất nhựa, dây ấy rất dài, quấn rất nhiều vòng, hai đầu dây nối với hai cực đồng tròn như hai bi, để gần nhau. Cuộn dây ấy gọi là cuộn dây thứ hai (*bobine secondaire*) Nay ta đóng cái máy hãm lại để cho điện



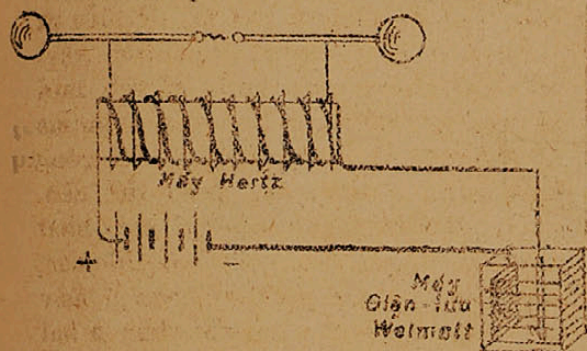
chạy qua cuộn dây thứ nhất thì lập-tức thấy lõi sắt hút miếng thép vào, nhưng vừa hút vào lại nhả ra ngay rồi lại hút vào (chỗ này cũng như máy của ông Morse đã nói rồi). Nếu cứ để cái máy hãm đóng mãi thì cái miếng thép kia cứ bật đi bật lại như thế mãi. Làm thế để làm gì? Làm thế là cốt để cho trong cuộn dây thứ hai phát ra điện. Sao lại phát ra điện? Trên kia đã nói về phép điện-lưu-cảm-ứng (*courant d'induction*); nếu lấy một thoi sắt nam-châm hay một cuộn dây nối với máy phát-điện đem ấn vào một ống dây khác rồi lại rút ra thật nhanh thì trong ống dây phát ra điện. Đây cũng vậy, cuộn dây thứ hai tức là ống dây kia, cuộn dây thứ nhất tức là cuộn dây nối với máy phát-điện. Tuy cuộn dây này đứng yên một chỗ trong cuộn dây thứ hai kia, nhưng trong cuộn dây ấy khi thời có điện chạy qua, khi

không thời cũng như là ấn vào rút ra vậy. Khi có điện chạy qua thì trong cuộn dây thứ hai phát ra điện, nhưng cái điện ấy lại mất ngay lập-tức, khi không có điện chạy qua thì trong cuộn dây lại phát ra điện, bởi thế cho nên ở hai hòn bi đồng có một tia điện lằng-nhằng như chớp khi thời nổ tạt hòn bi nọ sang hòn bi kia, khi thời tạt hòn bi kia sang hòn bi nọ, y như là cái kim điện-lưu-biểu, khi đưa sang bên hữu khi đưa sang bên tả, để biểu ra rằng điện thay chiều luôn luôn vậy. Nếu cái miếng thép rung nhanh thì những tia điện cứ liên-tiếp nhau mà nổ rất nhanh, mắt không thể trông thấu được nó thay đổi chiều thế nào.

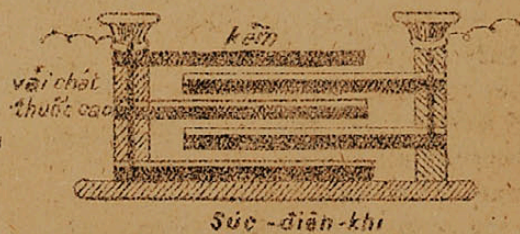
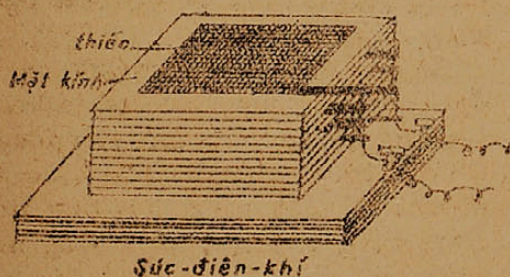
Ông HERTZ chế ra một cái máy phát-tia-điện nhanh lắm gọi là *Oscillateur*. Máy của ông cũng chẳng khác gì máy của ông RUMKORFF cả, chỉ khác là hai hòn bi đồng thời cắm vào hai cái que sắt, ở hai cái que sắt lại có hai cực đồng tròn to như hai hòn quàn dùng để chứa điện. Máy ấy tức là một cái nguồn điện-lằng.

Năm 1898 bác-sĩ WEHNELT có chế được một cái máy đoạn-lưu (*interrupteur*) rất nhanh trong một giây đồng-hồ cắt đứt đường điện được 2000 lần. Máy có một cái bình bằng thủy-tinh trong đựng nước cường-thủy, trong nước ngâm một cực chì và một cái kim bằng bạch-kim, cực chì nối với âm-cực máy phát-điện, còn kim bằng bạch-kim thì nối với dương-cực (nếu nối cái máy này với máy RUMKORFF thì cực chì nối với âm-cực máy phát-điện còn cái kim thì nối với dương-cực bằng cuộn dây thứ nhất ở máy RUMKORFF). Điện chạy qua cái kim làm cho cái kim ấy do lực lên-phân-hóa cường-thủy và nước ra những cái bọt bám cả vào kim, bọt ấy không dẫn điện trong một thời-khắc rất ngắn rồi lại tan ngay cho điện chạy, máy ấy nếu dùng kèm với máy RUMKORFF thì tia điện được dài và to. Nhưng máy ấy

có một điều bất-tiện là chạy không được đều, mà nhiều khi tự-nhiên đang chuyển-động thì dừng lại. Bởi vậy người ta cũng không hay dùng máy, thường vẫn dùng cái máy của ông MORSE (*interrup-teur Morse*) nhưng kèm thêm một cái súc-diện-khí (*condensateur*) để chừa bớt những tia lửa nổ vô-ích ở cái máy MORSE đi. Ông FOUCAULT thời dùng dẫu tây để tắt những cái tia lửa vô-ích ấy.

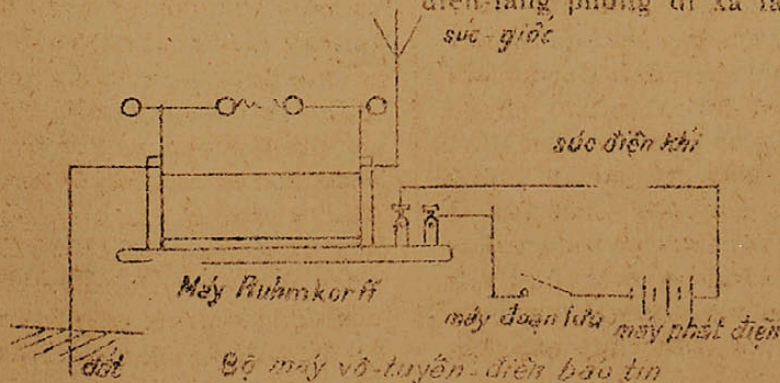


Máy vô-tuyến-điện báo tin có những bộ-phần như sau này :



10/ Một cái máy của ông RUMKORFF hay một cái máy biến-lưu (*transformateur*)

hờn nối với một cái giây chằng lưng chừng trời không chuyễn vào đâu thời điện-lãng phóng đi xa lắm. Cái giây súc-giốc



20/ Một cái máy đoạn-lưu (*interrup-teur*).

30/ Một cái máy phát-điện (*accumulateur*).

40/ Một cái súc-diện-khí (*condensateur*).

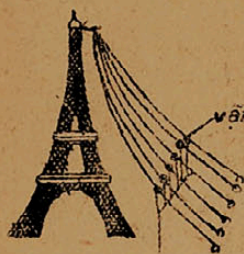
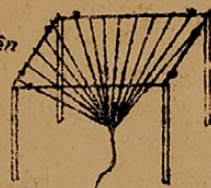
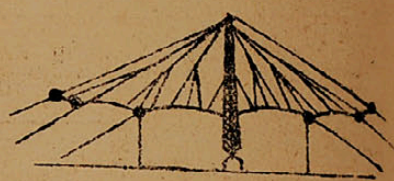
50/ Súc-giốc (*antennes*).

Cách nối giây (xem vẽ).

Súc-diện-khí (*condensateur*) là máy để chừa điện. Máy làm bằng một chồng mặt kính, trên mỗi một cái mặt kính, có dán một tờ giấy thiếc (*feuille d'étain*). Những tờ giấy số chẵn nối cả vào một cái danh đồng, những tờ giấy số lẻ cũng nối cả vào một cái danh đồng khác. Còn một thứ súc-diện-khí nữa tốt hơn, làm bằng những miếng kẽm để chồng lên nhau; cách mỗi miếng kẽm có một miếng vải chất thuốc cao (*sparradrap*).

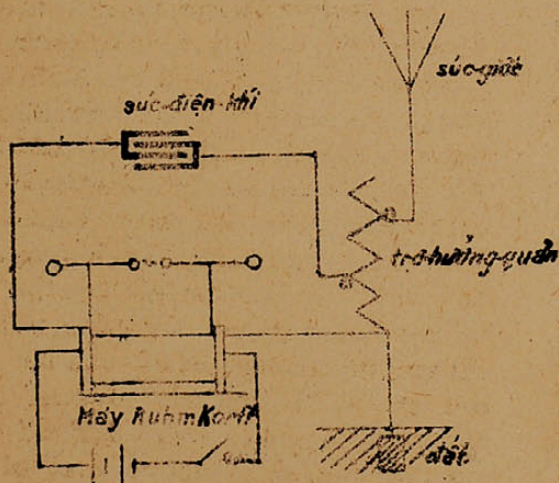
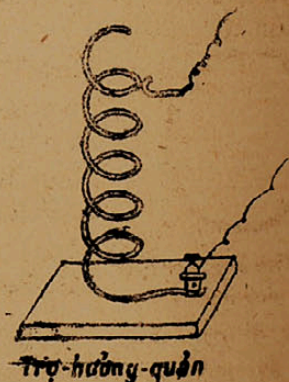
Súc-giốc.—Ông OLIVER LODGE nói rằng nếu nối hai hòn bi ở máy Ruhmkorff, một hòn nối xuống đất, một

chăng lừng lơ trên trời đó gọi sức-gióc, dùng hoặc là để phóng điện-lãng đi, hoặc là thu điện-lãng ở đầu trời; giầy ấy chỉ chuyên hoặc vào máy báo tin hoặc vào máy nhận tin chứ ngoại-giả không chuyên vào cái gì khác sớt. Giầy sức-gióc ở mỗi nơi chẳng một khác; như ở tháp *Eiffel* thời có sáu cái giầy chẳng như cái vẽ N^o 1; ở *Norddeich* thời như cái vẽ N^o 2; ở *Nauen* bên Đức thời như cái vẽ N^o 3.

N^o 1N^o 2N^o 3

Cái cách nối giầy sức-gióc với hòn bi ở máy *Ruhmkorff* có một điều bất-tiện là điện-lãng yếu đi rất chóng và lãng-tiết khó mà biết được dài ngắn thế nào. Ông *Oudin* nghĩ được một cách nối giầy tốt hơn gọi là cách dẫn-thân (*montage en dérivation*) Ông dùng một

rồi dần dần bởi-thường lại cái điện-lực ấy khi trong máy không có điện chạy qua. Ống ấy lại còn dùng để định-lieu cho lãng-tiết dài ngắn thế nào, nó cũng ví như cái buồng không-khí (*chambre d'air*) ở trong những ống thủy nước dùng để cho nước phun ra đều-hòa vậy.

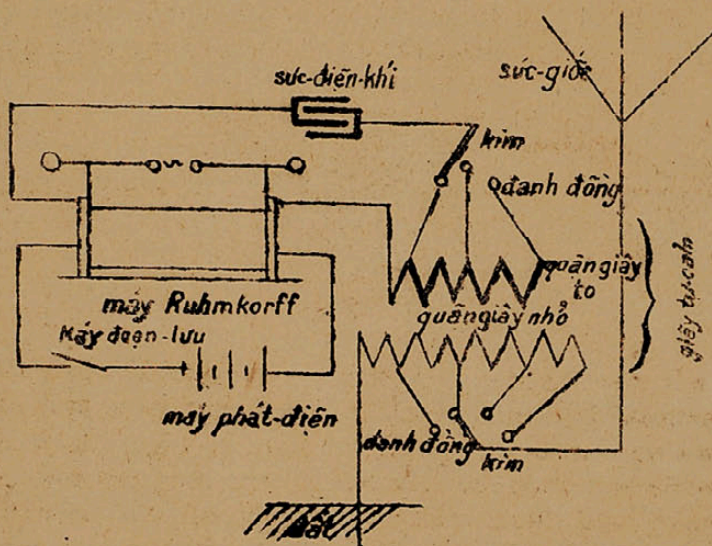
Cách nối giầy của ông *Oudin*

(cách nối giầy, xem vẽ)

Theo như cách nối giầy của ông TESLA, gọi là cách cảm-ứng (*montage par induction*) thì bộ máy vô-tuyến điện báo tin có thêm một ống giầy gọi là ống giầy tự-cảm (*bobine de self induction*) ống giầy ấy làm cũng như ống giầy ở máy Ruhmkorff cũng ở trong thời có cuộn giầy to, ngoài cuộn giầy to quấn một cuộn giầy rất nhỏ, trong mỗi cuộn giầy,

quả-nhiên thấy ở hai hòn bi này ra một tia điện rất nhỏ. Cái vòng ấy gọi là máy thám điện lãng (*délecteur*). Nhưng máy thám điện-lãng này không nhạy lắm. Ông BRANLY, người Pháp có làm một cái máy thám điện-lãng rất nhạy tả ra sau này:

Máy làm bằng một ống thủy-tinh dẹt độ 4, 5 phân, hai đầu đậy hai cái nút chai, trong có một ít sắt vụn (*limaille*



Cách nối giầy của ông Tesla

cách một đoạn lại có một đường giầy nối ra một cái danh đồng. Còn các bộ-phần máy có liên-lạc với nhau thế nào thì xin xem vẽ.



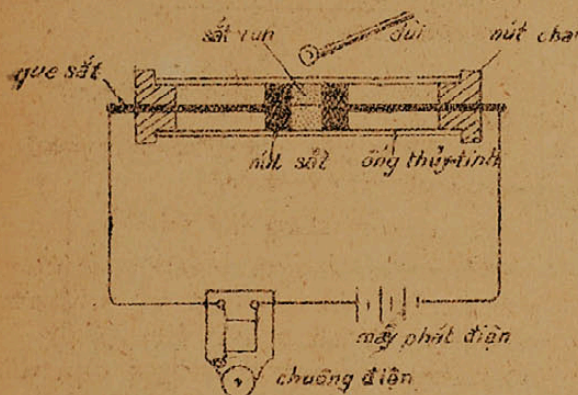
Máy thám điện-lãng của ông Hertz

Ông HERTZ muốn thám xem tia điện có phóng ra điện-lãng hay không, bèn làm một cái vòng tròn bằng sắt, đem chặt một

đoạn đi rồi cắm vào hai đầu chỗ chặt ấy, mỗi đầu một hòn bi bằng đồng. Khi ông để cái vòng sắt ấy cách xa cái máy phát tia điện của ông thì

de fer). Những sắt vụn ấy vụn cả vào khoảng giữa cái ống, ép vào hai cái nút bằng sắt. Mỗi cái nút sắt ấy có nối một cái que sắt dài thò ra ngoài hai đầu cái ống qua hai cái nút chai. Nay nối hai đầu que sắt với máy phát-điện và một cái chuông điện, dẫu máy phát-điện mạnh đến đâu, chuông cũng không kêu. Sao vậy? Ấy bởi tại sắt vụn là vật không dẫn điện, (sắt thời dẫn, nhưng sắt vụn thời không) điện đi qua đến cái nút sắt bị sắt vụn cản đường nên chuông không kêu. Nay đem để cái ống thủy-tinh cạnh một cái máy phát-điện-lãng thời tự-nhiên chuông kêu ngay, dẫu thời không phóng điện-lãng

ra nữa, chúng cũng vẫn kêu mãi. Sao lại có cái sự kì-khởi thế? sao sắt vụn lúc thì không dẫn điện lúc lại dẫn điện như thế? Có đó hãy còn mập-mờ chưa ai giải-quyết được dịch-sắc. Ông Looce người Anh thời nói rằng đó là tại khi điện-lãng thấu qua ống thủy-tinh vào sắt vụn làm cho sắt vụn ép chặt (*cohésion*) lại với nhau, sắt vụn hóa ra một miếng sắt nên dẫn điện. Lẽ ấy không ai công-nhận là đúng; ngày nay còn nhiều người bàn vô-số lẽ nữa, nhưng thiết-tưởng những lẽ ấy cũng không phải minh-chứng ra đây làm gì, nay hãy cứ chia tạm biết rằng điện-lãng thấu qua ống thủy-tinh biến-cải tính-chất sắt vụn, sắt vụn không dẫn điện thời làm cho hóa ra dẫn điện. Lại có một điều lạ nữa là nếu gõ vào ngoài cái ống thủy-tinh một cái thời sắt vụn lại hoàn tính cũ, không dẫn

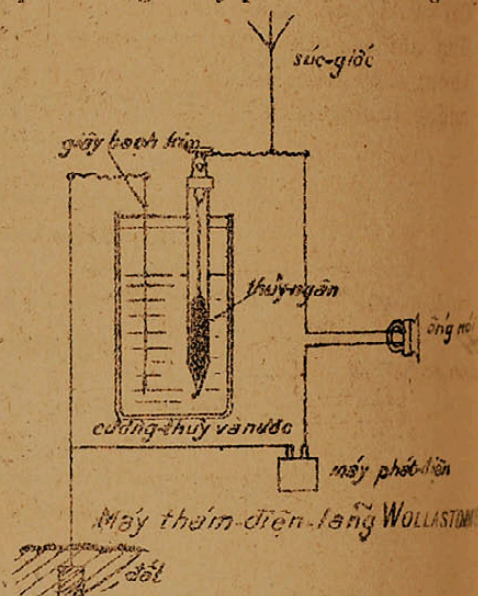


Máy thám-điện-lãng BRANLY

điện nữa, nếu có một điện-lãng nào đi qua nữa thời mới lại dẫn điện. Thật là một cái hiện-tượng kỳ-dị vô-cùng.

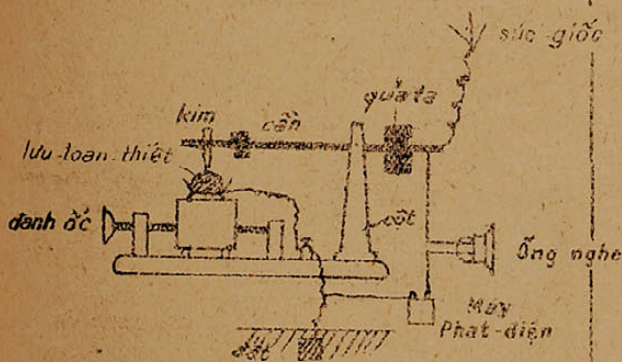
Kể những máy thám điện-lãng thời còn có nhiều kiểu lắm, đây xin kể một vài cái thông-dụng nhất và giản-dị nhất như là cái máy của ông WOLLASTONE chế ra gọi là máy thám điện-lãng phân-tích chất hóa-học (*détecteur électrolytique*).

Máy làm bằng một cái bình thủy-tinh trong để nước phia với cường-thủy (20% cường-thủy), trong nước có cắm hai cái giầy bằng bạch-kim (*platine*) một cái thời bọc ở ngoài bằng một cái ống thủy-tinh nhọn đầu trong để thủy-ngân (*mercure*), đầu giầy thò ra ngoài ống ở chỗ nhọn, giầy ấy nối với cái sức-giốc (*antenne*), nối với ống nói và nối với máy phát-điện. Còn giầy kia thời không bọc gì ở ngoài, nối với máy phát-điện và nối với một đường giầy chuyên xuống đất. Điện ở máy phát-điện chạy qua cường-thủy phân-hóa cường-thủy



(A-lưu-toan phân ra dương-khí và khinh-khí) khinh-khí là một thứ hơi không dẫn điện, bốc ra thành từng đám bọt, bám cả vào giầy bạch-kim làm cho bạch-kim và nước cường-thủy không chạm vào nhau, điện ngừng đường đi. Lúc đầu thời máy động nhưng khi bọt nổi lên nhiều bám cả vào bạch-kim thời máy không động đây gì nữa. Nay phóng ra một luồng điện-lãng thời cái sức-giốc thu điện-lãng vào máy làm tan những bọt khinh-khí đi; những cái bọt ấy tan thời điện lại chạy qua được nước cường-thủy làm cho cái ống nói rung-động

Lưu-toan-thiết và hay-luyện-khoáng (pyrite et sulfure de plomb) cũng có một cái đặc-tính kỳ-đi là khi thời dẫn điện khi thời không, nên người ta mới dùng làm máy thám điện-lãng. Máy chế ra như sau này : Một miếng lưu-toan-thiết để trong một cái hộp sắt con, hộp sắt nối giấy xuống đất và vào máy phát-điện ; hộp để lên một cái bàn con nhờ một cái danh ốc có thể đẩy đi đẩy lại được. Trên miếng lưu-toan-thiết có cắm hờ hờ một cái kim ; kim thời cắm chặt vào một cái cầu sắt có quả tạ, nằm ngang trên một cái cột. Cái cầu ấy nối giấy với súc-giấc, với ống nối và với máy phát-điện. Lúc không thời điện không chạy qua được miếng lưu-toan-thiết khi có điện-lãng



đi qua cái máy thời lưu-toan-thiết lại để cho điện đi qua làm rung-động ống nối (máy này ở tháp Eiffel vẫn dùng.)

Năm 1895 ông Popoff người Nga, có chế được một cái máy thám báo và con rông ở các nơi xa. Chớp tức là một cái tia điện rất mạnh nổ ở trong mây. Vậy máy báo con rông cũng chẳng khác gì máy vô-tuyến-điện.

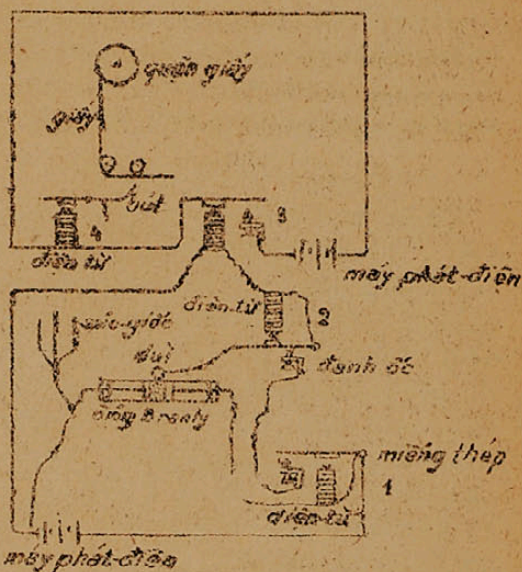
Máy vô-tuyến-điện nhận tin (hay là máy báo con rông) có những bộ-phần như sau này :

10/ một cái ống của ông BRANLY (đã tả trên kia) hay máy thám điện-lãng nào khác

20/ hai cái máy phát-điện.

30/ bốn cái máy điện-từ (electro-aimant) giống như máy điện-từ ở chuông điện.

30/ một bộ máy chép tin, in ra dấu hiệu chạy bằng máy đồng-hồ.



Máy báo con rông của ông Popoff

50/ Những giây súc-giấc (antennes). Cách nối giây (xem vẽ)

Máy chuyển-đồng thế nào ?

Khi có điện-lãng đi qua thời cái súc-giấc thu lấy làm cho sắt van hóa ra dẫn điện ; lõi sắt ở máy điện-từ N^o 1 hút miếng thép làm cho chạm vào cái danh ốc ở máy ấy ; điện truyền sang cái danh ốc ấy rồi truyền vào danh ốc ở máy điện-từ N^o 2 làm cho lõi sắt ở máy ấy hút miếng thép có dài chuông lên ; lúc ấy máy điện-từ N^o 3 cũng hút cái thép ở máy ấy xuống cho chạm vào cái danh ốc ở máy ấy ; điện truyền vào miếng thép sang máy điện-từ N^o 4 làm cho lõi sắt ở máy ấy kéo cái chuỗi hút xuống để đầu bút chổng lên cho cái ngòi bút chấm vào quần giấy.

Nhưng khi cái miếng thép đầu có chuông bị hút lên thời không chạm vào cái danh ốc, điện không chạy qua

máy điện-từ N^o 2 nữa, lõi sắt lập-tức nhả ngay cái miếng thép ra làm cho cái dùi chuông đập đánh chát một cái vào cái ống Branly, sắt vụn không dẫn điện nữa thời cái lõi sắt ở máy điện-từ N^o 1 lập-tức lại nhả ngay cái miếng thép ở đấy ra. Cả bộ máy lại đứng yên phẳng-phắc như cũ để đợi một luồng điện-lăng nào khác nữa đi qua thời lại bắt đầu chuyển-dộng như vừa rồi.

Vô-tuyến-điện-thoại

Vô-tuyến-điện-thoại là ống nói không giầy. Vô-tuyến-điện-thoại khác vô-tuyến-điện thường là điện-lăng đem cái nhờ nói của ta đi chứ không phải đem những dấu hiệu đi. Nếu bên báo tin nói gì thời bên nhận tin nghe thấy tiếng nói như thế, cũng như nghe ở trong ống nói có giầy vậy. Sở-dĩ ta nghe được tiếng nói ở trong ống nói có giầy là nhờ có cái giầy dẫn cái tiếng nói ấy, ở xa đưa lại, cái tiếng nói ấy vì có lúc to lúc nhỏ, lúc cao lúc thấp, nên mới biến-cải các luồng-điện thẳng ở cái máy phát-điện ra một luồng điện sun-soãn thật dài không dứt chỗ nào, trừ ra những lúc ngắt câu, tiếng nói

N^o 1N^o 2

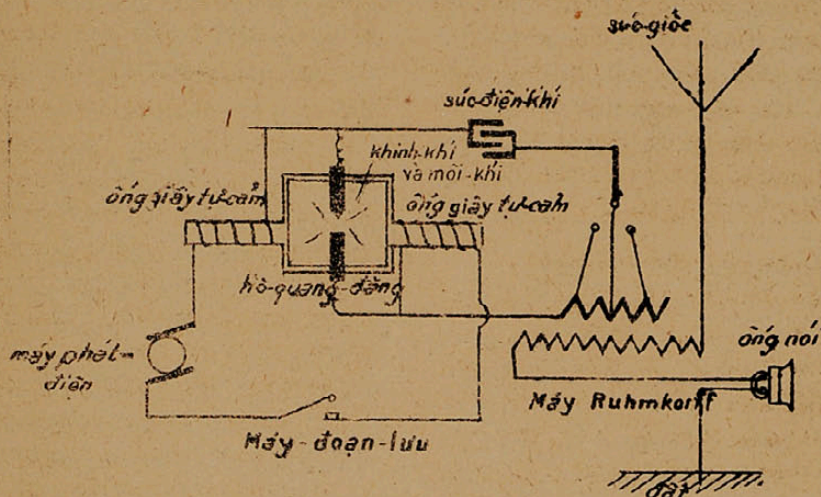
dứt thời cái đường sun-soãn ấy mới dứt mà thôi. Vậy toa điện-lăng của vô-tuyến-điện-thoại khác toa điện-lăng của vô-tuyến-điện thường thời trông như vẽ N^o 1, điện-lăng nọ cách điện-lăng kia một quãng đường xa (trên kia đã nói) còn toa điện-lăng của vô-tuyến-điện-thoại thời trông như cái

vẽ N^o 2, điện-lăng không dứt chỗ nào, phóng ra thành một đường sun-soãn dài tự máy báo tin sang máy nhận tin. Tỏa điện-lăng ấy gọi là toa điện-lăng súc-tích (*train d'ondes entretenues*).

Hồ-quang-dăng (*arc électrique*) là hai cực than tròn vót nhọn đầu, hai đầu nhọn đối-điện với nhau. Mỗi cực than nối với một cái máy phát-điện thật khỏe gọi là điện-từ hồ-sinh-cơ (*dynamo*). Khi cái máy phát-điện này chạy thời ở hai đầu cực than lờ ra một ngọn lửa sáng chói mắt, (đèn này mười năm về trước dưới hồ Hoàn-kiểm vẫn thấp, nay chỉ còn thấy ở những máy chớp ảnh thời) Khi hai cực than ấy cháy thời lại có một tiếng kêu ve ve đi kèm, nhiều nhà kỹ-sư đã lưu-ý đến cái tiếng kêu ấy thời thấy cái tiếng kêu ấy rõ ra cái tiếng kêu ở máy phát-điện; máy phát-điện kêu thời hai cực than cũng đồng-thời mà phát tiếng kêu. Ấy tự khi phát-minh ra tiếng kêu của hai cực than đó thời các nhà bác-sĩ mới định lợi-dụng nó để làm máy vô-tuyến-điện-thoại. Ông DUDELL, nhà vật-lý-học nước Anh cho rằng cái hồ-quang-dăng ấy cũng là một nguồn điện-lăng, bèn định chế ra một cái máy vô-tu-ấn-điện-thoại nhưng ông không thể nào làm cho cái tia điện ở cái hồ-quang-dăng rung hơn 30.000 lần trong một giây đồng-hồ nên tiếng nói không thể dẫn đi được. Ông dùng cả súc-điện khí (*condensateur*), ống giầy tự-cảm (*Bobine de self-induction*) nhưng không công-hiệu gì. Sau ông POUlsen tìm được cách tăng cái số rung-dộng kia lên, ông tăng lên tới 500.000 lần, thành tự đó vô-tuyến-điện-thoại mới có cơ phát-minh ra được. Bộ máy của ông khác bộ máy của ông DUDELL là cái hồ-quang-dăng thời để vào trong một cái hòm chứa khinh-khí lẫn với môi-khí (*gaz d'éclairage*), và có thêm một cái máy Ruhmkorff với cái súc-giống

Còn như máy nhân tin thời có một cái máy tham điện-lăng phân-tích một

vô-tuyến-diện được, và lại máy cũng không thể dùng để báo tin đi xa được

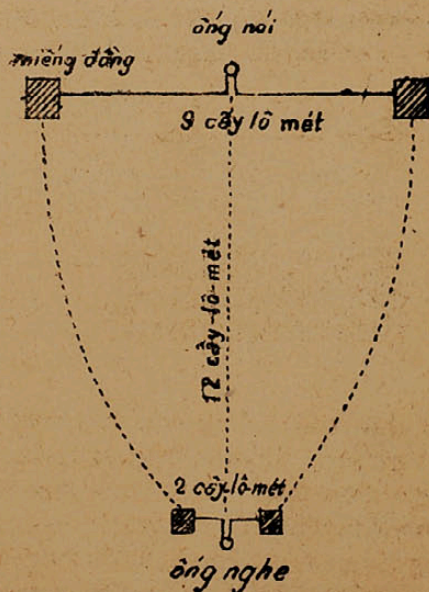


Bộ máy vô-tuyến-điện-thoại của ông POULSEN

cái ống nói và giấy sức-giắc. (bộ máy này đã nói ở mục vô-tuyến-điện thường rồi; tức là bộ máy của ông WOLLASTON.)

Một vài cái máy vô-tuyến-điện dùng để điện-tín đi gần. — Năm 1900 nhà kỹ-sư GAVEY có nghĩ được một cái máy vô-tuyến-điện rất kỳ-dị. Ông chôn xuống đất hai miếng đồng cách nhau 9 cây-lô-mét, miếng đồng nọ nối với miếng đồng kia bằng một cái giấy đồng chằng qua vào một cái ống nói. Ở đằng nhận tin ông cũng chôn hai miếng đồng nhưng hai miếng đồng này chỉ cách nhau có 2 cây-lô-mét, ở giữa đường giấy đồng nối hai miếng đồng này cũng có một cái ống nói. Bên báo tin cách bên nhận tin độ 12 cây-lô-mét. Bên báo tin nói gì vào cái ống nói thời bên nhận tin nghe thấy; điện lằng loang ở dưới đất dẫn cái tiếng nói đi. Máy này có điều kỳ-dị thực nhưng không thể dùng được, vì phải trồng 9, 10 cây-lô-mét giấy thời không có thể gọi là

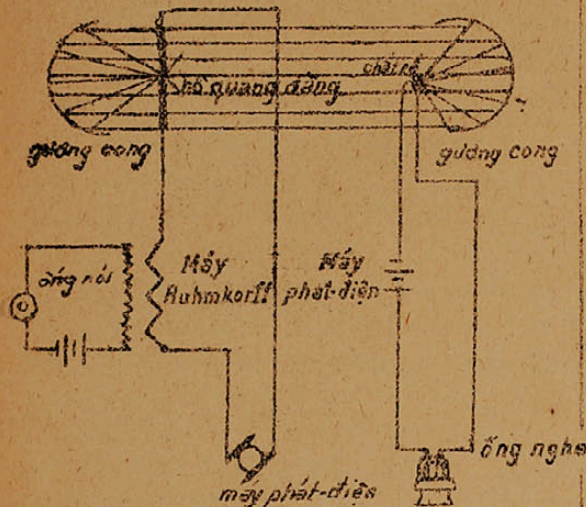
chỉ trong khoảng mười mười hai cây-lô-mét mà thôi.



Máy vô-tuyến-điện GAVEY

Sau ống RUSSER lại chế được một cái máy vô-tuyến-điện-thoại loại dụng quang-lăng để dẫn nhời nói đi.

Máy báo tin có một cái gương cong (miroir parabolique), trước gương có một cái hồ-quang-đăng: cái hồ-quang-đăng ấy nối với quân giây thứ nhất ở máy Ruhmkorff và nối với cái điện-từ-hỗ-sinh-cơ. Còn cái ống nói tức là cái



máy tăng-âm (microphone) thời nối với một cái máy phát điện và quân giây thứ hai ở máy Ruhmkorff. Khi ta

nói vào cái ống nói thời cái hồ-quang-đăng cứ thay nhiệt-độ luôn luôn theo với điện nhời nói to nhỏ, cao thấp; bao nhiêu quang-tuyến ở cái hồ-quang-đăng ấy đều chiếu vào cái gương cong rồi cái gương cong lại phản-chiếu những quang-tuyến ấy đi.

Ở bên nhận tin cũng có một cái gương cong, để đối-điện với cái gương bên báo tin để thu lấy những quang-tuyến ở bên kia chiếu sang

Trước cái gương ấy có một miếng chất sê (selenium), chất này có cái đặc-tính là khi ánh sáng chiếu vào nhiều thời dẫn điện nhạy hơn là khi ánh sáng chiếu vào ít, cái đặc-tính ấy đã nói trên kia về mục chớp ảnh đi xa rồi... Cái gương kia phản-chiếu những ánh sáng thu được ở bên kia vào chất sê khiến cho chất ấy làm thay đổi điện-lực để cho cái ống nghe rung-động ra tiếng nói.

Máy này không thể dùng báo tin đi xa được, vì có rằng quang-lăng đi dòng thẳng thời hay bị các vật cao ở trên lái dất cản trở mất lối đi.

TAVANG-CAM-KACRÉS biên-dịch

ĐÔNG - LÀN TÂY - TRÀO

Les hommes, c'est comme les ceris-voulants : plus on leur rend de corde, plus on les tient.

Alex. DUMAS fils.

Oublier les services que l'on a rendus peut n'être qu'un défaut de mémoire : oublier ceux qu'on a reçus est un manque de cœur.

G.-M. VALTOUR.

Les isolés ont tort : le rôle de l'écrivain, c'est d'être le porte-parole des contemporains muets.

Edouard Rod

Il appartient à la jeunesse d'être patiente : elle a l'avenir devant elle.

BONAPARTE

Người ta như cái diều : càng buông giấy cho bao nhiêu, càng giữ chặt được bấy nhiêu.

Làm ơn cho ai mà quên đi, ấy chẳng qua là một sự quên thương : chịu ơn của người mà quên, ấy thực là của người học-học.

Kể sống một mình vẫn phải oan : cái chức - vụ của nhà làm văn làm sách là phải làm thông - ngôn cho người đồng thời mình không biết nói.

Tuổi thanh-niên phải biết nhẫn, vì cái tiền-đề của đời rộng ở trước mắt.

VĂN-UYÊN

DỊCH CỔ-THI

I

花夜處春
落來處眠
孟知風聞不
浩然多雨啼覺
然少聲鳥曉

○春眠

Giấc ngủ mùa xuân

Đêm xuân một giấc mơ-màng,
Tỉnh ra chim đã kêu vang quanh nhà.
Gió đưa một trận đêm qua,
Làm cho hoa rụng biết là dường bao?

II

雙五春大
雙陵日道
儲鳴貴佳直
光玉公氣如
義珂子多髮

○洛陽道

Con đường Lạc-dương

Lạc-dương đường rộng mà ngay,
Ngày xuân mát-mẻ hương bay ngọt-ngào!
Ngũ-lăng Công-tử thanh-tao,
Đua nhau sánh ngựa nhạc kêu vang lừng!

III

只相孤衆
有看雲烏
敬兩獨高山
亭亭不去飛
白山厭閒盡

○獨坐敬

Một mình trên núi Kính-dinh

Đàn chim bay hồng tuyết vơi,
Đám mây lững-thững phương trời xa-xa.
Càng nhìn càng thấy đậm-đá,
Kính-dinh-sơn đó ấy là bạn thân!

IV

不啼莫打
得時教起
蓋到驚枝
嘉運遼妻上
運西。夢。啼。兒。

○伊州歌

Khúc ca Y-châu

Đánh chò chết cái hoàng-oanh!
Ai xui mi hát trên ngành cây cao?
Làm cho tan giấc chiêm-bao,
Đề hồn thiếp chẳng được vào Liêu-tây!

V

明深彈獨
月林琴坐
來人復幽
王相不長
維照。知。嘯。裏

○竹裏館

Trong quán Trúc

Một mình trong chốn u-hoàng,
Miệng ca tay gảy khúc đàn tiêu-dao.
Rừng sâu ai biết được nào,
Chỉ vầng trăng sáng soi vào vớ ta!

NGUYỄN THẾ-NƯỚC dịch

TỪ, PHÚ, THI, CA.

1. — Hữu-sở-tư

(Thề phú, tử, hừng, điệu hát mới)

Phú

Đứng gốc mai già, tựa gốc mai già,
Hỏi thăm chị Nguyệt ở nhà với ai?
Đứng gốc cây mai, tựa gốc cây mai,
Bóng ta ta ngỡ bóng ai ta lắm!
Ngồi gầy cung cầm, tựa gầy cung cầm,
Nước non ai kể tri-âm bấy giờ?

Ti

Ăn muối nhớ gừng, chấm muối nhớ gừng,
 Một lời hẹn ước xin đừng có quên.
 Qua bến nhớ thuyền, thấy bến nhớ thuyền,
 Nhớ người, nhớ nợ, nhớ duyên, nhớ tình.
 Uống rượu nhớ bình, say rượu nhớ bình,
 Nhớ ta ta cũng nhớ mình, mình ơi!

Hùng

Bút đọt cây cà, bẻ đọt cây cà,
 Hỏi thăm ông Nguyệt có nhà hay chẳng?
 Nhờ gió bẻ măng, mượn gió bẻ măng,
 Ấy ai bẻ quế trong trăng đi về.
 Vịn hái hoa lê, treo hái hoa lê,
 Đường lên cung Quảng đi về với ai!

2. — Tiệc hoa

(Mãn-đình-phương)

Tây-liêu đua xanh,
 Đông-đào nảy thắm.
 Yêu hoa ta lưỡng tiếc hoa.
 Bóng thiều giục-giã,
 Vùn-vụt ánh xuân qua!
 Nào là hồng, nào là phấn,
 Cuộc làm vui mấy hội người ta...

Ngồi ta trách,

Trời xanh độc-địa,
 Sao nữ đề hoa giá?

3. — Lối cũ

(Ta-thu-nương)

Gặp nhau ít,
 Chẳng oán biệt nhau nhiều.
 Lối cũ tìm hoa hoa chẳng thấy,
 Canh dài cái cuộc nỉ-non kêu.
 Cảnh sao cảnh khéo trêu?

4. — Nhớ bạn

(Trường-trương-lư)

Nước sông Trương,
 Lệ sông Trương,
 Một mối tương-tư một đoạn-trường.
 Vân-thụ cách đôi phương.
 Nay tà-dương,
 Mai tà-dương.
 Non nước xa khơi mấy dặm đường.
 Khôn xiết nỗi tình thương.

5. — Thăm vườn cũ

(Tân-nguyệt-xuất)

Vườn cũ qua chơi,
 Lá rơi đầy mặt đất,

Nhìn xem phong-cảnh khác với.

Cảnh nhớ người,

Hoa đào cười,

Ngọn gió đông,

Bốn bề lặng ngắt,

Nỗi-niềm tâm-sự biết cùng ai?

6. — Trông mây nước

(Hoa-phong-lạc)

Ôi mây ơi, ôi nước ôi!

Mây bay nước chảy ngán cho người.

Phất-phơ gió thổi,

Cuồn-cuộn dòng trôi,

Tan-tác hóm mai bốn phía trời,

Lênh-đênh mặt biển lúc đầy voi.

Ôi mây ôi, ôi nước ôi,

Mây về ngưng,

Nước đi xuôi,

Bao giờ hội-hợp một đôi nơi?

Cuộc đời có khác chi mấy nước,

Tang-hải xưa nay vốn đôi đời.

7. — Soi gương

O' kia ai đó đứng trong gương,
 Điện-mục xem qua vẫn khác thường.
 Ướm hỏi tình gì non nước cũ,
 Hay cùng ta một tấm lòng thương!

8. — Cảnh bèo mặt nước

(Giá-cô-thiên)

Mặt nước mênh-mông sóng rập-rềnh,
 Cảnh bèo lưu-lạc nổi lênh-đềnh.
 Than ôi! cuộc thế không thường đĩnh,
 Bèo nước trông ra lưỡng cảm-tình.
 Bèo lênh-lãng,
 Nước long-lanh,
 Phút đâu trận gió đánh tan-tành.
 Cùng trong bể thắm cơn ly-hợp,
 Cuộc thế ai hay nổi bất-bình

9. — Hoa cúc

(Lâm-giáng-tiên)

Thoắt rụng cây ngô vàng một lá,
 Rèm đông ngáo-ngạt mùi hương.
 Anh-hoa chẳng bợn chút phong-sương.
 Ấy ai người ân-dật,
 Hẳng hạn khách văn-chương!

10—Viếng cái dưa gấy

Từ biết làm ăn tỏ với mày.
 Hai mươi năm lẻ một lòng ngay.
 Trái bao cuộc thế nồng cùng đậm,
 Ném đủ mùi đời ngọt với cay.
 Ngồi chôn đình-chung thêm nhớ lại,
 Ra trường ngu-nhục biết sao đây?
 Ở đời mềm cứng tùy khi thế,
 Chỉ tiếc cho mày quá vụng tay.

11.—Trăng dưới nước

Ai cầm dao xẻ nguyệt đôi vòng,
 Nửa đề lưng trời nửa đáy sông?
 Nguyệt-tử soi gương hình bóng đợi,
 Long-vương bày yên ngọn đèn dong.
 Gió lay mặt ngọc ngàn tia trắng,
 Sóng lặng lòng châu một điểm hồng.
 Thanh-cảnh gì hơn thanh-cảnh ấy,
 Khiến người buồn lái ngẫu-ngờ trông!

12.—Con cuốc

(Minh-sán-khúc)

Ôi cuốc cuốc, hỡi cuốc cuốc!
 Vô-võ đêm năm canh,
 Bơ-vơ ngày sáu khắc,
 Nồng-nực trời hè,
 Đau lòng về cố quốc,
 Về cố quốc...

Ôi cuốc cuốc, hỡi cuốc cuốc!
 Giọng giế khăn k an-khan.
 Minh ve khô khốc-khốc,
 Lạnh-lẽo đêm thu,
 Thương-tâm về cố-Tục.
 Về cố-Tục...

Ai hay nổi nước này:
 Điện-dải ngày trước,
 Hoa cỏ hôm nay.

Ngàn năm đất cũ ở đâu đây?
 Ngàn năm đất cũ đâu đây.
 Biết khi nào rửa sầu này cho thanh.

Vì ai gây dựng thành,
 Quan-san thăm-thăm,
 Phong-cảnh thanh-thanh.

Bốn bề đất ki ách lưỡng buồn tênh.

Bốn bề đất khách buồn tênh,
 Nào ai là kẻ thấu tình cho đây?

13.—Tần-cung oán

Vườn xuân hoa nở chốc hoa tàn,
 Đề khách tiêu-phòng lưỡng thổ-thân,
 Mỗi dựa (1) vì ai sinh trước đề,
 Khổ tình mong đợi kiếp sau tan.
 Trăm năm tâm sự ba canh nguyệt,
 Nửa thế yên-hoa một phẩm đàn.
 Sơn phấn hoài công tỏ với diêm,
 Cung Tần ấy cửa ngục hồng-nhan!

14 — Phú đắc:

« Còn trời còn nước còn non,
 Còn cô bán rượu anh còn say-sưa. »

Non nước cùng trời một cuộc say,
 Còn cô bán đó, tớ còn đây.
 Bồi hàng thực-nữ hồ chưa cạn,
 Nên chén Lưu-Linh rượu vẫn đầy.
 Trời đất nghiêng tai ngàn tiếng lặng,
 Non sông liếc mắt bốn bề xoay.
 Người đời họ trách ta say rượu,
 Ta bồi trong trần tỉnh những ai?

15.—Chiêm-bao

Giấc mộng đêm qua giấc mộng gì,
 Mà mình đã tỉnh lại hồng mê?
 Trời Hồng đất Lạc ngờ xoay lại,
 Gió Á mưa Âu mặc kệ thì.
 Ngoài cuộc đã xa ngày hỗn-độn,
 Trong rừng nào tỉnh giấc Hi-di.
 Con đường về mộng còn ghi đó,
 Tương-thứ ai người với khách đi?

16.—Cái chửi than thân

Anh nghĩ như anh thật đại rồi,
 Làm cho người sạch đề mình hôi.
 Ra tay giữa lúc phong-trần thế,
 Đến hội thanh-minh một xó ngồi.

**17.—Vịnh ba người trong
 Tuyết-Hồng lệ-sử (2)**

(Nhất-tiến-mai)

Mặt chưa thấy mặt đã cam lòng,

(1) Phương-ngôn có câu: « đầu dây mối dưa »

(2) Mộng-Hà, Lê-Ảnh và Quán-Thiến.

Sống cũng là không,
 Chết cũng là không,
 Si đến như ai thật lạ-lùng !
 Tư-tưởng phù-dung,
 Cảm-cảnh phù-dung,
 Mệnh bạc xưa nay kiếp má hồng.
 Oán ngọn gió đông,
 Giận ngọn gió đông.
 Tự-do em trót hẹn khuê-phòng.
 Liều thác cho xong,
 Một thác cho xong.

18.— Bài phú « Hoa rụng »

(Lấy vần : *vội vàng chi mấy Hóa-công*)

Vó câu giông-ruồi,
 Bóng âm thay đổi.
 Thấy xuân-sắc phai-phai,
 Cảm xuân-tinh bối-rối.

Những tưởng đua xanh nầy tia; vườn
 xuân vui-vẻ xiết bao ;

Nào ngờ nhất phần phai hương, con tạo
 khiến xui chi vội ?

Ngươi chẳng thấy :

Trăm hoa đua nở mái đông-tường.

Ấy ai diễm-trang,

Ấy ai vẻ-vang.

Mà xanh mà tia,

Mà trắng mà vàng.

Như màu gấm rỡ-ràng,

Như nét cười nở-nang.

Tài-tử say hoa ngao-ngán nổi,

Giai-nhân thập-thúy ngân-ngọc đường.

Lơ-thơ lơ liễu buông mình, yến-oanh nao-
 nức ;

Xấp-xới vườn hồng đua thắm, ong bướm
 nghênh-ngang.

Tà-buy, tà-buy,

Giục-giã xe bi.

Xuân chưa mấy độ,

Hoa đã quá thì.

Một phe : mưa gió nặng-nề, xuân xanh đâu
 nữa ;

Mấy độ tuyết sương ròng-rã, xuân-sắc còn
 chi.

Trên cảnh thừa sứ-mời, bướm ong lặng
 ngắt ;

Ngoài vườn vắng xuân-khách, cỏ mọc
 xanh rì.

Thương ôi !

Vườn trồng hoa ấy.

Công-trình biết mấy.

Cho lý xanh nầy,

Cho đào đỏ đây,

Cho lê trắng tinh,

Cho cúc vàng cháy.

Chín chục thiêu-quang là mấy, vườn xuân
 thảng-thường bao nhiêu ;

Mười phần xuân-sắc đã phai, con tạo ghét,
 ghen chi mấy !

Vốn đã biết :

Hoa khai hoa tạ,

Sinh sinh hóa hóa,

Thịnh-suy đạo trời,

Doanh-hur lẽ cả.

Chỉ giận chúa xuân trang-diễm, hoa mới
 đua tươi,

Mà sao con én đưa thoi, hoa đã cánh rã.

Ngâm câu đề-liễu thối-xao, đương nao-
 nức thi-hào ;

Rót chén thương đào say tỉnh, chứa cam
 lòng tửu-bá.

Chơi trăng trên hoa-các, hoa tàn nên trắng
 cũng mập-mờ :

Yêu khách trước hoa-lâu, hoa đậm mà
 khách thêm buồn-bã.

Đổi cảnh lại càng cảm cảnh, thấy phong-
 quang giữa hội đông-hoàng ;

Yêu hoa nên phải thương hoa, câu cảm-
 hứng phở vào thi-xã.

Thơ rằng :

Bước tới vườn đào hỏi Hóa-công,

Hoa khai hoa lạc ý gì không ?

Vốn nhiều đặc-ý cùng trăng bạc,

Há dám vô-tình giận gió đông.

Kiếp trước đã ghê người mặt phẫn,

Thân sau chớ mộng chốn lầu hồng.

Thiên-cung trên ấy hoa không thác.

Sao chẳng cho ta lấy giống trồng ?

10. — Bàn về truyện « Tuyết-Hồng lệ-sử »

Mộng-Hà, Mộng-Hà, ta thật ghê thay cho chữ si-tình và người si-phụ. Xưa nay không gì khó hơn sự chết, lại không gì khó hơn chết mà mình tự chết, thế mà yêu-kieu mặt phấn, buổi xuân xanh liễu yếu đào thơ, nữ đem mòn-mọi má hồng, chút phận bạc hoa tàn nguyệt khuyết; cha già chẳng đoái, con trẻ không thương, thì há chẳng phải si-tình và si-phụ ru?

Màn dáng ngâm-nga, nhà chiến đàn-độc, đề thơ tây-tịch, ghé mắt đông-lâu, khóc lệ đào mấy dặm sóng tình, chôn hoa bởi mấy vùng bề ái. Lại bao phen văn-chương thư-tín đi về, đề đến nỗi Lê-Ảnh sầu-tình điên-đảo. Phách lạc dương-dài chi trắng gió, sóng đục ùn-ùn, hồn mê đỉnh Giáp chi mây mưa, lòng xuân phôi-phôi... Tình riêng trọng, nghĩa cũ thương; cái thân Lê-Ảnh nhờ-nàng, một mình hầu để hai đường vẹn hai, nên mới liều một thác cho xong, không nữ phụ ba sinh kiếp trước. Còn Quân-khiến chết vì tự-do, ấy là chết vì tình mà sóng tình kia ai vô để cho mình đắm thân?

Si-tình chi mấy Hà-quân,
Một tay nữ bẻ vườn xuân đôi cành!

Đến khi dương-liều rã-rời, phù-dung tan-tác, mơ-màng quốc-sắc, tưởng-tượng giai-nhân, trông ra gió thảm mưa sầu, đầm-đìa châu lệ, ngó tới non Bồng nước Nhược, phảng-phất hồn mai.

Nghĩ người đã thác vì mình,
Thì mình cũng thác với tình cho cam.
Bỏ nghề nghiên bút, theo việc cung-đao, dấn thân vào chốn chông gai, đèn nghi mai trúc, liễu mạng giữa nơi khói lửa, trả nghĩa nước non, thế là Mộng-Hà đã hiển cái chết cho nước để trả nợ hai tình rồi vậy.

Giết thì giết những hai tình,
Chết thì mới chết một mình chưa cần!

Đọc sách mà cay mắt, nghe nói lại thương-tâm; nhưng thương-tâm vẫn thật thương-tâm, so vào bút-pháp mười phân lỗi mười. Hà há không biết Anh là vị-vong-nhân hay sao, mà còn dạy con toan gạ mẹ; khóc hoa chôn hoa, luận văn đàm kiếm, kêu tình những sự chi chi, khiến người sắt đá cũng si vì tình? Phong-độ như Hà, tài-mạo như Hà, phường quẻ-môn ai thấy chẳng xiêu lòng, làng chi-phấn ai trông không ngáy dạ; phương-chỉ nhà sương vừa buổi xuân xanh, cầm lòng sao dễ, sử-nữ đương tuần hóa nở, bầm chi tự-do... Vậy bảo Hà giết hai người cũng phải, bảo hai người giết Hà cũng phải, mà bảo Hà tự giết Hà cũng phải nữa.

Những là lấy thác trả tình,
Trước kia sao để cho tình thác oan.

Vi xưa chẳng đặt bức màn,
Bây giờ chi đến thác oan cả mình!

Ấy, câu chuyện có thể mà Từ-quân không xét lý, chỉ tự-tình, làm ra bộ Tuyết-Hồng như khóc, như than, như ai, như oán, như con ve gáy tuyết, như cái nhận kêu sầu, khiến người đọc đến nát ruột tan gan, muôn bi nghìn cảm, thích-thích bên lòng, tưởng-tượng đến người trong truyện như một bức truyền-thần trước mắt. Than ôi! Lê-Ảnh chết rồi, Quân-Thiến chết rồi, Mộng-Hà cũng chết rồi, Trâm-Á còn làm sống lại nữa mà chi?

TỪ RẰNG :

(điệu Phá-lê-trận)

Muôn kiếp xót người mệnh bạc,
Ngàn thu trái tấm gan vàng.

Non-nước chưa thề,

Sắt-cầm chưa hợp,

Tơ mảnh sao đã vấn-vương?

Si-tình chi mấy ai ai hỏi,

Ma-chươngny xây nên ngục đoạn-trường.

Tâm-sự nghĩ mà thương!

Minh-phượng NGUYỄN NHƯ-CƯƠNG

Vân Kiều vấn-đáp

— Chị-Kiều ơi ! đêm khuya khắc vợ canh tàn, chị còn vẫn thở dài than chi nữa mà.

Thời, chẳng qua là cơn gia-biến nó xui ra, cho nên đến nỗi cửa nhà mới phải tan-hoang.

Nói ra càng sâu-thẳm muôn vàn, nào ai có thấu cái nỗi oan cho mình.

Cảm ơn sâu mà chị đã quyết tình, thời cũng liều phận bạc với ngày xanh cho nó rồi.

Gạt sầu chị hãy gượng làm vui, cho khuấy nổi tâm cho nguôi cơn phiền.

Cớ chi mà chị trần-trọc không yên, tơ tình hay đã vướng nguyên chi đây ?

— Thúy-Vân ơi ! Chị bảo em này khổ tình ly-biệt chị những đắng-cay trong lòng.

Chị hồ sinh ra phận má hồng, ngọc đầu eái quả-kiếp chị chịu long-đong thế này.

Chị vướng tơ duyên lòng thỏn-thức đây, nỗi chàng Kim với chị, chị chẳng khuấy chút nào.

Chị chót đã nguyên ước với thâm-giao, chút tình riêng ấy chị biết làm sao bây giờ.

Vi dăm máy che nên bóng ông trăng mờ, vì bằng phẳng-lặng đến chi cơ-hội này.

Bởi vì dẫu xui nên vạ gió tai bay, khách hàng tơ nó vu thác cho thầy chốn cửa công.

Vậy cho nên chị phải đeo bông, bán mình chị chuộc lấy công sinh-thành.

Nỗi-niềm riêng chị còn bối rối ở bên mình, hỏi em, em có khứng tình, chị sẽ xin thưa.

Chị nghĩ thân liễu yếu đào tơ, hiếu-tình không lẽ bây giờ chị cậy ai.

Ngày xuân em hãy còn dài, chị cậy em gánh vác hai vai cho chị cùng.

Này đôi thoa vàng với lá thư hồng, là của chàng Kim ghi nghĩa tương-đồng từ xưa.

Em có thuận thì vật ấy chị xin đưa, giao loan chấp mối tơ thừa chị cậy em.

Đêm khuya vừng quế giãi thêm, chị cậy em, em phải báo đền cho lang-quân.

Kéo nữa rằng bội nghĩa vong ân, mà sau hồ với quỷ-thần lắm thay !

Chị nghĩ nguồn-cơn thâm-thiết đắng-cay, xối tình máu-mủ em chớ khuấy nghĩa chàng.

Chị nói ra e xấu-hổ muôn vàn, chị trọn niềm chữ hiếu để nhờ-nhàng mối tơ xưa.

— Chị Kiều ơi ! khoan-khoan ! lời chị đề em xin thưa, nỗi nhà cơn cơ-biến lúc mẹ cha khổ-tình.

Ơn trên minh-xử sự thanh, thì làm chi đến nỗi chị một mình chịu riêng oan.

Chẳng qua là cơ trời dẫu bề da-đoan, thôi thì duyên chị chu toàn đã có em.

Em nguyện xin công báo nghĩa đền, có sai thời Hậu-thổ Hoàng - thiên chứng cùng.

— Thúy-Vân ơi ! được thế thì chị cũng hả tấm lòng, tình kia hiếu nợ chị cũng cậy trông em từ rày,

Em ngồi lên chị nói nốt cho em hay, trăm nghìn chị gửi một lay này để tạ chàng Kim.

Cùng là máu chảy ruột mềm, nghĩa chàng em phải báo đền, em chớ khuấy.

Chị cậy em trura sớm-đỡ thay, thông-huyền bóng hạc trên mây cao vời.

Chị dặn em có bấy nhiêu lời, dẫu sao sau em chớ bỏ dờn nghĩa chị đi.

Em ở làm sao cho khỏi tiếng bất-nghĩ, tam-tông từ-đức sớm khuya cùng chàng.

Chị dù thịt nát xương tan, tuyền-đài chị cũng đã cam tắc niềm.

Mấy lời chị phân-giải cùng em, mình-tâm khắc-cốt, em chớ quên nữa mà.

Chị ngại-ngùng dăm thẳm đường xa, bơ-vơ đất khách bước chân ra từ rày.

Chị dặn đi dặn lại em đây, ơn sâu em phải nhớ nghĩa đây em chớ quên.

Khuyên em ở sao cho tình hiếu vẹn
tuyền, bên trời góc bể chị cũng yên tâm
lòng.

Thôi, còn chi nữa mà mong, đời người
như thế là xong một đời!

Kim-lang ơi! từ đây chàng ngược
thiếp xuôi, biết bao giờ lại nổi lời nước
non.

Lạy trời phù-hộ vương tròn, trăm
năm gửi tấm lòng son cùng chàng.

Ồi Kim-lang! hỡi Kim-lang! thôi thôi
thiếp lỗi muôn vàn từ đây.

Chẳng cùng nhau xum-hạp kiếp này,
nguyên xin kiếp khác thiếp sẽ vầy mối tơ
xưa!

Lan-dình TRẦN VĂN-THANH

1. Điệu ru con trai

Ơi ơi!

Nín đi! con hỡi, con hời!
Mai sau khôn lớn theo đời người ta.

Tấm thân vì nước vì nhà,
Một là đặc-hiểu, hai là đặc-trung.

Ơi ơi!

Nín đi! con hỡi, con hời!
Con nên nghe kỹ những lời mẹ khuyên.

Sách đèn học tập nên chuyên,
Sao cho danh-tiếng lưu-truyền sử xanh.

Ơi ơi!

Nín đi! con hỡi, con hời!
Đùng như những giống chơi-bời hư
[thần.

Đã là một kẻ quốc-dân,
Con nên chung góp một phần công-lao.

Ơi ơi!

Nín đi! con hỡi, con hời,
Ông cha ta vốn là người có công.

Gây nên mầm Lạc chồi Hồng,
Nghĩ sao báo-đáp tổ-tông sau này.

2. Điệu ru con gái

Ơi ơi!

Nín đi! con hỡi, con hời!
Mai sau khôn lớn theo đời người ta.

Khi còn ở với mẹ cha,
Phải chăm giữ lấy nếp nhà tuyết-băng.

Ơi ơi!

Nín đi! con hỡi, con hời!
Không nên bắt-chước thói đời kiêu-ngoa.

Đến khi nghi-thất nghi-gia,
Theo chồng con phải thờ cha mẹ chồng.

Ơi ơi!

Nín đi! con hỡi, con hời!
Con nên nghe kỹ những lời mẹ khuyên

Xưa nay những bậc thùyên-quyên,
Giữ-gìn hai chữ chính-chuyên làm đầu.

Những loài trên Bộc trong Dâu,
Dâu rằng tài-sắc ai cầu mà chi.

3. — Tặng bạn bút nghiên

Phi túc-trái,

Cũng tiền-duyên,

Gấp-gờ xui nên bạn bút nghiên.

Miệt-mài nơi hàn-mặc,

Vui-thú chốn Đào-nguyên.

Đỉnh núi ngâm-nga thơ mấy cuốn,
Dòng sông say tỉnh rượu lưng thùyên.

Tục không phải tục,

Tiền chẳng phải tiền.

Giảm pho sách cũ, một ấm chè chuyên,
Đặt-đều nhau vào một thú riêng.

Người diêm-đạm

Vẻ thiên-nhiên,

Đôi lứa như ta là hiếm có,
Chút tình ghi tạc với sơn-xuyên.

NGUYỄN TRẾ-NỨC

THỜ I - ĐÀ M

Việc thế-giới

Tình-hình chính-trị ngoại-giao trong thế-giới. — Trong khoảng tháng 8 tây các nước cũng vẫn lo-lắng về sự điều-đinh các vấn-đề lớn từ khi chiến-tranh đến giờ, thứ nhất là hai vấn-đề bảo-an và trái-khoản. Về phần Chính-phủ Pháp thời hình như đã tìm được cái đường lối giải-quyết cho ổn-thỏa. Tự hội-nghị *Cannes* năm 1922, ngoại-giao nước Pháp cứ lúng-túng mãi không tiến được bước nào mà có lẽ lại quần-quanh đi lùi lại. Nhờ cách khôn-khéo của Chính-phủ ngày nay, cái tình-hình bây giờ lại được phục-hồi như về trước năm 1922; thế kẻ cũng là may mà lợi cho nước Pháp nữa. — Cuối tháng 8 ông ngoại-vụ **BRIAND** và ông tài-chính **CAILLAUX** sang nước Anh thương-thuyết, kết quả được thêm cái tình thân-thiện với Chính-phủ Anh, dự bị được sự điều-đinh với Đức sau này và định lại phân-minh cái vấn-đề trái-khoản. Thuộc về vấn-đề này thời nước Tỉ và nước Mĩ hai bên đã điều-đinh xong và đã ký hiệp-ước rồi. Thế là về mặt đó vấn-đề trái-khoản đã giải-quyết xong. Mới được có thế nhưng đương khi thế-giới làm việc này, xong được việc nào hay việc đó.

Vấn-đề bảo-an. — Ngày 20 tháng bảy chính-phủ Đức gửi quốc-thư cho Đồng-minh nói sẵn lòng thương-thuyết điều-đinh dễ cùng với nước Anh nước Pháp nước Tỉ lập một cái hiệp-ước bảo-an, nhưng trong việc điều-đinh Đức phải được đứng hẳn - đặng với các nước kia. Lại đối với hòa-ước và đối với hội vạn-quốc, chính-phủ Đức có tỏ ý hoài-nghi, dường như không muốn công-nhận như vậy. Dầu không muốn nói rõ ra, nhưng

xem cái ý ngầm là thế. Nhận được thư ấy, ngoại-tướng Pháp liền sang Anh thương-lương với ngoại-tướng Anh, rồi hai bên đồng-ý nhau trả lời cho chính-phủ Đức, nói rõ-ràng về mấy khoản sau này: Các hòa-ước đã ký không thể nào thay đổi được một tí gì; nước Đức có muốn vào hội Vạn-quốc (mà tất phải vào thì cuộc hòa-bình của Âu-châu mới vững vàng được, thì phải theo lệ thường như các nước, thừa-nhận các trách-nhiệm nghĩa-vụ, chứ không được đặc-cách gì. Trong thư trả lời lại nói rằng hai bên có thực bụng muốn điều-đinh thời phải điều-đinh ngay, chứ không nên thư đi thư lại cho phiền nữa. — Như thế thì tất phải đặt hội nghị mà điều-đinh rồi hai bên cùng nhau ký ước. Nay nước Đức ra hội-nghị thì sẽ thế nào? Không thể đoán trước được. Nhưng chắc là Chính-phủ Đức sẽ hết sức chống lại với nước Pháp, hết sức thoái-thác không chịu nhận trách-nhiệm, dầu không công-nhiên nhưng ngầm-ngấm, các nhà ngoại-giao Pháp phải cẩn-thận lắm mới được. Song cái tình-hình kinh-tế nước Đức ngày nay đương có ý nguy-hiêm, chắc Đức sẽ xử nhữn chứ không dám khăng-khăng như trước nữa. Tuy vậy dân Đức có cái tính nhẫn-nại vô-cùng, cái chí kháng-cự có tạm nhụt nhưng không mất hẳn được, và Pháp dầu có cách đàn-áp đến thế nào cũng không làm cho mất hẳn được, như thế thì chính-phủ Pháp chắc không dám dùng cách đàn-áp, chỉ đủ làm cho thêm lòng công-phẫn của Đức mà thôi, và sẽ lấy cái thái-độ ôn-hòa mà cùng Đức điều-đinh mọi việc. Còn bề trong thì vẫn phải dự-bị đề-đề-phòng sự bất kỳ. — Còn về

phần nước Anh thì hiện nay trong nước nhiều chuyện bối-rối, ra hội-nghị cũng không được thành-thời mà hết sức giúp Pháp được. Và lại Anh ngày nay sợ nhất là chỉ sợ sự vận-dộng của đảng cộng-sản Nga, cho nên về phần Anh cái dã-tâm là chỉ muốn rộng dung cho Đức để Đức khỏi quá-cùng mà xoay ra kết-liên với Nga, thế mà thôi. — Đến như nước Ý thời cũng chỉ sợ Áo sáp-nhập với Đức mà thôi. Vấn-đề đó chưa cấp-bách lắm, thời Ý cũng chẳng thiết gì đến việc Pháp Đức, mà có lẽ lại nhân hội-nghị này thừa-cơ kiếm lợi cũng có.

Vấn-đề trái-khoản. — Trên kia đã nói rằng thuộc về nước Mỹ và nước Tỉ thì vấn-đề ấy đã giải quyết xong. Nhưng hai chính-phủ cũng thương-thuyết mãi trong bao nhiêu lâu mới xong. Tỉ chỉ muốn xin Mỹ giảm bớt cho các khoản nợ, nhưng mà Mỹ không chịu, chỉ chịu phân-biệt số nợ trước khi đình-chiến là 171 triệu đồng bạc thì không lấy lãi, mà số nợ sau khi đình-chiến là 246 triệu đồng bạc, thì sau năm thứ mười phải trả lãi mỗi năm là ba phân rưỡi, và hai khoản nợ đó đều phải chia ra trả trong 62 năm cho hết. — Về phần nước Pháp đối với nước Anh thời ông tài-chính Pháp CAILLAUX đã sang tận Anh để thương-thuyết về trái-khoản. Anh thì đòi Pháp mỗi năm phải trả 20 triệu *livres*, Pháp thì xin trả 10 triệu, Anh chịu bớt xuống 14 triệu, rồi lại xuống 12 triệu rưỡi, nhưng hai bên vẫn chưa điều-đinh xong, vì Pháp xin rằng hệ Đức có thi-hành được hoàn-toàn cái chương-trình DAWES và trả các tiền bồi-khoản cho Pháp được đều-dẫn, thời Pháp mới sẽ liệu mà trang-trải các nợ Đồng-minh được. Và lại phần nợ to nhất là đối với nước Mỹ, chưa biết nước Mỹ chịu chằm-chước ra thế nào. — Ông CAILLAUX ở Anh về, liền sang Mỹ để thương-thuyết, nhưng mà thương-thuyết cũng không xong. Thế là hiện nay vấn-đề nợ Đồng-minh của nước Pháp

vẫn chưa giải-quyết xong, không biết rồi sau này thế nào. Ấy cũng là một điều khó-khẩn cho nước Pháp và cho chung cả thế giới nữa.

Việc Ma-lặc-kha. — Còn một điều khó-khẩn nữa là việc Ma-lặc-kha. Tuy quân Pháp đương giao-chiến với ABD EL-KRIM đã dôi thế thủ ra thế công, tấn-tới hơn mấy tháng trước nhiều, nhưng mà việc chiến-tranh vẫn còn nhùng-nhằng chưa biết đến bao giờ xong. Quân Tây-ban-nha cũng đã hiệp-lực với quân Pháp, nhưng mà vẫn chưa có công-hiệu gì. ABD EL-KRIM thì cố đòi cho xứ *Rif* được hoàn-toàn độc-lập, thành một nước hãn-hoi, được Vạn-quốc công-nhận. Pháp thì nhất-định không chịu như thế, nói rằng ở Ma-lặc-kha chỉ có một nước thuộc quyền bảo-hộ của Pháp, không thể đặt thêm một nước độc-lập ở cạnh được, thế là trái với quốc-tế-diều-ước. Đối với việc Ma-lặc-kha này các báo nước Anh nước Ý bình-phẩm nhiều lắm, tỏ ra không có cảm-tình với Pháp. Và ngay trong nước Pháp cũng có một phái ác-cảm về việc chiến-tranh ở Ma-lặc-kha, cho là hao-bình tổn-tương vô-ích, miễn là giữ được cho yên phần bờ cõi Ma-lặc-kha thuộc Pháp thì thôi, còn ở ngoài ai muốn làm gì mặc-cớ chỉ phải can-thiệp vào. Nhưng phái đó là số ít, còn chính-phủ Pháp thời muốn trị cho được ABD EL-KRIM mới nghe.

Việc Syrie. — Việc Ma-lặc-kha chưa xong, lại xảy ra việc Syrie. Syrie là một miếng đất ở Tiểu-Á-tế-á, nước Pháp được ủy-quyền của hội Vạn-quốc cai-trị. Người dân ở đấy thuộc về nhiều giống, thường vẫn bất-hòa với nhau, nước Pháp đặt một quan đại-tướng làm tổng-thống, từ trước đến giờ tuy thỉnh-thoảng cũng có cái loạn nhỏ, nhưng dẹp yên ngay, và đại-đề trong xứ vẫn được bình-yên. Mới đây có rợ *Djebel-Druses* ở về sơn-phận, xưa nay vẫn có tiếng là một dân hung-hãn, nổi

lên phản-đối nước Pháp. Quan tổng-đốc phái quân đi đánh, quân bị vây trong hơn một tháng trời không đánh gỡ ra được, mà quân *Druses* thời tràn mãi xuống gần đến thành *Damas* là một nơi đô-thị lớn ở đất *Syrie*. Bấy giờ tình-thế đã nguy-cấp lắm, chính-phủ Pháp phải đem quân cứu-viện sang rất nhiều mới đánh giải được cho toán quân bị vây, nhưng vẫn chưa dẹp được yên trong cõi. Có kẻ nói trong việc loạn này có tay người Nga và cả người Anh ám trợ nữa. Người Nga thì đã cố nhiên rồi, cái chữ nghĩa của nước Nga bây giờ là muốn phá đổ thể-lực của các cường-quốc Tây-phương, nên phàm đâu xảy ra sự gì có hại đến cái thể-lực ấy đều có tay người Nga ở trong cả; nhưng nói đến người Anh thì cũng lấy làm lạ. Song phải biết rằng ở đất *Tiêu-Á-tế-á*, Pháp với Anh xưa nay vẫn tranh-dành ngầm nhau; Pháp được ủy-nhiệm cai-trị đất *Syrie*, thì Anh cũng được ủy-nhiệm đất *Palestine*, hai bên giáp-giới nhau, vẫn thường sinh ra lắm sự xung-đột. Cũng có lẽ trong việc loạn này có tay người

Anh nữa, không phải là chính chính-phủ Anh, nhưng là những tay vận-dộng riêng của bọn nhà buôn Anh hay là của bọn quan-lại Anh ở *Palestine* nữa cũng không biết.

Việc nội-chính nước Pháp. — Về việc nội-chính thì từ trước vẫn trông nội-các *PAINLEVÉ* được vững-vang lắm. Không ngờ việc thương-thuyết về trái-khoản với nước Anh và nước *Mĩ* không xong, lại thêm cái chương-trình chính-đốn tài-chính của ông *CAILLAUX* không được đăng-ơ-số ở Nghị-viện hoạn-giải, khiến cho nội-các phải từ chức. Nhưng nội-các chuyển này từ-chức cũng chỉ vì một vấn-đề tài-chính mà thôi, cho nên tuy vì lẽ liên-dải-trách-nhiệm cả nội-các phải từ-chức, nhưng kỳ-thực là chỉ chủ có một mình ông tài-chính *CAILLAUX*, chính ông ở trong nội-các thường cũng nhiều khi không đồng-ý với các ông đồng-sự ở các bộ khác. Vậy nội-các từ chức rồi, thời lại ông thủ-tướng *PAINLEVÉ* ra tổ-chức nội-các khác. Ông thừa dịp thay đổi mấy ông bộ-trưởng mới. Tòa nội-các mới đã thành lập ngày 30 tháng mười như sau đây:

Tổng-ly nội-các kiêm bộ Tài-chính xuất-nạp (<i>Trésor</i>)	ông <i>PAINLEVÉ</i>
Tổng-trưởng bộ Tài-chính dự-toán (<i>Budget</i>)	— <i>BONNET</i>
— Tư-pháp	— <i>CHAUTEMPS</i>
— Ngoại-vụ	— <i>BRIAND</i>
— Nội-vụ	— <i>SCHRAMMECK</i>
— Lục-quân	— <i>DALADIER</i>
— Hải-quân	— <i>BOREL</i>
— Công-chính	— <i>DE MONZIE</i>
— Học-chính	— <i>DELBOS</i>
— Nông-chính	— <i>DURAND</i>
— Thương-chính	— <i>DANIEL VINCENT</i>
— Thuộc-địa	— <i>LÉON FERRIER</i>
— Lương cấp cho các thương-binh	— <i>ANTERIOU</i>
— Lao động	— <i>DURAFOUR</i>

Trong Nội-các lại có mấy ông thứ-trưởng như sau:

Thứ-trưởng giúp việc riêng cho quan Tổng-ly Nội-các ông *BERTHOD*
 coi về việc các địa-hạt bị tàn-phá khi chiến-tranh *JAMMY SCHMITZ*

Thứ-trưởng coi về việc tàu bay	ông LAURENT EYNAC
— coi về việc học chuyên-môn	— BENAZET
— coi về các tàu buôn	— DANIELOU
— coi về việc dụng binh khi chiến tranh	— OSSOLA.
Ủy-viên coi về việc nhà cửa cho thuê (<i>loyer</i>)	— LEVASSEUR.

Nội-các cả Tổng-trưởng cả Thứ-trưởng có 21 ông, thời 4 ông thượng-nghị-viên đều thuộc về các đảng tả cả, còn 17 ông hạ-nghị-viên cũng thuộc về các đảng tả mà chia ra như sau : Bốn ông thuộc về đảng cộng-hòa xã-hội và xã-hội; mười ông thuộc về đảng cấp-tiến và cấp-liên xã-hội; ba ông thuộc về cấp-tiến-tả-đảng.

Bộ Thuộc-địa thời ở Nội-các trước là ông ANDRÉ HESSE, ở Nội-các mới này thì đổi là ông LÉON PERRIER. Ông thuộc về đảng cấp-tiến xã-hội, vừa làm một nhà chính-trị lại vừa làm một nhà bác-học, chuyên-trị về động-vật-học, có làm nhiều sách về các giống chim giống cá, về nông-nghiệp, v. v. . . Ông cũng là một tay mẫn-cán ở Nghị-viện; trong khóa từ năm 1914 cho đến năm 1919 một tay ông đã dự-thảo về đệ-trình 33 tờ báo-cáo cùng luật-án. Ông có chân Hạ-nghị-viện từ năm 1910, đại-biểu cho thành *Grenoble*; năm 1920 ông vào Thượng-nghị-viện, đại-biểu cho quận *Isère*.

Trong Nội-các có hai bộ trọng-yếu, là bộ ngoại-vụ thì vẫn ông BRIAND giữ như trước, còn bộ tài-chính thì chia ra làm đôi: một bộ xuất-nạp, ông thủ-tướng PAINLEVÉ kiêm-lĩnh, thì coi về công-khố xuất-nhập; một bộ dự-toán ông BONNET đứng đầu thời coi về việc dự-toán chi-thu. Còn bộ lục-quân cũng quan-hệ thời ông DALADIER coi, ông trước đã giữ bộ thuộc-địa trong nội-các HERRIOT.

Có người nói tòa Nội-các mới này cũng không vững được chỉ vì một vấn-đề tài-chính, khó giải-quyết cho xong. Tài-chính nước Pháp bây giờ đương quân bách quá. Đảng xã-hội thì muốn đánh thuế những người có của, gọi là « thuế tư-bản » (*impôt sur le capital*), Nội-các cũng có ý muốn theo, nhưng mà lại sợ bọn tư-bản trong nước phản-đối, cho nên cứ do-dự trừ-trừ chưa biết quyết-định ra thế nào. Ông CAILLAUX trước cũng chỉ vì không ưng đặt « thuế tư-bản », mà không tìm được cách gì chỉnh-đốn tài-chính, nên nội-các trước mới phải đổ. Chẳng hay nội-các này xử ra làm sao. (1)

Việc nước Tàu. — Việc nước Tàu gần đây cũng êm-êm. Chính-phủ Bắc-kinh có phái người đi điều-đình với các tướng xem chừng cũng có kết-quả, vì thấy các mặt bình-tĩnh cả, song cũng chưa chắc đâu. Ông nhiếp-chính Đoàn năm ngoái lên cầm quyền hẹn đến độ rày năm nay điều-đình xong các việc, nay kỳ hạn đã tới rồi, mà các việc đại-sự thuộc về chính-thê, thuộc về hiến-pháp vẫn chưa giải-quyết xong, có đảng muốn thừa-cơ phản-đối, xin Ngô Bội-Phu ra chủ-trương. Nhưng Ngô từ ngày thất-bại đến giờ vẫn ẩn-nhân một chỗ, chưa chịu xuất đầu lộ diện; có lẽ còn chờ cơ-hội tốt chăng?

Về mặt Quảng-đông thì vẫn rối bết. Chính-phủ Quảng-đông bây giờ thì công-nhiên về đảng cộng-sản. Các

(1) Nội-các PAINLEVÉ thứ hai này được một tháng, lại mới bị đổ, ông BRIAND tở-chức Nội-các mới, ông PAINLEVÉ thời giữ bộ Lục-quân, còn bộ Thuộc-địa vẫn ông LÉON PERRIER.

đảng khác không chịu theo phái cộng-sản, thời hiệp cả lại với Trần Quỳnh-Minh để dự-bị đi đánh Quảng-đông. Chính-phủ Bắc-kinh cũng truyền cho quân Giang-tây và Phúc-kiến giúp Trần. Nhưng đánh nhau chuyển này tất kịch-liệt, vì chính-phủ Quảng-đông cũng có quân-đội chính-bị lắm, mà binh-khí đạn dược thời đã có Nga cấp-trợ cho. — Nhân chính-phủ Bắc-kinh công-nhiên giúp Trần Quỳnh-Minh để đánh Quảng-đông, nên chính-phủ Quảng-đông trước đã định sai phái-bộ lên Bắc-kinh để điều-đinh về việc Sa-diện, nay lại thôi. Chính-phủ Quảng-đông định sai phái-bộ như thế, là có cái mưu ngầm muốn nhất-cử lưỡng-tiện : Một là muốn đỡ thừa cái trách nhiệm việc Sa-diện cho Bắc-kinh, hai là nhân thể gián-tiếp cho Bắc-kinh phải thừa-nhận mình. Nhưng nay sự-thế như thế thì cái mưu ấy hỏng mất.

Hội-nghị quan-thuế sắp họp ở Bắc-kinh để giải-quyết vấn-đề thuế thương-chính. Về vấn-đề này cũng có hai phái : phái Phùng Ngọc-Trường thời muốn yêu - cầu cho nước Tàu được hoàn-toàn độc-lập về đường quan-thuế, nghĩa là muốn tùy ý định thuế thương-chính cho đỡ hàng các nước thế nào cũng được, liệt-cường không được can-thiệp vào. Thuyết này thì Liệt-cường khó lòng thừa-nhận. Cũng bởi thế nên phái Đoàn nhiếp-chính muốn bề ngoài yêu-cầu độc-lập, mà bề trong châm-chước với Liệt-cường cho được việc. Còn về phần đảng quốc - dân sợ rằng hội-nghị bàn xong việc thời tất cái thế-lực của lâm-thời chính-phủ được củng-cố thêm, nên công-nhiên phản-đối phá đám cho hỏng hết cả. Chưa biết kết-cục ra thế nào.

Lịch-sử Đoàn Kỳ-Thụy. — Đoàn Kỳ-Thụy cũng là một nhân-vật lão-thành có quan-hệ với dân-quốc Trung-

hoa, hiện nay chấp-chính ở Bắc-kinh, đứng về cái địa-vị điều-hòa các phái, tuy quyền rom và đá, nhưng cũng là người có thanh-vọng, có phách-lực, đem thân ra chống-chế với phong-trào lịch-sử ông, quốc-dân ta cũng nên biết qua.

Ông tiêu tự là Chi-toàn, người tỉnh An-huy huyện Hợp-phi, nguyên là dòng dõi quân-nhân, có tính thông-minh và cương-ng nghị từ thuở nhỏ ; lớn lên vào học trường Bắc-dương Võ-bị. Cuộc Bắc-dương quân-vụ, sáng-khởi tự đời Lý Hồng-Chương, sau kế nhiệm là Viên Thế-Khải, nhân-tài ở Trung-hoa về phía bắc-phương sau này, cơ-hồ toàn là do phía Bắc-dương quân-đội sản ra cả. Trường Bắc-dương Võ-bị bấy giờ, có hai người học-sinh nổi tiếng là giỏi, khôi-tốt cả bằng-bối, một là Vương Sĩ-Trần, hai là Đoàn Kỳ-Thụy, đời đã gọi là Đoàn-hồ Vương-long. Khi ấy, trong thế-giới lục-quân có danh tiếng nhất là nước Đức, Thanh-dinh rất lấy làm hâm-mộ, có đặc phái một người thuộc về phái Hoàng-tộc là Ấm-Xương một người thuộc về Bắc-dương là Đoàn Kỳ-Thụy, sang tân nước Đức vào trường Võ-bị luyện-tập lục-quân. Ông ở nước Đức học-tập ít lâu, hồ-hấp được cái không-giới ở hải-ngoại, học-thức đại-tiến, tư-tưởng nhật-tân, thường có chí-khí hăng-hái về chấn-hung cho tổ-quốc ; tốt-nghiệp rồi về, được thụ-nhiệm làm chức giáo-luyện Bắc-dương tân-quân.

Cuộc Bắc-dương tân-quân sáng-biến ra ở sau hồi Trung Nhật giao-chiến, hồi ấy Thanh-dinh lấy làm đại-nhục, cho nên hết lòng về sự huấn-luyện tân-quân. Cuộc ấy thiết-lập ra ở chỗ Thiên-tân Đại-cổ chi-gian, người kiến-nghị sáng-biến và tổng-kỳ đại-thành là Viên Thế-Khải, người huấn-luyện quân-lữ thì là họ Đoàn. Vì bấy giờ cái người phong-phú về quân-sự học thức, thì Đoàn kể là đệ-nhất, mà Đoàn lại là

người trầm-nghĩ mẫn cán, Viên Thế-Khải lấy làm tin lắm cho nên việc tân-quân, giáo-luyện nhất-thiết ủy cho; rồi bọn tướng-lá ở Bắc-dương, quá nửa là môn-sinh họ Đoàn. Sau này họ Đoàn có cái thanh-vọng, cái thế-lực khuyh-dảo được Thanh-đình chính-phủ, tán-trợ được Dân-quốc cộng-hòa, tóa-chiết được đế-chế họ Viên, quả-quyết được sự tham-dự cuộc Âu-chiến với thế-giới cũng là vì đó.

Họ Đoàn về hồi Quang-tự mặt-niên, đã từng làm chức đề-đốc ở phía bắc tỉnh Giang-tô, chỗ ấy là chỗ ách-yếu sông Tráng-giang, mà trực-tiếp với Nam-kinh; Thanh-đình lập đại-doanh ở đó, đề-khống-chế nam-bắc; viên Đề-đốc ấy có quan-hệ lắm, không như viên đề-đốc khác. Khi ông toa-trấn ở Giang-bắc, ông hô-hấp được cái không-khí cách-mệnh ở nam-phương, quân ông lại thường được chịu cái giáo-dục ông, nên bộ-hạ ông đều có cách-mệnh tu-tướng. Duy ông là người trầm-tĩnh, chưa ai biết chỉ ông xu-hướng thế nào. Kịp đến lúc Lê Nguyên-Hồng khởi ở Vũ-xương, phía nam sông Tráng-giang cách-mệnh-quân khởi lên như điều. Khi ấy Thanh-đình khởi-phục Viên Thế-Khải làm tổng-lý đại-thần, Viên thì ở Bắc-kinh, kiêm chức đốc-quân thảo cách-mệnh. Quân có hai đạo đại-quân. Đệ-nhất-quân thì Phùng Quốc-Chương làm thống-tướng, chuyên mặt Hán-khâu. Đệ-nhi-quân thì Đoàn làm thống-tướng, chuyên mặt Giang-bắc. Phùng thì đốt phá Hán-khâu, thu-phục Hán-dương, giết quân cách-mệnh, thăm-dọc vô-cùng. Đoàn thì chỉ án-binh bất-động có ý không muốn giao-chiến với dân-quân. Bấy giờ Tôn tổng-thống thì mới thiết-lập làm-thời chính-phủ ở Nam-kinh, mà Lê Đò-đốc ở Vũ-xương đương hãm ở trong vòng nguy-hiểm. Bắc-kinh thì cái khi-diêm bọn hoàng-tộc còn hung-hăng lắm, mà Viên Thế-Khải đương hãm

ở trong vòng đố-ky hiểm-nghi. Cái thái-độ các liệt-cường đối với Trung-hoa bấy giờ, tình-thế lại càng ngấp-ngập lắm. Họ Đoàn bấy giờ mới phẩn-phát quật-khởi, liên-hợp hai mươi bốn người đại-sứ trong phái quân-nhân, tán-thành chủ-nghĩa cộng-hòa; diện lên Thanh-đình, báo thật mọi đường lợi-hại; trình-thỉnh với vua Tuyên-thống mau mau thoái-vị tuyên-bố cộng-hòa, đề-kết-định đại-cục. Lại đưa thư cảnh-cáo riêng cho bọn hoàng-tộc rằng các thân-vương nếu còn hoài-nghi, thì Kỳ-Thụy này tức-khắc liên-hợp quần-sứ, đem toàn đội vào kinh, đề-cùng với các thân-vương bày tỏ lợi-hại. Phái hoàng-tộc bấy giờ mới kinh-hãi thất-thố, không dám hung-hăng nữa; việc nội-các nhất-thiết phải ủy cho Viên Thế-Khải, họ Viên bấy giờ mới có quyền, vua Tuyên-thống bấy giờ mới thoái-vị. Bắc-kinh thì phái họ Đường làm đại-biểu, Nam-kinh thì phái họ Ngũ làm đại-biểu, ra nghị-hòa ở Thượng-hải, cuộc nam-bắc thống-nhất bấy giờ mới thành.

Họ Đoàn với họ Viên thật là người bạn cũ tâm-giao với nhau trong hai mươi năm; họ Viên sở-dĩ dập-dò được Thanh-đình, chiếm được ngôi tổng-thống của dân-quốc, đều là nhờ cái sức họ Đoàn làm vây-cánh cho cả. Thế mà nhất-dán quyết-liệt, sự quyết-liệt ấy là tại họ Viên, sẽ biết Viên Thế-Khải là người bất-nghĩa, mà lại là người ngu. Khi họ Viên mới làm tổng-thống, thì họ Đoàn nhiệm lục-quân-bộ, binh sự nhất-thiết ủy cho họ Đoàn, họ Đoàn cũng hết lòng với họ Viên; cái thế-lực họ Viên bấy giờ, đã kể là vững chân như vậy. Hồi đệ-nhi cách-mệnh, ông Hoàng Hưng phải thất-bại, cũng là công họ Đoàn ở trong mưu-mó quyết-thắng được nhiều việc lắm. Kịp đến lúc họ Viên manh-tâm đế-chế, có một người là Nguyễn Trung-Khu thừa-gián vào khuyên-dỗ họ Đoàn, người ấy hoặc-giả là cha con họ Viên

sai sử; họ Đoàn nghiêm-chính nét mặt gât đi mà mắng liền, người ấy không dám nói nữa, lui về bảo Khắc-Định, Khắc-Định mới bảo với cha. Từ đấy họ Viên đối với họ Đoàn mới sinh ra đại-ác-cảm, chỉ nghĩ sao có cái kế để trừ khử họ Đoàn. Kỳ-thủy sai họ Đoàn ra thay chân họ Lê làm đô-đốc Vũ-xương để cất quyền lục-quân; liền lại sai họ Đoàn về Hà-nam dẹp giặc Bạch-lang, để cất quyền đô-đốc. Bạch-lang là một đám giặc cỏ, giao cho một ít quân đi dẹp, đó là thực-hành cái thủ-đoạn đuổi họ Đoàn, mà họ Đoàn vẫn ở cái địa-vị giam-cầm ở trong tay. Các đốc-quân ở mọi nơi thấy thế ai nấy đều ngã lòng; biết họ Viên là người hữu thủy vô chung, đối với họ Viên, chỉ dám oán-giận mà chưa dám nói ra đấy mà thôi. Sau quả-nhiên khi đế-chế thực-hiện, nam-phương cách-mệnh-đảng là cừ-thù với họ Viên phản-đối trước, mà bắc-phương quân-phiệt là tâm-phúc với họ Viên cũng liền phản-đối sau, Viên Thế-Khải bấy giờ mới hăm về cái địa-vị trăm cái tên trở vào một cái đích vậy.

Họ Đoàn là người rất phong-phú về cái tâm tự-tín, điều gì lấy làm phải, thì tất làm cho được quán-triệt mới thôi, điều gì lấy làm không phải, thì dầu uy-vũ đến thế nào, cũng không có thể nếm được. Ông vì có cái sức tự-tín ấy, mà mình được đại-nghĩa, quyết được đại-sự. Nhưng cũng là vì cái sức tự-tín ấy, mà bại mất đại-cục, hoại mất đại-danh. Nhưng lại là vì cái sức tự-tín ấy, mà phần-nhiên làm hi-sinh cho cuộc đời, nghị-nhiên làm trụ-thạch cho nam bắc.

Họ Viên khi đế-chế đã thất-bại, lại cố mời một người lão-thành là Từ Thế-Xương, với một người cố-nhân là ông ra, để vấn-hỏi lấy đại-cục. Họ Viên khi ốm nặng, lại tay viết di-thư, việc nhà thì ủy cho Từ-lão, việc nước thì ủy cho ông, vì ông là người có thanh-vọng trong quân-phiệt; ông lại ra làm quốc-vụ

tổng-lý, tổ-chức nội-các, gọi là trách-nhiệm-nội-các. Bấy giờ họ Lê mới làm tổng-thống, kỳ-thủy họ Đoàn cũng hết sức giúp họ Lê. Họ Lê tuy làm tổng-thống, nhưng thể-lực thì yếu, mà bọn đế-đảng ở Bắc-kinh thì còn muốn thừa-cơ xướng-loạn, nhân-tâm dao-động. Họ Đoàn bấy giờ nhất-diệp phải quản đi mọi nơi hết sức đàn-áp; nhất-diệp ủng-hộ cho họ Lê, để tuyên-thệ hiến-pháp. Bọn đế-đảng phải nín hơi, cuộc Dân-quốc được trùng-chỉnh, cũng là công ông.

Chỉ tiếc thay họ Lê với họ Đoàn hai người tính nết khác nhau quá, tựa như nước với lửa, không thể cùng ở với nhau được. Sự này xem ra thì sự nói sự phải, vãi nói vãi hay; nhưng rút lại thì cũng là tại anh tại ả, tại cả đôi bên. Họ Lê thì nhất-vị trung-hậu, mà tính lại hay nghe kẻ dưới, phạm sự thì nhân-nhu, kẻ tiểu-nhân ở cạnh mình phần nhiều đặc-chí; đời đã có câu rằng tư-cách họ Lê là tư-cách quân-nhân, tính-nết họ Lê là tính-nết đàn-bà. Họ Đoàn thì nhất-vị cương-ngạnh, phạm sự hay quả-quyết, mà có ý tự-chuyên; lại hay hết sức che-chở cho những người đảng-phái của mình riêng. Bấy giờ có viên nội-vụ trưởng là Tôn Hồng-Y là người thân-tín với họ Lê, viên lục-quân thứ-trưởng là Từ Thụ-Tranh là môn-sinh họ Đoàn, hai người đứng về hai phương-diện, bề trong thì hết sức gièm-pha, bề ngoài thì hết lời nói xấu, thành ra tổng-thống-phủ với nội-các hai bên ngập-ngập hung-hung, có cơ xung-đột. Từ Thế-Xương bấy giờ đã nhân-tán, ra ở Thiên-tân, lại phải vào kinh làm kế điều-hòa. Từ lấy chính-lý trách hai ông rằng: « Đoàn Chi-toàn, ông là người tự-tín thái-quá. Lê Hoàng-bi, tá hữu ông rất những kẻ phi-nhân »; rồi liền miễn chức Tôn Hồng-Y với Từ Thụ-Tranh đi, cho khỏi sự xung-đột. Nhưng lạ gì tính-nết đã thiên, ác-cảm đã thâm, cho nên cái cảm-tình của hai

ông, cũng khó mà khôi-phục lại được. Kê xem lịch-sử dân-quốc Trung-hoa đến đây ai mà không phải chán ngán? Họ Lê là một người xướng nghĩa ở nam-phương, họ Đoàn là một người tiên-tiến trong quân-phiệt, hai ông đều là nam-bắc qui-tâm, đều có thanh-vọng, đều có địa-vị cả, mà như thế. Xét ra cũng không phải là sở tranh nhau về cái chủ-nghĩa gì, chẳng qua cái tình-nết thủy-hỏa đấy thôi. Qu ốc-sự Trung-hoa hồi ấy thế nào, cũng không phải hỏi chi nữa. Sẽ biết hai ông đều chưa phải là hạng kiến-quốc vĩ-nhân. So với các vĩ-nhân bên Âu-Mĩ thì chẳng kể. Nhưng mà hăng thử so ngay với các vĩ-nhân trong lịch-sử Trung-hoa trước kia, như Liêm-Pha với Lạn-Trương. Như nước Triệu, Khấu Tuân với Giả-Phục nhà Đông-Hán, Chư-Cát Lượng với Pháp-Hiếu-Trực nhà Hậu-Hán, Vương Đán với Khấu Chuân nhà Bắc-Tống, Tăng Quốc-Phiên với Tả Tôn-Đường nhà Tiền-Thanh, trước kia thế nào? mà ngày nay thế nào?

Thửa họ Viên cầm quyền, đương mơ-màng ở trong dĩ-mộng, thì Trung-hoa đối với cuộc Âu-chiến, chỉ là tuyên-bổ trung-lập. Kịp sau này họ Đoàn vào tổng-lý nội các, mới dùng cái mưu của Lương Khải-Siêu, trình-thỉnh Lê Tông-thống, đối với nước Đức nước Áo tuyệt-giao. dự-bị về việc tham-chiến. Họ Lê thì nghe những lời bàn của kẻ tả-hữu, không chuẩn-y lời thỉnh của họ Đoàn; rồi kẻ tả hữu họ Lê gia công phản-đối riết lắm. Họ Lê với họ Đoàn nhân sự ngoại-giao đó, đôi bên mới đại-khởi xung-dột. Họ Đoàn giận lắm, đã vùng dậy bỏ Bắc-kinh mà đi ra Thiên-tân. May có Phùng Quốc-Chương ngăn lại, Đoàn mới lại về kinh chủ-trương sự tham-chiến, cưỡng-bách nghị-hội, đưa tờ thông-cáo; nghị-hội cũng đều tỏ ý phản-đối; kẻ tả hữu họ Lê thì phách họ Lê đuổi họ Đoàn đi; họ Đoàn lại càng lấy làm giận lắm. Lại gì tình

họ Đoàn xưa này, đã lấy làm phải, thì làm lấv cho kỳ quán-triệt mới thôi. Khi Đoàn đem cái án tham-chiến ra chỗ nghị-hội, thì Đoàn xui bảo những bọn công-dân thỉnh-nguyên-đoàn đến vây nghị-viện. Các nghị-viện tuy bị cưỡng-bách, nhưng vẫn khăng-khăng quyết-nghị rằng sự tham-chiến ấy hăng nên thông-thả. Họ Đoàn liền thông-diện cho các tỉnh đốc-quân-đoàn, xướng lên cái nghị giải-tán quốc-hội. Họ Lê bấy giờ không thể sao nhịn được nữa, mới vùng dậy bãi chức nội-các họ Đoàn đi, mà cho người khác thay vào. Họ Đoàn tức-khắc đi ra Thiên-tân thông-diện cho các tỉnh. Các tỉnh đốc-quân về miền bắc tiếp điện họ Đoàn, phần nhiều tuyên-bổ độc-lập, thanh-ngôn ủng-hộ cho nội-các họ Đoàn, công-cử một người minh-chủ là Trương-Huân kéo quân lên Bắc-kinh. Sẽ biết họ Đoàn đối với thời-cực vẫn là người trọng-yếu; khi nhắc chân, có quan-hệ về hình thế nặng nhẹ.

Ngờ đâu lại đột-nhiên xảy ra sự phục-tích. Trương Huân khi vào kinh, dùng binh-lực giải-tán được quốc-hội liền đón vua Tuyên-thống lên, thực hành ngay sự phục-tích đó, chính hợp về chủ-nghĩa bảo-hoàng của Khang Hữu-Vi, nên chi Khang cũng phụ-họa vào, muốn cho chủ-nghĩa của mình được thực-hiện. Đoàn bấy giờ đã là người tại-dã, không can-dự với cuộc đời; mà Trương lại là kẻ cố-nhân trong phái quân-phiệt với Đoàn. Nhưng Đoàn cũng không vì thế mà đổi lòng xưa, nghe thấy sự phục-tích, tức-khắc đề-huê với Lương Khải-Siêu, đi vào chỗ quân-doanh của Trần Quang-Viễn, kịp điện cho các tỉnh đốc-quân, nhất-tề phản-đối sự phục-tích. Rồi Đoàn liền tổ-chức thảo-nghịch quân, tự-xưng là thảo-nghịch-quân tổng-tư-lệnh; Phùng tổng-thống ở Nam-kinh, cũng điện đi mọi nơi, đề nhất-tề theo Đoàn-quân đi thảo-nghịch. Thảo-nghịch-quân tiến đánh và Bắc-

kinh. Trương Huân biết sự thế hỏng, trốn chạy vào nhà công-sứ Hà-lân. Phùng tông-thống mới lên Bắc-kinh, họ Đoàn lại vào tổ-chức Nội-các, chính-phủ dân-quốc lại thành-lập. Sẽ biết họ Đoàn thật là một người thuần-túy về phương-diện cộng-hòa. Nếu khi ấy họ Đoàn còn đem lòng quan-vọng, mà các phái Bắc-dương quân-phiệt hoặc có kẻ chán ngán cục diện dân-quốc, mà quay về chủ-nghĩa Khang Hữu-Vi, thì cái sóng phục-tích có lẽ còn to lên bội-phần.

Đoàn tự khi có cái công đánh được Trương Huân, lại lên Bắc-kinh tổ-chức nội-các, thì sự tham-chiến với Âu-châu, làm được thẳng tay, không ai ngăn-trở nữa. Nhưng tình-thế trong nước còn đương nát như tương, sự tham-chiến chẳng qua là hữu danh vô-thực. Tuy có vay tiền Nhật-bản, biên-chế ra quân-đội, gọi là tham-chiến quân, nhưng cái ý-tứ, để đối-nội thì phần nhiều, chứ đối-ngoại thì là mấy. Song cũng vì có cái danh-nghĩa tham-chiến ấy, cho nên về sau cuộc hội-ngị ở Hoa-thịnh-đốn, Trung-hoa được nghiêm-nhiên là một cường-quốc sánh vai với nước Anh, nước Mỹ, nước Pháp, nước Nhật, quyền-lợi Thái-bình-dương, Trung-hoa cũng được tham-dự quân-bình; mà liệt-cường lại có lòng bênh-vực cho Trung-hoa, nước khác không ăn hiếp nổi, mà đất Giao-châu lại được thuộc về đất mình. Nếu khi ấy không có họ Đoàn, thì Trung-hoa chưa tất có cuộc tham-chiến; Trung-hoa không có cuộc tham-chiến, thì cuộc Thái-bình-dương của thế-giới, chưa tất đã có nước Trung-hoa. Công họ Đoàn cũng đáng ghi, mà nghị-lực họ Đoàn cũng đáng kính.

Đoàn vào Nội-các lần thứ hai, thì Phùng Quốc-Trương làm tông-thống. Đoàn với Phùng nguyên cùng là một phái Bắc-dương-quân-phiệt với nhau, ngoài mặt tuy đề-huê, nhưng trong lòng thì ghen-ghét. Vì Phùng là người không ưa thích lối đa-sự, mà tài-đức lại đều

kém Đoàn, Đoàn vẫn có ý kính. Chính-phủ Bắc-kinh bấy giờ đối với các tỉnh độc-lập ở miền nam, Phùng thì chủ-trương điều-hòa, Đoàn thì chủ-trương vũ-lực. Chẳng may công-việc lữ-binh-nam của Đoàn lại lúng-lúng thất-bại, do cũng là cái âm-muru của Phùng xui-siêu các tướng, khiến đứng hết sức, để khuynh-đảo Đoàn. Rồi đảng Phùng tức là đảng Trục có lắm kẻ phản-đối Đoàn. Đoàn nghĩ bụng không lấy làm tự-an, mới từ-chức nội-các.

Đoàn tuy lia nội-các, nhưng lại làm một chức trọng yếu ở kinh-sư, là chức đốc-biên tham-chiến-cục, biên-chế huấn-luyện tham-chiến-quân. Họ Đoàn khi ấy hết sức về cuộc tham-chiến-quân cũng có nhiều ý-tứ. Một là huấn-luyện lấy một cách quân cho tinh, để đối với nam-phương, thực-hành cái chủ-nghĩa vũ-lực thống-nhất. Hai là tự-tạo lấy một cái thế-lực cho mạnh, để đối-phó với các đảng. Còn về phần đối với Âu-chiến, thì chẳng qua là lựa gió phất cờ đẩy thôi. Sau bèn Âu-châu đình-chiến thì tham-chiến-quân đổi ra làm biên-phòng-quân, nhưng cái nội-dung thì vẫn thế. Cuộc ấy kinh-phi cũng khá to tiền, ông đã là tay không, mà kho tàng của chính-phủ cũng rỗng tuếch; phải vay một món tiền to của Nhật-bản, đem về hưng-biên; đó cũng là tiền nhắm mắt đưa chân, bán hùm buôi hổ mà vay liều vay lĩnh đẩy thôi. Lại vì vay nên nợ đỡ nên ơn, nên chi đối với người Nhật phải có ý chiều. Vì thế đảng phản-đối ông nhao-nhao trách ông là mãi-quốc, là mị-ngoại, mà quốc-dân cũng có lắm kẻ không bằng lòng.

Lại một sự chướng-ngại cho tai mắt quốc-dân nhất, là ông tổ-chức ra cái An-phúc-câu lạc-bộ, tính-chất bộ ấy là kết hợp lấy đảng mình, để đối-dịch với đảng Trục, mà nghiêm-nhiên chiếm-cứ lấy Bắc-kinh làm sào-huyệt Bắc-kinh chính-sự hồi ấy, cơ-hở ở trong tay ông trong ý ông. Trong

đảng ông phần nhiều là những người cậy-tài, cậy công kiêu-căng xa-xỉ, mà hung-hăng nhất là Từ Thụ-Tranh, quốc-dân coi người ấy đã tựa cái danh ở trước mắt chỉ muốn nhờ đi, mà ông vẫn nhất-thiết che-chở tin dùng. Bấy giờ Từ Thế-Xương làm tổng-thống, Từ với ông cùng là phái tiên-tiến, nguyên vẫn có cảm-tình, nhưng thấy ông cử-động hành-vi, Từ cũng lấy làm chán quá.

Bấy giờ trong Trục-đảng có một người danh-tướng mới nổi lên là Ngô Bội-Phu, Ngô nguyên là phái nhà nho, không phải là phái Bắc-dương quân-phiệt, cho nên đối với ông không có quan-hệ, không có cảm-tình gì cả. Ngô tự khi xuất-hiện trong quân-giới ít lâu, đánh đâu được đấy; đối với hải-nội, đã là người có uy-danh, làm cho thế-lực Trục-đảng một ngày một bành-trướng ra ở nam bắc cõi Tráng-giang. Hồi Bắc-kinh chính-phủ đối với nam-phương chủ-chiến, thì Ngô có công to, toàn-tỉnh Hồ-nam, đã là sức Ngô Chi-phối. Kịp chính-phủ đặt chức đốc-quân ở Hồ-nam, thì Đoàn lại vận-động cho người đảng mình là Trương Kinh-Nghiên làm đốc-quân, Ngô chỉ được đóng quân ở Hành-dương làm chức phòng-ngữ mà thôi. Từ đấy Ngô đối với Đoàn mới có đại-ác-cảm, mà Đoàn cũng hết sức khuyh-đảo cái thế-lực của Tào, Ngô.

Tào Côn bấy giờ làm Trục-lệ đốc-quân kiêm Sơn-đông Hà-nam tuần-duyet sứ, làm một người linh-tụ Trục-đảng. Ngô cũng hết lòng giúp Tào, sự hành-động trong Trục-quân, cơ-hồ Ngô làm chủ-động-lực. Đoàn ở Bắc-kinh từ quân chính cho đến tài-chính đều tự do hành-động; Bắc-kinh chính-phủ tựa như một bộ người gỗ của Đoàn; kể trong người ngoài ai nấy đối với Đoàn đều có lòng ác-cảm. Ngô Bội-Phu ở Hành-dương lại là sức chỉ trích Đoàn,

cũng tự-do triệt quân-phòng ngữ Hành-dương tiến lên phía bắc tỉnh Hà-nam, đóng ở Trịnh-châu. Đó là hai cái thần tự-do dần-dần bức cận xung-đột nhau. Chứ chính-phủ Trung-hoa thật là một cái chính-phủ người gỗ, chỉ tùy cái thần tự-do nọ hoặc cái thần tự-do kia nó giạt máy mà quay như con chong-chóng dấy mà thôi. Trung-hoa tự khi có cuộc dân-quốc đến giờ, đại-khải-đền là cuộc ấy cả, cũng khá ngán thay.

Đoàn thấy Ngô cử-động, chỉ Ngô là kẻ phá-hoại kỷ-cương; liền cưỡng-bách chính-phủ phải hạ lệnh cách Ngô Bội-Phu nã giải về Bắc-kinh trị tội, lại xin cách cả chức anh em Tào Côn nữa. Trong chính-phủ, ai cũng biết là sự không nên, nhưng không ai nói gì cả. Chỉ có Khương Quế-Đề, nói thật với Đoàn rằng chính-phủ không đủ sức cách được chức họ, trị được tội họ. Nhưng Đoàn thì cứ khăng-khăng một mực rằng Kỷ-lụy này xin nhận lấy trách-nhiệm. Đoàn lại cưỡng-bách chính-phủ phải hạ lệnh đi đánh Tào, Ngô. Từ tổng-thống biết là sự nguy-hiểm, chỉ hết sức điều-hòa, chứ không nghe lời Đoàn. Đoàn thì cứ tự-do chủ-trương, chính-phủ không nghe cũng mặc chính-phủ. Rồi mới sinh ra một cái tai vạ lớn về sự Trục-Quân chiến-tranh.

Ngô cũng là người ghê gớm, quân Ngô là quân bách-chiến, huấn-luyện tinh-cường, mà Ngô lại khéo bố-chí; chỉ nổi đạn-được thì ít ỏi, mà quân-số cũng không nhiều bằng quân Đoàn; Đoàn-quân thường nói Ngô quân bất túc-úy. Đoàn-quân thì đạn-được nhiều lắm, súng lớn súng nhỏ đều súng tốt cả, thuận là mua tự xưởng chế-tạo có danh tiếng ở Nhật-bản đem về, mà lại có tàu bay nữa. Chỉ nổi quân là quân mới luyện, chưa kinh chiến-trận bao giờ, mà tướng sĩ cũng ly-tâm, tuy có theo Đoàn, nhưng vẫn cho sự này là

sự náo-dộng vô-lý, chinh-thảo vô-danh, ít kẻ chịu hết sức. Khi giao-chiến, thì Đoàn tự-xưng là Định-quốc-quân tổng-tư-lệnh, Ngô tự-xưng là Thảo-ngịch-quân tổng-tư-lệnh, đánh nhau ở miền Lưu-li-hà phụ-cận Bắc-kinh. Định quốc-quân đại-bại. Thảo-ngịch-quân toàn-thắng. Tự lúc khai-chiến, đến lúc kết-cục, chỉ trong năm ba ngày, mà đồng tiền to vay của Nhật-bản đem về năm nọ, cũng theo cái khói thuốc súng mà toàn-số bay về bể đông.

Đoàn tuy là người cương - quyết, nhưng cũng là người biết hồi-quá. Khi Đoàn ở Đoàn hà đốc-chiến, biết sự-thế hỏng, liền đưa điện cho các tỉnh đốc-quân, kê hết tội mình, tự-nguyện đình-chiến. Lại kịp chạy về Bắc-kinh, cũng kê hết tội mình, tự-thỉnh giải-chức, khẩn-cầu với chính-phủ duy-trì lấy đại-cục, khiến cho Bắc-kinh toàn-thành khỏi cái tai-nạn binh-đao. Đoàn tự khi giải-chức về chốn viên-lâm, đứng về phương-diện nhân-tản; trong mấy năm trời, chỉ ngày-ngày cùng với tân-khách đánh cờ làm vui, không nói đến việc quân nữa. Ấy chính là : « Thanh-sơn tự tiểu đầu trương hạc, xương-hải thủy tri ngã diệp âu. Thôi thôi đừng nghĩ truyện đầu đầu, tui vũ-tru mặc sau này em gánh vác. » Đòi cũng có kẻ khen Đoàn, là người biết tiến biết thoái, có Phạm Lãi di-phong.

Ngô tuy thắng Đoàn, nhưng về sau vẫn có ý biểu-thị tôn Đoàn. Sẽ biết Đoàn khi tại-triều khi tại-dã thế nào mặc dầu, nhưng đối với các phương-diện trong nước Tàu, vẫn là người có quan-hệ. Được mấy năm sau, trong nước Tàu lại xảy ra cuộc đại-chiến vừa rồi, là do Trục-dăng với Phụng-dăng hai phương tuyệt-dại thế-lực xung - đột nhau Phụng - dâng Trương Tác-Lâm đại-thắng. Trục-dăng Ngô Bội-Phu đại-bại. Phùng Ngọc-Tường đập đổ được thế-lực Tào Côn, chiếm-cứ Bắc-kinh; thời-cục nước Tàu

lại biến ra một cuộc mới. Khi ấy cái tư-cách thích-hợp với các phương-diện để làm kẻ đứng đầu cho nước Trung-hoa, thì trừ Đoàn chi ngoại, không ai hơn nữa. Mới do họ Trương họ Phùng đồng ý suy-tôn họ Đoàn làm lâm-thời chấp-chính, gọi là chấp-chính chính-phủ, mà các phương-diện cũng đều biểu-dồng-tình. Ông tuy chữa do quốc-hội bầu-cử chính-thức làm tổng-thống. Nhưng ông cũng đã kê là một tay chèo-lái có can-đảm, dẫu chiếc thuyền lớn ở giữa chỗ nước soáy, con gông vừa mới tạnh, làn sóng đương rập - rênh.

Cái chính-sách chấp-chính của ông, là cốt về cái chính-sách thiện-hậu hội-nghị. Cái tinh-chất thiện-hậu hội-nghị là do ông mời những người có giá-trị trong các đảng các phái lên Bắc-kinh, đồng-tâm hiệp-lực, để sửa-sang lấy việc nước cho thỏa-thiện về sau này. Hay đâu nội-dung trong nước Tàu, vẫn cốt ở phái thực-lực. Mà các phái thực-lực thì người nào người ấy đều chỉ chăm-chăm khuếch-xung lấy thế-lực của mình, phạm sự đều không đồng-y nhau, ông nói gà bà nói vịt. Cho nên cuộc thiện-hậu đã đến sáu bảy lần hội-nghị tốn-phi bao nhiêu thư-diện, bao nhiêu miệng lưỡi, bao nhiêu thì giờ, mà cũng không nên được sự gì cả. Trong các phái thực-lực, sự gì muốn đặc-chỉ thì yêu-cầu ông, sự gì thất-vọng thì lại chỉ-chích ông, ông thật là cái chạch trong rổ cua, cái chính-phủ chấp-chính của ông cũng chưa lấy gì làm vững-trãi. Duy ông cũng là người có thanh-vọng, cho nên duy-trì thời-cục mới được tạm yên. Hiện nay ông ở Bắc-kinh, chỉ đêm ngày ngập-ngập có hai điều. Một điều là hết sức ngăn-ngừa cho Trương với Phùng, một đảng ở đông-bắc, một đảng ở tây-bắc, hai phương khỏi xung-đột nhau. Hai điều là hết sức khuyến-nhủ các tỉnh ở miền Tráng-giang đoạn-tuyệt quan-hệ với Ngô Bội-Phu, để khỏi

sinh ra cái chính-phủ thứ hai nữa xuất-hiện. Song hai điều đó chẳng qua là duy-tri được ngày nào hay ngày ấy mà thôi, chứ cái thế-lực ông cùng là cái tài-tri ông, chữa tất đã vĩnh-viễn chủ-trương được hai điều đó. Mà cái tấn trò dân-quốc ở Trung-hoa sau này, có lẽ còn xảy ra có lắm sự ghê-gớm lạ-lùng, nay hăng chỉ biết rằng ông cũng là một kẻ đứng đầu trò đấy mà thôi. Thứ giả cũng nên buồn-tênh cho ông, mà ghê-sợ cho ông vậy.

Nói tóm lại, cái lịch-sử ông, về phần quang-vinh thì không bằng Tôn với Lê, về phần hách-dịch thì không bằng Viên, về phần thung-dung thì không bằng Từ,

về phần thực-lực bàn kết ở các địa-phương thì không bằng Tào với Ngô năm nọ, Trương với Phùng ngày nay. Nhưng xét ra, trăm-nghị nhất là ông, quả-đoán nhất là ông, nhục-nhẫn nhất là ông, biết hồi-quá nhất là ông, mà dai-dẳng nhất cũng là ông, lịch-sử ông cũng ít người biết xét đến. Cái thân ông tự hồi Tiên-thanh năm nọ, cho đến hồi dân-quốc ngày nay, khoảng hai ba mươi năm, lúc nào cũng có quan-hệ với thời-cực Trung-hoa, xem lịch-sử ông cũng tức là xem lịch-sử Trung-hoa, thì nhân-vật ông cũng là một hạng nhân-vật đáng nghiên-cứ đáng phê-bàn.

Việc trong nước

Hoàng-đế Khải-dịnh thăng-hà. — Hoàng-đế Khải-dịnh tự khi đi Tây về thu bệnh, bệnh-tình càng ngày càng nặng, 5 giờ sáng ngày 21 tháng chín ta tức là 6 *Novembre* ngài đã thăng-hà.

Được tin ấy quốc-dân đều có lòng cảm-khích, vì theo cái lý-tưởng cũ của nước ta, vua là biểu-hiệu cho nước, tôn-quân tức là ái-quốc. Vậy cái tang này tức là tang chung cho cả nước ta.

Nay Tiên-đế đã khuất núi, chúng ta cũng không nên nghị-luận về sự-nghiệp ngài trong mười năm trị vì thế nào. Sự-nghiệp ấy hay hay dở sẽ thuộc về thanh-sử đời sau phán-đoán. Vả thời-thế thay đổi, vận nước suy-vi, ấy là tư-cách như tiên-đế, chứ giá vào bậc anh-quân minh-chúa khác, tài-tri kiêm-toàn đến đâu đi nữa, thời cũng đến thế mà thôi. Vậy phẩm-bình nghị-luận cũng vô-ích.

Duy Tiên-đế đã băng, cái chính-thể quân-chủ ở nước Nam ta sẽ ra thế nào? Sự kế-tự bây giờ thì không có khó-khăn gì, về ngôi Đông-cung đã sẵn có, chỉ việc tôn Đông-cung lên vì Hoàng-đế,

không có trở-ngại gì. Tự-quân còn là ấu-chúa thời sẽ đặt phủ Phụ-chính để giúp việc. Nhưng mà đối với chính-thể quân-chủ, dư-luận trong nước gần đây xem ra không hoan-nghênh lắm, có người yêu-cầu với chính-phủ Bảo-hộ xin bãi quân-chủ và theo về lối dân-chủ cộng-hòa như quý-quốc; lại nhiều người trách quân-chủ và Triều-đình Huế đã làm chậm trễ sự tiến-hóa của dân ta, thứ nhất là xứ Trung-kỳ. Ấy dư-luận thời như thế, nhưng việc là việc hệ-trọng, về phần Chính-phủ Bảo-hộ cũng không thể khinh-suất được. Nước Pháp có điều-ước với nước Nam, điều-ước ấy đâu không thi-hành được hoàn-toàn, nhưng tới nay cũng vẫn còn là hiệu-lực. Hai bên giao kèo với nhau, không có lẽ một bên lại tự-tiện bãi bỏ bên kia đi được. Nói rằng lòng dân muốn như thế, nhưng mà lòng dân lấy gì làm bằng-cứ, phải có một cái đoàn-thể nào có tư-cách thay mặt cho dân tuyên bố cái ý dân ra một cách chính-dáng, thời kẻ cầm quyền mới có thể châm-chước mà lựa theo được. Đoàn-thể ấy, nước ta thật chưa

có. Cho nên cái chế-độ đại-biểu chưa sắp-đặt được chỉnh-đốn, thời chưa có thể nói chuyện thay đổi chính-thể được.

Song hiện nay tuy chính-thể quân-chủ chưa đổi, mà nhân hoàng-đế Khải-định thăng-hà, chính-phủ Bảo-hộ đã cùng với phủ Phụ-chính ký một tờ hiệp-ước ngay ngày 6 *Novembre*, theo tờ hiệp-ước ấy thì ngôi quân-chủ sau này chỉ còn cái vị tôn-nghiêm mà không còn có cái quyền thực tế. Ấy cũng là một cách tạm-thời giải-quyết cái vấn-đề quân-chủ vậy.

Ông Đông-cung du-học ở bên Pháp đã được công-nhận làm Tự-quân, được tin Tiên-đế băng, liền xuống tàu về nước. Tự-quân năm nay mới mười ba tuổi, viện Cơ-mật đặt làm phủ Phụ-chính có mời cụ Văn minh tri-sĩ Tôn-thất Hân dự g đầu,

Sau này xin dâng tờ hiệu-dụ và lời hiệp-ước của Nam-triều ký với (Chính-phủ Bảo-hộ, (theo bản dịch ở Huế).

— Lời hiệu-dụ rằng :

« Sau khi Đức Khải-Định Hoàng-đế đã thăng-hà, thời Chánh-phủ đã công-nhận đức Đông-cung Điện-hạ làm Đại-nam Hoàng-đế.

« Hai Chánh-phủ chiếu theo trình-độ tiến-hóa của dân An-Nam và thể theo sở-ước thuộc về sự được tham-dự vào việc công cho càng thêm thiết-thực, vậy đã thương-thỏa định ra một hiến pháp mới đặng định về sự hai bên đối-phó với nhau.

« Theo hiến-pháp ấy, thời phạm bản bạc những vấn-đề lớn có quan-thiết đến nước Nam, cũng cho nhân-dân Đại-biểu-viện được tham-nghị, mà những chánh-lệnh Nhà-nước bản định cũng cho Viện ấy được can dự một cách mật-thiết hơn, rồi quan Khâm-sứ đại-thần sẽ cùng Cơ-mật-viện thương-thỏa để công-bố thi hành.

« Ở Bắc-kỳ khoản ấy cũng đã bắt đầu thi hành rồi, thể lệ Bắc-kỳ bảo-hộ Chánh-phủ với Nam-triều giao-thiệp

hiện bây giờ không thay đổi gì cả.»

Lời hiệu-dụ ban bố ngày 8 *Novembre*, có quan Toàn-quyền MONGUILLON và các quan Phụ-chánh ký.

— Lời hiệp-ước như sau này :

« Nhân thấy sự tấn-hóa của các nước văn-minh ;

« Nhân thấy cái hiện tình kinh-tế và xã-hội nước Nam, buộc phải sửa đổi lại chánh-sách Bảo-hộ ;

« Nhân thấy vì việc phiền-phức quá, mà đức Hoàng-đế không thể mỗi ngày mỗi thân làm quốc-chính, mà lại vừa lo việc thiên-chức thứ nhất của ngài, là việc phụng-tự Tôn-miếu Xã-tắc, nước có trật-tự và được thái-bình, cũng nhờ ở đó, nên chỉ tôn-chỉ đã có nói ở trong đạo chỉ-dụ ngày 3 *juin* 1886, là ngày 2 tháng 5 năm Đông-khánh nguyên-niên ;

« Nhân nay Hoàng-đế hãy còn xung-âu :

« Nhân nay lợi-quyền của nước Pháp và của nước Nam, đã liên-lạc mật-thiết với nhau, đôi bên cùng bác-đỡ lẫn cho nhau, thế thì phạm sự nay cần phải biểu đồng-y-kiến, mà đồng hành-vi, thì việc trị-an cơ-bỏ mới tận-thiện được ;

« Nhân thấy ngày nay hành-chánh mọi việc cần phải làm cho mau chóng, mà quyền chủ-trương cần phải mở rộng ra ;

« Nhân thấy cái quan-niệm của đấng Quân-chủ trị nước, và cái lòng thần-dân sở-nguyện, để duy-trì lấy cương-thường luân-lý là cái khuôn phép vua tôi đối-đãi với nhau, và nhân-dân giao-tế cùng nhau, vả lại cứ theo qui-tắc kiến-quốc nước Nam, và tuân-phụng lễ-chế trong nước, thì đấng quân-chủ vắng mệnh Trời, dấy vận nước, nhưng mà đặc-mệnh cho các quan Thượng-thư thay việc trị dân ;

« Nay các đại-diện Nam-triều, có tên ký dưới đây, phụng mệnh đức Hoàng-đế ;

« Với quan Toàn-quyền Đông-Pháp, phụng - mệnh Pháp-dinh, hoặc quan Khâm-sứ đại-biểu cho ngài, khi ngài không có đó, cùng lập điều-ước như sau này :

« *Điều thứ nhất.* — Chỉ những lệ định gì có thuộc về điển-lễ hoặc có quan đến những chế-độ kiến-quốc của bản-triều thì phụng chỉ-dụ của đức Hoàng-đế mà tuân-hành. Những việc ân-thích ân-xả, cùng tặng-phong, và việc phong-sắc cho các vị thần các làng ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ, thì thông-quyền về đức Hoàng-đế tài-định. Việc ban cấp huý-chương, tứ thưởng điện - hàm, bao-phong cung-hàm và ngũ tước cho thần-thứ thì do đức Hoàng-đế chiếu theo điều thứ 5 trong đạo chỉ-dụ ngày 7 *juin* 1923 là ngày 23 tháng tư năm Khải-dịnh thứ tám, mà tài định.

« Còn những việc khác thuộc về hình-hiến, tư-pháp, trị-an trong nước, với việc xếp đặt các công-vụ, việc lựa chọn và bổ-dụng Nam-quan đường thuộc thì do các quan đại-biểu nhà nước Bảo-hộ ký nghị-định thi-hành. Duy ở Trung-kỳ thì quan Khâm-sứ đại-thần sẽ thương-đồng với các quan Bộ-trưởng đại-thần, mà tất phải có ý-kiến của các vị đại-thần ấy, sau mới ký nghị thi-hành.

« Nhưng vì trình-độ văn-minh trong nước bây giờ, Nam-triều nghĩ đã nên cho dân chúng dự vào một phần trong việc chánh-trị nên Hoàng-đế đặc-mệnh cho quan Khâm-sứ, bất-cứ về việc gì nên cải-cách, thì cứ bàn với hội-đồng Tham - nghị Trung - kỳ, ý hợp rồi thì ký nghị-định thi-hành.

« Rồi đó lần-lần cho dân được quyền dự bàn đến việc nước một cách mật-thiết hơn nữa.

« Những nghị-định của các quan đại-biểu nhà nước Bảo-hộ, của vị nào ký thì sẽ thi-hành riêng trong hạt vị ấy cai-trị.

« Việc bổ-dụng và cách-triệt các Bộ-trưởng đại-thần, thì do đức Hoàng-đế tài-định, nhưng trước phải thương-đồng ý - hiệp với quan Trung - kỳ Khâm-sứ đại-thần, và phải có quan Toàn-quyền đại-thần nghị y mới hiệp.

« *Điều thứ hai.* — Các khoản chi tiêu về Nam-triều văn võ chánh-trị chủ sự-vụ, thời sẽ sát-nhập vào dự-toán ngân-sách của Trung-kỳ bảo-hộ.

« Còn tiền Tấn-nội, với bổng-hương Hoàng - phái, tiền chi-tiêu về việc điển-lễ và chi-tiêu về các tôn-lăng, miếu điện, thời sẽ lập thành một ngân-sách riêng để Đức Hoàng-đế chi dụng; ngân-sách ấy sẽ do quan Thượng-thư Hộ-bộ quản-lý.

« *Điều thứ ba.* — Hội-đồng các quan Bộ-trưởng đại-thần thời do quan Trung-kỳ Khâm-sứ đại-thần chủ tọa, như quan Khâm - sứ đi vắng, hoặc có bận việc gì, thì ngài phải cử quan tới đại-biểu.

« *Điều thứ tư.* — Tờ điều-ước này bắt đầu thi-hành từ ngày ký tên xong.

« Tại Huế, ngày 6 *Novembre* 1925,

« Ký tên : Đông-Pháp Tổng-thống Toàn-quyền Đại-thần : MONGUILLOT.

Phụ-chánh thân thân : Tôn - Thất Hân,
Tôn-nhân phủ đại-thần : Tôn-Thất Trám,
Phụ-chính-phủ đại-thần : Nguyễn Hữu-Bài
Hồ Đắc-Trung,
Võ Liêm,
Trần Đình-Bách,
Phạm Văn-Thụ,
Ng : Đăng-Tâm »

(*Bản dịch ở Huế*)

Làm sao nước Nam ta tiến-hóa chậm ? — Nhân xét về vấn-đề làm sao nước Nam tiến hóa chậm, không những chậm kém các nước văn-minh Âu-Mĩ mà lại chậm kém cả nước Xiêm la ở láng giềng, báo *Eveil Economique* có bình-phẩm về Triều-dinh Huế mấy

câu như sau này, quốc - dân ta cũng nên biết mà ngẫm-ngẫm :

« Người An-Nam nói rằng giá không có nước Pháp sang xâm - chiếm thì nước Nam tiến-hóa cũng mau bằng nước Xiêm, nói thế là lầm to, và tỏ ra rằng không hiểu việc nước Xiêm mà cũng không thuộc việc nước mình.

« Văn-minh người Xiêm khác hẳn văn-minh người An-Nam, mà điều này không phải là không quan-hệ. Văn-minh người Xiêm là thuộc Ấn-độ và thuộc đạo Phật ; văn-minh An-Nam là thuộc nước Tàu và thuộc đạo I-hần. Một bên thì chịu ảnh-hưởng cái thuyết linh-hồn của triết-học Ấn-độ và có một cái lý-tưởng rất cao, gần giống như đạo I-hiên-chúa ; một bên thì là cái triết-ly thấp-hẹp và cái luân-ly tầm-thường của ông Khổng. Nhưng mà hai nước khác nhau là bởi cái cách chính-trị ; ở nước Xiêm cũng là cái chính-thể quân-chủ chuyên-chế như nước Nam, nhưng mà trong khoảng một trăm năm được luôn năm ông vua kế-tiếp nhau, toàn là những nhân-vật lỗi-lạc cả, hết sức cải-cách trong nước, thái-thai văn-minh nước ngoài cho theo kịp với phong-trào đời nay. Ở nước Nam thời sau vua Gia-long là người đã hiểu thời-thế và biết đường chính mà đi, còn thời kế-tiếp nhau mà làm vua toàn là những nhân-vật tầm-thường, chỉ biết kiêu-căng tự-đắc, khinh cái văn-minh của Thái-Tây không thèm biết đến, chẳng qua là một lũ bù-nhìn ở trong tay một bọn đàn bà già cùng một bọn quan-lại tham - tàn hủ-lậu, tự giam mình vào trong những cái điển-lễ cũ-rích hay là mơ màng và sùng-thượng một lối tử-văn của ngoại-quốc.

« Người An-Nam mà cứ theo một đường như thế mãi thì có văn-minh cũng đến suy đồi ; nhưng có lẽ chưa kịp suy-đồi hẳn mà các nước láng giềng ha là nước ngoài nào đó tất đến

mà bắt nô-lệ khiến cho nước Nam cũng thành một « đại cường - quốc » giống như Đài-loan hay Zanzibar vậy.

« So-sánh năm ông vua Xiêm mờ rùi với các vua An-Nam trong khoảng ấy thời không khác gì như so-sánh cái dựa cây dương mọc với cái gốc cây đã ửi-mục mà thành rêu mốc. Vua nước Nam chỉ biết trối mình vào trong cổ-lễ, học một cái văn-chương vô-dụng quanh mình những quần-thần toàn là một phường hủ-nho cả, bao nhiêu thì-giờ chỉ dùng để ngâm hoa vịnh nguyệt, để xây lấy nhà mồ trước phòng đến khi chết đi, hay để bác-tước kẻ dân đen ; ấy vua nước Nam thì thế mà vua nước Xiêm kia thời tự mình thông-hiểu các ngữ-ngôn khoa-học của Thái-Tây, thường đi du-lich các nước, lại biết khéo dùng những người Tây tài giỏi để làm cố-vấn, mà chung quanh mình, ở ngay trong Hoàng-tộc, con, em, chú, cháu, toàn là những người đã đi du-học Thái-Tây về cả, có tài giúp việc cho vua được hết. Các vị đại-thần ở Huế, trừ được một vài người như ông Thân Trọng-Huê thì lại không được tin-dụng, còn toàn là một lũ phỗng-dá làm vì cả, bọn ấy mà đem sánh với những người như các ông thân - vương nước Xiêm DAMRONG, DEVAWONGSE, POURACHATRA, vau-vau, là những người có tài-năng, có học thức, dẫu những tay bác-học, ngoại-giao, kỹ-sư của Âu-châu cũng phải trọng, như thế thì sánh làm sao được !

« Ấy đó, nước Nam tiến-hóa chậm là tại đây, chứ tại đâu ! ».

Quan Toàn quyền Varenne.

Quan Toàn quyền VARENNE trước khi xuống tàu có bày tỏ chính-kiến ở Hội

Ủy-viên thuộc-địa tại Nghị-viện. Báo tây mới sang chuyển tàu vừa rồi có lược-thuật lại mấy cái ý-kiến lớn của ngài như sau này.

Điều ngài chú-ý thứ nhất là nghĩ cách lợi dụng những kẻ học-thức tân-tiến trong dân Đông-Pháp, khiến cho những người có tài-năng đều có việc dùng tương-đương cả, không đến nỗi bỏ không vô-ích.

Chính-sách đối với dân bản-xứ thời cổ làm sao giúp cho người ta được tiến-hóa ở trong cái phạm vi văn hóa và chủng-tộc của người ta, cách đó đã nghiệm ra đặc-thể hơn cả. Sự cho người bản-xứ nhập tây-tịch, phải coi là một cách đặc-biệt, chứ không cho là một sự thông-thường được.

Thuộc về các lợi-quyền chính-trị và các nghị-hội của dân thời ý-kiến quan Toàn-quyền là cần phải dần dần tăng thêm các quyền ấy và mở rộng các hội ấy ra. Đó cũng là một cái nghĩa-vụ của nhà-nước Bảo-hộ. Nhưng mà ý ngài cũng lại muốn thi-hành cho cẩn-thận, muốn chầm-chước và giữ-gìn lấy những cái chế-độ cũ trong dân, cho nên hiện nay ngài hăng muốn tăng thêm chức-quyền cho các hội-nghị đã có rồi, chứ chưa muốn đặt ra hội-nghị mới với.

Quan Toàn-quyền lại tỏ ý muốn ra sức phòng bị cho Đông-Pháp khỏi nhiệm phải những cái chủ-nghĩa tai-hại ở ngoài truyền-bá lại; cho nên ngài đã xin với chính-phủ Đại-Pháp cho ngài đủ cách để phòng-bị, không đợi cho đến khi nguy-hiểm đã tới rồi mới tìm phương đối-phó.

Về đường tài-chính thời ngài sẽ theo một cái chính-sách tiết kiệm, giảm phí, nhưng mà phạm các công-trình lớn có

quan-hệ đến đường kinh-tế của bản-xứ thời vẫn hết sức kinh doanh, chứ không để cho phải đình đốn.

—Lại ở tiệc tiền mừng của hội Nhân quyền có mời đến ba trăm người trong các giới đến dự, quan Toàn-quyền cũng diễn-thuyết về chính-sách ngài ở Đông-Pháp, đại-khải ngài nói rằng :

«Phép Chính-trị của Đại-Pháp ở Đông-Pháp cần phải sửa đổi lại ngay cho công-bằng và rộng-rãi hơn, nếu không thì nhất-đán có thể xảy ra những việc như ở Ma-lặc-kha bây giờ, vạn-nhất mà đến như thế, thì cứ binh-lực của nước Pháp ở đây không tài nào đủ mà đối-phó cho được.

« Sự nghiệp của nước Pháp ở Đông-Pháp bây giờ là một cái sự-nghiệp rất quan-trọng và rất khó-khăn, tôi tưởng để không có nhà chính-trị nào phải giải-quyết một cái vấn-đề thuộc về tâm-lý chính-trị rất khó-khăn như cái vấn-đề về sau này : Là đem hai dân-tộc, hai văn-hóa, rất xa nhau, rất khác nhau, mà làm cho điều-hòa dung-hóa được với nhau, đổi cái chính-sách xâm-lược ra chính-sách hiệp-lực, đổi sự cưỡng-chế ra sự tự-do, cải-lương, chầm-chước, chỉnh-đốn, điều-hòa, đem những cái chế độ mới vào một cái xã-hội cũ ; ấy công việc phải làm như thế đấy.»

..

Giới-thiệu sách mới

—Quyền-Địa-dư các tỉnh Bắc-kỳ của ông Đỗ Đình-Nghiêm, Ngô Vi-Liễn, Phạm Văn-Thur soạn ra, xuất-bản lần này là lần thứ hai, có chỉnh-đính lại kỹ-càng, phạm địa thế, dân-cư, sơn-xuyên, thổ-sản, có những gì đều kể tường cả, và lại có kể rõ cả các nơi danh-lam, cổ-tích, khắp cả trong địa-thể các tỉnh Bắc-kỳ, mỗi

tính lại có một bản địa-đồ, vẽ cực rõ-ràng tường-tận, do nhà hội-họa sở Địa-dư Đông-Pháp soạn vẽ ra, lần này kỹ-càng hơn lần trước nhiều. Quyền sách này không những đáng làm một quyền sách giúp cho các giáo-viên dạy về khoa địa-dư trong các trường học, mà lại giúp cho khách du-lich trong khi đi phông-cổ có thể khảo xét được các nơi

thắng-cảnh. Sách dày đến non một trăm rưỡi trang, bán tại hiệu Kim-đức-giang Hà-nội, giá 0\$ 75.

Thuyết Mạc. — Quyền *Thuyết Mạc* này ông Đinh Gia-Thuyết soạn ra, nói tường về dòng-dõi và sự-tích họ Mạc, chia ra làm 16 hồi, kê-cứu cũng kỹ-càng, in tại nhà in Mạc Đĩnh-Ju, sách dày hơn 100 trang, giá bán 0\$ 40.

CÁI-CHÍNH

Báo *Nam-Phong* số 97 vừa rồi, bản kịch *Tuyệt-hận-mộng* có mấy chỗ lầm sót, cải bổ sau này :

Trang 71, cột bên hữu, dòng cuối cùng, chữ *tiểu-thư*, đổi làm : *tiểu-tư*.

« 73, « tá, dưới dòng thứ 30 (cuối điệu *cấp-cấp-lệnh*), bổ thêm :

(Điệu Bức toán-tử)

*Hồ-thỉ bốn phương trời,
Anh-hùng nhiều sự'-nghiep.
Thả sức thi tài cuộc chiến-tranh,
Tà-dương qua mấy kiếp,
Ngựa thét gió tây-phong,
Cỏ hoa nghe đã khiếp.
Thắng bại sinh ra cũng việc thường,
Ba quân đừng cỡi giáp.*

Trang 74, cột bên tả, dòng thứ 24, chữ *tín ngưỡng*, đổi làm : *tín nghĩa*.

- « 31, « *tấu* đổi làm : *tấn* (tín).
 « 75, « 35, « *điện-hạ thánh triều* đổi làm : (*điệu-hạ thánh triều*)
 « « « *chinh là bài hát*, không phá lời nói.
 « 77, « 43, « *ái-ân*, đảo lên làm : *ân-ái*.
 « 77, « hữu, « 1, « *trắng-tàn*, đổi làm : *trắng-tròn*.
 « 81, « tá, « 9, « *mộ-đạo*, đổi làm : *ngộ-đạo*.
 « 82, « « 41, « *sống*, đổi làm : *hữu*.
 « 42, « *hữu*, đổi làm : *sống*.
 « hữu, « 42, « *duyên nợ*, đổi làm : *duyên vợ*.
 « 83, « tá, « 1, « *hồng-từ*, đổi làm : *hồng từ*.
 « 11, « *bó quân*, đổi làm : *hồ quân*
 « hữu, « 7, trên chữ *lệnh* bổ thêm : *tuán*.
 » 28, chữ *duyên nợ*, đổi làm : *trần mộng*.